

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 8 năm 2022

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 8 năm 2022

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Chương trình đào tạo đại học ngành Khoa học môi trường

(Kèm theo Quyết định số 1107/QĐ-ĐHKHTN ngày 28/4/2022 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học Môi trường)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TSKH. Vũ Hoàng Linh	Hiệu trưởng, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Trần Quốc Bình	Phó Hiệu trưởng, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Phó chủ tịch	
3	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải	Trưởng Khoa Môi trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Phó chủ tịch	
4	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên	Trưởng phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thư ký	
5	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng phòng Thanh tra, Pháp chế và ĐBCL	Thành viên	
6	TS. Nguyễn Thanh Bình	Trưởng phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Thành viên	
7	TS. Trần Mạnh Cường	Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ - Hành chính Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên	
8	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng phòng Phòng Đào tạo Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên	
9	PGS.TS. Hoàng Thị Minh Thảo	Trưởng phòng Khoa học - Công nghệ Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên	

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
10	PGS.TS. Trương Thanh Tú	Trưởng phòng Hợp tác và Phát triển	Thành viên	
11	ThS. Trần Tùng	Trưởng phòng Quản trị - Bảo vệ	Thành viên	
12	ThS. Lê Thị Vân	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Thành viên	
13	PGS.TS. Lê Trọng Vĩnh	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Thành viên	
14	TS. Trần Thiện Cường	Phó Trưởng Khoa Môi trường	Thành viên	
15	PGS.TS. Phạm Thị Thúy	Phó Trưởng khoa Môi trường	Thành viên	
16	PGS.TS. Hoàng Anh Lê	Trưởng Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường	Thành viên	
17	PGS.TS. Nguyễn Kiều Băng Tâm	Trưởng Bộ môn Sinh thái Môi trường, Khoa Môi trường	Thành viên	
18	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Minh	Trưởng Bộ môn Tài nguyên và Môi trường đất, Khoa Môi trường	Thành viên	
19	TS. Trần Văn Sơn	Trưởng Bộ môn Công nghệ Môi trường, Khoa Môi trường	Thành viên	
20	TS. Phạm Thị Thu Hà	Trưởng Bộ môn Môi trường và PTBV, Khoa Môi trường	Thành viên	
21	Phan Thị Hà Anh	Sinh viên K64 Khoa học Môi trường	Thành viên	

(Danh sách gồm 21 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	viii
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1.1. Đặt vấn đề	1
1.2. Tổng quan chung.....	3
1.2.1. Tổng quan về trường Đại học Khoa học Tự nhiên	3
1.2.2. Giới thiệu về khoa Môi trường.....	6
PHẦN 2. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	10
TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	10
Mở đầu.....	10
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học	10
Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.....	14
Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.	21
Kết luận tiêu chuẩn 1	25
TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	25
Mở đầu.....	25
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật	25
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....	29
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.	30
Kết luận Tiêu chuẩn 2	32
TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC ...	32
Mở đầu.....	32
Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR	33
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng	37
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp	41
Kết luận tiêu chuẩn 3	45
TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC	45
Mở đầu.....	45

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục có văn bản và được tuyên bố rõ ràng.....	46
Tiêu chí: 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....	48
Tiêu chí: 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.....	51
Kết luận tiêu chuẩn 4:.....	54
TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC	55
Mở đầu.....	55
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra	56
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học	61
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng	64
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.....	68
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	71
Kết luận tiêu chuẩn 5:.....	73
TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN	73
Mở đầu.....	73
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	74
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	78
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	81
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá	83
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	85
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	89

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	92
Kết luận tiêu chuẩn 6.....	95
TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN	96
Mở đầu.....	96
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	96
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai	102
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá	105
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	107
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	110
Kết luận tiêu chuẩn 7.....	113
TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC.....	113
Mở đầu.....	113
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật	114
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.	117
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.....	120
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.	123
Tiêu chí 8.5. Có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học....	125
Kết luận tiêu chuẩn 8.....	129
TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	129
Mở đầu.....	129
Tiêu chí: 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	130
Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	133

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	136
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	138
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật	142
Kết luận tiêu chuẩn 9.....	144
TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	145
Mở đầu.....	145
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.....	146
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....	149
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp CDR.....	152
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học	155
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến	160
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....	163
Kết luận về tiêu chuẩn 10	166
TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA.....	167
Mở đầu.....	167
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	168
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	171
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	173
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng	175
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	179
Kết luận tiêu chuẩn 11.....	182
PHẦN 3. KẾT LUẬN	184
PHỤ LỤC.....	193
Phụ lục 1. Quyết định thành lập và danh sách các thành viên Hội đồng tự đánh giá	194

Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo	203
Phụ lục 7a: bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo đánh giá theo Thông tư 04/2016	210
Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	213

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AUN	ASEAN University Network Mạng lưới các trường đại học ASEAN
AUN-QA	Quality Assurance for ASEAN University Network
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
BGH	Ban Giám hiệu
CNTT&TT	Công nghệ thông tin và Truyền thông
CDR	Chuẩn đầu ra
CSVC	Cơ sở vật chất
CT&CTSV	Chính trị và công tác sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CSGD	Cơ sở giáo dục
DAAD	Cơ quan trao đổi hàn lâm Đức
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐGN	Đánh giá ngoài
ĐHKHTN	Đại học Khoa học Tự nhiên
ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội
GDĐH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
HP	Học phần
HT&PT	Hợp tác và Phát triển
HTSV	Hỗ trợ sinh viên
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KHMT	Khoa học môi trường
KQĐG	Kết quả đánh giá
KQHT	Kết quả học tập
KTV	Kỹ thuật viên
MC	Minh chứng
NAFOSTED	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia
NCKH	Nghiên cứu khoa học

NCV	Nghiên cứu viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PDCA	Plan - Do - Check - Act Lập kế hoạch - triển khai - rà soát và cải tiến
PPDH	Phương pháp dạy học
PTN	Phòng thí nghiệm
PVCD	Phục vụ cộng đồng
QT&BV	Quản trị và Bảo vệ
SV	Sinh viên
TCCB-HC	Tổ chức cán bộ - Hành chính
TDTT	Thể dục thể thao
TĐG	Tự đánh giá
TH-TN	Thực hành - thí nghiệm
TTPC&ĐBCL	Thanh tra pháp chế và đảm bảo chất lượng
TTTV	Thông tin thư viện
VNU	Vietnam National University, Hanoi
VNU-CSS	Trung tâm hỗ trợ sinh viên của ĐHQGHN

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo luôn là vấn đề quan trọng nhất của tất cả các trường đại học và hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo luôn là nhiệm vụ quan trọng nhất của ngành giáo dục Việt Nam. Hiện nay, công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là một trong những hoạt động được quan tâm hàng đầu của các cơ sở giáo dục đại học. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội đã có truyền thống trên 65 năm đào tạo trình độ đại học, đào tạo sau đại học. Nhà trường luôn xác định chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Nhà trường; luôn coi công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo là một nhiệm vụ chiến lược. Nhà trường là trường đại học đầu tiên trong khu vực kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA).

Tự đánh giá chương trình đào tạo là một hoạt động quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong Nhà trường. Quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo với việc tự rà soát, tự xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo và hiệu quả của các hoạt động, Nhà trường đã xác định được những điểm mạnh, những vấn đề còn tồn tại, từ đó thực hiện các hoạt động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời, kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cũng là cơ sở để Nhà trường khẳng định sự cam kết cải tiến chất lượng với xã hội, nhất là sau kỳ thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đại học của ngành Khoa học môi trường theo AUN-QA năm 2015.

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Khoa học môi trường theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung tự đánh giá chương trình đào tạo bao gồm 11 nội dung: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Bản mô tả chương trình đào tạo; Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của người học; Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; Đội ngũ nhân viên; Người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

Mục đích tự đánh giá: Nhà trường thực hiện tự rà soát, tự xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo và hiệu quả của các hoạt động cải tiến chất lượng, nhằm cải tiến hiệu quả, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Khoa học môi trường.

Phạm vi tự đánh giá: Nhà trường triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Khoa học Môi trường thuộc Khoa Môi trường theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng tự đánh giá: Để triển khai hoạt động tự đánh giá, Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân Khoa học môi trường theo Quyết định số 1107/QĐ-ĐHKHTN ngày 28/4/2022 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học Môi trường. Hội đồng tự đánh giá gồm có 21 thành viên, giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá là Ban Thư ký gồm có 06 thành viên và 11 nhóm chuyên trách gồm có 80 lượt thành viên.

Quy trình tự đánh giá:

- Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;
- Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm chuyên trách;
- Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể từng nhóm;
- Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;
- Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Nhà trường để đọc và đóng góp ý kiến;
- Bước 9: Triển khai các hoạt động cải tiến sau khi hoàn thiện tự đánh giá.

Phương pháp và công cụ đánh giá: Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH và Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng.

Phương pháp mã hóa minh chứng:

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 12 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 8 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hnm.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- nm: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 01 đến hết (số hộp nhỏ hơn 10 thì n=0).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...).

Ví dụ:

H01.01.02.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 01.

H11.11.01.08: là minh chứng thứ 8 của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 11, được đặt ở hộp 11.

1.2. Tổng quan chung

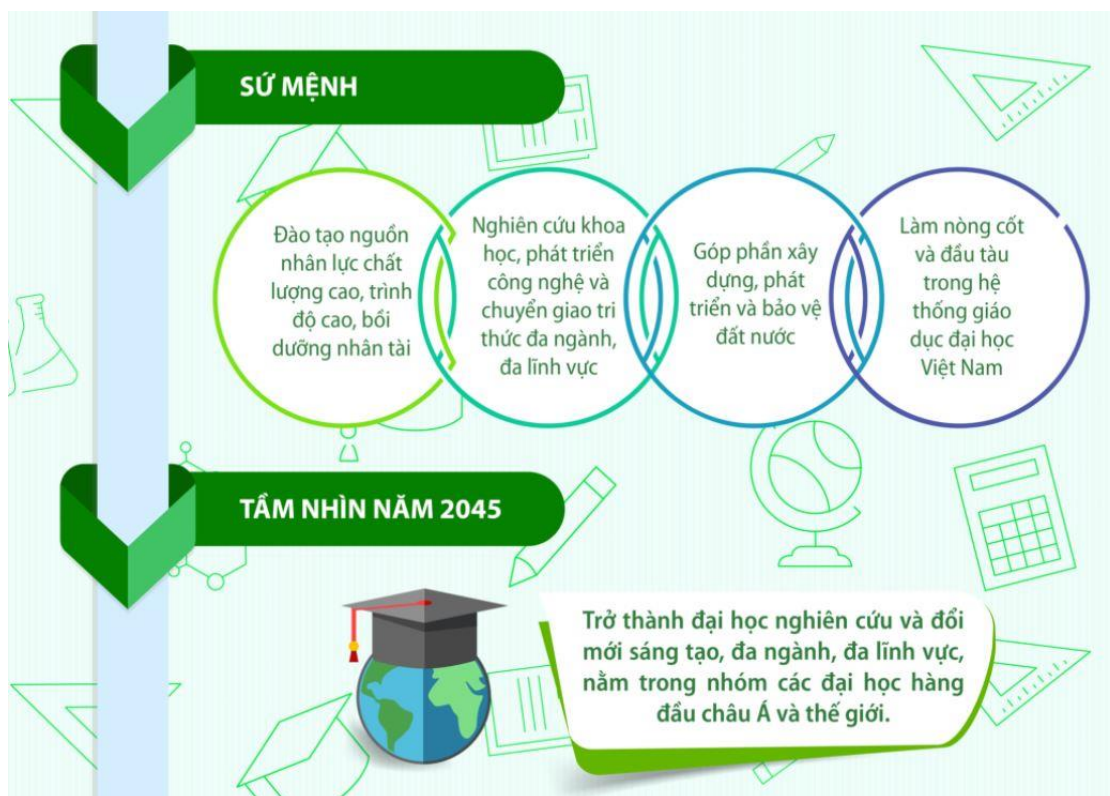
1.2.1. Tổng quan về trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, giữ vai trò nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, Đại học Đông Dương (1906), Đại học Quốc gia Việt Nam (1945), Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956) và tháng 12 năm 1993, ĐHQGHN được tái cơ cấu tổ chức dựa vào sự hợp nhất của Đại học Tổng hợp Hà Nội và các đại học hàng đầu khác ở Hà Nội. Ngày nay, ĐHQGHN giữ một vị trí đặc biệt trong hệ thống giáo dục đại học và sau đại học ở Việt Nam, hoạt động theo cơ chế đặc biệt được ban hành bởi Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam.

ĐHQGHN ngoài cơ quan ĐHQG còn có 8 trường đại học thành viên (do Thủ

tướng Chính phủ quyết định thành lập), 2 trường (do Giám đốc ĐHQGHN quyết định thành lập), 2 khoa trực thuộc, 7 viện nghiên cứu, 2 trung tâm đào tạo và nghiên cứu, 16 đơn vị phục vụ. Mục tiêu của ĐHQGHN là phát triển các trường đại học đa ngành chất lượng cao và kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng. ĐHQGHN hiện được xếp hạng top 801-1000 trong bảng đánh giá xếp hạng các trường đại học trên thế giới theo tiêu chuẩn QS (QS World University Ranking). Trong những năm qua, ĐHQGHN liên tục đứng đầu trong danh sách các trường đại học xếp hạng ở Việt Nam. Điểm xếp hạng của ĐHQGHN ngày càng gia tăng, thứ hạng tuyệt đối trong bảng xếp hạng trên thế giới cũng liên tục được nâng cao. Cụ thể, ở hai đợt xếp hạng 2019 và 2020, ĐHQGHN đứng trong nhóm 78,5% (2019) và 74,9% (2020) các trường đại học hàng đầu. Ở đợt xếp hạng 2021, ĐHQGHN vươn lên ứng trong nhóm 67,5% các trường đại học hàng đầu thế giới. Mới đây nhất, trong bảng xếp hạng QS Top 50 Under 50 2021 dành cho các trường đại học có thời gian thành lập dưới 50 năm, ĐHQGHN có mặt với vị trí trong nhóm 101-150 các trường đại học trẻ tuổi có chất lượng giáo dục hàng đầu trên thế giới

Sứ mệnh, tầm nhìn đến năm 2045 của ĐHQGHN thể hiện ở Hình 0.1.



Hình 0-1. Sứ mệnh và tầm nhìn của ĐHQGHN đến năm 2045

- Giá trị cốt lõi: Đổi mới sáng tạo - Trách nhiệm quốc gia - Phát triển bền vững;
- Khẩu hiệu hành động: Đạt đỉnh cao dựa vào tri thức (Excellence through Knowledge)

Trường ĐHKHTN là một đơn vị thành viên của ĐHQGHN. Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2022 đứng thứ 92 trên bảng xếp hạng các Đại học Châu Á, lần thứ 3 liên tiếp đứng trong nhóm 801-1000 các đại học tốt nhất toàn cầu và đứng thứ 1 trong các trường đại học của Việt Nam trong bảng xếp hạng UniRank. Năm 2017, trường ĐHKHTN được công nhận là trường đại học đầu tiên trong khu vực đạt chuẩn chất lượng cấp Trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá kiểm định chất lượng AUN-QA

. Trường đảm bảo kế tục, tiếp nối và phát huy truyền thống của gần 70 năm của Đại học Tổng hợp Hà Nội. Đây là nơi nhiều nhà khoa học tài năng và danh tiếng của Việt Nam đã được đào tạo. Hiện tại Trường có 8 Khoa, 1 trường THPT chuyên Khoa học Tự nhiên, nhiều đơn vị nghiên cứu, hơn 100 phòng thí nghiệm. Trường hiện có ba cơ sở chính: số 334 Nguyễn Trãi, số 19 Lê Thánh Tông và số 182 Lương Thế Vinh, Hà Nội. Cán bộ cơ hữu của Trường ĐHKHTN hiện có 667 cán bộ, trong đó có 369 là cán bộ giảng dạy đại học, 39 giáo viên trung học phổ thông chuyên, 18 GS, 100 PGS, 8 TSKH, 229 TS, 195 thạc sĩ, 3 Nhà giáo Nhân dân, 34 Nhà giáo ưu tú. Trong số đội ngũ cán bộ viên chức của Nhà trường, số giảng viên có trình độ Tiến sĩ chiếm trên 95%, giáo sư/phó giáo sư chiếm trên 30%. Trường đang tổ chức đào tạo 34 chương trình đào tạo bậc đại học, 46 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và 55 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ.

- Sứ mệnh Trường ĐHKHTN là: *Trường ĐHKHTN là trường đại học nghiên cứu, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.*

- Tầm nhìn: *Trở thành trường đại học nghiên cứu tiên tiến ở châu Á vào năm 2035.*

- Giá trị cốt lõi: *Chất lượng xuất sắc; Đổi mới và sáng tạo; Trách nhiệm xã hội cao; Hợp tác và thân thiện.*

- Khẩu hiệu hành động: *Sáng tạo, Tiên phong, Trách nhiệm xã hội.*

1.2.2. Giới thiệu về khoa Môi trường

Khoa Môi trường được thành lập năm 1995, là đơn vị đào tạo cấp Khoa chính thức đầu tiên trong cả nước và khu vực đào tạo bậc đại học và sau đại học về khoa học môi trường. Qua 27 năm xây dựng và phát triển, Khoa Môi trường đã trở thành đơn vị cấp Khoa hàng đầu trong cả nước về đào tạo cán bộ từ trình độ đại học, thạc sĩ đến tiến sĩ cũng như về nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực khoa học môi trường, công nghệ môi trường, khoa học và công nghệ thực phẩm, môi trường và an toàn lao động... Khi mới thành lập, Khoa chỉ có 18 cán bộ (trong đó có 1 giáo sư, 3 phó giáo sư, 8 tiến sĩ), đến nay Khoa Môi trường có 57 cán bộ cơ hữu, phân bổ trong 6 bộ môn, 1 phòng thí nghiệm và 5 phòng thí nghiệm chuyên đề. Trong số 57 cán bộ cơ hữu hiện tại, Khoa có 15 Phó giáo sư, 25 Tiến sĩ, 15 thạc sĩ và 02 cử nhân.

Từ khi thành lập đến nay, Khoa đã đào tạo cho xã hội một nguồn nhân lực lớn với chất lượng cao gồm: hơn 3500 cử nhân, 1300 thạc sĩ, gần 100 tiến sĩ. Trong những năm gần đây, quy mô đào tạo 600-1000 sinh viên, 50-100 học viên cao học và 30-50 nghiên cứu sinh.

Năm 2001, chương trình đào tạo cử nhân khoa học tài năng ngành Khoa học Môi trường (nay là CTĐT chất lượng cao) được bắt đầu đào tạo. Từ năm 2005, các chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành bắt đầu được đào tạo, gồm: Môi trường không khí, Môi trường đất và nước, Khoa học môi trường. Năm 2010, chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế trình độ đại học (CTĐT Tiên tiến) ngành Khoa học môi trường xây dựng và đào tạo.

Các hướng chuyên sâu trong CTĐT đại học ngành KHMT bao gồm: quản lý môi trường, môi trường đất, độc chất học môi trường và kiểm soát độc chất, môi trường nước, mô hình hoá môi trường và phát triển bền vững, môi trường biển, ô nhiễm không khí.

Với tiềm lực mạnh về đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất nên trong nhiều năm qua cán bộ Khoa Môi trường được Nhà nước, các cấp, các ngành giao cho chủ trì triển khai nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Chỉ tính từ năm 2010 đến nay, Khoa Môi trường đã và đang chủ trì thực hiện rất nhiều đề tài các cấp từ cơ sở đến cấp Nhà

nước, với tổng kinh phí mỗi năm khoảng từ 10-15 tỷ đồng (năm 2021 tổng kinh phí từ các hoạt động nghiên cứu đề tài các cấp, HĐ tư vấn, chuyển giao NCKH,... đạt trên 25 tỷ đồng). Hàng năm, Khoa Môi trường công bố trên dưới 70 bài báo trên các tạp chí quốc tế, 30-70 báo cáo khoa học trong nước và nhiều bài đăng tại các hội nghị khoa học quốc tế và trong nước, 5-10 sở hữu trí tuệ/giải pháp hữu ích. Khoa Môi trường đã thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ với nhiều Trường Đại học và Viện nghiên cứu trong nước và quốc tế (Hoa Kỳ, Thụy Điển, Đức, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Phần Lan, Hungary, Bỉ, Nga, Úc, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Indonesia, Thái Lan...).

Trong quá trình phát triển, các cán bộ trong Khoa Môi trường đã được nhiều khen thưởng, bao gồm:

- Về tập thể: Huân chương Lao động hạng Nhất (2020), Nhì (2015), Ba (2010), Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Bộ KH&CN; Bộ TN&MT; Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN; Cờ thi đua của Chính phủ/ĐHQGHN/Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giải thưởng môi trường quốc gia... và liên tục là tập thể lao động xuất sắc. Nhiều bộ môn, đơn vị trong Khoa được công nhận là tập thể Lao động xuất sắc, được tặng Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN.

- Cá nhân: 1 Giáo sư nguyên là cán bộ của Khoa được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân và 5 cán bộ ở Khoa được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú. Nhiều cán bộ trong Khoa được tặng thưởng Huân chương lao động, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, ĐHQGHN.

Cơ cấu tổ chức của Khoa Môi trường được mô tả ở Hình 0.2.

- Trưởng Khoa: PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải; Các phó trưởng Khoa: TS. Trần Thiện Cường, PGS.TS. Phạm Thị Thúy.

- Các đơn vị Bộ môn gồm: Bộ môn Quản lý môi trường: 5 cán bộ, Bộ môn Tài nguyên và Môi trường đất: 9 cán bộ, Bộ môn Sinh thái môi trường: 9 cán bộ, Bộ môn Công nghệ môi trường: 12 cán bộ, Bộ môn Môi trường và Phát triển bền vững: 6 cán bộ, Bộ môn Khoa học và Công nghệ thực phẩm: 7 cán bộ, Văn phòng Khoa: 3 cán bộ và Phòng thí nghiệm Nghiên cứu môi trường: 5 cán bộ.



Hình 0-2. Sơ đồ tổ chức của Khoa Môi trường

Các lĩnh vực nghiên cứu khoa học chính: Môi trường nước, quản lý các nguồn nước và xử lý nước ô nhiễm; Môi trường không khí, quản lý và xử lý khí thải - tiếng ồn; Các chất thải, xử lý và quản lý chất thải hướng tới kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn; Công nghệ môi trường xanh; Mô hình quản lý môi trường; Kiểm toán, quy hoạch, quan trắc, đánh giá tác động môi trường; Quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, các biện pháp xử lý và cải tạo đất ô nhiễm; Biến đổi khí hậu và an ninh môi trường; Hệ sinh thái và đa dạng sinh học; Phát triển bền vững và mô hình phát triển bền vững; Mô hình hoá môi trường; Năng lượng, kiểm soát chất phóng xạ trong môi trường; Biến đổi khí hậu và thích ứng với biến đổi khí hậu; Khoa học đất; Công nghệ chế biến thực phẩm; Công nghệ bảo quản thực phẩm; Kiểm nghiệm, kiểm soát và đảm bảo an toàn thực phẩm; Dinh dưỡng thực phẩm; Văn hóa ẩm thực và dịch vụ lễ hành; Kiểm soát an toàn môi trường, an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp.

Hợp tác đào tạo: Khoa đã có sự hợp tác trong công tác đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước như Đại học Indiana (Hoa Kỳ), Đại học Kitakyushu, (Nhật Bản), Đại học Moscow State (Nga), Mahasalakham (Thái Lan),... Khoa phối hợp với nhiều đơn vị trong nước hỗ trợ, hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học như: Khoa Môi trường thuộc Học viện Cảnh sát nhân dân, Viện Công nghệ môi trường, Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ - CRETECH (Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam), Sở TNMT các tỉnh thành phố...

Sứ mệnh: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển và chuyển giao tri thức hiện đại, khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực môi trường, an toàn và thực phẩm.

Tầm nhìn: Đến năm 2030 Khoa môi trường là đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu quốc gia về lĩnh vực môi trường, kỹ thuật môi trường, môi trường và an toàn lao động, phát triển bền vững, khoa học và công nghệ thực phẩm có uy tín và đạt trình độ tiên tiến khu vực Đông Nam Á.

Triết lý giáo dục:

Học để ứng dụng - Học từ thực tiễn/Learn to Apply - Learn from Practice

Khoa Môi trường đã và đang xây dựng chiến lược dạy và học tiên tiến, sáng tạo và cập nhật liên tục để đảm bảo chất lượng đào tạo; đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và sự phát triển bền vững.

Khẩu hiệu hành động: Chất lượng cao/High quality và Trách nhiệm xã hội/Social responsibility.

PHẦN 2. TỰ ĐÁNH GIÁ

TIÊU CHUẨN 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Chương trình đào tạo ngành KHMT được hình thành và phát triển theo suốt chiều dài lịch sử của Khoa Môi trường tính từ thời điểm thành lập ngày 21/10/1995 đến nay gần 27 năm, với nhiệm vụ đặc biệt được ĐHQGHN giao phó là kiến tạo một chương trình đào tạo uy tín, tiên phong và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực môi trường; bồi dưỡng được đội ngũ nhân lực chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về bảo vệ môi trường trong nước. Quán triệt tinh thần trên, KMT thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm đối với việc xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR); coi mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành KHMT là nền tảng để xây dựng chương trình và là “thước ngắm” cho công tác điều chỉnh để chương trình đào tạo ngày càng hoàn thiện hơn.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học

1) Mô tả

Thập niên cuối thế kỷ 20 chứng kiến những thành tựu trong phát triển kinh tế của đất nước, nhưng kèm theo đó là tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Trọng trách xây dựng một “lực lượng” có trình độ chuyên môn để giải quyết các vấn đề môi trường là vô cùng cấp thiết. Với thế mạnh là một đơn vị nghiên cứu truyền thống, đi đầu trong các chuyên môn có liên quan đến môi trường, ví như: địa chất, địa lý, khí tượng-thủy văn, khoa học đất, hóa học, sinh thái học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN), ĐHQGHN là một trong những đơn vị đứng ra lĩnh xướng việc xây dựng chương trình đào tạo khoa học môi trường (CTĐT-KHMT). Trong suốt chiều dài lịch sử, CTĐT đại học ngành KHMT trải qua 6 lần điều chỉnh lớn (vào các năm 2007, 2009, 2012, 2015, 2019 và 2022) và ngày càng hoàn thiện hơn phù hợp với bối cảnh xã hội theo từng giai đoạn, phát huy tốt hơn sứ mạng của

trường ĐHKHTN,ĐHQGHN và tiến tới đạt chuẩn Châu Á [H01.01.01.01]. Trong những lần điều chỉnh, các mục tiêu của CTĐT ngành KHMT cũng được điều chỉnh (theo hướng chi tiết hóa hơn) và phản ánh chi tiết trong khung chương trình trong các giai đoạn khác nhau [H01.01.01.02], được đăng tải trên trang web của Trường/Khoa [H01.01.01.03], được lưu hành trong xã hội [H01.01.01.04 và thường xuyên được lấy ý kiến phản hồi của cựu giáo chức, cựu sinh viên Khoa Môi trường [H01.01.01.05].

Mục tiêu chung của CTĐT-KHMT cung cấp trong phần giới thiệu chung của CTĐT, cụ thể là *trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, giải quyết những vấn đề phức tạp, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức và giải quyết những vấn đề thuộc ngành KHMT*. Mục tiêu chung được chi tiết hóa thông qua các mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, tự chủ - tự chịu trách nhiệm và thái độ.

- Về kiến thức: Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cơ sở của ngành Môi trường; phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu, giảng dạy và điều hành trong lĩnh vực quản lý môi trường, sinh thái môi trường, độc học môi trường, các thành phần môi trường đất, nước, không khí;
- Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên các kỹ năng phân tích, phát hiện, đánh giá và dự báo những vấn đề môi trường đã, đang và sẽ xảy ra, năng lực thực thi, tổ chức các công cụ quản lý, biện pháp giảm thiểu, khắc phục, phòng tránh những tác động có hại đến môi trường;
- Tự chủ và chịu trách nhiệm: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, giải quyết những vấn đề phức tạp, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm;
- Về thái độ: Đào tạo cử nhân Khoa học môi trường có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng phục vụ cộng đồng, nắm vững kiến thức hiện đại về tài nguyên môi trường phục vụ sự phát triển bền vững.

Với các mục tiêu nêu trên, sinh viên ngành KHMT sau khi tốt nghiệp có trình

độ cao, “có đủ năng lực nhận công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước, môi trường công nghiệp, công nghệ cao, các trường đại học, viện nghiên cứu, khu bảo tồn, các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ về lĩnh vực môi trường; triển khai và tham gia nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong các trường đại học, viện nghiên cứu và cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, công ty”. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Khoa học môi trường có đủ năng lực để tiếp tục học sau đại học tại các trường đại học uy tín trên thế giới cũng như trong nước.

Các mục tiêu của CTĐT đại học ngành KHMT đã được xây dựng trên cơ sở tầm nhìn và chiến lược phát triển của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN. Trong những năm vừa qua, hàng loạt các văn kiện có tính chất bước ngoặt đã được ban hành và áp dụng trong ĐHQGHN nhằm tiến tới một hệ thống giáo dục tiên tiến, đạt chuẩn khu vực và duy trì vị thế là Đại học số 1 tại Việt Nam. Với sứ mạng “*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức đa ngành, đa lĩnh vực; góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; làm nòng cốt và đầu tàu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam*” [H01.01.01.06], ĐHQGHN đã hoàn tất quá trình chuyển đổi từ hệ thống đào tạo cũ sang hệ thống giáo dục mới theo chuẩn đầu ra - lấy người học là trung tâm và hướng đến mục tiêu đào tạo ra những cử nhân khoa học có năng lực toàn diện. Những mục tiêu này cũng hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Môi trường là “*Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước; Khẩu hiệu hành động: sáng tạo, tiên phong, trách nhiệm xã hội*” [H01.01.01.07]. Sứ mạng, tầm nhìn của Khoa Môi trường được đưa ra nhằm góp phần cụ thể hóa đặc thù của các ngành trong Khoa Môi trường là tính cơ bản, liên ngành và định hướng ứng dụng cũng như thực hiện sứ mạng, tầm nhìn và khẩu hiệu hành động cụ thể, có tính chất đặc thù riêng của Trường ĐHKHTN (đơn vị cấp 2 của ĐHQGHN).

Những mục tiêu của CTĐT ngành KHMT cũng được xây dựng trên cơ sở thực hiện mục tiêu cụ thể theo Điều 5, mục 2b Luật Giáo dục đại học (2012) “*Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc*

lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”, nguyên tắc đảm bảo yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực nghiên cứu, sáng tạo mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo các Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT và 04/2016/TT-BGDĐT và Quyết định số 1982/QĐ-TTg phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam. Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành KHMT hiện nay hoàn toàn logic, phù hợp với Luật Giáo dục hiện hành “*phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế*”. Như vậy, có thể thấy khung chương trình đào tạo (KCTĐT) ngành KHMT đảm bảo phù hợp với Luật Giáo dục, phản ánh đầy đủ sứ mạng, tầm nhìn của ĐHQGHN nói chung và Trường ĐHKHTN nói riêng.

Trong quá trình xây dựng và thực hiện, mục tiêu của CTĐT được định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm khảo sát, đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường lao động đối với nhân lực trong lĩnh vực Môi trường. Những yêu cầu của thị trường lao động được phản ánh trong mục tiêu đào tạo của Khoa và của CTĐT. Khoa Môi trường cũng thường xuyên tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là các nhà tuyển dụng để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu của CTĐT nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2) Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành KHMT được điều chỉnh theo thời gian (2015, 2019 và 2022) và ngày càng chi tiết hóa. Việc điều chỉnh này là công khai và tuân thủ đầy đủ các quy định chặt chẽ và nhất quán của Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, với động lực phát triển mạnh mẽ, hướng tới đạt chuẩn khu vực/quốc tế.

3) Tồn tại

Phương thức lấy ý kiến của các bên liên quan về đánh giá mục tiêu của CTĐT chưa được tối ưu. Ví dụ: việc lấy thông tin qua bảng hỏi giấy (hard copy) hoặc điền biểu trực tuyến (form online) còn chưa nhất quán và gây mất thời gian để đồng bộ và

xử lý thông tin. Trong giai đoạn giữa 2 lần điều chỉnh gần nhất từ 2019 đến 2022, các phương thức và tần suất lấy ý kiến các bên liên quan cũng bị hạn chế do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục chuẩn hóa quy trình và phương thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; hướng đến phương thức điền biểu trực tuyến (form online) để thuận lợi trong xử lý thông tin và phù hợp với bối cảnh khuyến khích chuyển đổi số. Trong những lần điều chỉnh sắp tới sẽ tăng cường hơn nữa việc lấy ý kiến của các bên liên quan.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1) Mô tả

CĐR của CTĐT đại học ngành KHMT là một trong những “thước ngắm” quan trọng để xây dựng cấu trúc chương trình, do vậy được xây dựng một cách bài bản, kế thừa từ các CTĐT tiền nhiệm và tham chiếu/cập nhật những chương trình tiên tiến với sự điều chỉnh cho phù hợp với chuyển biến của xã hội về nhu cầu nguồn nhân lực. Qua các lần điều chỉnh gần đây (2015, 2019 và 2022), CĐR được bổ sung và điều chỉnh theo hướng chi tiết hóa (đặc biệt là các kỹ năng chuyên môn) [H01.01.02.01]. CĐR của CTĐT ngành KHMT được mô tả chi tiết trong Phần II của CTĐT và được chi tiết hóa thành các nhóm: CĐR về kiến thức (gồm 5 phụ nhóm: kiến thức chung, kiến thức theo lĩnh vực, kiến thức khối ngành, kiến thức nhóm ngành và kiến thức ngành); CĐR về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng bổ trợ (gồm 2 phụ nhóm kỹ năng chuyên môn và kỹ năng bổ trợ); CĐR về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm; CĐR về phẩm chất đạo đức (gồm 3 phụ nhóm: đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội); CĐR về vị trí việc làm có thể đảm nhận; và CĐR về học tập suốt đời. Nội dung cụ thể của các CĐR như sau:

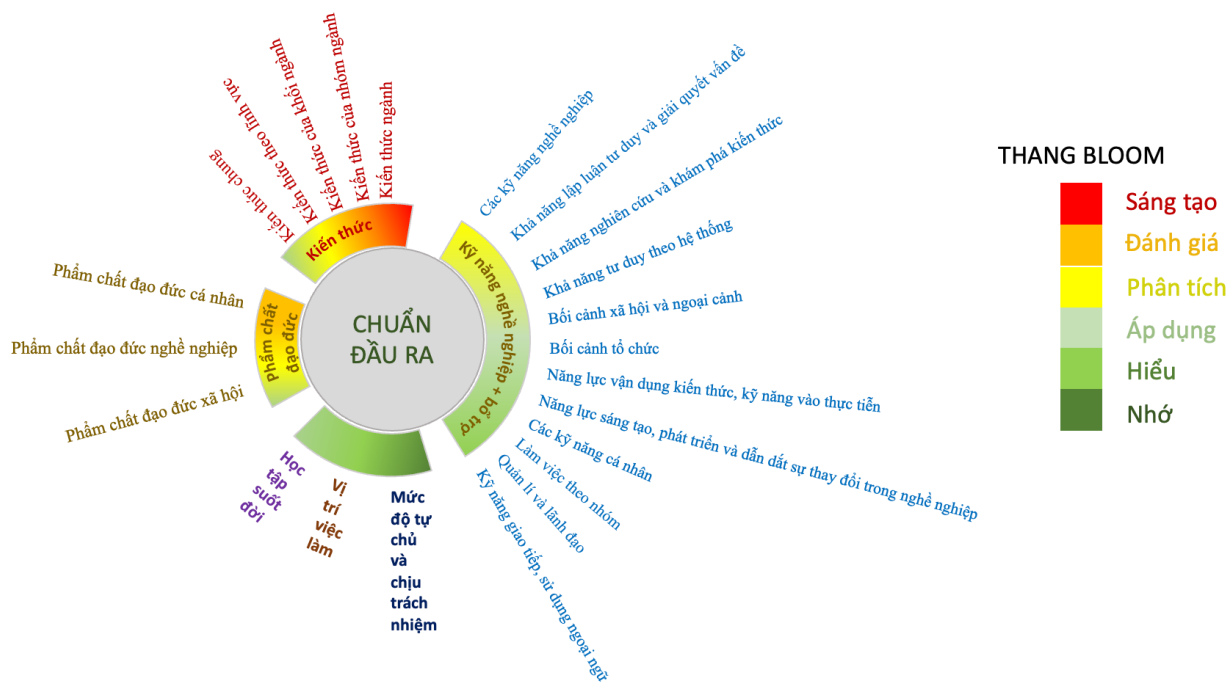
Chuẩn đầu ra		Nội dung
1. Về kiến thức	1.1. Kiến thức chung	Nắm được bối cảnh và tư tưởng đường lối của Nhà nước Việt Nam được truyền tải trong khối kiến thức chung và vận dụng vào nghề nghiệp và cuộc sống; Hiểu kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
	1.2. Kiến thức theo lĩnh vực	Hiểu và áp dụng các kiến thức trong lĩnh vực khoa học tự nhiên làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho khối ngành Khoa học trái đất và môi trường; Hiểu về cách mạng công nghiệp 4.0 với nền tảng rộng và mức độ thích ứng cao; Vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
	1.3. Kiến thức của khối ngành	Áp dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành môi trường làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Khoa học môi trường.
	1.4. Kiến thức của nhóm ngành	Áp dụng và phân tích các kiến thức về khoa học môi trường, tài nguyên thiên nhiên để luận giải các vấn đề lý luận, thực tiễn trong lĩnh vực Khoa học môi trường; Lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.
	1.5. Kiến thức ngành	Áp dụng kiến thức ngành khoa học môi trường để hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và tổng hợp các phương án, dự án trong lĩnh vực Khoa học môi trường; Áp dụng kiến thức lý thuyết, thực tế, thực tập và quản lý trong lĩnh vực Khoa học môi trường để hội nhập nhanh với môi trường công tác trong tương lai hoặc có thể được đào tạo cao hơn ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ; Áp dụng kiến thức về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

2. Về kỹ năng	2.1. Kỹ năng chuyên môn	<i>Các kỹ năng nghề nghiệp:</i> Cử nhân ngành Khoa học môi trường có khả năng thực hành và điều chỉnh các các kỹ năng làm việc, có khả năng làm việc độc lập; Kỹ năng giải quyết các vấn đề phức tạp; Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
		<i>Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề:</i> Phát hiện tổng quát hóa vấn đề, phân tích, đánh giá, lập luận, xử lý thông tin, phân tích định lượng các vấn đề về chuyên môn Khoa học môi trường; Đưa ra được giải pháp và kiến nghị đối với vấn đề chuyên môn.
		<i>Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức:</i> Phát hiện vấn đề, tìm kiếm tài liệu, thu thập thông tin, kỹ năng triển khai nghiên cứu, tham gia giải quyết các vấn đề thực tế.
		<i>Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh:</i> Hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình về sự phát triển của ngành. Nắm được các quy định của xã hội đối với kiến thức chuyên môn; Hiểu các vấn đề, giá trị của thời đại và bối cảnh toàn cầu.
		<i>Bối cảnh tổ chức:</i> Hiểu được văn hóa, kế hoạch và mục tiêu phát triển của tổ chức; Vận dụng kiến thức được trang bị phục vụ có hiệu quả trong doanh nghiệp.
		<i>Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn:</i> Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào thực tiễn; Vận dụng các định nghĩa, khái niệm cơ bản làm nền tảng, hình thành ý tưởng liên quan đến chuyên môn hoặc quản lý các dự án trong lĩnh vực Khoa học môi trường.
		<i>Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp:</i> Xây dựng được mục tiêu cá nhân, động lực

		làm việc, phát triển cá nhân và sự nghiệp, có đủ kiến thức và năng lực để tiếp tục theo học ở các bậc cao hơn.
	2.2. Kỹ năng hỗ trợ	<p><i>Các kỹ năng cá nhân:</i> Sẵn sàng đương đầu với thử thách, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc; Tư duy sáng tạo và tư duy phản biện; Biết cách quản lý thời gian và nguồn lực, thích ứng với sự phức tạp của thực tế, tự học, tự quản lý bản thân, sử dụng thành thạo công cụ máy tính phục vụ chuyên môn và giao tiếp văn bản, hòa nhập cộng đồng và luôn có tinh thần tự hào, tự tôn; Có kỹ năng xây dựng mục tiêu cá nhân.</p> <p><i>Làm việc theo nhóm:</i> Có kỹ năng làm việc theo nhóm và thích ứng với sự thay đổi của các nhóm làm việc; Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p><i>Quản lý và lãnh đạo:</i> Có khả năng hình thành nhóm làm việc hiệu quả, thúc đẩy hoạt động nhóm và phát triển nhóm; có khả năng tham gia lãnh đạo nhóm. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p><i>Kỹ năng giao tiếp:</i> Cử nhân Khoa học môi trường có các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp bằng văn bản, qua thư điện tử/phương tiện truyền thông, có chiến lược giao tiếp, có kỹ năng thuyết trình về lĩnh vực chuyên môn; Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</p> <p><i>Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ:</i> Cử nhân Khoa học môi trường có khả năng sử dụng ngoại ngữ (một trong các thứ tiếng: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng</p>

		<p>Trung) thành thạo với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; kỹ năng sử dụng Tiếng Anh chuyên ngành.</p> <p><i>Các kỹ năng bổ trợ khác:</i> Tự tin trong môi trường làm việc quốc tế, kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp; luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực khoa học; có kỹ năng và khả năng ứng dụng tin học.</p>
3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm		<p>Sinh viên ngành Khoa học môi trường có năng lực tự chủ cao, có khả năng hoạt động và nghiên cứu độc lập. Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc và dám làm dám chịu trách nhiệm đối với các công việc được giao;</p> <p>Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</p>
4. Về phẩm chất đạo đức	4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân	Có phẩm chất đạo đức tốt, lễ độ, khiêm tốn, nhiệt tình, trung thực, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.
	4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	Có thái độ đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm trong công việc, đáng tin cậy trong công việc, nhiệt tình và say mê công việc, yêu ngành, yêu nghề, không ngại khó ngại khổ.
	4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội	Có trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao. Có ý thức bảo vệ tổ quốc, đề xuất sáng kiến, giải pháp

		và vận động chính quyền, nhân dân tham gia bảo vệ tổ quốc.
5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp		Sinh viên ngành Khoa học môi trường sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực nhận công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước, môi trường công nghiệp, công nghệ cao, các trường đại học, viện nghiên cứu, khu bảo tồn, các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ về lĩnh vực môi trường; triển khai và tham gia nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong các trường đại học, viện nghiên cứu và cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, công ty.
6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp		Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Khoa học môi trường đủ điều kiện để học sau đại học tại các trường đại học uy tín trên thế giới cũng như trong nước; Được ưu tiên xét tuyển vào bậc sau đại học tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và các Trường, Khoa thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; Có khả năng tự cập nhật, bổ sung kiến thức mới thông qua tự học.



Hình 1-1. Mức độ đạt được của các nội dung trong chương trình đào tạo chuẩn đầu ra theo thang cấp độ tư Bloom

Nội dung CTĐT đại học ngành KHMT được thiết kế để hướng người học đến các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và đạo đức, đồng thời giúp người học có năng lực giải quyết khó khăn sau khi tốt nghiệp và bắt đầu khởi nghiệp. Vì vậy, CĐR bao hàm đầy đủ các phương diện, từ kiến thức đến kỹ năng, từ phẩm chất đạo đức đến năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, từ vị trí nghề nghiệp đến khuyến khích học tập suốt đời [H01.01.02.02]. Các CĐR được chi tiết hóa nhằm bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR về kiến thức được chuyên biệt hóa theo cấu trúc CTĐT với các mô đun riêng biệt: kiến thức chung, kiến thức theo lĩnh vực, kiến thức theo khối ngành, kiến thức nhóm ngành và kiến thức ngành (đây là kiểu cấu trúc CTĐT chung ở ĐHQGHN). CĐR về kiến thức được thiết kế với mức độ yêu cầu tăng dần (theo thang phân loại tư duy Bloom). Song hành với các kỹ năng về kiến thức là việc bổ trợ các kỹ năng nghề nghiệp giúp người học phát triển toàn diện hơn. Nhóm CĐR này gồm có 12 kỹ năng cụ thể hướng tới việc hoàn thiện người học một cách toàn diện. Những kỹ năng này được mô tả sẽ góp phần giúp người học tăng cường khả năng tiếp thu kiến thức, có khả năng kết nối kiến thức được học với thực tiễn, có khả năng chuyển hóa, phát triển

bản thân để nắm bắt được các cơ hội phát triển nghề nghiệp và sự nghiệp trong tương lai, có năng lực và khát vọng cống hiến cho lĩnh vực học tập - ‘nghiên cứu và bảo vệ môi trường’. Bên cạnh đó, CTĐT cũng bao gồm cả các CĐR về đạo đức (gồm đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp), mức độ tự chủ/chịu trách nhiệm và học tập suốt đời. Những CĐR này nhằm hỗ trợ tạo ra một thế hệ người học không chỉ có năng lực chuyên môn tốt, mà còn có kỹ năng bổ trợ, tự chủ, có đạo đức và trách nhiệm xã hội. Toàn bộ các CĐR nêu trên đều được tích hợp đến toàn bộ các học phần trong CTĐT (ma trận CĐR) [H01.01.02.02]. Vì thế, mỗi một học phần đều có đóng góp để đạt được CĐR, mặt khác CĐR chi phối đến các hoạt động chi tiết của từng học phần trong CTĐT.

2) Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành KHMT có tính bao quát, đa diện (Hình 1-1 Các CĐR được tích hợp vào từng học phần và được đánh giá ở nhiều mức độ khác nhau (theo thang Bloom) với đích đến cuối cùng là giúp người học có năng lực toàn diện, có khả năng thích ứng tốt trong môi trường làm việc đa dạng, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3) Tồn tại

CĐR của CTĐT ngành KHMT còn phân nhánh, chia nhỏ làm nhiều chuẩn đầu ra, ảnh hưởng không nhỏ đến sự ghi nhớ của các bên liên quan.

4) Kế hoạch hành động

KMT sẽ tăng cường thảo luận, khảo sát và phân tích để điều chỉnh các CĐR nhằm nhóm gộp các CĐR để dễ ghi nhớ, đồng thời khảo sát cập nhật nhu cầu xã hội để làm tốt hơn nữa việc gắn kết giữa nhu cầu xã hội và khả năng đáp ứng trên CĐR của chương trình.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1) Mô tả

Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành KHMT được thiết kế một cách rõ ràng,

có hệ thống từ việc xác định mục tiêu, xây dựng CĐR đến xây dựng nội dung của CTĐT để đáp ứng chuẩn đầu ra. CTĐT đại học ngành KHMT được ban hành và triển khai lần đầu tiên từ năm 1993 và đến năm 2012 được chính thức được điều chỉnh từ *CTĐT ngành KHMT theo tín chỉ thành CTĐT theo CĐR*. Đây có thể xem là một trong những bước ngoặt lớn của CTĐT ngành KHMT khi các CĐR được tích hợp và trở thành “kim chỉ nam” cho hoạt động tái điều chỉnh và tái thiết kế lại khung chương trình [H01.01.03.01]. CTĐT năm 2015 đã đạt được đánh giá kiểm định chất lượng theo AUN-QA [H01.01.03.02]. Trong 5 năm trở lại đây, Khung CTĐT ngành KHMT đã trải qua 02 lần điều chỉnh lớn vào các năm 2019 [H01.01.03.03] và năm 2022 [H01.01.03.04] cùng với những điều chỉnh nhỏ (liên quan đến các học phần cụ thể) diễn ra hàng năm [H01.01.03.05]. Các nội dung thay đổi chính CĐR của KCTĐT 2019, 2022 so với KCTĐT 2015 như sau:

- Bổ sung yêu cầu kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào CĐR kiến thức chung (CĐR 1.1)
- Bổ sung yêu cầu hiểu về cách mạng 4.0 với nền tảng rộng và mức độ thích ứng cao, vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc vào CĐR kiến thức theo lĩnh vực (CĐR 1.2).
- Bổ sung yêu cầu về khả năng lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể vào CĐR kiến thức nhóm ngành (CĐR 1.4).
- Bổ sung yêu cầu áp dụng kiến thức về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn vào CĐR kiến thức ngành (CĐR 1.5).
- Kỹ năng nghề nghiệp được điều chỉnh nội dung và đưa vào mục kỹ năng chuyên môn (CĐR 2.1). Chuyển vị trí các nội dung của mục khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp vào mục kỹ năng chuyên môn (CĐR 2.1). Các nội dung bao gồm khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề, khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức, bối cảnh xã hội và ngoại cảnh, bối cảnh tổ chức, năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp.
- Những nội dung bổ sung, thay đổi trong mục kỹ năng bổ trợ (CĐR 2.2): Đối với các kỹ năng cá nhân bổ sung yêu cầu về kỹ năng xây dựng mục tiêu cá

nhân; Đối với kỹ năng làm việc theo nhóm, bổ sung yêu cầu kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; Đối với kỹ năng quản lý và lãnh đạo, bổ sung yêu cầu kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác; Đối với kỹ năng giao tiếp, bổ sung yêu cầu về kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp; Đối với kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ đã bổ sung yêu cầu cử nhân Khoa học môi trường có khả năng sử dụng ngoại ngữ (một trong các thứ tiếng: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung) thành thạo với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Các kỹ năng mềm khác được đổi tên thành các kỹ năng bổ trợ khác.

Những điều chỉnh CĐR của CTĐT đã thực hiện có thể xuất phát từ chỉ đạo của ĐHQGHN/ ĐHKHTN, từ nội tại KMT (giảng viên hoặc thảo luận tại các cuộc họp/hội thảo nội bộ) hoặc xuất phát từ phản ánh trực tiếp hay gián tiếp từ các bên liên quan, và đặc biệt là các khuyến nghị cải tiến nâng cao chất lượng của hoạt động kiểm định theo AUN-QA, kế hoạch hành động cải tiến chất lượng của đơn vị đào tạo [H01.01.03.06]. Để nâng cao tính thực tiễn của chương trình đào tạo, CĐR của CTĐT thường xuyên được tham khảo ý kiến đánh giá của các nhà khoa học ở các cơ quan bên ngoài và các nhà tuyển dụng [H01.01.03.07]. Với tư duy cởi mở, KMT đã thúc đẩy việc thực thi định kỳ việc điều chỉnh CTĐT, trong đó luôn chú trọng vào điều chỉnh CĐR, dựa trên những phản hồi từ các bên liên quan (các chuyên gia trong ngành, sinh viên, cựu sinh viên và các cơ quan, tổ chức xã hội khác). CTĐT đại học ngành KHMT hiện hành khi rà soát, hoàn thiện cũng được đối sánh với các cơ sở giáo dục có cùng ngành đào tạo KHMT ở trong và ngoài nước như Đại học Indian (Hoa Kỳ), Viện Công nghệ Massachusetts (Hoa Kỳ), Trường ĐHKHTN, ĐHQG TP Hồ Chí Minh để làm rõ được điểm mạnh về nét đặc thù riêng, tính chuyên biệt (leading university) và đảm bảo tính cập nhật, hiện đại, phù hợp với các quy định chung trước khi Nhà trường ra quyết định ban hành. Có thể thấy được, đây là yếu tố then chốt đảm bảo CTĐT luôn bắt kịp nhu cầu, đòi hỏi từ xã hội. Trong suốt quá trình tổ chức đào tạo, CTĐT đã nhận được rất nhiều phản hồi tích cực từ phía các nhà tuyển

dụng về các sản phẩm đào tạo/sinh viên [H01.01.03.09], và đây là minh chứng rõ nét về sự linh hoạt của khung chương trình (Khoa và Nhà trường) nhằm thích ứng tốt với những chuyển biến trong xã hội nói chung và lĩnh vực giáo dục nói riêng. Việc điều chỉnh CTĐT nói chung và CDR của CTĐT về cơ bản được thực hiện để phù hợp với những thay đổi của Luật Giáo dục hay các quy định mới của ĐHQGHN và dựa trên phản hồi từ các bên liên quan. Các CDR sau khi điều chỉnh được công bố công khai trên các website của Khoa và ĐHKHTN cùng với bản mô tả CTĐT.

2) Điểm mạnh

CDR được tham chiếu định kỳ từ các CTĐT của các cơ sở đào tạo uy tín quốc tế tại Mỹ (ĐH Indiana, Viện Công nghệ Massachusetts), vì vậy CDR của CTĐT có tính, đa dạng, hiện đại và tính quốc tế hóa.

3) Tồn tại

Mẫu phiếu lấy ý kiến các bên liên quan được thiết kế chưa chuyên biệt cho từng đối tượng cụ thể, đặc biệt là các nhà tuyển dụng. Tương tác với nhà tuyển dụng trong hai năm gần đây gặp nhiều hạn chế do dịch bệnh Covid-19.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

- KMT sẽ tiếp tục rà soát và điều chỉnh CDR của CTĐT theo một quy trình chặt chẽ, hợp lý và thống nhất giữa các cấp quản lý của ĐHQGHN dựa trên tham khảo thường xuyên ý kiến của tất cả các bên liên quan, các yêu cầu về đảm bảo chất lượng giáo dục, nhu cầu của thị trường lao động cũng như phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam.

- Thường xuyên tham vấn ý kiến các bên liên quan bằng các mẫu phiếu được thiết kế phù hợp cho từng đối tượng, đa dạng hình thức tham vấn về các nội dung cụ thể CDR của CTĐT làm cơ sở để hoàn thiện CDR với mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 1

Về cơ bản mục tiêu và CDR của CTĐT ngành KHMT được xây dựng đáp ứng được kỳ vọng về tầm nhìn, sứ mạng của ĐHQGHN/ĐHKHTN/KMT, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học; có tính bao quát nhưng vẫn đáp ứng được các mục tiêu chuyên biệt; thường xuyên được điều chỉnh và phản ánh được sự “chuyển biến” của CTĐT theo nhu cầu của xã hội. Vẫn còn một số hạn chế trong công tác thu thập phản hồi (từ các bên liên quan), nhưng KMT đã có những giải pháp chủ động để giải quyết trong thời gian tới.

TIÊU CHUẨN 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Với triết lý giáo dục đã xác lập, Khoa Môi trường đã xây dựng chiến lược dạy và học tiên tiến, sáng tạo và cập nhật liên tục các vấn đề khoa học môi trường trong nước và quốc tế để đảm bảo ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo; đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và sự phát triển bền vững. Những chuyển biến trong chiến lược dạy và học, trong đổi mới sáng tạo được phản ánh rõ nét trong bản mô tả chương trình đào tạo, được xây dựng công phu, chi tiết, có tính mở và được phổ biến rộng rãi.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1) Mô tả

Bản mô tả CTĐT đại học ngành KHMT được cấu trúc thành 3 phần chính: giới thiệu chung, chuẩn đầu ra và nội dung của chương trình đào tạo. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được cập nhật những vấn đề mới có liên quan. Thông tin cập nhật được thông báo trên cả trang web của trường [H02.02.01.01] và trang web của KMT [H02.02.01.02]. Bên cạnh đó, CTĐT còn được truyền thông rộng rãi bằng các bản in (tờ rơi) [H02.02.01.03], các sự kiện, triển lãm giáo dục hay các hoạt động quảng bá tuyển sinh ở các trường PTTH [H02.02.01.04]. Các hoạt động quảng bá này giúp cho người học và các bên liên quan có thêm nhiều thông tin chi tiết về chương trình đào tạo khoa học môi trường.

Bảng 1-1. Thông tin chung về khung CTĐTĐH ngành khoa học môi trường

1. Tên cơ sở cấp bằng	Trường ĐHKHTN
2. Tên cơ sở đào tạo	Trường ĐHKHTN
3. Hội đồng chuyên môn thẩm định	Hội đồng Đào tạo ĐHQGHN
4. Tên văn bằng tốt nghiệp	Cử nhân
5. Ngành đào tạo	Khoa học môi trường
6. Mã ngành đào tạo	7440301
7. Mục tiêu đào tạo	<p><u>Mục tiêu chung:</u> Chương trình đào tạo trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức và giải quyết những vấn đề thuộc ngành KHMT.</p> <p><u>Mục tiêu cụ thể:</u></p> <p><i>Về kiến thức:</i> Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cơ sở của ngành KHMT; phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu, giảng dạy và điều hành trong lĩnh vực Quản lý môi trường, Sinh thái môi trường, Độc học môi trường, các thành phần môi trường đất, nước, không khí;</p> <p><i>Về kỹ năng:</i> Trang bị cho sinh viên các kỹ năng phân tích, phát hiện, đánh giá và dự báo những vấn đề môi trường đã, đang và sẽ xảy ra, năng lực thực thi, tổ chức</p>

các công cụ quản lý, biện pháp giảm thiểu, khắc phục, phòng tránh những tác động có hại đến môi trường;

Tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm;

Về thái độ: Đào tạo cử nhân KHMT có phẩm chất chính trị, sức khỏe tốt, trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng phục vụ cộng đồng, nắm vững kiến thức hiện đại về tài nguyên môi trường phục vụ sự phát triển bền vững đất nước.

8. Chuẩn đầu ra

Như mô tả trong Hình 1.1.

9. Phương thức tuyển sinh, đánh giá kết quả học tập:

Theo đề án tuyển sinh chung của Trường, bao gồm: (1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT và Quy định đặc thù; (2) Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT theo các tổ hợp A00, A01, B00, D07; (3) Xét tuyển các thí sinh có kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức; (4) Xét tuyển theo các phương thức khác.

10. Hình thức, phương thức giảng dạy, đánh giá sinh viên

Phương pháp dạy và học: giảng dạy trực tiếp trên lớp, hướng dẫn, thực hành, bài tập, thảo luận/cổ vấn, thuyết trình, bài tập tư duy, nghiên cứu/xử lý tình huống, tranh luận, nhập vai.

Phương pháp đánh giá:

+ Kiểm tra kiến thức trực tiếp qua các trao đổi hàng ngày, làm bài tập, mức độ tham gia các buổi học trên lớp và làm bài tập/tiểu luận/thảo luận/thuyết trình.

+ Thi viết hoặc trắc nghiệm hoặc vấn đáp,

	+ Tiểu luận, bài tập
	+ Báo cáo, thuyết trình
11. Số tín chỉ yêu cầu tích lũy	137
12. Loại hình đào tạo	Chính quy
13. Ngôn ngữ	Tiếng Việt
14. Thời gian đào tạo	4 năm
15. Công bố trên internet	https://fes.hus.vnu.edu.vn/ http://hus.vnu.edu.vn/

Các nội dung rà soát tại các thời điểm, điều chỉnh KCTĐT đều được tổ chức họp thông qua Hội đồng khoa học cấp Khoa, sự đồng ý phê duyệt của trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, có thư ký HDKH ghi chép và lưu lại các biên bản họp, biên bản lấy ý kiến cán bộ. Kế hoạch điều chỉnh và báo cáo kết quả điều chỉnh CTĐT sau khi được đối sánh, xét duyệt chỉnh sửa đều được sử dụng làm căn cứ triển khai các hoạt động dạy và học theo hướng đã cập nhật [H02.02.01.05].

2) Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT cử nhân ngành KHMT đầy đủ các thông tin, có tính logic, được cập nhật định kỳ giúp cho người học và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, bố trí lộ trình học tập của mình.

3) Tồn tại

Chưa đa dạng hóa hình thức cung cấp bản mô tả CTĐT đến các bên liên quan, đặc biệt trong bối cảnh có thể tận dụng lợi thế của công nghệ thông tin. Bản mô tả CTĐT còn đơn điệu, chưa áp dụng công nghệ mới (interactive, web-based) hoặc các nền tảng động và trực quan. Bản mô tả đăng tải trên website chưa được thiết kế bắt mắt với các từ khóa (keywords) để người học dễ dàng tiếp cận với các nội dung mình đang quan tâm, tìm kiếm. Người học và các bên liên quan muốn tiếp cận bản mô tả

phải tải về cả file với rất nhiều nội dung, gây khó khăn cho việc tìm kiếm thông tin.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch, đa dạng hóa phương thức quảng bá CTĐT đến các bên liên quan. Tiếp tục cải tiến website và hệ thống lưu trữ, tương tác để tăng tính trực quan và tiện dụng.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1) Mô tả

Đề cương các học phần có trong Khung CTĐT ngành KHMT được xây dựng chi tiết theo quy định của ĐHQGHN/ĐHKHTN [H02.02.02.01], trong đó 100% đề cương các học phần trong CTĐT có đầy đủ các thông tin và cập nhật về: *tên đơn vị/tên GV đảm nhận giảng dạy; tên học phần; số tín chỉ, mục tiêu và CDR của học phần, ma trận liên kết nội dung chương mục với CDR; các yêu cầu của học phần; cấu trúc học phần; phương pháp dạy-học; phương thức kiểm tra/đánh giá; học liệu.* Đề cương các học phần được công bố cùng bản CTĐT trên website của ĐHKHTN và KMT [H02.02.02.02]; hoặc được các giảng viên trực tiếp cung cấp cho người học vào đầu mỗi học kỳ [H02.02.02.03]. Cuối mỗi học kỳ các giảng viên sẽ rà soát và cập nhật lại các nội dung học phần và đề xuất điều chỉnh đề cương nếu cần thiết. Bên cạnh đó, ý kiến phản hồi của người học cũng sẽ được quan tâm để cải thiện chất lượng [H02.02.02.04]. Phản hồi từ giảng viên và người học sẽ được xem xét tại các cuộc họp đào tạo tổng kết học kỳ và việc điều chỉnh được thông qua bởi Hội đồng Khoa học và Đào tạo KMT [H02.02.02.05]. Tại mỗi thời điểm điều chỉnh lớn/nhỏ, 100% đề cương các học phần trong CTĐT được rà soát theo định kỳ, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật theo kế hoạch của Khoa và Nhà trường. Các học phần đều đóng góp chung vào việc đạt được CDR của chương trình đào tạo thông qua các hoạt động giảng dạy, học, kiểm tra đánh giá; được thiết kế và cập nhật chi tiết trong đề cương học phần và sự sáng tạo trong các hoạt động trên lớp của người thầy.

2) Điểm mạnh

- Đề cương học phần được xây dựng bởi đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm và tuân thủ theo hướng dẫn chung của ĐHQGHN. Các học phần được “nâng cấp” thường xuyên nhờ những thành tựu nghiên cứu khoa học và thực tiễn, kinh nghiệm giảng dạy và hợp tác khoa học của các giảng viên, ý kiến góp ý của các bên liên quan. Vì vậy, nội dung của các học phần nhìn chung hiện đại và có tính kết nối với thực tiễn. Các kênh truyền thông được hỗ trợ cũng góp phần đa dạng các phương thức chuyển tải thông tin.

- Bản mô tả đề cương các học phần được thiết kế theo quy định, hướng dẫn của ĐHQGHN và của Trường ĐHKHTN, cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật cho sinh viên đang học tập tại Khoa, giúp sinh viên có lộ trình, kế hoạch học tập hiệu quả trong từng học kỳ, từng năm học và trong toàn khóa học.

3) Tôn tại

Một số đề cương học phần chưa thể hiện được chi tiết các hoạt động dạy học đến từng tuần của học kỳ.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Ban hành mẫu đề cương học phần chi tiết đến hoạt động giảng dạy của từng tuần.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, cập nhật nội dung chi tiết các học phần đảm bảo đề cương chi tiết các học phần đầy đủ thông tin theo mẫu chi tiết mới, cập nhật nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo và làm hài lòng tất cả các bên liên quan.

- Thường xuyên khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của sinh viên và các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với các học phần của khung CTĐT.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1) Mô tả

Bản mô tả chi tiết về CTĐT ngành KHMT và 100% đề cương chi tiết các học

phần được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận thông qua nhiều hình thức khác nhau như cuốn tài liệu dạng bản hard copy hoặc bản file trên trang website của ĐHKHTN (<http://www.hus.vnu.edu.vn>) và website của KMT (<https://fes.hus.vnu.edu.vn/>). Bên cạnh đó, các sinh viên/cựu sinh viên và các bên liên quan khác gồm các cơ quan quản lý, nhà tuyển dụng lao động, giảng viên, ...đều có thể dễ dàng tiếp cận những thông tin này theo nhiều hình thức khác nhau. Hàng năm, Khoa và Nhà trường đều tổ chức các chương trình quảng bá tuyển sinh đến các trường THPT để phát tài liệu, tờ rơi, gặp gỡ, trao đổi trò chuyện với các em học sinh lớp 12 để hỗ trợ định hướng nghề nghiệp, cơ hội việc làm. Ngoài ra, Khoa còn có trang Facebook riêng (<https://www.facebook.com/fes.hus.vnu>) luôn luôn cập nhật các thông tin mới nhất về các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, trang mạng xã hội này thường xuyên được chia sẻ bởi cộng đồng là một kênh dẫn truyền và lan tỏa hiệu quả đến mọi bên liên quan, khi đó giúp họ dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT theo cách thuận tiện nhất, ví dụ như:

- Trang Facebook của Khoa và cựu sinh viên cũng là nguồn bổ sung thông tin hữu ích liên quan đến chương trình học và chia sẻ đề cương các học phần, cơ hội học bổng và việc làm cho sinh viên (<https://www.facebook.com/fes.hus.vnu> <https://www.facebook.com/fesforthebest>).

- Các hội trợ, triển lãm giáo dục thường niên, các hội nghị hội thảo cũng là một kênh thông tin chia sẻ và quảng bá về chương trình đào tạo.

2) Điểm mạnh

Trong kỷ nguyên 4.0, vai trò của internet và các phương tiện truyền thông đã góp phần quan trọng thúc đẩy công tác quảng bá tuyển sinh và dẫn truyền mọi thông tin một cách nhanh nhất đến các bên liên quan. Trang Web của Khoa và Trường thường xuyên được cập nhật, là địa chỉ tin cậy giúp các bên liên quan dễ dàng tra cứu, tiếp cận thông tin (trong đó bao gồm cả bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần). Tài liệu hướng dẫn học tập, cố vấn học tập, hệ thống LMS, đảm bảo các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, 100% người học nhận được đề cương chi tiết học phần và CTĐT đại học trước khi học tập.

3) *Tồn tại*

Chưa thường xuyên đánh giá hiệu quả công khai phổ biến CTĐT và đề cương học phần theo đối tượng.

4) *Kế hoạch cải tiến chất lượng*

Đánh giá hiệu quả phổ biến và có phương pháp truyền thông phù hợp, hiệu quả.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Kết luận Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT đại học ngành KHMT hiện hành đã phản ánh một cách rõ nét và toàn diện chương trình và hoạt động đào tạo tại KMT, đã đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí chung theo quy định về các mốc chuẩn cần đảm bảo trong kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Bản mô tả CTĐT đảm bảo đầy đủ thông tin và cập nhật, được cấu trúc gồm 3 phần chính là giới thiệu chung, chuẩn đầu ra và nội dung của chương trình đào tạo. Đề cương các học phần đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định của ĐHQGHN/ĐHKHTN và được cập nhật, rà soát điều chỉnh thường xuyên trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đã được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận bằng cả hình thức truy cập qua internet hoặc ở dạng bản in. Mặc dù vậy, hiện nay chưa có được bản mô tả CTĐT bằng tiếng Anh nên gây khó khăn cho các đối tác nước ngoài muốn tiếp cận. Vấn đề này sẽ sớm được giải quyết trong thời gian tới để góp phần nâng cao hiệu quả truyền thông và phổ biến thông tin đến mọi đối tượng liên quan.

Tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, 1 tiêu chí đạt 5/7, 2 tiêu chí đạt 6/7 điểm

TIÊU CHUẨN 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Để đạt được CDR và mục tiêu của CTĐT ngành KHMT, chương trình dạy học (CTDH) đóng vai trò quan trọng. CTDHĐH ngành KHMT của khoa Môi trường được thiết kế hướng đến việc giúp sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ kiến thức, kỹ năng, thái độ, phẩm chất và năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm, phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội. Việc đổi mới, rà soát và điều chỉnh CTDH là việc

làm cần thiết và đã được Khoa Môi trường triển khai theo định kỳ, đợt điều chỉnh lớn gần đây nhất là các năm 2015, 2019 và 2022. Ngoài ra, hàng năm CTĐT cũng có những điều chỉnh nhỏ theo từng nội dung của học phần.

CTDHDH của ngành KHMT được thiết kế với hệ thống phương pháp giảng dạy, học tập và phương pháp đánh giá nhằm đảm bảo sinh viên đạt được CĐR của CTĐT. CTDH có cấu trúc, trình tự logic và được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực, khối kiến thức của khối ngành, khối kiến thức của nhóm ngành và khối kiến thức ngành. Trong đó, mỗi học phần đều có đóng góp trong việc đạt được CĐR của CTĐT ngành KHMT. Cụ thể, 3 tiêu chí cụ thể của tiêu chuẩn 3 như sau:

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR

1) Mô tả

CTDH của CTĐTĐH ngành KHMT được thiết kế dựa trên các yêu cầu CĐR về kiến thức, kỹ năng, đạo đức, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Cấu trúc và nội dung của CTDH được phát triển và thiết kế phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN, phù hợp với triết lý giáo dục của Khoa Môi trường [H03.03.01.01]; tuân theo quy định về mở mới và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học của ĐHQGHN [H03.03.01.02]. Trong đó, nội dung và cấu trúc của chương trình được tham khảo và đối sánh với CTĐT của trường Đại học uy tín (Indiana University Bloomington) trên thế giới (ngoài các học phần theo yêu cầu chung của VNU và yêu cầu chuyên biệt, đặc thù riêng của FES-HUS, tất cả các học phần còn lại của 2 chương trình có sự tương đương 70-90%) [H03.03.01.03] và đồng thời hàng năm tiếp nhận các phản hồi từ các chuyên gia, các bên liên quan [H03.03.01.04] từ đó có cơ sở khoa học và thực tiễn để CTDH đạt được các yêu cầu CĐR và mục tiêu giáo dục đề ra. CTDH được đưa vào đào tạo phát huy thế mạnh từ nguồn lực của khoa và kế hoạch tổ chức phù hợp và đầy đủ [H03.03.01.05] để đáp ứng các yêu cầu CĐR [H03.03.01.06].

Từ năm 2015 đến 2019, sau lần điều chỉnh CĐR của CTĐT ngành KHMT có một số thay đổi như sau [H03.03.01.03]: Về số lượng các yêu cầu của CĐR đã tăng từ 22 (2015) lên 23 (2019 có thêm 1 yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm); 23

CĐR (2019) đã được cụ thể hóa theo 4 nhóm rõ ràng (kiến thức, kỹ năng, đạo đức, mức độ tự chủ và trách nhiệm), trong đó các yêu cầu CĐR về khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp (2015) đã được bố cục lại vào nhóm chuẩn đầu ra về kỹ năng (kỹ năng chuyên môn). Năm 2022, CĐR của ngành KHMT vẫn giữ nguyên 23 CĐR của CTĐT năm 2019 gồm 5 CĐR về kiến thức, 8 CĐR về kỹ năng, 6 CĐR về kỹ năng bổ trợ, 1 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm, 3 CĐR về phẩm chất đạo đức nhưng rà soát, điều chỉnh nội hàm của các CĐR để áp dụng vì có khả năng định lượng và tuân thủ CĐR CTĐT. Để đáp ứng sự thay đổi CĐR của CTĐT thì CTDH cũng có những điều chỉnh như sau: Qua các lần điều chỉnh lớn của CTĐT (năm 2015, 2019 và 2022), cụ thể về cấu trúc CTĐT hiện nay bao gồm 137 tín chỉ (Bảng 3-1) được chia thành 5 mô-đun kiến thức (phiên bản 2019, 2022 thay vì 139 tín chỉ năm 2015). Cụ thể, diễn biến sự điều chỉnh này cụ thể như sau: Giảm số lượng các học phần trong khối kiến thức chung từ 28 (2015) xuống 16 TC (2019, 2022); tăng số lượng học phần trong khối kiến thức lĩnh vực từ 6 (2015) lên 7 TC (2019, 2022); khối kiến thức khối ngành từ 27 (2015) lên 30 và 27 TC (tương ứng năm 2019 và 2022 do đã thêm 4 học phần tự chọn từ năm 2019, đến năm 2022 đã bỏ học phần Giải tích 2); khối kiến thức nhóm ngành từ 15 (2015) lên 17 TC (2019, 2022); khối kiến thức ngành từ 63 (2015) lên 67 và 70 TC (tương ứng 2019 và 2022). Tuy số tín chỉ giảm (2 TC năm 2015 so với 2019 và 2022) nhưng số lượng các học phần đã có sự chuyển dịch sang các khối kiến thức ngành, đồng thời từ năm 2019 các học phần tự chọn đã được đưa vào sớm hơn (học phần tự chọn trong khối kiến thức theo lĩnh vực ngay sau khi SV học xong khối kiến thức chung và xuyên suốt đến khi thực hiện khóa luận tốt nghiệp cũng có thể thay thế bằng các học phần tự chọn khác) và có sự gia tăng tỷ trọng đáng kể từ 18/139 TC (12,9% năm 2015) lên 30/137 TC (21,9% năm 2019, 2022). Sự điều chỉnh này có sự cân đối về tỷ lệ và làm tăng tính chủ động của SV linh hoạt trong áp dụng kiến thức vào thực tế, tăng thời lượng thực hành góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp (người học làm trung tâm). Số tín chỉ này được phân bổ phù hợp về kiến thức và kỹ năng được hầu hết các bên liên quan (chuyên gia, nhà tuyển dụng và sinh viên) đánh giá là hợp lý và đáp ứng với CĐR [H03.03.01.04]. Nội dung CTDH đã có được chỉnh sửa và thiết kế lại theo khuyến nghị được đánh giá theo tiêu chuẩn ĐHQGHN và theo khuyến nghị của kỳ kiểm định theo AUN-QA

[H03.03.01.07] có sự gắn kết và lượng hóa rõ ràng trong ma trận kỹ năng đáp ứng các yêu cầu của CĐR [H03.03.01.08]; các học phần trong CTĐT được xác định rõ về thời lượng và kế hoạch giảng dạy, phương pháp giảng dạy theo từng học kỳ giúp SV chủ động sắp xếp và lập kế hoạch học tập phù hợp [H03.03.01.05]; đề cương chi tiết các học phần đã được xây dựng bởi các giảng viên có chuyên môn phù hợp và được điều chỉnh (năm 2015, 2019 và 2022) để bám sát các yêu cầu CĐR về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm [H03.03.01.03, H03.03.01.08, H03.03.01.09].

Bảng 3-1. Phân bổ khối kiến thức trong CTĐT năm 2022 ngành KHMT

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ (%)
C1	Khối kiến thức chung	16	0	16	12
C2	Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	2	5	7	5
C3	Khối kiến thức chung của khối ngành	2	3	27	20
C4	Khối kiến thức chung của nhóm ngành	14	3	17	12
C5	Khối kiến thức ngành	58 (7 KLTN)	12	70	51
Tổng		114	23	137	100

Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập được thiết kế phù hợp, có hệ thống và chặt chẽ, có tích hợp phương pháp giảng dạy với các phương pháp đánh giá để xác định mức độ đạt được so với CĐR. Nhiều học phần trong khối kiến thức C4 và C5 được thiết kế có nội dung thực hành, thực tế để đáp ứng yêu cầu của CĐR cả về kiến thức và kỹ năng [H03.03.01.03, H03.03.01.06]. Các phương pháp giảng dạy trong CTĐT được tích hợp nhiều phương pháp và hình thức dạy học khác nhau nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với triết lý giáo dục của KMT và tuân theo bố cục, nội dung và ma trận CĐR về kiến thức, kỹ năng của học phần [H03.03.01.01, H03.03.01.08]. Ngoài ra, thông qua các khóa học kỹ năng mềm, SV cũng được tiếp cận và thực hành một số kỹ năng quan trọng như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, lãnh đạo, quản lý thời gian, sáng tạo và đổi mới [H03.03.01.10].

Khoa Môi trường thường xuyên tiến hành rà soát, bổ sung và chỉnh sửa lớn CTĐT trong đó có cấu trúc, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần của ngành KHMT được rà soát và điều chỉnh để hỗ trợ đạt hiệu quả các yêu cầu của CĐR [H03.03.01.06], [H03.03.01.11].

2) Điểm mạnh

Khoa Môi trường đã thiết kế và phát triển nội dung CTDH ngành KHMT tuân thủ đầy đủ các quy định của Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN, Bộ GD&ĐT, được thiết kế dựa vào CĐR về kiến thức, kỹ năng, đạo đức, mức tự chủ và trách nhiệm. CTDH được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và đảm bảo tính liên tục, có sự gắn kết giữa các hoạt động dạy, học và đánh giá.

Các phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV của tất cả các học phần trong CTDH được thiết kế phù hợp với nội dung, yêu cầu CĐR của học phần. Tất cả các học phần có trong CTĐT đều có một mức độ đóng góp nhất định để đạt được CĐR của CTĐT, đồng thời với việc điều chỉnh cải tiến làm phong phú thêm các học phần tự chọn qua các năm 2015, 2019, 2022 đã giúp chương trình có tính linh động hơn, sinh viên có tính chủ động hơn, tạo điều kiện sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hơn khi đáp ứng được CĐR của CTĐT.

3) Tồn tại

CTDH cần tiếp tục cập nhật về các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy do nhiều môn chưa được cập nhật đúng với thực tế giảng dạy của giảng viên.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

CTDH cần tiếp tục cập nhật về các phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy do nhiều môn chưa được cập nhật đúng với thực tế giảng dạy của giảng viên.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1) Mô tả

CTĐT ngành KHMT [H03.03.02.01] được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT. Từ CĐR của CTĐT sẽ thiết kế theo các modul khối kiến thức và mỗi khối kiến thức bao gồm các học phần và nội dung của tất cả các học phần trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và có những đóng góp nhất định cho CĐR của CTĐT ở các mức độ nhất định. Đề cương chi tiết các học phần do các giảng viên biên soạn theo yêu cầu chặt chẽ, cụ thể và phù hợp với triết lý giáo dục của Khoa Môi trường “*Học để ứng dụng - Học từ thực tiễn*” [H03.03.02.02; H03.03.02.03] và đều chỉ rõ mức độ đóng góp cụ thể về kiến thức, kỹ năng của học phần trong CĐR của CTDH và được thể hiện trong ma trận CĐR của CTĐT và CĐR mỗi học phần [H03.03.02.01, H03.03.02.04], cụ thể như sau:

100% các học phần thuộc khối kiến thức chung và theo lĩnh vực (Triết học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Tiếng Anh B1, Tin học cơ sở...) đã đạt được mục tiêu *cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, công nghệ thông tin, năng lực ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu của chuyên môn trong lĩnh vực KHMT* (trọng số lớn đóng góp vào CĐR C1 – C2). 100% các học phần thuộc khối kiến thức của khối ngành và nhóm ngành (Tài nguyên thiên nhiên, Khoa học môi trường đại cương...) đáp ứng mục tiêu *cung cấp những kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết sâu, rộng về KHMT để luận giải các vấn đề lý luận, thực tiễn trong lĩnh vực KHMT* (đóng góp vào CĐR C3 – C5). So với CTĐT năm 2015, CTĐT năm 2019 có bổ sung 4 học phần tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành (Sinh học đại cương, Vật liệu Trái đất, Khí tượng và khí hậu học, Nhập môn toán ứng dụng trong môi trường) và 2 học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành (Khoa học sự sống, Phương pháp NCKH) giúp SV *có những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực KHMT, biết cách áp dụng kiến thức ngành KHMT để hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và phân tích các phương án, dự án, áp dụng kiến thức lý thuyết, thực tế trong lĩnh vực KHMT*. 100% các học phần thuộc khối kiến thức ngành (Hóa môi trường, Quản lý môi trường, Đánh giá tác động môi trường, Tiếng Anh chuyên ngành...) hướng đến rèn luyện cho người học *năng lực học tập suốt đời*

qua cung cấp khả năng tư duy, sáng tạo, tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng lập luận và giải quyết vấn đề. Từ năm 2019, ngoài các học phần Thực tập thực tế 1, Thực tập thực tế 2, có 3 học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành gồm Thống kê ứng dụng trong môi trường, Thực hành khởi nghiệp, Thực tập sản xuất được bổ sung trong CTĐT) giúp SV đạt tốt nhất các CĐR về năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực KHMT, năng lực tự chủ và trách nhiệm để hội nhập nhanh với môi trường công tác trong tương lai [H03.03.02.01, H03.03.02.02, H03.03.02.04, H03.03.02.05]. Thời lượng cho thảo luận trong các học phần giúp SV có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng phản biện... Các học phần chuyên sâu như Kiểm toán môi trường, Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên nước... thúc đẩy khả năng sáng tạo, tư duy cho SV, đồng thời giúp SV có kỹ năng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân theo năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Các học phần Tiếng Anh B1; Tin học cơ sở... giúp SV đạt được CĐR về ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Từ năm 2022, 1 học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành được bổ sung trong CTĐT (Môi trường, sức khỏe và an toàn) cung cấp cho SV kiến thức về môi trường, sức khỏe và an toàn lao động, giúp SV đạt tốt nhất CĐR về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm [H03.03.02.01]. Đề cương các học phần đều được thẩm định, rà soát kỹ lưỡng về tính phù hợp để đạt được CĐR qua các năm học [H03.03.02.02, H03.03.02.06, H03.03.02.07].

100% phương pháp dạy học của các học phần và phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp, truyền tải được kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm cho SV để đảm bảo việc đạt được CĐR [H03.03.02.08]. Các phương pháp dạy học được giảng viên sử dụng linh hoạt bao gồm: phương pháp thuyết giảng một chiều, thuyết giảng tương tác, thảo luận trực tiếp, hướng dẫn trực tiếp, hướng dẫn có định hướng, dạy học theo kinh nghiệm, dạy học từ tình huống, dạy học bằng phát vấn, dạy học theo vấn đề, dạy học theo dự án, dạy học bằng trực quan, đóng vai và mô phỏng, dạy học bằng thực hành [H03.03.02.08]. Các hoạt động học của SV như nghe giảng, đọc tài liệu, tìm kiếm thông tin liên quan, làm bài tập, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tranh biện... giúp SV đạt các CĐR về kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, năng lực

vận dụng kiến thức vào thực tiễn, kỹ năng giao tiếp, khả năng lập luận và giải quyết vấn đề [H03.03.02.02, H03.03.02.04]. Phương pháp kiểm tra đánh giá đã được cập nhật và bổ sung trong đề cương chi tiết học phần [H03.03.02.02]. Sau mỗi học kỳ, Nhà trường đều tiến hành khảo sát đối với sinh viên về chất lượng và phương pháp dạy học của giảng viên, giúp giảng viên cải thiện phương pháp giảng dạy đảm bảo chất lượng đào tạo, góp phần đảm bảo đạt được CĐR [H03.03.02.09].

Phương pháp kiểm tra đánh giá trong từng học phần được thiết kế phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất nhằm đảm bảo đạt được CĐR. Các điểm đánh giá cho mỗi học phần gồm 3 loại điểm là điểm thường xuyên, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thi hết học phần (theo thang điểm 10), (*đánh giá CĐR về kiến thức lý thuyết và xử lý các vấn đề chuyên môn về khoa học môi trường, CĐR về kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phản biện...*) [H03.03.02.02]. Phương pháp kiểm tra, đánh giá gồm có kiểm tra viết, tiểu luận, vấn đáp, thực hành, trắc nghiệm, thuyết trình, bài tập lớn, báo cáo thu hoạch/thực tập [H03.03.02.08]. Khóa luận tốt nghiệp gồm 7 tín chỉ được tổ chức chấm nhằm *đánh giá kiến thức tổng hợp, xử lý vấn đề chuyên môn trong thực tế, tạo kỹ năng làm việc độc lập, khả năng tổng hợp, giải quyết vấn đề...*) [H03.03.02.01]. Mẫu phiếu nhận xét của cán bộ hướng dẫn, cán bộ phản biện và mẫu phiếu chấm điểm được thể hiện cụ thể, rõ ràng nhằm đánh giá chất lượng khóa luận tốt nghiệp [H03.03.02.10]. SV được đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ qua các bài tập cá nhân, giờ thảo luận, giờ học trên lớp. Qua việc thuyết trình, trao đổi và bài thảo luận của các nhóm SV, giảng viên có thể đánh giá được kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập. Bài thi cuối kỳ giúp giảng viên đánh giá được đầy đủ các nội dung liên quan đến CĐR như kiến thức, kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tế [H03.03.02.10]. Các phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá được vận dụng khoa học [H03.03.02.08].

Việc hoàn thiện các học phần phù hợp với CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm còn được thực hiện dựa trên cơ sở đóng góp ý kiến từ các bên liên quan đối với CĐR, CTĐT và bản mô tả CTĐT [H03.03.02.01, H03.03.02.05, H03.03.02.06, H03.03.02.07, H03.03.02.09, H03.03.02.12]. Hội thảo lấy ý kiến thể hiện sự gắn kết và tôn trọng ý kiến của các bên liên quan với việc hoàn thiện CĐR qua các học phần [H03.03.02.09, H03.03.02.13]. Đề cương các học phần

được rà soát chỉnh sửa trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan cũng như dựa trên ý kiến khảo sát định kỳ người học vào cuối mỗi học kỳ về nội dung của học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên để làm căn cứ điều chỉnh đổi mới phương pháp giảng dạy và nội dung của các học phần [H03.03.02.05, H03.03.02.09]. Khoa chủ trì và các Bộ môn/GV chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức rà soát khối lượng, nội dung kiến thức thể hiện tại đề cương các học phần [H03.03.02.05, H03.03.02.06, H03.03.02.07], đảm bảo tiến độ trong việc thực hiện chương trình dạy học [H03.03.02.12], đồng thời tiến hành phổ biến CTĐT, cập nhật các báo cáo về KĐCLGD và đối sánh [H03.03.02.14, H03.03.02.15].

2) Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH đều được thiết kế nội dung có sự tương thích và thể hiện được sự đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm. Phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp được sử dụng linh hoạt đảm bảo quy định, đảm bảo đo lường được mức độ đạt được CĐR.

3) Tồn tại

Phương pháp dạy học cần được thể hiện rõ ràng hơn trong đề cương chi tiết học phần.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2023, tiếp tục thực hiện rà soát CTDH theo kế hoạch của Trường, lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan để hoàn thiện CTĐT theo định kỳ 2 năm/lần nhằm đáp ứng tốt nhất CĐR (đơn vị thực hiện: Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng; Khoa Môi trường); bổ sung thông tin rõ ràng hơn về phương pháp dạy học trong đề cương chi tiết học phần (đơn vị thực hiện: Khoa Môi trường) theo định kỳ 2 năm/lần.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp

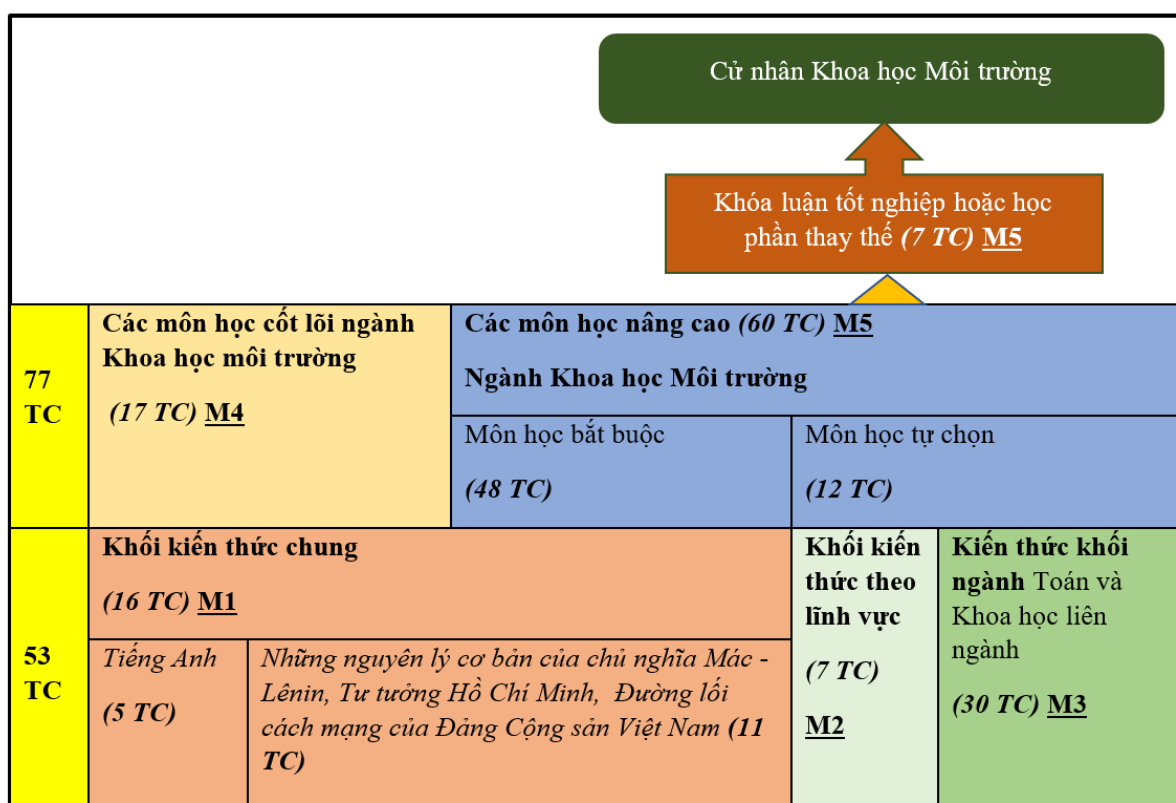
1) Mô tả

Chương trình dạy học trình độ đại học ngành KHMT có cấu trúc logic, bố cục rõ ràng giúp các bên liên quan (sinh viên, cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý giáo dục, người sử dụng lao động,...) có thể dễ dàng theo dõi các khối kiến thức trong chương trình. Cấu trúc CTDH bao gồm kiến thức chung, theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và ngành [H03.03.03.01]. Các học phần trong CTDH bao gồm cả học phần trên lớn, học phần ngoại khóa và các hoạt động khác được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. [H03.03.03.02].

Khối kiến thức chung (M1) được tổ chức giảng dạy thống nhất ở tất cả các đơn vị của ĐHQGHN. Khối kiến thức theo lĩnh vực (M2) được tổ chức giảng dạy thống nhất ở tất cả các đơn vị có ngành học thuộc cùng lĩnh vực. Khối kiến thức theo khối ngành (M3) được tổ chức giảng dạy ở tất cả các CTĐT của một đơn vị có ngành học thuộc cùng khối ngành. Khối kiến thức theo nhóm ngành (M4) được tổ chức giảng dạy ở một CTĐT của một đơn vị có các ngành học thuộc cùng nhóm ngành. Khối kiến thức ngành (M5) bao gồm các học phần thuộc khối ngành, các học phần nghiệp vụ, bổ trợ, thực tập, thực tế, khóa luận hoặc các học phần thay thế được tổ chức giảng dạy thuộc một CTĐT. Các kiến thức/học phần bổ trợ có thể chọn và học tập tại trường hoặc tại một đơn vị liên kết khác [H03.03.03.01]. Tổng số tín chỉ phải tích lũy của CTĐT là 137 tín chỉ, đáp ứng khối lượng kiến thức theo yêu cầu đối với trình độ đại học có thời gian đào tạo 4 năm được quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp [H03.03.03.03], đồng thời tuân thủ quy định của ĐHQGHN về thời lượng của các CTĐT cử nhân tối thiểu 120 tín chỉ, tối đa 140 tín chỉ tại Quyết định 1111/QĐ-ĐHQGHN ngày 04/4/2018 của Giám đốc ĐHQGHN [H03.03.03.04].

Tất cả các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (Hình 3.1), trình tự, kế tiếp của quá trình đào tạo và phân bổ theo các khối kiến thức: (i) từ kiến thức cơ bản để

kiến thức cốt lõi chuyên ngành; (ii) thực hành, thực tập được tăng dần theo thời gian học tập; và (iii) các khóa học bổ sung, kỹ năng mềm cung cấp cho sinh viên các kỹ năng chuyên môn khoa học, năng lực đạo đức, kỹ năng giao tiếp, trình độ ngoại ngữ và hiểu biết xã hội trước khi tốt nghiệp [H03.03.03.02]. Trong mỗi học phần đều mô tả rõ các điều kiện tiên quyết, số tín chỉ cho mỗi học phần, thời lượng cho mỗi nội dung trong học phần theo nguyên tắc khối kiến thức cơ sở làm nền tảng thuộc học phần bắt buộc cho các học phần ngành/ chuyên ngành nâng cao. Sự bố trí, hướng dẫn xây dựng lịch trình đào tạo, cố vấn học tập đảm bảo nguyên tắc các học phần đại cương, bắt buộc, nhập môn được sắp xếp trước, các học phần chuyên sâu, nâng cao được sắp xếp sau một cách logic theo hướng nâng dần kiến thức, kỹ năng cho người học [H03.03.03.05]. Các học phần trong CTDH cũng nêu chi tiết chương trình của mỗi học phần bao gồm học trên lớp, bài tập, thực hành và các hoạt động khác. Kế hoạch giảng dạy mỗi học phần đều đã được mô tả trong bản mô tả CTDH.



Hình 3- 1. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành KHMT phiên bản 2019

Để triển khai kế hoạch giảng dạy, mỗi học kỳ đều có thời khóa biểu cụ thể cho các học phần theo các khối kiến thức và các học phần tiên quyết ở mỗi học phần [H03.03.03.05]. Các học phần thuộc khối kiến thức chung và chuyên ngành KHMT được bố trí bắt đầu từ năm thứ hai. Các khóa học tự chọn và khóa học thay thế khóa luận tốt nghiệp được thiết kế với hai mục tiêu: (i) định hướng các sinh viên theo phương pháp tiếp cận khác nhau trong nghiên cứu chuyên ngành; hoặc/và (ii) hỗ trợ sinh viên với sự phát triển khả năng riêng và mở rộng kiến thức khi tham gia các khóa học có liên quan từ các CTĐT khác [H03.03.03.02].

Để đáp ứng sự thay đổi của nhu cầu xã hội, CTDH thường xuyên được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật. Trong 5 năm trở lại đây, Khung CTĐT ngành KHMT có 02 lần điều chỉnh lớn vào các năm 2019 [H01.01.03.06] và năm 2022 [H01.01.03.01]. Trước khi tiến hành điều chỉnh, Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN đã tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan và đã nhận các góp ý, phản hồi của các bên liên quan thông qua các phiếu khảo sát để chương trình cập nhật và/hoặc điều chỉnh đáp ứng yêu cầu thay đổi của xã hội [H03.03.03.07]. Năm 2019, CTDH đã được điều chỉnh theo hướng tăng số lượng các khóa học tự chọn, điều chỉnh, cập nhật nội dung, tài liệu liên quan đến các học phần, bài giảng, tăng thực hành và bài tập. Năm 2022, CTDH tiếp tục được điều chỉnh theo hướng bổ sung và tăng khối lượng các học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng tiếng Anh cho sinh viên [H03.03.03.01, H03.03.03.06]. Bên cạnh đó, điều chỉnh nhỏ chương trình giảng dạy KHMT (nhất là phương pháp dạy và học) cũng đã được thực hiện thường xuyên (hàng năm) để đáp ứng yêu cầu thay đổi của xã hội trong lĩnh vực KHMT [H03.03.03.08].

Chương trình dạy học khi được điều chỉnh đều được tham khảo các CTĐT tiên tiến quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp, để tăng khả năng có thể được trao đổi với chương trình KHMT tại trường đại học khác được xếp hạng cao theo US News, như chương trình của Đại học Indiana, Mỹ [H03.03.03.09, H03.03.03.10]. Cho tới năm 2022, so với chương trình của Đại học Indiana, Mỹ, ngoại trừ chương trình thuộc khối kiến thức chung và kiến thức theo lĩnh vực có độ trùng khớp thấp (yêu cầu đặc thù của GDDH Việt Nam), các khối kiến thức khác thể hiện độ tương đồng cao, bên cạnh việc bổ sung các học phần đặc thù riêng của trường. Cụ thể các học phần tương

đương của 2 chương trình với khối kiến thức theo khối ngành là 11/11 các học phần, khối kiến thức theo nhóm ngành là 4/10 học phần, khối kiến thức ngành là 24/63. Các học phần tương đương của 2 khung chương trình nằm chủ yếu ở các học phần tiên quyết, sự khác biệt chủ yếu nằm ở các môn tự chọn trong CTDH [H03.03.03.10, H03.03.03.01].

Do chương trình có tính liên kết tích hợp chương trình quốc tế, SV của Khoa Môi trường đã và đang tham gia các chương trình trao đổi tại các trường đại học nước ngoài (thực tập và học các khóa học liên quan trong lĩnh vực KHMT) và tín chỉ tích lũy được tính cho tổng số giờ tín chỉ để tốt nghiệp [H03.03.03.11, H03.03.03.12].

Việc điều chỉnh chương trình cũng như hỗ trợ sinh viên tham gia các chương trình quốc tế này đều đã được nhắc đến trong báo cáo kiểm định của AUN-QA, và đã được khoa cải tiến trong giai đoạn qua [H03.03.03.13].

2) Điểm mạnh

Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật, đảm bảo sự gắn kết, liền mạch giữa các học phần đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, đảm bảo chương trình là một khối thống nhất, tuân thủ quy định của Bộ GD&ĐT, của ĐHQGHN, đảm bảo tường minh, dễ áp dụng, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và đối sánh.

3) Tồn tại

Khung chương trình mới chỉ tham khảo chương trình của Đại học Indiana nên thông tin đối sánh trong CTDH chưa được đa dạng.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ngoài việc tiếp tục tham chiếu chương trình đại học Ngành Khoa học môi trường của Đại học Indiana, đơn vị đào tạo sẽ tiếp tục tìm hiểu các đại học uy tín khác đồng thời tiếp tục điều tra đánh giá nhu cầu xã hội, các bên liên quan để cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm cải tiến nâng cao chất lượng trong lần điều chỉnh tiếp theo.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành KHMT có cấu trúc, nội dung các học phần thực hiện đồng độ, thống nhất, tiêu chuẩn hóa các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV của tất cả các học phần trong CTDH nhằm góp phần thực hiện CDR của chương trình. Các học phần trong chương trình được cấu trúc hợp lý, tuần tự, tỷ lệ giữa các khối kiến thức phù hợp, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, tạo thành một khối thống nhất, có đối sánh với CTDH tiên tiến trên thế giới. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN với các minh chứng đầy đủ, rõ ràng.

Tuy nhiên, Tiêu chuẩn 3 vẫn còn một số tồn tại cần được cải tiến như: Đề cương chi tiết các học phần cần tiếp tục rà soát và cập nhật. Phương pháp giảng dạy của một số học phần cần được cập nhật.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, CTĐT ngành KHMT đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó cả 3 tiêu chí đạt 6/7.

TIÊU CHUẨN 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận dạy và học đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực chuyên môn, nghề nghiệp cho SV. Tương tự như các chương trình khác của Khoa Môi trường, các chiến lược giảng dạy và học tập của chương trình cử nhân KHMT hoàn toàn tuân thủ triết lý giáo dục của Khoa **“*Học để ứng dụng, Học từ thực tiễn*”**. Triết lý này hoàn toàn phù hợp với Triết lý giáo dục chung của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã đưa ra: "Sáng tạo, Tiên phong, Trách nhiệm xã hội". Điều này được khẳng định trong các giá trị cốt lõi của Trường: "*Chất lượng xuất sắc, Đổi mới và sáng tạo, Trách nhiệm xã hội cao, Hợp tác và thân thiện*" [H04.04.01.01]. Với triết lý giáo dục được xác định và tuyên bố rõ ràng, Khoa Môi trường đã xây dựng chiến lược dạy và học tiên tiến, sáng tạo và cập nhật liên tục để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập; đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội và sự phát triển bền vững.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục có văn bản và được tuyên bố rõ ràng

1) Mô tả

Trường ĐHKHTN đã xác định và tuyên bố sứ mệnh là “*trường đại học nghiên cứu, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước*” [H04.04.01.01]. Mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKHTN cũng đã được tuyên bố và xác định rõ “Đào tạo nhân lực trình độ cao; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp; có tinh thần thái độ tận tâm và sự sáng tạo trong công việc, làm chủ tri thức KH&CN hiện đại, có tư duy sáng tạo, khả năng tự học, thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội” [H04.04.01.02].

Từ mục tiêu giáo dục của Trường ĐHKHTN, năm 2017 Khoa Môi trường đã đưa ra triết lý giáo dục “***Học để ứng dụng, Học từ thực tiễn***”. Triết lý giáo dục này được Khoa Môi trường chuẩn bị, tham vấn các bên liên quan, họp lấy ý kiến, hoàn thiện và thông qua cuộc họp cán bộ chủ chốt và Hội đồng khoa học đào tạo của Khoa [H04.04.01.03]. Sau khi đã thống nhất, triết lý giáo dục được công bố công khai trên website của Khoa và Trường [H04.04.01.01] và được phổ biến rõ ràng trong các tài liệu, văn bản về CTĐT của Trường và Khoa [H04.04.01.04].

Mục tiêu giáo dục của Trường, triết lý giáo dục của Khoa Môi trường đã và đang được phổ biến tới tất cả các bên liên quan để hiểu rõ và thực hiện, cụ thể:

- Đối với cán bộ, giảng viên, người học:

Mục tiêu giáo dục của Trường, triết lý giáo dục của Khoa đã được thấm nhuần trong tất cả các cán bộ, giảng viên và sinh viên của Khoa. Mục tiêu và triết lý giáo dục được cụ thể hóa trong các kế hoạch, hoạt động giảng dạy theo chương trình hành động của Trường, Khoa [H04.04.01.05]. Đặc biệt, trong quá trình xây dựng CTĐT, CDR của các học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần, phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá, triết lý giáo dục của Khoa được các cán bộ, giảng viên quán triệt thực hiện như hoạt động giảng dạy với SV là trung tâm, học tập trên

ơ sở áp dụng, khuyến khích học tập thông qua làm việc, kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành thực tập nhằm đạt được kết quả học tập cao nhất và kỹ năng nghề nghiệp tốt nhất cho SV [H04.04.01.06].

Đối với SV/người học, ngay từ khi đăng ký dự thi vào Trường đã được giới thiệu, tìm hiểu, được tiếp cận mục tiêu giáo dục của Trường và triết lý giáo dục của Khoa trên trang web của Trường/Khoa và trong đề án tuyển sinh hàng năm [H04.04.01.07]. Khi SV nhập học, mục tiêu giáo dục của Trường; triết lý giáo dục của Khoa được chính thức phổ biến đến SV ở buổi gặp mặt sinh viên và trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm [H04.04.01.08].

- *Đối với các bên liên quan bên ngoài:* Bên cạnh việc phổ biến rộng rãi đến tất cả cán bộ, giảng viên, SV trong trường, mục tiêu giáo dục của Trường và triết lý giáo dục của Khoa còn được giới thiệu đến các bên liên quan bên ngoài trường (nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, đối tác, bộ phận truyền thông của Trường, Khoa,...) trong các cuộc họp thường niên, hội thảo, hội nghị và qua trang web của Khoa và Trường [H04.04.01.09] hay các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, Đề án tuyển sinh, Cẩm nang sinh viên, facebook - đều có phổ biến về triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo của Khoa, Trường [H04.04.01.10], kênh youtube [H04.04.01.11].

Đặc biệt, một số chuyên gia làm việc tại các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ quan quản lý được mời tham gia, trao đổi trực tiếp trong các buổi họp của Hội đồng Khoa học - Đào tạo, trong xây dựng, chỉnh sửa chương trình, đánh giá CTĐT của khoa, tham gia giảng dạy một số học phần cũng nắm rõ mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Trường và Khoa [H04.04.01.12].

2) *Điểm mạnh*

Mục tiêu giáo dục của Trường và triết lý giáo dục của Khoa được tuyên bố rõ ràng, được công bố rộng rãi trên trang web của Trường, Khoa và các ấn phẩm khác và được tham vấn, phổ biến tới tất cả các bên liên quan từ cán bộ giảng viên, SV, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng,.... Mục tiêu và triết lý giáo dục đã được tất cả các cán bộ, giảng viên, SV, thấm nhuần, hiểu rõ và thực hiện, nâng cao khả năng học tập suốt đời, lãnh đạo nhóm trong các tổ chức của người học.

3) *Tồn tại*

Mục tiêu giáo dục của Trường và triết lý giáo dục của Khoa hiện nay mặc dù đã được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông (website của Trường và Khoa), các tài liệu truyền thông và phổ biến tới các bên liên quan mà Khoa/Trường đang hợp tác. Tuy nhiên tần suất truyền thông chưa được phân bố đều, thường mới chỉ tập trung cao độ vào thời điểm các mùa tuyển sinh, nhập học đầu khóa của sinh viên.

4) *Kế hoạch cải tiến chất lượng*

Tăng cường công tác truyền thông về mục tiêu giáo dục và triết lý giáo dục của Khoa với tần suất đều hơn.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm

Tiêu chí: 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1) *Mô tả*

i) Khoa/Bộ môn, giảng viên xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR:

Khoa Môi trường cùng với các đơn vị Bộ môn chuyên môn và các giảng viên thường xuyên tiến hành rà soát các phương pháp dạy và học của các học phần theo đề cương chi tiết học phần trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN, hướng dẫn của Trường và Khoa [H04.04.02.01]. Hoạt động dạy học được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR [H04.04.02.02]. Giảng viên xây dựng đề cương chi tiết học phần và đưa ra các hoạt động dạy học đa dạng, linh hoạt như giảng dạy trực tiếp trên lớp, hướng dẫn, thực hành, bài tập, thảo luận/cổ vấn, thuyết trình, bài tập tư duy, thuyết trình theo chủ đề, phát triển ý tưởng, nghiên cứu/xử lý tình huống, tranh luận, nhập vai, phương án xử lý, điều tra thực địa,... [H04.04.02.03]. Trên thực tế thì các phương pháp giảng dạy được áp dụng trong thực tiễn phong phú và linh hoạt hơn so với được mô tả trong đề cương học phần [H04.04.02.04]. Phương pháp giảng dạy tích cực giúp SV hiểu rõ lý thuyết và áp dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tế, tích lũy kinh nghiệm, hoàn thiện thái độ phẩm chất nghề nghiệp, rèn luyện

những kỹ năng học tập và kiến thức cụ thể cần đạt được của từng học phần theo CDR cũng như rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời của người học [H04.04.02.05, H04.04.02.06]. Các học phần thực hành và thực tập thực tế có nhiều cán bộ tham gia giảng dạy, được thống nhất chung về phương pháp giảng dạy phù hợp [H04.04.02.07]. Đặc biệt, hình thức học trực tuyến nhằm hỗ trợ học tập từ xa và học tập trong các hoàn cảnh đặc biệt (dịch Covid 19) được ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN có hướng dẫn cụ thể đảm bảo hiệu quả và chất lượng giảng dạy [H04.04.02.08, H04.04.02.09].

Hoạt động dạy học tích cực theo triết lý giáo dục của Khoa được các giảng viên vận dụng thông qua khuyến khích SV tiến hành NCKH kể từ năm thứ hai để bắt đầu làm quen với hoạt động nghiên cứu, gắn thực tiễn với lý thuyết, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề của thực tiễn [H04.04.02.10, H04.04.02.11, H04.04.02.12]. Sinh viên cũng được gửi đến các viện nghiên cứu, công ty, đơn vị/cơ quan quản lý nhà nước để thực tập, nghiên cứu tiếp cận các vấn đề thực tiễn phục vụ cho khóa luận tốt nghiệp [H04.04.02.13].

ii) Khoa/GV hướng dẫn người học/sinh viên sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp người học tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR:

Giáo viên chủ nhiệm với vai trò vừa là giáo viên chủ nhiệm, vừa là cố vấn học tập có nhiệm vụ tư vấn cho SV xây dựng kế hoạch học tập, phương pháp học tập, phương pháp NCKH phù hợp [H04.04.02.14]. Với mỗi học phần, trong buổi học đầu tiên, các giảng viên luôn giới thiệu cho SV về nội dung của học phần, phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá và CDR của học phần [H04.04.02.15]. SV được hướng dẫn sử dụng hệ thống học liệu phục vụ dạy và học (gồm bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi ôn thi các học phần, danh mục giáo trình, sách tham khảo,...). Đặc biệt hệ thống thư viện trực tuyến và các quyền truy cập một số nguồn dữ liệu đã hỗ trợ rất hiệu quả SV tiếp thu các kiến thức, thông tin cập nhật nhằm đạt CDR [H04.04.02.16]. Trong giai đoạn ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, Trường và Khoa đã có các văn bản hướng dẫn cụ thể cho SV để sử dụng các ứng dụng học tập trực tuyến. Các hướng dẫn được đăng tải trên nhiều kênh thông tin khác nhau giúp SV dễ dàng tiếp cận [H04.04.02.08]. Ngoài ra, các giảng viên cũng đã biên soạn các hướng dẫn chi tiết về cách thức kiểm tra, thi trực tuyến để hỗ trợ SV [H04.04.02.09]. Đặc

biệt, Trường đã triển khai hình thức SV tự học có hướng dẫn của giảng viên, ứng dụng hệ thống quản lý học liệu và giảng dạy trực tuyến, tự học LMS để hỗ trợ người học hoàn thành kế hoạch học tập [H04.04.02.17]. Hàng năm, Khoa và Liên chi đoàn tổ chức các chương trình tọa đàm, hội thảo về phương pháp học tập, phương pháp NCKH, đây là diễn đàn thường niên để các giảng viên, SV trao đổi kinh nghiệm, phương pháp học tập hiệu quả [H04.04.02.18].

Các hoạt động học tập gắn với thực tế trong CTĐT là các học phần bắt buộc phù hợp với triết lý giáo dục của Khoa, giúp SV có khả năng tư duy, giải quyết vấn đề một cách trọn vẹn và kỹ năng viết báo cáo, đáp ứng CĐR [H04.04.02.19]. Rubric đánh giá báo cáo thực tập, tiểu luận, vấn đáp và khóa luận tốt nghiệp đã được Khoa Môi trường xây dựng và là một tài liệu quan trọng để giảng viên có hướng dẫn phù hợp cho SV cũng như định hướng quá trình nghiên cứu thực tiễn và viết báo cáo [H04.04.02.20].

iii) GV/NH hài lòng với các hoạt động dạy và học/các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT:

Phương pháp dạy và học được người dạy và người học đánh giá sau mỗi học kỳ [H04.04.02.21, H04.04.02.22]. Những thông tin phản hồi được tóm tắt và gửi lại cho giảng viên để điều chỉnh và cải thiện phương pháp cũng như nội dung giảng dạy trong học kỳ tiếp theo. Các cuộc thi “Nhà giáo dục đổi mới sáng tạo” do ĐHQGHN tổ chức và danh hiệu “Giảng viên xuất sắc” được trao cho các giảng viên có thành tích được đánh giá cao để khích lệ hoạt động sáng tạo, đổi mới trong dạy học [H04.04.02.23].

Kết quả cho thấy, hầu hết SV đều hài lòng và đánh giá cao trình độ, kỹ năng, phương pháp giảng dạy của giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT [H04.04.02.24]. Tỷ lệ giảng viên của Khoa Môi trường được đánh giá trung bình ở mức $> 4,0/5,0$ và thường cao hơn mức trung bình toàn trường. Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng SV đánh giá giảng viên có kiến thức chuyên môn phù hợp, nội dung bài giảng thường xuyên được cập nhật; các hoạt động tư vấn học tập, cơ hội nghề nghiệp cung cấp tương đối đầy đủ thông tin, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, chọn lựa và học tập của SV. Các sáng kiến trong hoạt động giảng dạy được trao đổi, truyền đạt và nhân rộng trong các bộ môn chuyên môn và cấp Khoa. Một số ý kiến góp ý về hoạt động giảng dạy

của giảng viên thường được xem xét hàng năm và tích hợp khi cập nhật nội dung học phần và chương trình góp phần cải thiện kết quả đánh giá giảng viên qua các năm học [H04.04.02.25, H04.04.02.26].

2) Điểm mạnh

Hoạt động dạy học, phương pháp giảng dạy của CTDH ngành KHMT khá đa dạng, kích thích tinh thần học tập chủ động trong sinh viên và đáp ứng CDR của CTDH. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng đối tượng, từng năm học nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Giảng viên, SV đều có phản hồi tích cực đối với các hoạt động/phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT.

3) Tồn tại

Mặc dù Khoa đã chủ động xây dựng và áp dụng một số hướng dẫn về kiểm tra đánh giá chi tiết báo cáo kết quả học phần thực tập (thực tập thực tế, chấm điểm khóa luận tốt nghiệp, thi vấn đáp), tuy nhiên hiện nay Trường ĐHKHTN vẫn chưa có quy định cụ thể, chi tiết về vấn đề này nên khi áp dụng trong Khoa vẫn gặp phải một số phản ứng từ các giảng viên và sinh viên.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Ban hành hướng dẫn xây dựng bộ phương pháp dạy-học, kiểm tra đánh giá chi tiết, cụ thể.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm

Tiêu chí: 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1) Mô tả

Triết lý giáo dục “*Học để ứng dụng, Học từ thực tiễn*”, phương pháp dạy và học để rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và khả năng học tập suốt đời của người học được mô tả rõ ràng ở tất cả (100%) đề cương chi tiết của các học phần trong CTĐT [H04.04.03.01]. Phương pháp dạy và học này không chỉ phù hợp với các nội dung giảng dạy mà còn được phản ánh qua hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng (viết, tiểu luận, vấn đáp, thi thực hành, trắc nghiệm, thuyết trình, bài tập lớn và báo cáo thực

hành/thực tập), cơ cấu điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần đối với các học phần [H04.04.03.01]. Rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học là mục tiêu quan trọng và cũng là yêu cầu của CĐR trong CTĐT ngành KHMT [H04.04.03.01]. Để hình thành năng lực tự học suốt đời cho người học hay “công dân học tập” theo quan điểm của UNESCO người học cần được cung cấp các kiến thức để phát triển các kỹ năng như ngoại ngữ, tính toán, tư duy phản biện, CNTT... [H04.04.03.02]. Mối liên hệ này được thể hiện rõ tại ma trận CĐR của CTĐT và đề cương học phần [H04.04.03.01, H04.04.03.03]. Với quan điểm giáo dục lấy người học làm trung tâm, các hoạt động đào tạo (lý thuyết, thực hành, thảo luận, thực tập, NCKH...) đều hướng tới mục đích bồi dưỡng, rèn luyện SV thành những cá nhân độc lập, tự chủ, sáng tạo, có kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm, phân tích, giải quyết các vấn đề thực tế, khả năng linh hoạt, thích nghi nhanh trong quá trình học tập và làm việc trong thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai.

Kỹ năng tự nghiên cứu/tự học của người học luôn được chú trọng và được phản ánh trong tất cả (100%) các đề cương chi tiết của học phần. Theo quy chế đào tạo của ĐHQGHN, 1 giờ tín chỉ trên lớp cần có 3 giờ tự học [H04.04.03.04]. Một số học phần, giảng viên còn tăng cường giờ tự học cho SV bằng việc dành quỹ thời gian giảng dạy trên lớp cho hoạt động tự học [H04.04.03.01]. Việc cung cấp danh mục tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo trong từng đề cương học phần cũng là một hình thức tăng cường hoạt động tự học của người học [H04.04.03.01]. Một số hoạt động dạy học và đánh giá như seminar, tiểu luận, trình bày báo cáo làm việc nhóm, ... đã tạo điều kiện cải thiện kỹ năng tự học tập của người học [H04.04.03.05]. Hoạt động tự học qua giao bài tập tình huống, hoặc yêu cầu SV tự tìm hiểu, phát hiện, xác định vấn đề cần nghiên cứu tăng tính tự chủ, độc lập và đáp ứng CĐR kỹ năng lãnh đạo [H04.04.03.06]. Nhiều thành tích của SV được quyết định chủ yếu bởi khả năng học tập suốt đời của mình nhất là các thành tích về NCKH, điểm đánh giá thường xuyên, làm bài tập. Theo thống kê, tỉ lệ SV tốt nghiệp CTĐT ngành KHMT loại xuất sắc, loại giỏi ở mức cao so với mặt bằng chung của Trường [H04.04.03.07]. Nhiều SV tiếp tục học tập ở bậc cao học trong nước và nước ngoài [H04.04.03.08]. Một số SV sau khi tốt nghiệp đã quay trở lại để tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn, đào tạo nâng cao, chuyên sâu ở Khoa Môi trường, các Trường, Viện khác trong và ngoài nước [H04.04.03.09].

GV sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời: Nhiều phương pháp giảng dạy và học tập khác nhau, phù hợp đã được áp dụng và luôn được chủ động đổi mới để tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội thực hành các kiến thức đã học và đảm bảo đạt được các mục tiêu và CĐR của CTĐT [H04.04.03.01]. Các phương pháp giảng dạy dựa vào hoạt động và nâng cao kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện như phương pháp dạy và học trực tiếp, gợi mở, trải nghiệm cụ thể nghiên cứu tình huống, tìm hiểu thực tế, làm việc nhóm và thuyết trình, tham gia các bài giảng chuyên đề của các chuyên gia, doanh nhân, cựu sinh viên... [H04.04.03.10]. Để phát triển và hỗ trợ việc tự học, giảng dạy trực tuyến, ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường cũng đã triển khai các công cụ trực tuyến hỗ trợ cho việc dạy và học như phát triển kho học liệu trực tuyến [H04.04.03.11], quản lý giảng dạy qua phần mềm VNU_LMS [H04.04.03.12], quản lý người học qua các công cụ trực tuyến (Zalo, Google classroom...) [H04.04.03.13]. Trong giảng dạy trực tuyến, các giảng viên vẫn tích cực tương tác với SV/người học qua chat box, giao câu hỏi và bài tập online và kiểm soát quá trình tự học của SV qua đánh giá các bài tập nộp, qua thuyết trình theo chủ đề được giao [H04.04.03.06].

Trong công tác tổ chức dạy học của GV, các nội dung chi tiết về tài liệu tham khảo của học phần, nội dung các chương kèm chi tiết nhiệm vụ chuẩn bị bài trước giờ học và khi kết thúc giờ học giúp người học rèn luyện các khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng ngoài việc giúp đạt CĐR còn giúp nâng cao khả năng tự học và học tập suốt đời của người học [H04.04.03.03]. Ngoài các chương trình dạy và học chính khoá, các chương trình và hoạt động ngoại khoá giúp thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp của SV cũng diễn ra khá thường xuyên. Khoa chỉ đạo Liên chi đoàn tổ chức các chương trình thiện nguyện, câu lạc bộ nghệ thuật tạo thêm sân chơi bổ ích, sáng tạo, góp phần định hướng cho SV ngành KHMT các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp cần có để thành công trong tương lai, cũng như góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học [H04.04.03.14]. Để hỗ trợ cho các SV trong việc tìm kiếm các phương pháp học tập hiệu quả, Khoa đã phân công các giảng viên có kinh nghiệm và nhiệt tình để đảm trách vị trí giáo viên chủ nhiệm [H04.04.03.15]. Sinh viên tốt nghiệp

được các giảng viên, Khoa và Trường hỗ trợ kết nối qua các kênh thông tin khác nhau: Trang web của khoa, hội cựu sinh viên, facebook để trao đổi, cung cấp thông tin giúp SV sau tốt nghiệp có cơ hội học tập chương trình sau đại học, tham gia thực tập sau tốt nghiệp để tự học và tích lũy kinh nghiệm và tìm việc làm [H04.04.03.16]. Tất cả các hoạt động này sẽ giúp SV tiếp cận môi trường học tập một cách chủ động và có thể duy trì việc học suốt đời một cách dễ dàng hơn.

2) Điểm mạnh

Triết lý giáo dục luôn được xác lập rõ ràng, các hoạt động dạy và học của Trường và Khoa đã tạo động lực và hiệu quả cho SV rèn luyện các kỹ năng, nâng cao kiến thức, khả năng năng lực tự học, tự nghiên cứu, khả năng tư duy tự giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình học tập và làm việc. Phương pháp giảng dạy của giảng viên với chuyên môn nghiệp vụ phù hợp, thường xuyên được trau dồi đã áp dụng các biện pháp linh hoạt phong phú, tạo điều kiện cho SV để người học có một môi trường học tập và rèn luyện tích cực giúp phát triển các kỹ năng cứng, mềm cho người học. Ngoài ra các hệ thống bài tập, bài giảng, bài thảo luận đều gắn liền với các kỹ năng đã được chú trọng để đáp ứng tốt CDR của ngành học.

3) Tồn tại

Vẫn còn một số SV chưa chủ động trong học tập, đặc biệt là tự học và tham gia các hoạt động của Trường/Khoa để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần tích cực hơn nữa trong động viên, khuyến khích tinh thần chủ động của người học, theo dõi quá trình phát triển tiến bộ của người học để có những động viên nhận xét kịp thời.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 4:

Phương pháp tiếp cận dạy và học của Khoa Môi trường có định hướng rõ ràng, được công bố rộng rãi và có sự tham gia, tư vấn của các bên liên quan, tuân thủ theo triết lý giáo dục của Khoa “*Học để ứng dụng, Học từ thực tiễn*”. Khoa Môi trường

đã xây dựng chiến lược dạy và học tiên tiến, sáng tạo, linh hoạt và cập nhật liên tục để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập; đáp ứng nhu cầu xã hội về đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ngành KHMT, đóng góp cho công cuộc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Tuy nhiên, CTDH vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục đó là: vẫn còn tồn tại thực tế một số SV chưa chủ động trong học tập, tự học để rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, cả 3 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học. Kết quả đánh giá ảnh hưởng sâu sắc đến nghề nghiệp tương lai của người học. Do đó, hoạt động đánh giá kết quả học tập cho sinh viên được các cán bộ giảng viên Khoa Môi trường chú trọng và thực hiện một cách chuyên nghiệp, các kiến thức được cập nhật vào quá trình kiểm tra, đánh giá. KQHT của người học phản ánh mức độ tiếp thu và lĩnh hội các kiến thức của người học; giúp đưa ra căn cứ để phân loại kết quả học tập của người học, đồng thời cũng phản ánh mức độ đáp ứng CDR học phần của người học. Việc đánh giá KQHT của người học giúp xây dựng, củng cố và phát huy khả năng tự học của sinh viên; tự bồi dưỡng, nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên và tự hoàn thiện công tác phục vụ quá trình dạy và học (như công tác sinh viên, công tác khảo thí, công tác thanh tra, công tác đào tạo...) của cán bộ, chuyên viên trong toàn bộ Nhà trường. Đây là nhiệm vụ nòng cốt giúp cải tiến hoạt động dạy, học và quản lý dạy học. Bên cạnh đó, hiệu quả từ công tác này giúp chuẩn hóa thước đo năng lực và trình độ chuyên môn của sinh viên tốt nghiệp ngành KHMT trước nhà tuyển dụng. Để đạt hiệu quả mong muốn, công tác đánh giá KQHT của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR bao gồm: các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, chuyên ngành, các học phần điều kiện (giáo dục thể chất, giáo dục an ninh quốc phòng, tiếng anh, tin học), kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm ...). Như vậy, SV cần được biết rõ ràng, minh bạch các quy định về đánh giá KQHT từ khi nhập học tới khi học xong các khối kiến thức đại cương, cơ sở, chuyên ngành hay các điều kiện để đạt

CĐR. Quá trình đánh giá được thực hiện bằng cách lồng ghép sử dụng linh hoạt, đa dạng các phương pháp có độ tin cậy, có giá trị sử dụng cao, ngoài ra tiếp tục vận dụng, thực hành các phương pháp mới, sáng tạo. Qua đó, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để sinh viên cải thiện việc học và/hoặc tiến hành khiếu nại về KQHT nếu thấy có sai sót. Như vậy bằng việc thiết kế định mức CĐR; công khai các quy định đánh giá; thiết lập các phương pháp đánh giá có giá trị, có độ tin cậy, có sự công bằng; thiết lập cơ chế khuyến khích người học phản hồi và xây dựng quy trình khiếu nại về các kết học tập, công tác đánh giá KQHT của người học đã, đang và tiếp tục đạt hiệu quả cao.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1) Mô tả

Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế theo hướng gắn liền với CĐR và đo lường mức độ đạt được CĐR của người học. Căn cứ vào quy chế đào tạo đại học của ĐHQGHN và hướng dẫn của Trường ĐHKHTN [H05.05.01.01, H05.05.01.02, H05.05.01.03], việc đánh giá kết quả học tập của người học chương trình đào tạo KHMT được thực hiện phù hợp và hướng tới chuẩn đầu ra của CTĐT từ khâu tuyển sinh đầu vào [H05.05.01.04], trong suốt quá trình học và cho đến khi tốt nghiệp. Các giảng viên trong Khoa được tham gia tập huấn về cách thiết kế và sử dụng các phương pháp đánh giá người học khác nhau [H05.05.01.05] và hiện nay ĐHQGHN ban hành Khung năng lực giảng dạy (NLGD) của giảng viên tại ĐHQGHN có hướng dẫn rõ ràng cho về hoạt động kiểm tra đánh giá người học giúp giảng viên phát triển năng lực đánh giá kết quả học tập của người học tốt hơn [H05.05.01.06]. Trong suốt quá trình học và cho đến khi tốt nghiệp, việc đánh giá kết quả học tập người học được thực hiện liên tục, áp dụng quy trình *đánh giá quá trình* gồm kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và cuối kỳ ở tất cả các học phần dưới nhiều hình thức khác nhau và bám sát theo CĐR của CTĐT nói chung và của từng học phần nói riêng [H05.05.01.07, H05.05.01.08] và được Giảng viên phổ biến công khai cho sinh viên trong mỗi học phần. Bên cạnh đó, đánh giá kết quả học tập của người học còn được đánh giá thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học. Công tác *đánh giá tổng kết*

căn cứ trên tổng số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy của người học trong toàn khóa học, điểm rèn luyện và các điều kiện CĐR về Ngoại ngữ, tin học, GDQP, kỹ năng mềm theo quy định của Nhà trường.

- **Đánh giá quá trình**

+ *Đánh giá theo học phần:*

Đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế dựa trên mục tiêu và bám sát vào CĐR của học phần. Đề cương chi tiết của tất cả các học phần trong chương trình đào tạo qua các lần điều chỉnh chương trình năm 2015, 2019, 2022 đều đã mô tả chi tiết, rõ ràng về phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của người học (viết, tiểu luận, vấn đáp, thực hành, trắc nghiệm, thuyết trình, bài tập lớn, báo cáo thu hoạch/thực tập), có xác định các đầu điểm, tỷ trọng điểm đánh giá học phần, và có rubric (đối với lần điều chỉnh chương trình năm 2019 và 2022) để có thể đo lường được mức độ đạt được CĐR về cả kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, vị trí việc làm có thể đảm nhận và CĐR về học tập suốt đời [H05.05.01.08]. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của SV theo các thang nhận thức BLOOM (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Từ mục tiêu của học phần, GV xác định các nội dung, cách thức kiểm tra, đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra, đánh giá phù hợp với CĐR học phần [H05.05.01.08]. Bên cạnh đó, trong quá trình giảng dạy, giảng viên cũng luôn có sự điều chỉnh kịp thời, đa dạng hoá hình thức kiểm tra đánh giá cho phù hợp với năng lực của người học, qua đó giúp người học theo sát và lĩnh hội đầy đủ các nội dung học tập, cụ thể kết quả điều tra giảng viên về đánh giá người học cuối kì cho thấy các hình thức thi viết, tiểu luận, vấn đáp, thuyết trình, bài tập lớn được sử dụng nhiều nhất với tỉ lệ điều tra là từ 67-86% (so với đề cương HP thì hình thức thi chỉ tập trung chủ yếu là thi viết, tiểu luận, thuyết trình, đặc biệt hình thức thi vấn đáp trong đề cương HP là 10,8 % và thực tế được áp dụng là 74%) [H05.05.01.07, H05.05.01.09]. Qua các lần điều chỉnh chương trình năm 2015, 2019, 2022 sinh viên Khoa Môi trường được tăng cường hướng dẫn cách học theo nhóm, tự nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp. Do đó, việc đánh giá điểm thường xuyên và giữa kì của sinh viên cũng được giảng viên căn cứ vào kết quả làm việc theo nhóm, việc tổng hợp và nghiên cứu

tài liệu, khả năng thuyết trình, cũng như quá trình thực hành trong phòng thí nghiệm để đảm bảo cho sinh viên có được kiến thức tổng hợp và kỹ năng tốt sau mỗi khóa học.

Trong mỗi học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (điểm học phần) được đánh giá xuyên suốt quá trình học và bao gồm 3 loại điểm bộ phận (điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ) và điểm cuối kỳ, trong đó trọng số điểm thành phần không được vượt quá 40% [H05.05.01.08, H05.05.01.10]. *Về kiến thức*, các bài kiểm tra đánh giá được thực hiện theo đúng yêu cầu đề cương học phần và quy định trong các quy chế đào tạo đại học của ĐHQGHN nhằm đáp ứng được CĐR của từng học phần [H05.05.01.03, H05.05.01.10, H05.05.01.11]. Bài kiểm tra giữa kỳ đều có các tiêu chí đánh giá, thang điểm phù hợp với mỗi loại hình đánh giá (tiểu luận, bài tập, thuyết trình...) [H05.05.01.12]. Bài kiểm tra cuối kỳ cũng được thực hiện theo nhiều hình thức thi viết (tự luận hoặc trắc nghiệm được giảng viên ra đề và chấm theo đáp án hoặc dựa trên ngân hàng đề thi) hoặc vấn đáp, bài tập tiểu luận với mục tiêu đánh giá tổng thể các mức độ có khả năng biết, có khả năng hiểu và áp dụng, khả năng phân tích và đánh giá, có khả năng sáng tạo cho nội dung học phần cùng các kỹ năng tư duy, phân tích tổng hợp [H05.05.01.10, H05.05.01.12]. Trong khoảng thời gian 2020-2022 khi đại dịch Covid diễn biến phức tạp, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đã chủ động thích ứng, rà soát và điều chỉnh các hình thức kiểm tra, đánh giá người học sang trực tuyến để đáp ứng bảo đảm an toàn cho người học [H05.05.01.13]. *Về kỹ năng*, với các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng (bài kiểm tra trên lớp, thi tự luận, thi thực hành, thi vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập nhóm, bài báo cáo thực tập, ...) rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho SV (kỹ năng nghiên cứu tài liệu, giao tiếp, thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng làm việc nhóm...) [H05.05.01.08]. Đặc biệt, các học phần thực hành, thực tập (thực tập thiên nhiên, thực tập chuyên ngành hoặc các giờ thực hành trong một số học phần) trong chương trình đào tạo giúp sinh viên tăng cường năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng (cá nhân, làm việc nhóm,..) vào thực tiễn [H05.05.01.08]. *Về phẩm chất đạo đức*, mức độ tham gia đầy đủ các giờ học và sự nghiêm túc, đóng góp tích cực của sinh viên trong suốt quá trình học lớp học phần (tích cực phát biểu ý kiến, đóng góp xây dựng bài tập, làm việc nhóm,..) sẽ đánh giá thái độ lên lớp của SV [H05.05.01.08]. Bên cạnh đó, việc

đánh giá điểm rèn luyện định kỳ cũng được thực hiện để đánh giá ý thức, thái độ của SV về học tập, chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường, tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội, các hoạt động cộng đồng [H05.05.01.14, H05.05.01.15].

+ *Đánh giá qua hoạt động nghiên cứu khoa học*: Trong quá trình học, sinh viên được khuyến khích tham gia NCKHSV, cụ thể Nhà trường và Khoa tổ chức hàng năm Hội nghị KHSV để nâng cao khả năng tổng hợp các kiến thức về KHMT, toàn diện các kỹ năng, phẩm chất đáp ứng CĐR và các sinh viên đạt giải cao được khen thưởng và khuyến khích tham dự NCKH các cấp ĐHQGHN, cấp Bộ, Eureka để khích lệ người học phát huy tinh thần và năng lực sáng tạo [H05.05.01.16].

- **Đánh giá tổng kết**

+ *Đánh giá khoá luận tốt nghiệp (KLTN)/các học phần thay thế*: Do đặc thù của ngành, sinh viên Khoa Môi trường đáp ứng đủ tất cả các điều kiện cần thiết theo quy định của trường thì đều được khuyến khích làm khoá luận tốt nghiệp, bởi đây là cách để kiểm tra, đánh giá tổng hợp nhất các kiến thức và kỹ năng, thái độ chuẩn đầu ra của sinh viên [H05.05.01.07]. Thực tế trong thực hiện triển khai CTĐT từ năm 2015 đến nay, 100% sinh viên được thực hiện KLTN mặc dù có học phần thay thế. KLTN của SV hệ chuẩn được đánh giá bởi Hội đồng do Trưởng khoa ra quyết định thành lập, KLTN hệ chất lượng cao và tiên tiến được đánh giá bởi Hội đồng do Lãnh đạo Trường ra quyết định thành lập [H05.05.01.17]. Khoa Môi trường đã ban hành rubric chấm điểm cho KLTN. Rubric đánh giá KLTN dựa trên các tiêu chí: tên đề tài, đối tượng, mục tiêu nghiên cứu; nội dung khoá luận; trình bày khoá luận; trình bày báo cáo và trong mỗi tiêu chí chung thì có các tiêu chí đánh giá cụ thể [H05.05.01.18]. Hiệu quả của việc áp dụng rubric chấm điểm đã được thể hiện rõ thông qua điểm đánh giá khoá luận của sinh viên được lượng hoá cụ thể, chính xác và công bằng, đặc biệt hạn chế được các lỗi trình bày (lỗi chính tả, bố cục) trong khoá luận mà sinh viên hay gặp phải [H05.05.01.19].

+ *Đánh giá cuối khoá*: sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi tích lũy đủ số học phần, khối lượng của chương trình đào tạo, và có đủ điều kiện theo quy định về Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất, Ngoại ngữ, Kỹ năng mềm; có điểm trung

bình chung tích lũy toàn khoá đạt từ 2.00 trở lên trên thang điểm 4 [H05.05.01.03]. Để xác nhận SV đạt CĐR và đủ điều kiện tốt nghiệp, Nhà trường thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp để đánh giá SV [H05.05.01.20].

2) *Điểm mạnh*

+ Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học từ khâu tuyển sinh đầu vào (có ngưỡng đảm bảo chất lượng) đến quá trình đào tạo và đầu ra được thiết kế phù hợp, bám sát các yêu cầu của CĐR về cả kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, vị trí việc làm có thể đảm nhận và CĐR về học tập suốt đời và được công bố đầy đủ cho người học. Hình thức tổ chức đánh giá kết quả học tập của người học trong mỗi học phần đa dạng đáp ứng được các CĐR khác nhau.

+ Trong đánh giá điểm học phần vấn đáp, thực tập thực tế và KLTN, để đảm bảo kết quả đánh giá khách quan và công bằng cũng như trên cơ sở khuyến nghị cải tiến đảm bảo chất lượng theo kiểm định AUN năm 2015, Khoa đã ban hành mẫu đề thi/đáp án/phiếu chấm điểm cho các học phần thi vấn đáp và đã xây dựng, áp dụng các tiêu chí (rubic) đánh giá các học phần Thực tập thực tế, Khóa luận tốt nghiệp.

3) *Tồn tại*

Đối với các học phần về thực hành, thực tập thực tế thì điểm thường xuyên và giữa kì có trọng số chưa cao.

4) *Kế hoạch cải tiến chất lượng*

+ Quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học chưa được hướng dẫn chi tiết nên việc triển khai đôi khi còn gặp khó khăn, ví dụ chưa có hướng dẫn cụ thể về công tác ra đề thi gắn với phương pháp đánh giá để đáp ứng CĐR. Do vậy, trong thời gian tới Trường triển khai đưa ra các hướng dẫn chi tiết về vấn đề này.

+ Rà soát và nâng trọng số điểm giữa kì và điểm thường xuyên đối với học phần thực hành, thực tập thực tế.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1) Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học trong chương trình đào tạo KHMT được xây dựng rõ ràng theo quy chế đào tạo đại học của ĐHQGHN, chương VII kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập [H05.05.01.03], quy định đánh giá KQHT với phương pháp, tiêu chí, cách tính điểm, xếp hạng KQHT trong suốt quá trình học tập (gồm có điểm thường xuyên, điểm giữa kỳ, điểm cuối kỳ...), trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần, quy chế cũng nêu rõ hình thức thi bao gồm tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, làm bài tập lớn hoặc kết hợp các hình thức trên. Hình thức kiểm tra đánh giá học phần, trọng số của các điểm kiểm tra đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được quy định trong đề cương học phần. Quy chế cũng nêu nguyên tắc cho việc Tổ chức kiểm tra đánh giá và thi kết thúc học phần, chấm khóa luận, cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần, điểm trung bình chung, và qui đổi điểm số ra điểm chữ. Trên cơ sở điểm số tích lũy Quy chế nêu rõ ngưỡng làm căn cứ ra cảnh báo học vụ, hoặc buộc thôi học, và làm căn cứ xếp loại học lực. Quy chế cũng nêu rõ việc thông báo kết quả cho sinh viên phải được thực hiện chậm nhất 7 ngày làm việc kể từ sau ngày kiểm tra hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

Quy định tổ chức đào tạo ngoại ngữ được quy định tại hướng dẫn số 297/HD-ĐHQGHN [H05.05.02.01], và chuẩn đầu ra về CĐR ngoại ngữ được quy định bởi quyết định số 4116/ĐHQGHN-ĐT [H05.05.02.02]. Theo các qui định này, các chứng chỉ ngoại ngữ được tính tương đương với từng bậc trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng trong đào tạo trình độ đại học.

Ngoài ra quy định về đánh giá công tác xếp loại rèn luyện, khen thưởng đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định số 32/QĐ-ĐHQGHN [H05.05.01.14].

Các quyết định và tiến trình đào tạo trong từng năm học được Trường ĐHKHTN ban hành trong “Hướng dẫn tổ chức, quản lý giảng dạy học tập và Lịch trình đào tạo” [H05.05.02.03]. Mỗi kỳ thi, Nhà trường đều có hướng dẫn về công tác thi

[H05.05.02.04] và quy định trách nhiệm của sinh viên [H05.05.02.05]. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người học được nhà trường yêu cầu thông qua các hướng dẫn tổ chức, quản lý giảng dạy và học tập năm học (ví dụ Hướng dẫn số 2336/HD-ĐHKHTN, ngày 20/8/2021) [H5.05.02.05], yêu cầu sinh viên phải tham gia học, kiểm tra, đánh giá thường xuyên, giữa kỳ đầy đủ, thực hành (nếu có), và hướng dẫn cách thức thi kết thúc học phần, bao gồm quy định rõ điều kiện sinh viên được dự thi. Đề thi cuối kỳ phải phù hợp với nội dung của học phần đã qui định trong đề cương học phần, và phải có đáp án, thang điểm kèm theo. Các quyết định cảnh báo học tập và danh sách sinh viên chưa đủ điều kiện dự thi được thực hiện công khai và thông báo kỷ luật hoặc cho sinh viên thôi học công khai [H05.05.02.06].

Hình thức thi và công bố KQHT theo quy định trong CTĐT và đề cương chi tiết học phần [H05.05.01.07, H05.05.01.08], trong đó quy định về thời lượng tham gia học phần trên lớp, thời gian tự học ở nhà; hình thức thi; yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ; hướng dẫn sử dụng tài liệu học tập và yêu cầu tiếp thu kiến thức theo khung chương trình chi tiết đã hoạch định và được thẩm định.

Từ học kỳ II, năm học 2019-2020, do ảnh hưởng dịch Covid 19 nên việc dạy và học được triển khai theo hình thức đào tạo trực tuyến. ĐHQGHN và Nhà trường đã ban hành quy định tạm thời về việc đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số...), bao gồm các Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trực tuyến [H05.05.02.07], theo đó: điểm thường xuyên (tham gia học ít nhất 80% giờ tín chỉ học phần; tham gia trao đổi trên nhóm lớp học phần; kết quả kiểm tra đánh giá, bài tập, seminar,...); điểm đánh giá giữa kỳ (trả lời câu hỏi trắc nghiệm; điểm bài tập lớn/tiểu luận, các bài kiểm tra giữa kỳ,...); điểm thi cuối kỳ (bài thi trực tuyến hoặc tổ chức thi theo phương thức truyền thống). Nếu tổ chức thi trực tuyến phải có ngân hàng câu hỏi đủ lớn để xây dựng đề thi trắc nghiệm và đảm bảo tạo ra ít nhất 4 đề thi độc lập và không trùng nhau. Người học được cung cấp, tiếp cận các nguồn tài liệu học tập của khóa học, được giải đáp mọi thắc mắc trên nhóm lớp học phần trong 48 giờ (điều 11 Quyết định số 2598/QĐ-ĐHQGHN) [H05.05.02.07].

Biểu mẫu kết quả học tập trên trang cá nhân của sinh viên, biểu mẫu về phức

khảo dành cho người học trong Biểu mẫu, hồ sơ liên quan đến phúc khảo kết quả học tập của sinh viên [H05.05.02.08] được công khai, phổ biến thông tin để người học dễ dàng, kịp thời tiếp cận giúp giải quyết các vấn đề liên quan đến đánh giá điểm cho sinh viên.

Khoa Môi trường đã thống nhất xây dựng và đưa công cụ Rubrics vào sử dụng giúp giảng viên có căn cứ rõ ràng về tiêu chí, trọng số và điểm đánh giá để đánh giá bài thuyết trình, thực tập thực tế, khóa luận tốt nghiệp [H05.05.01.14]. Các tiêu chí phân loại cụ thể có 4 mức khác nhau, theo hướng định lượng rõ ràng để người hướng dẫn, phản biện, ủy viên có căn cứ chấm điểm khách quan.

Quy trình bảo vệ khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên được quy định, thông báo, hướng dẫn đầy đủ, chặt chẽ, công khai cho giảng viên và người học [H05.05.02.09]. KQHT của người học được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường, và cung cấp thông tin trên mẫu kết quả học tập của sinh viên [H05.05.02.08]. Trước thềm năm học mới hoặc đầu mỗi học kỳ, tại các cuộc họp SV được giới thiệu chương trình, tiến trình và cách thức kiểm tra đánh giá kèm theo tài liệu hướng dẫn cho sinh viên đầu khóa [H05.05.02.10]. Bên cạnh đó slide bài giảng học phần luôn có quy định cách đánh giá, trọng số điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần [H05.05.02.11]. Trong quá trình học tập, SV có quyền, trách nhiệm phản hồi trực tiếp, và trong biểu mẫu chấm thi mỗi học phần [H5.05.02.12] đều có chữ ký xác nhận của sinh viên, do đó sinh viên hoàn toàn có thể được GV phúc đáp về cách đánh giá KQHT của học phần đó. Nhà trường hàng năm đều khảo sát lấy ý kiến của người học và giảng viên của CTĐT về khả năng tiếp cận thông tin, nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập (được thể hiện ở câu hỏi số 14 trong biểu mẫu đánh giá) với điểm số sinh viên đánh giá ở mức trên 4,15/5 trong giai đoạn 2017-2021 [H5.05.02.13].

Bên cạnh việc gửi trực tiếp thông tin liên quan đến việc đánh giá kết quả học tập của người qua email cho account của sinh viên, các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn, CTĐT ngành KHMT được công khai trên web của Nhà trường (<http://hus.vnu.edu.vn/>) và Khoa Môi trường (<https://fes.hus.vnu.edu.vn/>).

2) Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của cho ngành KHMT được công khai, minh bạch về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi trước mỗi khóa học/kỳ học và hầu hết các học phần.

Nhà trường đã ban hành các tài liệu/hướng dẫn quy định các biểu mẫu về cách thức trình bày khóa luận tốt nghiệp, các biểu mẫu phiếu chấm thi, mẫu về danh sách điểm thành phần cho các học phần.

3) Tồn tại

Mặc dù Khoa môi trường đã thống nhất dùng rubric chấm điểm bài thuyết trình, thực tập thực tế, khóa luận tốt nghiệp, tuy nhiên tiểu luận, niên luận chưa thiết kế rubric theo một quy cách chuẩn hóa như trên.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

“Khoa Môi trường sớm xây dựng mẫu chấm chuẩn hóa cho đánh giá tiểu luận, niên luận của người học trong năm học 2022-20235).

Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1) Mô tả

Chương trình đào tạo sử dụng tích hợp nhiều phương pháp đánh giá khác nhau đã được chuẩn hóa để đảm bảo tính giá trị, tin cậy và công bằng. Các giảng viên của mỗi học phần sẽ chịu trách nhiệm về phương pháp đánh giá dựa trên các quy định của ĐHQGHN, Bộ GD&ĐT, hướng dẫn của Trường ĐHKHTN và đồng thời được thông báo rõ ràng cho tất cả các sinh viên trước khi bắt đầu mỗi môn học. Theo đó việc đánh giá KQHT được thực hiện đối với từng học phần, theo học kỳ và cho toàn khoá học.

Trường ĐHKHTN có các quy định nghiêm ngặt về quy trình kiểm tra đánh giá bao gồm việc lựa chọn đề thi, in sao đề thi, tổ chức kỳ thi, chấm điểm và kiểm tra để

đảm bảo tính giá trị và công bằng cũng như chất lượng của quá trình đánh giá. Bên cạnh đó, trường ĐHKHTN giám sát và đưa các hình thức xử lý đối với những cán bộ không tuân thủ qui định và những sinh viên vi phạm quy chế thi trong kỳ thi [H05.05.01.03]

Đánh giá KQHT của người học thông qua công tác tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần, các phương pháp đánh giá đa dạng và cập nhật thường xuyên. CTĐT ban hành năm 2015, điều chỉnh năm 2019, 2022 có 6 phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH được sử dụng (bao gồm: viết, tiểu luận, vấn đáp, thực hành, trắc nghiệm, thuyết trình, bài tập lớn, báo cáo thu hoạch/thực tập), các học phần có thể sử dụng kết hợp nhiều phương pháp đánh giá. Căn cứ vào kết quả khảo sát nhà tuyển dụng, cựu người học sẽ có các điều chỉnh để phù hợp với CDR đáp ứng được nhu cầu thực tế của sự phát triển KTXH [H05.05.03.01, H05.05.03.02, H05.05.03.03]. Theo thống kê các phương pháp kiểm tra đánh giá theo đề cương học phần giảng dạy, thì các học phần sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau (bao gồm: Viết, Tiểu luận, Vấn đáp, Thực hành, Trắc nghiệm, Thuyết trình, Bài tập lớn, Báo cáo thu hoạch/thực tập) cho thấy, các học phần trong CTĐT ban hành năm 2015 tỷ lệ học phần dùng phối hợp các hình thức kiểm tra khác nhau trên tổng số học phần có sử dụng phương pháp là 60,4% và tỷ lệ học phần sử dụng 1 phương pháp kiểm tra đánh giá là 39,6%. CTĐT điều chỉnh năm 2019, 2022 tỷ lệ này có sự điều chỉnh gia tăng mạnh tỷ lệ môn học sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá với tỷ lệ học phần sử dụng kết hợp nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá là 72,3%, tỷ lệ học phần sử dụng 1 phương pháp kiểm tra đánh giá là 27,8% [H05.05.03.04]. Tuy nhiên, căn cứ với điều kiện thực tế GV đã đăng ký các phương pháp đánh giá khác nhau và ĐHQGHN đã ban hành Khung năng lực giảng dạy của GV với yêu cầu GV xây dựng các hoạt động kiểm tra đánh giá giúp người học phát huy khả năng sáng tạo trong quá trình thực hiện bài tập [H05.05.03.05]. Kết quả khảo sát các GV giảng dạy 43 học phần của năm học 2021-2022 về phương pháp kiểm tra đánh giá đối với các học phần cho thấy, so với CTĐT có sự điều chỉnh với các học phần sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá chiếm tỷ trọng 93%, học phần sử dụng 01 kiểm tra đánh giá chiếm chỉ 7% [H.10.03.06].

Để đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy, các giảng viên sẽ quy định về mức thang điểm đối với từng hình thức đánh giá và các cách thức chấm điểm kiểm tra thành phần này sẽ được công bố công khai trước lớp [H05.05.01.12].

Hình thức thi được giảng viên công bố và phổ biến tới toàn thể sinh viên tham gia lớp học ngay từ đầu kỳ. Đối với bài thi viết, đề thi và đáp án được thiết kế theo quy định của Nhà trường, thời gian làm bài được quy định phù hợp với số tín chỉ của từng học phần [H05.05.03.07].

Để đảm bảo giá trị về mặt khoa học, thực tiễn và tính cập nhật, đề thi được các GV gửi nộp cho Trưởng Bộ môn phụ trách học phần để đánh giá trước khi nộp lên Phòng Đào tạo. Việc đổi mới câu hỏi thi dựa trên tham vấn ý kiến của GV trực tiếp giảng dạy các học phần. Các đề thi được kiểm duyệt độ tin cậy giúp đánh giá năng lực của SV. Trong đó, mỗi đề thi đều có đáp án và thang điểm chi tiết đảm bảo tối đa sự công bằng giữa các đối tượng người học, đem tới nhiều thuận tiện cho GV chấm thi và đảm bảo tiến độ trong công tác khảo thí [H05.05.03.08].

Để đảm bảo tính công bằng, đề thi sử dụng trong kỳ thi được lấy ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi, công tác bốc thăm, in sao đề thi được thực hiện bởi Phòng Đào tạo dưới sự giám sát của Thanh tra đào tạo để đảm bảo sự công bằng và tính bảo mật. Bài thi của SV được chấm chi tiết theo đáp án, với quy trình chấm được chuẩn hóa (hai giảng viên cùng chấm, thống nhất điểm, vào điểm trên bài, gửi đến bộ phận nhập điểm vào phần mềm...) để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Mỗi bài thi kết thúc học phần đều có hai GV cùng chấm để hạn chế tính chủ quan [H05.05.03.09]. Ngoài ra, người học có quyền phúc khảo kết quả thi kết thúc học phần nếu thấy chưa công bằng theo thông báo chấm phúc tra của Trường ĐHKHTN mỗi học kỳ [H05.05.03.10, H05.05.02.08].

Đối với báo cáo khóa luận tốt nghiệp, hàng năm Nhà trường ban hành Hướng dẫn tổ chức làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy [H05.05.03.11]. Trên cơ sở đó, Khoa Môi trường có công văn thông báo yêu cầu cụ thể về việc thực hiện Khóa luận tốt nghiệp với các quy định và biểu mẫu cụ thể [H05.05.03.12]. Công cụ Rubrics được dùng để đánh giá khóa luận tốt nghiệp đảm bảo chi tiết điểm đánh giá, công khai và công bằng [H05.05.01.14]. Việc chấm Khóa

luận tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng đánh giá khi có sự nhận xét và đồng ý cho phép bảo vệ của GV hướng dẫn. Điểm của khóa luận sẽ do Hội đồng thảo luận, đánh giá và sau đó thông qua ở Hội đồng chung cấp Khoa, công bố công khai cho sinh viên ngay sau đó [H05.05.03.13].

Hàng năm Khoa đều tổ chức hội nghị tổng kết trong đó thảo luận về hiệu quả tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần/CTĐT từ đó đề xuất điều chỉnh phù hợp cho các năm học sau [H05.05.03.14].

Sau khi kết thúc mỗi học kì, Phòng TT&ĐBCL tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của người học với các học phần, trong đó có tiêu chí về mức độ phù hợp và tính công bằng về hoạt động kiểm tra - đánh giá KQHT người học của GV. Kết quả đánh giá lựa chọn ngẫu nhiên các học phần cho thấy đều có kết quả phản hồi ở mức tốt: Tiêu chí GV phổ biến rõ quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học đạt mức 4.5/5.0 trở lên; Phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với việc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần (4.5/5.0 trở lên); Kết quả kiểm tra đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học (4.5/5.0 trở lên); Phản hồi về kết quả đánh giá theo quá trình (thường xuyên, giữa kỳ...) giúp sinh viên cải thiện việc học tập (4.5/5.0 trở lên); Sinh viên dễ dàng thực hiện quy trình khiếu nại về kết quả học tập khi cần (4.5/5.0 trở lên) [H05.05.03.15].

2) Điểm mạnh

Công tác đánh giá KQHT của người học ngành KHMT được thực hiện theo đúng quy trình và văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng.

3) Tồn tại

Hình thức đánh giá KQHT của người học mặc dù được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng đôi khi vẫn còn lệch nhau về đánh giá điểm thành phần của giữa các GV cùng dạy một học phần cho các lớp khác nhau. Việc đánh giá lại phổ điểm kết quả của sinh viên để có cơ sở điều chỉnh đề thi, thang điểm chưa được quan tâm một cách đồng bộ.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Mỗi học kỳ, các giảng viên cùng tham gia giảng dạy học phần trao đổi thống nhất khi tổ chức ra đề thi và đánh giá kết quả người học - Hàng năm sau mỗi kỳ thi, Khoa tổ chức đánh giá lại phổ điểm kết quả của sinh viên để đề xuất điều chỉnh đề thi, thang điểm hợp lý hơn cho các kỳ thi tiếp theo.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1) *Mô tả*

Khoa Môi trường cùng các phòng ban chức năng trong Trường luôn thực hiện phản hồi kịp thời kết quả học tập theo quy định về thời gian báo điểm điều kiện, thời gian báo điểm thi căn cứ trên Quy chế đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội [H05.05.01.03].

Theo quy chế đào tạo của ĐHQGHN, điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: *điểm đánh giá bộ phận* (trung bình của các điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ) và *điểm thi kết thúc học phần*. Kết quả đánh giá bộ phận ở từng học phần sẽ được giảng viên thông báo cho sinh viên, chậm nhất 7 ngày làm việc kể từ sau ngày kiểm tra hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn [H05.05.01.03]. Ngay sau khi có điểm kiểm tra, giảng viên giải đáp thắc mắc, khiếu nại về điểm đánh giá của sinh viên (nếu có) hoặc trao đổi thêm với sinh viên có kết quả đánh giá bộ phận của học phần chưa tốt nắm được điểm mạnh, điểm yếu của mình để cải thiện việc học tập [H05.05.04.08].

Việc chấm thi và công bố điểm kết thúc học phần (thi tự luận) được hoàn thành chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức thi kết thúc học phần, để sinh viên sớm có kế hoạch đăng ký học phần, học cải thiện điểm ở học kỳ mới [H05.05.01.03]. Kết quả học tập sẽ được gửi tới sinh viên thông qua tài khoản cá nhân của người học được cấp trên cổng thông tin đào tạo [H05.05.02.08]. Đối với hình thức vấn đáp, điểm thi phải được công bố cho sinh viên ngay sau buổi thi và được nộp về Phòng Đào tạo chậm nhất là một tuần kể từ ngày học phần được tổ chức thi [H05.05.01.08]

Quy trình phúc khảo bài thi của sinh viên được nhà Trường thông báo hàng năm theo mỗi học kỳ [H05.05.03.10]. Sinh viên cũng có thể phản hồi, khiếu nại về kết quả học tập, hình thức kiểm tra đánh giá trực tiếp với Phòng Đào tạo của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên hoặc trình bày ý kiến với cố vấn học tập của Khoa Môi trường, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo đại học của Khoa hoặc có thể trực tiếp gặp Ban chủ nhiệm Khoa hoặc viết thư rồi gửi vào hòm thư góp ý. Ngoài ra, hàng năm vào đầu năm học Trường cũng tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, tại hội nghị đó sinh viên có quyền nêu câu hỏi và đưa ra các góp ý của mình [H05.05.04.01].

Cuối mỗi kỳ học, Trường và Khoa thực hiện xử lý học vụ [H05.05.01.03], [H05.05.04.02], quyết định cảnh báo học tập sẽ được gửi về cho sinh viên thông qua hệ thống giáo vụ khoa, chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập và cổng thông tin đào tạo [H05.05.04.03]. Bên cạnh đó, sau khi có danh sách cảnh báo học vụ, Ban lãnh đạo Khoa Môi trường triển khai chỉ đạo các cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán sự lớp, Liên chi Đoàn - Hội có giải pháp tư vấn kịp thời cho các sinh viên bị cảnh báo học vụ [H05.05.04.04]. Nhiều sinh viên đã có thể chấn chỉnh lại thái độ và phương pháp học tập để có được kết quả học tốt hơn sau khi bị thông báo xử lý học vụ [H05.05.04.05].

Sinh viên còn được phát phiếu đánh giá giảng viên vào cuối mỗi học kỳ [H05.05.04.06]. Phiếu sẽ được Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng của Trường tiếp nhận và xử lý một cách khách quan. Kết quả đánh giá được gửi về cho lãnh đạo Khoa và từng giảng viên thông qua hệ thống văn thư hoặc email [H05.05.04.07]. Đây là một trong những cơ sở để giảng viên tham khảo, và có sự thay đổi phương thức kiểm tra, đánh giá trên lớp để đáp ứng được sự mong đợi và yêu cầu của sinh viên hơn. Đồng thời cũng là cơ sở để Ban lãnh đạo Khoa, Bộ môn theo dõi và xem xét trong việc phân công nhiệm vụ cho từng giảng viên một cách phù hợp. Ngoài ra, sinh viên cũng có cơ hội nêu ra bất kỳ thắc mắc của mình (cả về phương pháp đánh giá của giảng viên, hình thức xử lý học vụ...) trong các buổi tọa đàm với lãnh đạo Khoa và Trường vào đầu mỗi năm học [H05.05.04.01].

Kết thúc mỗi năm học, tại hội nghị Viên chức và người lao động Khoa cũng đã tổng kết lại toàn bộ quá trình đào tạo trong năm học vừa qua, những kết quả đã đạt

được và những công tác cần rút kinh nghiệm. Từ đó, đưa ra phương hướng, kế hoạch nhiệm vụ cho năm học tiếp theo với mục tiêu cải thiện việc học tập cho sinh viên [H05.05.03.09].

2) Điểm mạnh

Kết quả đánh giá học phần được phản hồi kịp thời tới người học, đúng quy định về thời gian theo Quy chế đào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội. Quy trình phản hồi kết quả học tập đến người học được đánh giá là công khai, rõ ràng. Ban lãnh đạo, giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập của Khoa và các phòng ban chức trong Trường luôn giải đáp, hỗ trợ kịp thời giúp người học cải thiện kết quả học tập một cách tốt nhất. Đây cũng là tiền đề để Nhà trường đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực đầu ra về ngành Khoa học Môi trường.

3) Tồn tại

- Quá trình nộp điểm sau khi kết thúc học phần của giảng viên đôi khi còn chậm trễ so với quy định, gây ảnh hưởng đến công tác phản hồi kết quả đánh giá học phần đến người học được kịp thời.

- Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo chưa thật sự tối ưu, cán bộ giảng dạy chưa trực tiếp tác nghiệp đăng nhập kết quả học tập cho người học.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Công tác kiểm soát hoạt động chấm thi, nộp điểm của các học phần cần chặt chẽ hơn, với mục tiêu đảm bảo theo đúng quy định của Quy chế đào tạo.

- Tiếp tục cải tiến phần mềm đào tạo, tích hợp LMS, giảng viên được quyền cập nhật kết quả học tập cho lớp học phần mình phụ trách.

- Tăng cường sâu hơn hoạt động của cố vấn học tập/ giáo viên chủ nhiệm để tăng hiệu quả hướng dẫn, hỗ trợ học tập cho người học.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1) Mô tả

Quy trình khiếu nại về kết quả kiểm tra, đánh giá các thành phần điểm của học phần học phần cho sinh viên được Khoa thực hiện theo quy định, có tính hợp lý và sinh viên có thể dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập.

- *Quy trình phúc khảo điểm đánh giá bộ phận của các học phần:* Căn cứ vào quy chế đào tạo đại học, quy trình phúc khảo điểm bộ phận của các học phần được quy định rõ ràng [H05.05.01.01, H05.05.01.03] và thông tin đến người học ngay từ lúc bắt đầu vào Trường thông qua tài liệu dành cho tân sinh viên [H05.05.02.10]. Kết quả đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, hoặc kết quả thi vấn đáp cuối kỳ sinh viên có thể trực tiếp khiếu nại với giảng viên giảng dạy/hỏi thi học phần đó. Bài thi tự luận hoặc trắc nghiệm thì Phòng Đào tạo có kế hoạch nhận đơn phúc khảo bài thi của sinh viên 2 tuần sau khi kỳ thi kết thúc, hướng dẫn cụ thể quy trình phúc khảo bài thi cho sinh viên. Thông báo về phúc khảo bài thi học kỳ của sinh viên được chuyển đến sinh viên và giáo vụ Khoa thông qua hệ thống website của trường, email,... phản ánh đầy đủ thông tin cả về mẫu đơn phúc khảo, thời gian, địa điểm nhận đơn và các thông tin khác. Sinh viên có khiếu nại về điểm nộp đơn trực tiếp đến bộ phận tiếp nhận của Phòng Đào tạo. Hiện nay, chưa có hình thức tiếp nhận khiếu nại về kết quả học tập qua hệ thống trực tuyến [H05.05.03.10, H05.05.05.01, H05.05.05.02]. Tuy nhiên, thống kê nhiều năm trở lại đây, đối với các môn thuộc ngành và chuyên ngành chưa có sinh viên khiếu nại về điểm học phần.

- *Đối với điểm rèn luyện:* quy trình đánh giá điểm rèn luyện được quy định trong Quy chế công tác học sinh, sinh viên. Trong đó, điểm rèn luyện được sinh viên tự đánh giá và đưa ra bình xét trước tập thể lớp, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập. Điểm rèn luyện của cá nhân sinh viên phải được nửa lớp thông qua thì mới được công nhận. Trong quá trình bình xét, sinh viên hoàn toàn được quyền khiếu nại đối với bất kỳ thành phần điểm rèn luyện nào của mình [H05.05.01.14]. Do sinh viên được tham gia vào suốt quá trình đánh giá điểm rèn luyện nên sau khi nhận được kết quả điểm, Khoa chưa nhận được các khiếu nại của

sinh viên về điểm rèn luyện.

Ngoài ra, sinh viên có thể gửi trực tiếp các khiếu nại về các vấn đề học tập nói chung và đánh giá học tập nói riêng tại đường link “Hòm thư Thanh tra - Pháp chế” trên trang web của trường [H05.05.05.02].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều tổ chức các buổi gặp mặt, đối thoại với sinh viên nhằm tăng cường trao đổi hai chiều, lắng nghe các phản hồi của sinh viên kịp thời, nhằm điều chỉnh và cải tiến nâng cao chất lượng dạy và học [H.05.04.01].

Từ năm học 2019 – 2020, trong Bộ phiếu lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm 2017 đã bổ sung mục 18, Phần 3 về “Người học dễ dàng tiếp cận quy trình khiếu nại về kết quả học tập”. Kết quả phản hồi cho thấy, năm 2020 điểm trung bình đánh giá là 3,99/5. Năm 2021, sự hài lòng của người học về việc tiếp cận quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã tăng lên 4,14/5 [H5.05.05.03].

2) Điểm mạnh

Với quy trình khiếu nại KQHT chi tiết và rõ ràng được công khai trong thông báo mỗi kỳ cho sinh viên, thông qua nhiều kênh khác nhau, sinh viên được thực hiện quyền khiếu nại và Nhà trường đã giải quyết tốt việc khiếu nại về KQHT để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại trường.

Kết quả khảo sát hàng năm về mức độ hài lòng của người học được áp dụng vào cuối học kỳ các năm học cho thấy SV cơ bản hài lòng về việc giải quyết khiếu nại và công khai kết quả học tập, mức độ hài lòng năm 2021 đã tăng hơn so với năm 2020. Theo thống kê của phòng Đào tạo, trong các năm vừa qua chưa có sinh viên ngành Khoa học Môi trường khiếu nại về đánh giá các môn học của ngành.

3) Tồn tại

Nhà trường đã có thông báo về việc nhận khiếu nại kèm biểu mẫu liên quan đến sinh viên cuối mỗi học kỳ, tuy nhiên người học vẫn phải thực hiện các thủ tục khiếu nại trực tiếp tại các phòng chức năng do chưa xây dựng được quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến. Hơn nữa, phần quy định khiếu nại chưa được cụ thể hóa trong Quy chế tào tạo đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định về khiếu nại đang được thực hiện dựa trên Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hệ

chính quy của Bộ giáo dục và Đào tạo.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Nhà trường xây dựng và hướng dẫn hoạt động khiếu nại, phản hồi kết quả bằng phương thức trực tuyến để nâng cao tính dễ tiếp cận, tiếp nhận và giải quyết đối với các khiếu nại.

- Nhà trường xây dựng Quy chế khiếu nại kết quả học tập.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 5:

Nhìn chung, việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành KHMT được thực hiện một cách chuyên nghiệp và khoa học, bám sát các quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN, của Nhà trường, đảm bảo tính rõ ràng, công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, mang tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng đáp ứng được các CĐR. Khoa Môi trường luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức của người học thông qua các kì thi, kiểm tra nhằm đo lường được mức độ đạt được CĐR, luôn đa dạng hóa các phương thức đánh giá cũng như phản hồi kết quả học đến người học kịp thời để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập. Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT.

Tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí đều được đánh giá ở mức đạt, các tiêu chí từ 1-5 đều có mức điểm đạt 6/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

Mở đầu

Khoa Môi trường có đội ngũ cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên chất lượng, được đào tạo bài bản từ các cơ sở đào tạo hàng đầu trong lĩnh vực Khoa học môi trường trong nước và quốc tế, đủ sức đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, nhằm giúp Khoa đạt được tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1) Mô tả

Để phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên có chất lượng cao, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển, và kế hoạch hàng năm của ĐHKHTN [H06.06.01.01] và của Khoa [H06.06.01.02], Khoa Môi trường đã xây dựng các kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên ở cả thời gian dài hạn và ngắn hạn, trong đó có tính đến sự tiếp nối, thăng tiến, bố trí lại nhân sự và việc nghỉ hưu của cán bộ.

- *Kế hoạch nhân sự dài hạn:* Được xây dựng dựa theo Chiến lược phát triển dài hạn của Trường [H06.06.01.01], Kế hoạch phát triển từng giai đoạn và tình hình thực tiễn của Khoa [H06.06.01.02].

- *Kế hoạch nhân sự ngắn hạn:* Được xây dựng hàng năm trong Phương hướng nhiệm vụ năm học của Khoa [H06.06.01.02] và Kế hoạch Tổ chức cán bộ trong Phương hướng nhiệm vụ hàng năm của Trường [H06.06.01.03].

Hiện nay Khoa Môi trường có 67 cán bộ tham gia vào công tác giảng dạy và hỗ trợ giảng dạy CTĐT ngành KHMT, trong đó có 57 cán bộ cơ hữu, hợp đồng lao động cấp ĐHKHTN và 11 cán bộ thỉnh giảng [H06.06.01.04]. Hiện nay, đội ngũ cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên cơ hữu bao gồm 15 phó giáo sư, 25 tiến sĩ (không bao gồm cán bộ đã có học hàm GS và PGS), và 10 thạc sĩ (Bảng 6-1) [H06.06.01.05]. Ngoài ra, còn phải kể đến đội ngũ giảng viên gồm nhiều giáo sư, phó giáo sư, và tiến sĩ của các đơn vị khác trong và ngoài Trường ĐHKHTN tham gia giảng dạy ở những môn thuộc khối kiến thức chung theo lĩnh vực và khối kiến thức chung theo khối ngành.

Có thể thấy, đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên cơ hữu ở Khoa đáp ứng yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học cho ngành KHMT. Cụ thể, tỉ lệ giảng viên và nghiên cứu viên cơ hữu có học vị tiến sĩ ở Khoa đạt 81,6%, cao hơn tỉ lệ yêu cầu là

40% cho cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu của Bộ, tính riêng tỉ lệ GV có học vị TS trên tổng số GV đạt trên 86%. Tương tự, tỉ lệ GV và NCV cơ hữu có chức danh giáo sư và phó giáo sư ở Khoa đạt 30,6%, đạt tỉ lệ theo yêu cầu của Bộ. Tỉ lệ này đối với GV là trên 35%.

Bảng 6-1. Thống kê phân loại giảng viên/nghiên cứu viên Khoa Môi trường trường theo trình độ, giới tính, và độ tuổi (7/2022)

Loại	Vị trí	Nam	Nữ	Phân theo tuổi		
				<40	40 - 60	Trên 60
	GS, PGS	10	5	1	12	2
	Tiến sĩ *	9	15	10	15	0
	Thạc sĩ	5	5	8	3	0
Tổng số		24	25	19	30	2

* Không bao gồm cán bộ đã có học hàm GS và PGS

Hiện nay, Khoa có 02 cán bộ có độ tuổi trên 60 [H06.06.01.04]. Ngoài ra, từ 2017-2022 đã có **10** giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ nghỉ hưu, 01 nghỉ việc, và 01 chuyển công tác. Vì thế, để đảm bảo công tác nhân sự, trong giai đoạn 2017-2022, Khoa đã tuyển dụng mới **10** giảng viên và nghiên cứu viên, trong đó có **02** phó giáo sư, **08** tiến sĩ, và **03** thạc sĩ [H06.06.01.05], 05 cán bộ bảo vệ thành công LATS. Các giải pháp, chính sách tuyển dụng nhân lực chất lượng cao và đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận đã giúp Khoa ổn định đội ngũ và đáp ứng được nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học, không bị hụt hẫng khi thiếu đi nguồn lực cán bộ nghỉ chế độ.

Bảng 6-2. Biến động giảng viên/nghiên cứu viên Khoa Môi trường trong giai đoạn 5 năm vừa qua

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Giáo sư	2	2	2	1	0
Phó giáo sư	18	17	16	14	15
Tiến sĩ *	21	21	22	23	25
Thạc sĩ	12	12	10	10	10
Tổng	53	52	50	48	50

* Không bao gồm cán bộ đã có học hàm GS và PGS

Căn cứ vào tình hình thực tế, và định hướng đào tạo, nghiên cứu của Trường và Khoa trong từng giai đoạn, Khoa đã triển khai các kế hoạch và giải pháp tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực khác nhau. Vào mỗi cuối năm học, Ban lãnh đạo Khoa cùng Trường các đơn vị trong Khoa xem xét lại tất cả các vị trí giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu trong Khoa, và dự kiến số cán bộ sắp nghỉ hưu, từ đó chuẩn bị kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, tuyển dụng giảng viên mới nếu cần. Đối với việc tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân sự, Khoa thực hiện chính sách xuyên suốt gồm:

- Đánh giá thực trạng và xây dựng chỉ tiêu phát triển nhân lực cho ngành KHMT hàng năm [H06.06.01.02], từ đó lập các kế hoạch và các giải pháp.

- Đề xuất kéo dài hợp đồng với Trường cho những cán bộ trình độ cao đã đến tuổi hưu nhưng thuộc nhóm được ký hợp đồng kéo dài [H06.06.01.06]; Đề xuất Trường ĐHKHTN ký hợp đồng mời giảng với các nhà khoa học uy tín từ các cơ quan ngoài [H06.06.01.07].

- Tuyển dụng và ký hợp đồng với các cán bộ có năng lực đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu, và phục vụ cộng đồng của Khoa. Trong năm năm vừa qua, Khoa đã ký hợp đồng mới với 02 phó giáo sư và 08 Tiến sĩ có năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học tốt [H06.06.01.08];

- Ký hợp đồng với sinh viên/học viên cao học tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc để bồi dưỡng và đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu trong tương lai của Khoa [H06.06.01.09]. 06 cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên trẻ sẽ đạt trình độ tiến sĩ trước 2025 [H06.06.01.05];

- Khuyến khích cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) tham gia và chủ trì các đề tài, dự án từ cấp Trường ĐHKHTN để nâng cao năng lực nghiên cứu [H06.06.01.10, H06.06.01.11].

- Cử cán bộ đi học, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là các khóa học cho NCS, khóa học thực tập sinh sau tiến sĩ, hợp tác nghiên cứu, trao đổi khoa học, và tham dự hội thảo chuyên môn ở nước ngoài [H06.06.01.12].

Đồng thời, dựa vào hướng dẫn của Trường ĐHKHT và căn cứ vào tình hình thực tế, Khoa Môi trường đã xây dựng và triển khai các kế hoạch để đảm bảo công tác phục vụ cộng đồng của đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên. Một số chương trình cụ thể, được triển khai xuyên suốt bao gồm:

- Tổ chức và tham gia các bài giảng, hội thảo đại chúng về các kiến thức khoa học có tính ứng dụng thực tiễn cao cho các cá nhân và tổ chức quan tâm [H06.06.01.16].

- Tổ chức các câu lạc bộ về các kỹ năng quan trọng như tin học và ngoại ngữ cho các sinh viên đang học tập tại Khoa [H06.06.01.16].

- Tham gia các hội nghị, hội thảo về những vấn đề quan trọng trong xã hội, cộng đồng trong thời gian qua [H06.06.01.16].

- Thẩm định, góp ý cho các dự thảo luật, nghị định, thông tư ở các lĩnh vực liên quan [H06.06.01.16].

- Triển khai các đề tài, giải pháp có tính ứng dụng cao, giải quyết các vấn đề quan trọng trong xã hội [H06.06.01.16].

2) Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Khoa Môi trường đều có trình độ và chuyên môn cao, việc tuyển dụng giảng viên được lựa chọn bài bản, đáp ứng về năng lực giảng dạy, chuyên môn phù hợp, có tư cách đạo đức tốt, sẵn sàng phục vụ cộng đồng. Giảng viên được bố trí dạy các học phần phù hợp với chuyên môn đào tạo. Khoa có chính sách phân công giảng viên trẻ mở rộng chuyên môn, tự bồi dưỡng kiến thức để có thể đảm nhận thêm các học phần mới khi Khoa và Trường điều chỉnh chương trình đào tạo. Những kết quả đó đã giúp nâng cao chất lượng giảng viên của Khoa, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Trong giai đoạn 2017 - 2022, Khoa Môi trường đã hỗ trợ cán bộ làm thủ tục và được Nhà nước bổ nhiệm học hàm Giáo sư cho 02 giảng viên và học hàm Phó giáo sư cho 04 giảng viên thuộc Hội đồng Khoa học Trái Đất. Đồng thời, Khoa đã nhận 02 cán bộ có học hàm Phó giáo sư, và 08 cán bộ có học vị Tiến sĩ về công tác.

3) *Tồn tại*

Việc cử cán bộ đi học, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn ở nước ngoài đã tạo nguồn lực có chất lượng chuyên môn cao, thành thạo ngoại ngữ phục vụ cho chiến lược phát triển lâu dài của Khoa và hội nhập nền Khoa học quốc tế. Tuy nhiên việc này cũng phần nào tạo thêm áp lực công việc cho cán bộ trong nước khi phải đảm đương thêm công việc của các cán bộ đi nước ngoài.

4) *Kế hoạch cải tiến chất lượng*

Khuyến nghị có thêm cơ chế động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành vượt mức công việc, đặc biệt là những công việc đảm nhận từ các cán bộ đi nước ngoài.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1) *Mô tả*

Lực lượng cán bộ giảng dạy của Khoa đáp ứng đúng theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo [H06.06.02.01]. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên tăng giai đoạn 2017-2022 là 3,16 - 5,26 sinh viên/ giảng viên ngành KHMT quy đổi (Bảng 6.3), và từ 1,58 – 1,92 sinh viên/ giảng viên toàn Khoa quy đổi (Bảng 6.4) ,, thấp hơn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 20 sinh viên/giảng viên quy đổi [H06.06.02.01], cũng như tỷ lệ trung bình của Trường ĐHKHTN là 6-8 sinh viên/giảng viên quy đổi [H06.06.02.02].

Bảng 6.3. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi của ngành KHMT

Năm học	Số giảng viên quy đổi	Quy mô sinh viên ngành KHMT	Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi
2018-2019	60,3	204	3,38
2019-2020	65,1	206	3,16
2020-2021	48,5	175	3,61
2021-2022	41,1	216	5,26

Bảng 6.4. Tỷ lệ sinh viên ngành KHMT/giảng viên toàn Khoa quy đổi

Năm học	Số giảng viên quy đổi	Quy mô sinh viên ngành KHMT	Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi
2017-2018	106,9	199	1,86
2018-2019	107,1	204	1,90
2019-2020	109	206	1,89
2020-2021	110,9	175	1,58
2021-2022	112,3	216	1,92

Khối lượng công việc của cán bộ được xác định rõ ràng theo quy định [H06.06.02.03]. Theo đó, khối lượng công việc của GV, NCV trong một năm học là tương đương 1.760 giờ hành chính để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và phục vụ cộng đồng. Tất cả các đầu mục công việc được quy đổi ra giờ chuẩn theo quy định của Trường ĐHKHTN. ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN cũng có quy định rõ ràng về khối lượng công việc tiêu chuẩn trong năm cho các nhiệm vụ công việc chính [H06.06.02.03]. Các cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn, năng lực, đảm bảo quy định [H06.06.02.04].

ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã có các văn bản quy định và hướng dẫn chi tiết về việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên theo giờ chuẩn ở các lĩnh vực, bao gồm cả đào tạo và nghiên cứu khoa học, và các quy định được sử dụng làm căn cứ để các cán bộ kê khai công việc vào cuối năm [H06.06.02.03]. Trường ĐHKHTN cũng có cổng thông tin quản lý công việc trực tuyến, tại địa chỉ <http://qlgg.hus.edu.vn/>, với tài khoản riêng cho từng cán bộ, để cán bộ có thể kê khai và cập nhật giờ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công việc khác [H06.06.02.05]. Việc kê khai công việc này là bắt buộc với mỗi cán bộ, để làm cơ sở đánh giá cuối năm học [H06.06.02.06].

Cũng trong các văn bản trên, ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã quy định rõ cho yêu cầu về giờ làm việc tiêu chuẩn và giờ làm việc tối thiểu cho các công việc chính của đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên, trong đó tập trung vào công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Các trường hợp quy đổi, vượt định mức, hoàn thành xuất sắc so với giờ làm việc tiêu chuẩn cũng được quy định rõ ràng [H06.06.02.04].

Vào đầu mỗi năm học, các cán bộ của Khoa sẽ triển khai thực hiện nhiệm vụ theo các quy định về chế độ làm việc của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN. Cuối năm học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ sẽ được đánh giá từ cấp bộ môn, đơn vị đến cấp Khoa [H06.06.02.07] và được công khai, để từng cá nhân, bộ môn và Khoa có các giải pháp cải thiện chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, và phục vụ cộng đồng

Ngoài việc tập trung vào công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học, các cán bộ của Khoa cũng chú trọng thực hiện các hoạt động vì cộng đồng như chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp phục vụ cộng đồng đã liên tục thường xuyên gia tăng, quan tâm nhiều đến việc tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng theo chiều sâu, gắn kết nhiều hơn với hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các hoạt động tình nguyện, tư vấn, hội thảo, thẩm định đề tài, chiến dịch quảng bá cho hoạt động bảo vệ môi trường, ... cũng được triển khai rộng rãi.

2) Điểm mạnh

Khoa có đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, luôn tâm huyết với nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hàng năm, 100% đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành tốt hoặc xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Việc có đội ngũ cán bộ vừa có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học và vừa có khả năng tham gia giảng dạy tại Khoa là thế mạnh của Khoa trong việc tăng cường tính thực tiễn của chương trình đào tạo, đồng thời giúp giảng viên cập nhật sự phát triển của khoa học công nghệ.

Tỉ lệ sinh viên/giảng viên ở mức tốt hơn so với tiêu chuẩn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3) Tồn tại

Mặc dù các hoạt động phục vụ cộng đồng của cán bộ rất đa dạng, phong phú, nhưng cần có thang đánh giá mức độ đóng góp cụ thể của giảng viên và nghiên cứu viên trong các hoạt động này.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí định lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng

của giảng viên, nghiên cứu viên.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1) Mô tả

Việc tuyển chọn, tuyển dụng và bổ nhiệm, điều chuyển giảng viên và nghiên cứu viên của Khoa được thực hiện theo Quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN [H06.06.03.01].

Ứng viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn được ĐHQGHN quy định [H06.06.03.01] và phù hợp với đặc thù của Khoa. Trường ĐHKHTN chỉ tuyển dụng vào làm giảng viên những người có trình độ tiến sĩ và có khả năng giảng dạy nghiên cứu tốt, có chuyên ngành phù hợp, có năng lực nghiên cứu khoa học, đồng thời ưu tiên cán bộ có công bố quốc tế, khả năng hội nhập trong đào tạo, nghiên cứu; ngoại ngữ đạt B2, tương đương 5.5-6.5 của IELTS. Trường ĐHKHTN cũng quy định một số tiêu chuẩn ưu tiên: năng lực giảng dạy, kinh nghiệm nghiên cứu, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, đạo đức nhà giáo, đạo đức trong nghiên cứu, tôn trọng tự do học thuật [H06.06.03.01]. Hàng năm, Khoa tổng hợp nhu cầu tuyển mới cán bộ viên chức từ các bộ môn và phòng thí nghiệm theo hướng dẫn của ĐHKHTN [H06.06.03.02] và đối sánh với quy định phát triển nhân lực của Khoa. Sau khi được phê duyệt, mỗi vị trí cần tuyển dụng đều có bảng mô tả vị trí việc làm chi tiết [H06.06.02.04] và được công bố công khai [H06.06.03.03]. Các ứng viên có hồ sơ xuất sắc sẽ được xét tuyển đặc cách thông qua Hội đồng kiểm tra, đánh giá chuyên môn [H06.06.03.04]. Ngoài ra, Trường và Khoa có chính sách thu hút các sinh viên, học viên tốt nghiệp xuất sắc chương trình Đại học và Thạc sĩ đề đề xuất ký hợp đồng giảng viên, nghiên cứu viên, nếu cán bộ đó có thành tích phù hợp và thể hiện tốt khả năng của mình [H06.06.03.05].

Cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên của Khoa Môi trường được tạo điều kiện thuận lợi để thăng tiến theo đúng quy định của Nhà nước, ĐHQGHN và ĐHKHTN:

- *Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp*: ĐHKHTN bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp

theo quy định của Bộ Nội vụ [H06.06.03.06];

- *Bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư*: Căn cứ vào kế hoạch, thực trạng, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Khoa, ĐHKHTN xây dựng kế hoạch bổ nhiệm dài hạn và thông báo công khai hàng năm nhu cầu bổ nhiệm chức danh GS, PGS ở các ngành, chuyên ngành [H06.06.01.15]. Ứng viên được Hội đồng chức danh Nhà nước công nhận GS, PGS sẽ được ĐHKHTN xem xét bổ nhiệm [H06.06.01.15].

- *Bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý*: được thực hiện theo một quy trình thống nhất dựa trên quy hoạch, đồng thời xem xét năng lực và tín nhiệm của ứng viên, đáp ứng khung năng lực trong đề án vị trí việc làm, với sự giám sát của các bên liên quan để đưa vào quy hoạch [H06.06.01.13, H06.06.02.04, H06.06.03.01].

- *Nâng bậc lương*: được thực hiện theo quy định của Bộ Nội vụ và Trường ĐHKHTN [H06.06.03.07]. Hàng năm, theo hướng dẫn của ĐHKHTN [H06.06.03.08], Khoa sẽ rà soát và đề nghị ĐHKHTN và ĐHQGHN nâng bậc lương cho cán bộ đủ tiêu chuẩn [H06.06.03.09].

Khi có sự thay đổi về nhân sự, căn cứ vào Quy hoạch, năng lực của cán bộ và nhu cầu của các bên liên quan, Khoa sẽ tiến hành rà soát các nhân sự trong quy hoạch đáp ứng được tiêu chuẩn, sau đó họp đánh giá với sự tư vấn của Trường [H06.06.01.14] để bố trí sắp xếp lại nhân lực, phân công lại công việc và đề xuất ĐHKHTN bổ nhiệm theo đúng quy định [H06.06.01.14].

ĐHQGHN và ĐHKHTN đã ban hành Quy định về tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên và đăng công khai trên website [H06.06.03.10]. Các tiêu chuẩn bổ nhiệm, điều chuyển, nâng hạng ... đối với cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên cũng được đưa công khai ở đây. [H06.06.03.10].

2) *Điểm mạnh*

ĐHKHTN và Khoa Môi trường có quy định, kế hoạch, quy trình, tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai.

3) *Tồn tại*

Yêu cầu cán bộ giảng dạy có trình độ cao trong xét tuyển tạo ra độ trễ nhất định trong hoạt động thu hút nhân lực.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, có nhiều kênh thông tin, giới thiệu ứng viên tốt, chất lượng cao đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn của Trường, phù hợp chuyên môn với Khoa

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1) Mô tả

Việc xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực có năng lực cao là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Khoa để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (năng lực nghiên cứu khoa học, giảng dạy và đóng góp cho cộng đồng, ...) được xác định và đáp ứng các quy định của Trường ĐHKHTN và của Khoa. Các cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên của Khoa có năng lực được đánh giá theo vị trí việc làm [H06.06.02.04] và theo quy định của ĐHKHTN [H06.06.03.05], trong đó có các tiêu chuẩn về năng lực khuyến khích cần có ở đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên bao gồm: có học vị Tiến sĩ; có chuyên ngành phù hợp; có năng lực nghiên cứu khoa học, đồng thời ưu tiên cán bộ có công bố quốc tế, có ngoại ngữ phù hợp. ĐHKHTN cũng quy định một số tiêu chuẩn ưu tiên: năng lực giảng dạy, kinh nghiệm nghiên cứu, kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, đạo đức nhà giáo, đạo đức trong nghiên cứu, tôn trọng tự do học thuật.

Năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và đóng góp cho cộng đồng của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên trong Khoa được giám sát và đánh giá thường xuyên. Theo quy định của ĐHQGHN [H06.06.04.01], công tác giảng dạy và nghiên cứu được đánh giá thông qua các đánh giá cá nhân, phản hồi của sinh viên, đánh giá của thanh tra, đánh giá của các cấp quản lý với sự giám sát của Khoa và ĐHKHTN.

- Ở cấp Trường: Phòng Tổ chức cán bộ - hành chính quản lý và đánh giá cán bộ. Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng lấy ý kiến phản hồi về chất lượng của đội ngũ giảng dạy [H06.06.04.02], tổng hợp các đánh giá, gửi tới lãnh đạo Khoa và từng giảng viên để rút kinh nghiệm, cải tiến chất lượng dạy học sau mỗi học kì [H06.06.04.03].

- Ở cấp Khoa và Bộ môn/Phòng thí nghiệm: Lãnh đạo Khoa, lãnh đạo Bộ môn và Phòng thí nghiệm, và các đoàn thể sẽ kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ. Kết thúc năm học, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ sẽ được đánh giá từ cấp bộ môn đến cấp Khoa dựa trên kết quả và đối chiếu báo cáo tổng kết của mỗi cán bộ [H06.06.02.07] với các quy định về chế độ làm việc giảng viên, nghiên cứu viên của ĐHQGHN và ĐHKHTN. Từ đó, Bộ môn/Phòng và Khoa sẽ họp xếp loại cán bộ, làm cơ sở để bình xét các danh hiệu thi đua cho năm học [H06.06.02.06].

Cụ thể, viên chức và người lao động được xếp loại theo điểm đánh giá (công thức tính điểm có quy định rõ trong Hướng dẫn tổng kết năm học của Nhà trường) dựa trên 3 tiêu chí: công tác giảng dạy, công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động phục vụ cộng đồng và các công việc chuyên môn khác.

Bảng 6-5. Xác định mức xếp loại

Điểm	$\geq 8,5$	7,0 – 8,4	5,0 – 6,9	Dưới 5,0
Xếp loại	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ

Năm học 2020-2021, 87% cán bộ được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 13% cán bộ được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm học 2021-2022, 89.2% cán bộ được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 5.3% cán bộ được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, 1 cán bộ được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ và 1 cán bộ không đánh giá xếp loại do mới ký hợp đồng. Một số giảng viên có thành tích xuất sắc trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, trung bình hàng năm đều có từ 07-08 giảng viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Trường.

Ngoài ra, ĐHQGHN và ĐHKHTN cũng có quy định để đánh giá, khen thưởng, và hỗ trợ thêm cho những cán bộ có thành tích nổi bật và xuất sắc, ví dụ như công bố quốc tế trên các tạp chí quốc tế có uy tín, có đăng ký sở hữu trí tuệ, có sáng kiến trong làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, ... [H06.06.04.04].

Đồng thời, căn cứ theo chiến lược phát triển và kế hoạch hàng năm của ĐHKHTN và của Khoa, đặc biệt là các kế hoạch đào tạo và nghiên cứu khoa học

trung và dài hạn như việc điều chỉnh chương trình đào tạo hoặc cập nhật chiến lược khoa học công nghệ, Khoa tổ chức cập nhật hồ sơ năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên trong Khoa theo định kỳ hai đến ba năm một lần để có đánh giá cụ thể và chính xác về sự phù hợp và khả năng đáp ứng của đội ngũ cán bộ Khoa đối với yêu cầu mới [H06.06.04.05].

2) Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng, cụ thể và được đánh giá đúng theo quy định về mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng đối với đơn vị cấp II, viên chức và người lao động trong trường ĐHKHTN, ĐHQGHN.

3) Tồn tại

Việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV đang học tập nâng cao trình độ còn chưa được hướng dẫn chi tiết.

Thang đánh giá mức độ đóng góp cho cộng đồng của GV, NCV chưa cụ thể

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần bổ sung hướng dẫn chi tiết đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV học tập nâng cao trình độ.

Xây dựng thang đánh giá mức độ đóng góp cho các hoạt động cộng đồng của GV, NCV.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1) Mô tả

Theo hướng dẫn của ĐHKHTN, Khoa thực hiện việc khảo sát, xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng trực tiếp từ cán bộ, viên chức thông qua rà soát nhu cầu và xu hướng phát triển của ngành, chuyên ngành ở Khoa, cũng như quá trình hoạt động chuyên môn ở Bộ môn, và lấy ý kiến ở hội nghị cán bộ hàng năm của Khoa

[H06.06.05.01].

Căn cứ vào kết quả tổng hợp từ Khoa và yêu cầu từ chương trình đào tạo, ĐHKHTN sẽ mở lớp hoặc cử giảng viên, nghiên cứu viên tham dự các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ và chuẩn chức danh nghề nghiệp; các đợt dự tuyển các khóa đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước; các đợt đăng ký bổ nhiệm học hàm...

- *Hỗ trợ các cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên sớm đạt học hàm*: tạo điều kiện tham gia đề tài NCKH các cấp [H06.06.05.02]; phân công hướng dẫn học viên sau đại học [H06.06.05.03]; tạo điều kiện nâng cao năng lực công bố bài báo quốc tế [H06.06.05.04];

- *Hỗ trợ phát triển cán bộ GV và NCV trẻ*: Các cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên mới được ĐHKHTN tuyển dụng về làm việc tại Khoa đều được tạo điều kiện nhận đề tài cấp cơ sở, từ 2017 đến 2022 Khoa Môi trường đã có 33 đề tài cấp cơ sở được giao cho cán bộ trẻ thực hiện [H06.06.01.11];

- *Nâng cao trình độ qua các hoạt động nghiên cứu*: Khoa khuyến khích cán bộ đăng ký tham gia và chủ trì các đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ. Trong giai đoạn 2017-2022, các cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên của Khoa đã tham gia và thực hiện nhiều nhiệm vụ NCKH các : 18 cấp Quốc gia; 32 đề tài Nafoted; 24 cấp bộ; 53 cấp ĐHQG; 23 nhiệm vụ Hợp tác quốc tế; 9 nhiệm vụ hợp tác với địa phương [H06.06.05.05];

- *Nâng cao chuyên môn qua trao đổi nghiên cứu, tham dự các khóa đào tạo, các hội thảo ở nước ngoài*: Trong giai đoạn 2017-2022, Trường đã cử nhiều lượt cán bộ giảng dạy ngành KHMT đi công tác nước ngoài để thực hiện luận án TS, học tập sau Tiến sĩ, trao đổi khoa học, tham gia các khóa học ngắn hạn ... [H06.06.01.12];

- *Hỗ trợ để cán bộ nâng cao trình độ chuyên môn, công bố sản phẩm khoa học*: ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN đã có chính sách hỗ trợ kinh phí cho 268 bài báo của các cán bộ công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín [H06.06.04.04]; áp dụng các chính sách về giảm giờ, điểm thưởng, và xét lên lương trước hạn cho cán bộ có thành tích khoa học vượt trội theo quy định của ĐHKHTN [H06.06.02.03, H06.06.02.06, H06.06.03.07];

- *Đào tạo các nghiệp vụ, kỹ năng*: Tổ chức và gửi cán bộ tham dự các chương trình bồi dưỡng kỹ năng viết bài báo; giảng dạy trực tuyến; kỹ năng giảng dạy bằng tiếng Anh; khóa học kiểm định chất lượng... [H06.06.05.06].

- *Hỗ trợ cơ hội tự phát triển chuyên môn cho giảng viên, nghiên cứu viên xuất sắc*: Trường ĐHKHTN và Khoa cũng tạo điều kiện để các giảng viên, nghiên cứu viên, có thành tích xuất sắc trong đào tạo và/hoặc nghiên cứu khoa học, có nguyện vọng, được xem xét dành toàn bộ thời gian hoặc cử đi biệt phái làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng tại Trường hoặc tại đơn vị đối tác của Trường (trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp,...) với thời gian một học kỳ trong vòng tối đa hai năm sau khi đạt được thành tích. Ví dụ về các thành tích xuất sắc bao gồm: Hướng dẫn chính thành công 01 luận án tiến sĩ hoặc 01 luận văn thạc sĩ có công trình công bố quốc tế WoS/Scopus; Là tác giả chính của công trình được Giải thưởng KH&CN tiêu biểu hàng năm của ĐHQGHN (tính cả Giải thưởng Công trình KH&CN của nhà khoa học trẻ) hoặc các giải thưởng về KH&CN ở cấp độ cao hơn; Là tác giả chính trong bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích được cấp bằng; Là tác giả chính (tác giả đầu hoặc tác giả liên hệ) của 02 công bố trên tạp chí thuộc danh mục WoS hoặc đồng tác giả của 04 công bố quốc tế thuộc danh mục WoS ghi địa chỉ của Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN; Là tác giả của 01 báo cáo mời phiên khai mạc hoặc 02 báo cáo mời của Hội nghị quốc tế; Là chủ trì nghiên cứu có sản phẩm khoa học công nghệ được chuyển giao cho doanh nghiệp với tổng kinh phí 200 triệu đồng trở lên hoặc cho các Bộ, ngành, địa phương với tổng kinh phí 1 tỷ trở lên [H06.06.02.03].

- *Hỗ trợ giảng viên, nghiên cứu viên nâng cao chuyên môn tại các doanh nghiệp*: Theo đúng định hướng phát triển tri thức khoa học theo hướng đổi mới, sáng tạo của ĐHQGHN, giảng viên và nghiên cứu viên tại Trường ĐHKHTN và Khoa, nếu có nguyện vọng, sẽ được cử đi làm việc 01 tháng/năm tại doanh nghiệp trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan đến lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu mà vẫn tính giờ làm việc tại Trường [H06.06.02.03].

Việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của các cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện với chủ trương phù hợp với năng lực,

nguyện vọng cá nhân, phù hợp với định hướng phát triển của ngành, Khoa, và Trường, và tạo điều kiện tối đa cho các cán bộ tham gia. Trong giai đoạn 2017 - 2022 đã có trên 90% giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Khoa tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn khác nhau, 100% giảng viên có cơ hội được tập huấn về kiểm định, xây dựng , thư viện... [H06.06.05.06].

Việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của các cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên được ĐHQGHN, ĐHKHTN, và Khoa coi là một phần quan trọng của công việc cần thực hiện hàng năm của đội ngũ cán bộ, và có quy định cụ thể về tổng mức giờ làm việc mà cán bộ cần dành cho các hoạt động này trong năm [H06.06.02.03]. Vì thế, theo quy định, các cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa sẽ thống kê khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ... đã tham gia trong bản tổng kết công việc cá nhân cuối năm, và nộp lại cho Khoa và Trường để giám sát và đánh giá [H06.06.02.07].

2) Điểm mạnh

Ngoài kế hoạch phát triển chuyên môn của các giảng viên, nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, Khoa đã tổ chức và cử nhiều giảng viên đi tham dự nhiều khóa bồi dưỡng, hội thảo tăng cường năng lực chuyên môn, giảng dạy, và nghiên cứu khoa học.

3) Tồn tại

Do dịch bệnh Covid 19 nên 3 năm gần đây các hoạt động đào tạo, trao đổi học thuật trong nước và quốc tế của GV và NCV chủ yếu diễn ra online, phần nào hạn chế hiệu quả và sự tương tác so với các hoạt động trực tiếp.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sau dịch Covid 19, dần khôi phục các hoạt động trao đổi học thuật quốc tế trực tiếp (offline) để tăng hiệu quả và tương tác.

Tăng cường tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, doanh nghiệp hoặc dự án cho các hoạt động trao đổi học thuật với nước ngoài.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1) Mô tả

Các cán bộ của Khoa Môi trường đều có kế hoạch công tác cụ thể cho từng năm học, và việc quản lý về kế hoạch công tác và thời gian phân bổ làm việc của giảng viên được thực hiện theo quy định của ĐHQGHN và ĐHKHTN [H06.06.02.03]. Tổng thời gian làm việc của cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên trong một năm học là 1.760 giờ. Đây là tổng số giờ quy đổi của tất cả các công tác (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, học tập, bồi dưỡng và các công tác khác). Việc quy đổi số giờ chuẩn được thực hiện theo quy định của ĐHKHTN [H06.06.02.03]. Căn cứ vào công việc thực hiện thực tế [H06.06.02.07] và quy định về khối lượng công việc cần thực hiện được trong năm học của ĐHQGHN và ĐHKHTN, Khoa kiểm tra, giám sát và có điều chỉnh cho hợp lý.

Dựa vào kết quả hoàn thành công việc và thành tích trong năm của cán bộ thông qua bản kê khai công việc cuối năm, Khoa sẽ xếp loại cán bộ theo các mức khác nhau dựa theo quy định của ĐHKHTN [H06.06.02.06]. Các cán bộ có mức xếp loại cao, làm việc vượt định mức sẽ có cơ chế hỗ trợ tài chính thêm từ trường [H06.06.06.01]. Ví dụ, các cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên có số giờ giảng dạy vượt định mức được nhận kinh phí vượt giờ theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Các cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên có số giờ nghiên cứu vượt định mức sẽ được giảm giờ giảng dạy, được hỗ trợ tài chính đối với công bố quốc tế và đăng ký sở hữu trí tuệ từ Quỹ phát triển đơn vị của Trường ĐHKHTN.

Bảng 6- 6. Quy định giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên, nghiên cứu viên nếu là tác giả của một số sản phẩm khoa học vượt định mức

Stt	Sản phẩm khoa học	Số giờ chuẩn giảng dạy được giảm
1	Tạp chí Q1 theo xếp hạng của Scimago	80 giờ/1 bài báo
2	Tạp chí khoa học thuộc danh mục cơ sở dữ liệu WoS/Scopus (không thuộc Q1 theo xếp hạng của Scimago)	60 giờ/1 bài báo
2	Chương sách chuyên khảo tại nhà xuất bản quốc tế có uy tín	60 giờ/01 chương sách
3	Sách chuyên khảo xuất bản tại nhà xuất bản quốc tế có uy tín	100 giờ/01 sách chuyên khảo
4	Bằng độc quyền sáng chế (của Việt Nam)	60 giờ/01 bằng
5	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	60 giờ/01 bằng
6	Bằng độc quyền sáng chế (chuẩn Patent của Mỹ hoặc Châu Âu, Đông Bắc Á)	100 giờ/01 bằng

Ngoài ra, với những cá nhân có kết quả công việc và thành tích vượt trội, các hình thức và chế độ khen thưởng thêm cho cán bộ được Trường ĐHKHTN và ĐHQGHN quy định [H06.06.06.02], bao gồm bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN, giấy khen của Hiệu trưởng ĐHKHTN, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp ĐHQGHN, và cấp Bộ. Với một số cán bộ có thành tích đặc biệt xuất sắc, ĐHQGHN có quy định thêm các mức khen thưởng để ghi nhận và khích lệ [H06.06.06.03], ví dụ như giải thưởng ĐHQGHN về Khoa học và Công nghệ, bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN cho các nhà khoa học có công bố quốc tế xuất sắc, ...

Việc đánh giá giảng viên được thực hiện một cách hệ thống, hợp lý, có kế hoạch, thường xuyên theo quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN [H06.06.02.03] để đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan, minh bạch hướng tới cải tiến chất lượng. Hệ thống này được tổ chức chặt chẽ, bao gồm: Ban giám hiệu, Lãnh đạo các đơn vị thuộc trường, lãnh đạo các đơn vị chuyên môn, các phòng ban chức năng. Việc đánh giá cán bộ của ĐHKHTN được thực hiện theo phương pháp đánh giá khách

quan, đa chiều: cán bộ tự đánh giá, đồng nghiệp trong đơn vị đánh giá, các bên có liên quan đánh giá, và cấp trên trực tiếp đánh giá [H06.06.02.03, H06.06.02.06, H06.06.02.07, H06.06.06.04].

Các kết quả đánh giá được gửi đến cán bộ nhằm giúp họ phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm hạn chế, và làm căn cứ để thực hiện công tác khen thưởng [H06.06.06.05] . Việc quy định về thời gian làm việc phù hợp, cùng với cơ chế khen thưởng khách quan, hệ thống, rõ ràng góp phần thúc đẩy cán bộ tích cực công tác, nâng cao trình độ, phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2) Điểm mạnh

Trường đã có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên, không chỉ giúp tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học mà còn giúp quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được tốt.

Tính trung bình trong giai đoạn 2017 - 2022, các giảng viên của Khoa đều đạt và vượt định mức qui định cụ thể về khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy). Nhiều giảng viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp cơ sở, khen thưởng của Trường, của Đại học Quốc gia, và của Bộ.

3) Tồn tại

Chỉ tiêu 15% cán bộ đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở được phân bổ về cho đơn vị còn thấp hơn nhiều so với thành tích của cán bộ đạt được.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Khuyến nghị tăng chỉ tiêu danh hiệu Chiến sĩ thi đua để động viên, khích lệ kịp thời các GV xứng đáng.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả

ĐHQGHN và ĐHKHTN đã có các văn bản quy định và hướng dẫn chi tiết về yêu cầu công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, bao gồm công tác nghiên cứu khoa học. ĐHKHTN có quy định cụ thể về hoạt động nghiên cứu và số lượng sản phẩm cần đạt được trong một năm, quy đổi về đơn vị giờ chuẩn để đối sánh, đánh giá và giám sát [H06.06.02.03]. Ngoài ra, với định hướng phát triển trở thành đại học nghiên cứu hàng đầu trong khu vực và quốc tế, từ cuối năm 2021, ĐHQGHN và ĐHKHTN đã có thêm một số chỉ tiêu cụ thể cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và nghiên cứu viên. Theo đó, trong ba năm (từ năm 2022 đến hết năm 2024), mỗi giảng viên, nghiên cứu viên đảm bảo một trong các định mức công bố sản phẩm khoa học sau: Tối thiểu 01 bài báo khoa học trên tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu WoS hoặc Scopus; hoặc tối thiểu 01 sách chuyên khảo hoặc 02 chương sách chuyên khảo bằng tiếng nước ngoài do nhà xuất bản quốc tế có uy tín hoặc nhà xuất bản thuộc trường đại học nằm trong nhóm 1000 trường đại học hàng đầu thế giới xuất bản; hoặc tối thiểu 01 bằng độc quyền sáng chế theo chuẩn Patent tại Việt Nam hoặc chuẩn Patent của Mỹ hoặc Châu Âu, Đông Bắc Á; hoặc tối thiểu 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích. Từ năm 2025, cứ hai (02) năm liên tiếp, mỗi giảng viên, nghiên cứu viên đảm bảo định mức công bố tối thiểu 01 bài báo khoa học trên tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu WoS hoặc Scopus.

Theo quy định, đến cuối năm học, mỗi cán bộ sẽ kê khai thành tích nghiên cứu khoa học trong năm, và gửi thống kê cho Khoa và Trường [H06.06.02.07]. Trường ĐHKHTN cũng có cổng thông tin quản lý công việc trực tuyến, với tài khoản riêng cho từng cán bộ, và các thông tin công việc được liệt kê trong cổng thông tin sẽ được tự động tính toán ra giờ làm việc và mức hoàn thành công việc cho phần nghiên cứu khoa học cho cán bộ [H06.06.02.05]. Đây là một trong những căn cứ chính để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng [H06.06.06.01, H06.06.06.02, H06.06.06.03].

Hàng năm, Khoa thống kê các kết quả nghiên cứu của các cán bộ, từ đó đối sánh với kết quả của các năm trước [H06.06.01.02]. Dựa vào đó, Khoa và Trường nắm được mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên qua từng năm, từng giai đoạn và từ đó làm cơ sở đưa ra các biện pháp để cải tiến hoạt động nghiên cứu khoa học.

Nhờ vậy, trong giai đoạn từ 2017 đến 2022, 73 đề tài nghiên cứu các cấp, trong đó có 25 đề tài trực tiếp phục vụ nhu cầu của Nhà nước và địa phương đã được các cán bộ giảng viên và nghiên cứu viên của Khoa thực hiện [H06.06.05.05]. Số lượng công bố quốc tế cũng có xu hướng tăng dần trong giai đoạn này. Tính trung bình các năm gần đây, tỉ lệ bài báo ở tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus trên số lượng cán bộ của Khoa đạt mức hơn 1,4 bài/1 cán bộ/năm [H06.06.01.02], vượt mức yêu cầu của ĐHQGHN là 1 bài/1 cán bộ/3 năm, và cao hơn mức bình quân của ĐHKHTN là khoảng 0,90 - 0,95 bài/cán bộ /năm [H06.06.01.03] (Bảng 6- 7). Nhiều cán bộ, tập thể trong Khoa đã được nhận bằng khen các cấp về lĩnh vực nghiên cứu khoa học [H06.06.07.01].

Bảng 6- 7. Thống kê về sản phẩm nghiên cứu giai đoạn 2017-2022 của Khoa Môi trường*

Loại nghiên cứu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021	2022**
A. Đề tài/dự án	Nhiệm vụ	30	33	37	41	28	22
Cấp Quốc gia	Nhiệm vụ	03	05	03	03	02	02
NAFOSTED	Nhiệm vụ	05	07	06	06	04	04
Cấp Bộ	Nhiệm vụ	01	02	05	05	06	05
Cấp ĐHQGHN	Nhiệm vụ	07	08	11	11	09	07
Hợp tác Quốc tế	Nhiệm vụ	05	03	05	06	02	02
Hợp tác với Địa phương	Nhiệm vụ	01	01	01	02	03	01
Cơ sở	Nhiệm vụ	08	07	07	08	02	01
B. Công bố khoa học	Bài	111	131	125	166	161	164
Công bố quốc tế thuộc	Bài	27	23	28	51	68	71

Loại nghiên cứu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021	2022**
danh mục ISI&SCOPUS							
Công bố quốc tế ngoài danh mục ISI&SCOPUS	Bài	00	16	10	14	04	05
Bài báo trong nước (tạp chí)	Bài	86	58	29	51	47	74
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế	Bài	23	26	44	27	28	13
Kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc gia	Bài	05	08	14	23	14	01
C. Sở hữu trí tuệ và sáng chế		00	00	00	02	05	11

(*: Số liệu thống kê chỉ tính cho số cán bộ cơ hữu và kiêm nhiệm giảng dạy ngành KHMT;

** : Số liệu tính đến 31/5/2022)

2) Điểm mạnh

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập rõ ràng. Hoạt động nghiên cứu và số lượng sản phẩm được giám sát chặt chẽ bởi Khoa và Nhà trường căn cứ vào việc khai báo trên cổng thông tin quản lý công việc trực tuyến và cung cấp thông tin định kỳ cho bộ phận phụ trách nghiên cứu khoa học của Khoa và Trường. Các sản phẩm khoa học của GV, NCV trong Khoa được đối sánh với mức bình quân của Trường ĐHKHTN và yêu cầu của ĐHQGHN để đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ NCKH. Kết quả đối sánh cho thấy chỉ tiêu NCKH của Khoa đều vượt so với bình quân của Trường và yêu cầu của ĐHQGHN, nhiều cán bộ đã được nhận bằng khen trong NCKH.

3) Tồn tại

Phân bố chưa đồng đều giữa cán bộ có số lượng công bố Khoa học vượt trội với cán bộ có số lượng công bố thấp

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có đề tài nghiên cứu khoa học cấp cao để nâng cao khả năng nghiên cứu và công bố quốc tế, từ đó mở rộng đối tượng có bài báo quốc tế trong Khoa

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Kết luận tiêu chuẩn 6

Trong giai đoạn 2017-2022, Khoa Môi trường đã làm tương đối tốt công tác quy hoạch và tuyển dụng GV. Đội ngũ GV của Khoa có sự trưởng thành về chất lượng. Các giảng viên có ý thức phấn đấu, tự bồi dưỡng kiến thức và rèn luyện đạo đức. Trong giảng dạy, đội ngũ GV hoàn thành đạt và vượt mức số giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy ở mức tương đối cao. Trong nghiên cứu khoa học, một số GV đã được các Bộ - Ngành, và Đại học Quốc gia Hà Nội phân công làm chủ trì đề tài lớn. Các GV có cơ hội tham gia viết bài cho hội thảo khoa học trong nước và quốc tế nên hoàn thành số giờ nghiên cứu khoa học theo quy định. Một số GV được khen thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học. Công tác đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV và các chế độ khen thưởng của Khoa Môi trường và Trường diễn ra cụ thể, công khai và kịp thời đã tạo điều kiện cho GV hoàn thành nhiệm được phân công.

Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên luôn được đo lường, giám sát thường xuyên với mục đích làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trường Đại học Khoa học tự nhiên đã ban hành, phổ biến rộng rãi và công khai các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực chuyên môn) để bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đánh giá một cách chính xác và khách quan dựa trên những quy định, quy chế đã xây dựng với sự thống nhất cao trong đội ngũ giảng viên trong Trường Đại học Khoa học tự nhiên. Bên cạnh đó, nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được Khoa xác định rất rõ thông qua các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai sâu rộng để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên đã được Trường, Khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tiêu chuẩn 6 có 7 tiêu chí, các tiêu chí đều đạt: 6/7

TIÊU CHUẨN 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên phục vụ hoạt động đào tạo bậc Đại học ngành KHMT bao gồm: Đội ngũ trợ lý đào tạo, công tác sinh viên Khoa, Trung tâm CNTT&TT, nhân viên các phòng ban chức năng (Phòng CT&CTSV, Phòng Đào tạo, Phòng QT&BV, Phòng HT&PT, Phòng TTPC&ĐBCL, Phòng TCCB-HC, Hệ thống thư viện, Kí túc xá, bệnh viện, trạm xá...). Mặc dù, chất lượng đào tạo đại học phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa GV và người học, tuy nhiên đội ngũ GV không thể thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và người học khó có kết quả học tập tốt nếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thấp. Do đó, Trường ĐHKHTN, Khoa Môi trường và các đơn vị liên quan luôn quan tâm tới toàn bộ các khâu từ công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để xây dựng đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ về số lượng, có phẩm chất chính trị tốt, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao. Nhà trường đã xây dựng và ban hành các chiến lược, quy hoạch liên quan đến phát triển đội ngũ nhân viên, trên cơ sở đó xác định các tiêu chuẩn tuyển dụng, đảm bảo số lượng và cơ cấu phù hợp, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành KHMT. Đồng thời, để kiểm soát và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, Nhà trường thường xuyên tiến hành đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thông qua cuộc khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1) Mô tả

Đại học Quốc gia Hà Nội nói chung và Trường ĐHKHTN nói riêng có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học rất tốt, đội ngũ nhân viên hỗ trợ bao gồm các cán bộ làm việc tại các phòng ban chức năng, trợ lý, trung tâm như: trợ lý khoa, thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ

khác. Tất cả đã đóng một vai trò không nhỏ trong việc hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCD). ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN, Khoa Môi trường và các đơn vị hỗ trợ đã luôn quan tâm quy hoạch phát triển đội ngũ đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, tạo được hiệu quả cao trong công việc chung. Điều này được thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển ĐHQGHN đến năm 2020, tầm nhìn 2030 [H07.07.01.01]; Chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN giai đoạn 2012-2022, tầm nhìn 2030 [H07.07.01.02]; Chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN đến năm 2025, tầm nhìn 2035 [H07.07.01.03]; Các chỉ tiêu phát triển nguồn lực giai đoạn 2015-2020 [H07.07.01.04]; Kế hoạch phát triển nguồn lực hàng năm của Nhà trường [H07.07.01.05], [H07.07.01.06], [H07.07.01.07], [H07.07.01.08]; Phương hướng công tác năm học giai đoạn 2017 – 2022 của Khoa Môi trường [H07.07.01.09]; đồng thời điều này cũng được thể hiện cụ thể trong chức năng nhiệm vụ và nguồn lực ở thư viện [H07.07.01.10], phòng thí nghiệm [H07.07.01.11], bệnh viện [H07.07.01.12], Trung tâm CNTT&TT [H07.07.01.13]; trung tâm hỗ trợ sinh viên [H07.07.01.14] và các phòng ban chức năng khác trong trường [H07.07.01.15]. Để có được kết quả này ĐHQGHN, Nhà trường, Khoa Môi trường và các đơn vị hỗ trợ liên quan đã xây dựng bản đề án vị trí việc làm, từ đó có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên [H07.07.01.16], [H07.07.01.17], [H07.07.01.18], [H07.07.01.19], [H07.07.01.20], [H07.07.01.21].

Trường ĐHKHTN cũng đã xây dựng bản mô tả vị trí việc làm cụ thể cho từng vị trí công việc của các đơn vị thuộc và trực thuộc [H07.07.01.22], nhằm có kế hoạch tuyển dụng và phân công công việc hợp lý cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD.

Khoa Môi trường cũng đã xây dựng chiến lược, phương hướng phát triển đội ngũ cán bộ, trong đó có chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ được thể hiện trong các báo cáo tổng kết đánh giá cuối năm và phương hướng nhiệm vụ cho năm học mới hàng năm [H07.07.01.09]. Hiện nay Khoa có 6 cán bộ hỗ trợ, trong đó có 3 cán bộ kiêm nhiệm (trợ lý đào tạo sau đại học, trợ lý khoa học và thiết bị và cán bộ thư viện); 3 cán bộ chuyên trách (trợ lý đào tạo đại học, trợ lý công tác sinh viên và kế toán kiêm cán bộ hành chính). Các vị trí công việc hỗ trợ tại Khoa được lãnh đạo khoa phân công rõ ràng đúng người đúng việc [H07.07.01.23]. Các cán bộ này đều

được Lãnh đạo Trường và Khoa quản lý hồ sơ với lý lịch rõ ràng [H07.07.01.24]. Bên cạnh đó, Khoa Môi trường còn xây dựng đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm cố vấn học tập [H07.07.01.25] nhằm tư vấn hỗ trợ tốt nhất cho người học. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của khoa được đánh giá hàng năm nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại và nâng cao hiệu quả của công tác cố vấn học tập cho sinh viên trong suốt quá trình học tập. Ngoài ra, Khoa còn có Phòng thí nghiệm nghiên cứu môi trường và 05 phòng thí nghiệm chuyên đề nhằm đáp ứng nhu cầu thực hành thí nghiệm cho Sinh viên ngành KHMT, đảm bảo chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ [H07.07.01.11]. Như vậy, công tác đào tạo và quản lý sinh viên ngành KHMT tại khoa Môi trường được thực hiện một cách khoa học, bài bản. Các trợ lý khoa có trình độ (2 tiến sĩ, 2 thạc sĩ và 2 cử nhân), năng lực, có trách nhiệm hỗ trợ Ban lãnh đạo khoa quản lý và hỗ trợ tốt cho sinh viên, triển khai các hoạt động liên quan đến đào tạo, NCKH và PVCĐ tại khoa, hỗ trợ giải quyết các chế độ, chính sách đối với sinh viên...

Về số lượng đội ngũ nhân viên làm việc tại các khối Phòng ban của Nhà trường với năng lực chuyên môn phù hợp cũng luôn đảm bảo phục vụ tốt cho công tác đào tạo ngành KHMT, gồm 104 người [H07.07.01.26].

Trung tâm thông tin thư viện và tri thức số ĐHQGHN có đội ngũ cán bộ chuyên môn tương đối đầy đủ với 105 người, gồm Ban giám đốc (1 giám đốc và 02 phó giám đốc) và 11 phòng ban chức năng các khác [H07.07.01.27]. Đội ngũ nhân viên thư viện có trình độ chuyên môn cao, luôn được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ định kỳ do vậy đã tạo được nguồn dữ liệu điện tử, nguồn học liệu truyền thống (trên giấy) đảm bảo yêu cầu phục vụ hoạt động học tập và NCKH của GV và NH ngành KHMT.

Trung tâm CNTT&TT của Nhà trường có số lượng nhân sự gồm 06 người có năng lực chuyên môn phù hợp và trình độ từ cử nhân đến PGS CNTT (1 PGS, 04 thạc sĩ, 1 cử nhân) [H07.07.01.28]. Trung tâm đã thực hiện tốt công tác quản lý về công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động đào tạo và quản lý đào tạo của Nhà trường; Quản lý, vận hành hạ tầng mạng và các thiết bị tin học phục vụ quản lý, giảng dạy tại các giảng đường; phát triển các hệ thống phần mềm phục vụ đào tạo tín chỉ; Tổ chức, tư vấn đào tạo các khóa học về tin học, tất cả đã được minh chứng qua hệ thống hạ tầng CNTT [H07.07.01.29].

Đáng chú ý ở ĐHQGHN có Trung tâm hỗ trợ sinh viên, với chức năng [H07.07.01.14] của mình trung tâm luôn thể hiện vai trò quan trọng trong công tác hỗ trợ người học của Nhà trường. Hiện trung tâm gồm 72 VC&NLĐ, có trình độ chuyên môn phù hợp với từng vị trí, đáp ứng khung năng lực vị trí việc làm của đơn vị, gồm 11 người có trình độ thạc sĩ, 38 người có trình độ đại học, số còn lại đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo, [H07.07.01.30].

ĐHQGHN còn có các Trung tâm dự báo và phát triển nguồn nhân lực; Bệnh viện Đại học Quốc gia... với đội ngũ nhân viên đảm bảo về số lượng và chất lượng, hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH cũng như PVCĐ của GV, người học [H07.07.01.31], [H07.07.01.32].

Hàng năm, Trường ĐHKHTN và các đơn vị liên quan đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi về chất lượng phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ hỗ trợ để có sự điều chỉnh kịp thời, đáp ứng tốt yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ của GV và người học [H07.07.01.33], [H07.07.01.34], [H07.07.01.35], [H07.07.01.36]. Trong báo cáo kết quả lấy ý kiến về chất lượng hỗ trợ, phục vụ giai đoạn 2017 - 2022, của ĐHQGHN nói chung và của các đơn vị nói riêng cũng đã cho thấy đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng tốt việc phục vụ, hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H07.07.01.37], [H07.07.01.38], [H07.07.01.39].

Nhìn chung, CTĐT Đại học ngành KHMT luôn được đảm bảo nguồn nhân lực hỗ trợ, phục vụ về số lượng và chất lượng; có kế hoạch phát triển dài hạn và từng giai đoạn đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường nói chung và của KHMT nói riêng. Hàng năm Trường ĐHKHTN, Khoa Môi trường cũng luôn có những báo cáo phân tích, đánh giá về chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ, từ đó có phương án quy hoạch, phát triển, tuyển dụng bổ sung nhằm luôn đáp ứng một cách tốt nhất cho công việc hỗ trợ đào tạo và NCKH cho người học, các kết quả này được thể hiện trong báo cáo tổng kết và phương hướng hàng năm của Nhà trường, Khoa [H07.07.01.40], [H07.07.01.41], và các quy hoạch cụ thể khác của Khoa [H07.07.01.42].

Bảng 7-1. Nhân viên hỗ trợ đến từ ĐHQGHN

Trung tâm	Nhiệm vụ	Tổng số
Trung tâm Thư viện và tri thức số	Quản lý thông tin, dữ liệu và thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ trong quản lý tại ĐHQGHN [H07.07.01.10]	105
Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Quản lý và hỗ trợ sinh viên nội trú; tổ chức các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp, đào tạo; cung cấp dịch vụ để cải thiện cuộc sống của sinh viên, hỗ trợ sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học [H07.07.01.14]	72
Bệnh viện ĐHQGHN	Chịu trách nhiệm khám, chữa bệnh; nghiên cứu khoa học y tế và chuyên gia kiến thức, cung cấp dịch vụ y tế và công nghệ y tế chất lượng cao [H07.07.01.12]. Bệnh viện chịu trách nhiệm khám chữa bệnh cho cán bộ và sinh viên ĐHQGHN. Bệnh viện bố trí Phòng cấp cứu và cử nhân viên y tế làm việc tại mỗi trường đại học và viện nghiên cứu của ĐHQGHN để cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế tức thời trong trường hợp khẩn cấp hoặc chăm sóc sức khỏe cho tất cả nhân viên và sinh viên của ĐHQGHN.	203
Trung tâm dự báo và phát triển nguồn nhân lực	Thực hiện các hoạt động nghiên cứu thị trường, dự báo xu hướng thị trường lao động cho sinh viên ĐHQGHN; tổ chức các hoạt động đào tạo, thông báo cho sinh viên cơ hội việc làm và định hướng nghề nghiệp của thị trường lao động [H07.07.01.15]. Trung tâm hợp tác thiết lập các chương trình hỗ trợ doanh nhân khởi nghiệp, các khóa học khởi nghiệp và đào tạo kỹ năng cho nhân viên và sinh viên..	14

Bảng 7-2. Nhân viên hỗ trợ đến từ trường ĐHKHTN [H07. 07.01.16]

Trung tâm hỗ trợ sinh viên	Nhiệm vụ	Trình độ chuyên môn liên quan					Tổng số
		Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Phó giáo sư	Khác	
Phòng Đào tạo	Phụ trách các kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo, tuyển sinh, giáo trình – học liệu, cấp phát và quản lý văn bằng, trực tiếp theo dõi và tổ chức, quản lý đào tạo đại học hệ chính quy, các chương trình đào tạo thuộc nhiệm vụ chiến lược	1	9	4	1	0	15
Phòng CT&CTSV	Tham mưu về công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên huấn và công tác quảng bá hình ảnh của trường	2	5	2	0	0	9
Phòng Kế hoạch - Tài chính	Tham mưu xây dựng kế hoạch tài chính, quản lý tài chính, kế toán, thanh quyết toán, công tác báo cáo tài chính	4	3	0	0	0	7
Phòng KH&CN	Tham mưu về công tác khoa học công nghệ và quản lý thiết bị khoa học	0	3	3	1	0	7
Phòng HT&PT	Tham mưu về công tác quản lý hợp tác quốc tế của trường.	2	2	2	0	2	8
Phòng QT-BV	Phụ trách xây dựng cơ sở vật chất, điện nước, mua sắm, thanh lý các thiết bị văn phòng, an ninh trật tự, giảng đường, lớp học, vệ sinh môi trường, nhà gửi xe	8	3	0	0	13	24
Phòng TTPC&ĐBC L	Tham mưu công tác Thanh tra, Pháp chế, Đảm bảo chất lượng, tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm định chất lượng	0	3	1	1	0	5
Trung tâm	Tham mưu về công tác hoạch định, phát	1	5	0	1	0	7

CNTT&TT	triển, triển khai, đảm bảo hoạt động các hệ thống công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành nhà trường, trong đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu và học tập						
Khoa Môi trường	Hỗ trợ công tác sinh viên, giáo vụ, khoa học thiết bị, đào tạo sau đại học, thư viện, thi đua khen thưởng, phục vụ phòng thí nghiệm, văn thư, kế toán, thủ quỹ...	2	5	2		0	9

2) Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT Đại học ngành KHMT có năng lực chuyên môn phù hợp và được ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường quy hoạch, phát triển bài bản, khoa học theo quy trình rõ ràng, được rà soát, bồi dưỡng, bổ sung hàng năm. Chính vì vậy số lượng, chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Nhà trường, Khoa luôn đáp ứng yêu cầu phục vụ tốt nhất cho đào tạo, NCKH và PVCĐ của CTĐT ngành KHMT.

3) Tồn tại

Cần thu hút kịp thời cán bộ Văn phòng Khoa, giám sát tình trạng kiêm nhiệm.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phòng TTPC&ĐBCL, Phòng TCCB-HC và các phòng ban, các đơn vị hỗ trợ khác, Khoa Môi trường cần nâng cao hơn nữa các chế độ, chính sách thu hút và đãi ngộ đội ngũ nhân viên hỗ trợ trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1) Mô tả

Để đảm bảo chất lượng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ ĐHQGHN nói chung và các đơn vị thuộc ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường nói riêng đã luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên. Điều

này được thể hiện rõ nhất thông qua các văn bản hiện hành quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên [H07.07.02.01], [H07.07.02.02]; Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với công chức, viên chức trong ĐHQGHN [H07.07.02.03], [H07.07.02.04]; Quy định về việc ban hành quy định về ký kết hợp đồng lao động [H07.07.02.05]. Tiêu chuẩn năng lực đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường, Khoa đảm bảo tiêu chuẩn khi được tuyển dụng và các tiêu chuẩn theo quy định: 1 - Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt, 2 - Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên viên, 3 - Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc, 4- Có kỹ năng làm việc độc lập, nhóm; 5- Giao tiếp và tổ chức công việc tốt; 6 - Đủ sức khỏe theo yêu cầu của vị trí việc làm[H07.07.02.05]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy chế tuyển dụng sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHKHTN [H07.07.02.04], [H07.07.02.05] và bản mô tả vị trí việc làm cụ thể đối với cán bộ trước khi tuyển dụng của Nhà trường [H07.07.02.06] và của Khoa Môi trường [H07.07.02.07]. Hàng năm Nhà trường và các đơn vị đều có kế hoạch tuyển dụng, bổ sung nguồn nhân lực và được thể hiện trong phương hướng công tác năm học của Nhà trường và của Khoa [H07.07.02.08], [H07.07.02.09]. Sau khi kế hoạch được thông qua, Nhà trường luôn ra thông báo về nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị và gửi về các đơn vị xem xét lại và từ đơn vị đề xuất chính thức với Nhà trường các vị trí cần nhân sự [H07.07.02.10].

Các cá nhân khi đăng ký dự tuyển vào vị trí nhân viên của Trường ĐHKHTN cần đảm bảo các quy định chung như của Luật viên chức năm 2010 [H07.07.02.11]; sửa đổi bổ sung năm 2019 [H07.07.02.12]; Nghị định 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng [H07.07.02.13] và các ứng viên đăng ký dự tuyển viên chức của Trường phải đảm bảo các tiêu chuẩn cụ thể khác của ĐHQGHN và Nhà trường theo Quy định [H07.07.02.01], [H07.07.02.02]. Các ứng cử viên phải đảm bảo có kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành hoặc lĩnh vực tuyển dụng; Các quy định pháp luật về viên chức, đạo đức nhà giáo; Lịch sử hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Trường ĐHKHTN; Quy định quyền và nhiệm vụ của cán

bộ, viên chức, cán bộ quản lý Trường ĐHKHTN. Các ứng viên phải có bằng đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp, có trình độ ngoại ngữ, có trình độ sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và phải vượt qua kỳ thi đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tất cả các tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển chọn nhân viên nói trên đều được ĐHQGHN và Nhà trường công bố công khai trong thông báo về tuyển dụng viên chức hàng năm, trên website của trường và niêm yết tại phòng TCCB-HC [H07.07.02.14]. Cho đến thời điểm hiện nay Nhà trường chưa nhận được bất cứ ý kiến nào đánh giá về tiêu chí lựa chọn đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường ĐHKHTN là không rõ ràng và không công khai. Tất cả các ứng viên mới tuyển dụng đều được ký hợp đồng theo quy định, hồ sơ giống như cán bộ giảng viên đều được lưu giữ cẩn thận [H07.07.02.15].

Định kỳ 5 năm 1 lần hoặc khi cần thiết nhân viên hỗ trợ có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Nhà nước và yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với từng chức vụ quản lý sẽ được bổ nhiệm để đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, tạo điều kiện để cán bộ lãnh đạo quản lý được đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện qua thực tiễn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Nhà trường. Quy trình bổ nhiệm được thực hiện theo đúng Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm và chế độ phụ cấp lãnh đạo, phụ cấp trách nhiệm đối với công chức, viên chức trong ĐHQGHN [H07.07.02.03], [H07.07.02.04]. Nhân viên hỗ trợ được tuyển dụng, bổ nhiệm hàng năm được đưa vào báo cáo tình hình nhân sự của Nhà trường và phổ biến công khai cho đội ngũ GV, nhân viên trong Nhà trường được biết [H07.07.02.16], [H07.07.02.17].

Kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm cho thấy đội ngũ nhân viên Nhà trường đều có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng đáp ứng và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hàng năm, việc đánh giá hoạt động của nhân sự được thực hiện công khai theo 2 cấp, cấp Khoa/Phòng và cấp Trường. Kết quả đánh giá làm cơ sở cho việc sắp xếp công việc, bổ nhiệm, xét lương. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ hỗ trợ được đánh giá hợp lý thông qua các ý kiến phản hồi của người học, của GV. Từ năm 2017 đến nay, Nhà trường và Khoa đều tiến hành khảo sát ý kiến của người học về hoạt động quản lý và phục vụ đào tạo và đều cho kết quả tốt [H07.07.02.18], [H07.07.02.19], [H07.07.02.20], [H07.07.02.21].

Các đơn vị khác hỗ trợ người học của ĐHQGHN (trung tâm hỗ trợ người học, bệnh viện ĐHQGHN, Thư viện ...) thì các hoạt động tuyển dụng, bổ nhiệm lực lượng cán bộ hỗ trợ cũng được thực hiện các quy định chung như trên và cũng được công khai rộng rãi qua website đơn vị hoặc chung của ĐHQGHN [H07.07.02.22], [H07.07.02.23], [H07.07.02.24].

2) Điểm mạnh

Công tác tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai đảm bảo đúng quy trình và hiệu quả.

3) Tồn tại

Hiện nhà trường chưa phát hành sổ tay nhân viên theo mẫu nhất định và cho từng vị trí việc làm cụ thể mà chủ yếu do các đơn vị hoặc cá nhân tự xây dựng.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phòng TCCBHC cần ban hành sổ tay nhân viên phù hợp hơn trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1) Mô tả

Như đã trình bày ở tiêu chí trên, đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ/ phục vụ cho các hoạt động của CTĐT được đảm bảo về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đội ngũ GV, Trường và Khoa luôn đề cao vai trò của đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ. Việc đánh giá năng lực và phân loại viên chức được Nhà trường tổ chức định kỳ vào cuối mỗi năm học trên cơ sở Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức, người lao động trong ĐHQGHN [H07.07.03.01], Quy định về việc ban hành quy định về ký kết hợp đồng lao động Trường ĐHKHTN [H07.07.03.02], Quyết định ban hành quy định tạm thời về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động của Trường ĐHKHTN [H07.07.03.03]; Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc, xếp loại chất lượng đối với đơn vị cấp II, viên chức và người lao động của Trường

ĐHKHTN [H07.07.03.04].

Hàng năm, Nhà trường luôn thực hiện việc đánh giá chất lượng công việc sau một năm học cho toàn bộ giảng viên, cán bộ và các chuyên viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định chung của Trường về tư tưởng, phẩm chất, đạo đức, năng lực chuyên môn và mức độ hoàn thành công việc được giao. Nhà trường giao phòng chức năng xây dựng Kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên và người lao động bằng hình thức ra thông báo và gửi các văn bản hướng dẫn tổ chức Hội nghị tổng kết năm học để phân loại, đánh giá [H07.07.03.05], [H07.07.03.06], đây là căn cứ để các đơn vị sử dụng lao động tổ chức phân loại, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên dựa trên kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo các tiêu chí cụ thể ở các mức độ từ không hoàn thành nhiệm vụ đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Việc đánh giá, phân loại năng lực của nhân viên được thực hiện theo trình tự: nhân viên tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao theo biểu mẫu của Nhà trường [H07.07.03.07] và trình bày báo cáo tại cuộc họp đơn vị để toàn thể đồng nghiệp đóng góp ý kiến. Lãnh đạo đơn vị đánh giá nhận xét về mức độ hoàn thành công việc cũng như tổ chức bình bầu các danh hiệu thi đua, khen thưởng theo quy định [H07.07.03.08] cho các cá nhân, nhân viên hỗ trợ. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát sự hài lòng của sinh viên về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ của đội ngũ này cũng được đưa ra xem xét [H07.07.03.09], [H07.07.03.10]. Sau khi tiếp nhận các ý kiến của các bên, Trường đơn vị quyết định mức đánh giá và phân loại nhân viên trước tập thể và gửi cho Nhà trường [H07.07.03.11].

Kết quả đánh giá viên chức được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận [H07.07.03.12]. Trong những năm gần đây, hầu hết đội ngũ chuyên viên của Trường và Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Những đóng góp của chuyên viên, nhân viên luôn được sự công nhận của Khoa, Trường. Các chuyên viên và nhân viên hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó một số chuyên viên, nhân viên đạt Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nâng lương trước hạn và có nhiều sáng kiến, cải tiến trong qua trình công tác nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả công việc [H07.07.03.13]. Từ kết quả trên cho thấy, đội ngũ chuyên viên, nhân viên hỗ trợ được đánh giá cao có đủ năng lực, phục vụ tốt cho các hoạt động, NCKH

và PVCĐ của Khoa, Trường. Tuy nhiên vẫn còn một số kiến nghị đối với bộ phận phục vụ, thái độ phục vụ của các nhân viên phục Hội trường lớp học và mức độ sẵn sàng của các phương tiện, thiết bị trong giảng dạy và học tập. Để khắc phục điều này, từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã tăng cường trong khâu phục vụ hội trường lớp học, đặc biệt là thái độ phục vụ của các nhân viên phục vụ khu vực hội trường, lớp học và đồng thời tăng cường thực hiện quy định văn hóa ứng xử của công chức, viên chức Trường ĐHKHTN.

2) Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được xác định rõ ràng, phù hợp với vị trí việc làm và có kinh nghiệm, gắn bó lâu dài với Khoa, Trường. Trường đã xây dựng được quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được đánh giá, phân loại công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường. Nhà trường và Khoa luôn quan tâm đến việc hỗ trợ phát triển nghề nghiệp cho cán bộ hỗ trợ. Hơn nữa, Trường cũng đã tiến hành các cuộc khảo sát các bên liên quan đều cho thấy sự hài lòng về đội ngũ nhân viên.

3) Tồn tại

Cách định lượng công việc của nhân viên hỗ trợ nên được cụ thể hơn để tính hiệu suất công việc như giảng viên và nghiên cứu viên.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phòng TCCBHC nên cụ thể hóa thang đánh giá hiệu suất công việc cho các cán bộ hỗ trợ trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1) Mô tả

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên luôn được Trường, Khoa coi trọng và thực hiện nghiêm túc nhằm duy trì, nâng cao chất lượng

đội ngũ nhân viên đáp ứng mục tiêu phát triển chung của Nhà trường. Việc tạo điều kiện cho chuyên viên, nhân viên được tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ là một yếu tố quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, chính trị của Nhà trường. Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHKHTN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn năm 2030 chỉ rõ kế hoạch phát triển đội ngũ có năng lực cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện về đào tạo của Nhà trường; có khả năng tham mưu và chủ động, tích cực, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Nâng cấp đội ngũ viên chức bộ phận phục vụ đào tạo để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ công tác trong thời kỳ mới, đảm bảo 100% đội ngũ chuyên viên được đào tạo nghiệp vụ quản lý hành chính Nhà nước, tin học và ngoại ngữ, chuyên viên đủ tiêu chuẩn nâng hạng chuyên viên chính [H07.07.04.01].

Hàng năm trong quá trình xây dựng Kế hoạch nhiệm vụ năm học của Trường, các đơn vị sẽ đề xuất nhu cầu đào tạo - bồi dưỡng chuyên viên, nhân viên của đơn vị. Các vấn đề này được thể hiện cụ thể trong kế hoạch phương hướng hàng năm của Trường và Khoa Môi trường. Ở các kế hoạch phương hướng năm học này luôn xác định rõ nguồn nhân lực hỗ trợ và định hướng đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, định kỳ [H07.07.04.02], [H07.07.04.03]. Trên cơ sở đó, hàng năm, Trường đều có các thông báo về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên hỗ trợ nói riêng dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường [H07.07.04.04], [H07.07.04.05]. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu, đăng ký đào tạo bồi dưỡng của cán bộ của nhân viên [H07.07.04.06], Nhà trường sẽ rà soát các điều kiện tiêu chuẩn và cử nhân viên tham gia các khoá đào tạo tập huấn. Có thể tóm lược đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và Khoa Môi trường nói riêng luôn được Nhà trường và Khoa tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước, điều này được thể hiện rõ nhất về thống kê số cán bộ được cử đi tham gia các khóa đào tạo qua các năm [H07.07.04.07]. Nhà trường có phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, có các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện về

thời gian và kinh phí cho nhân viên được đi học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H07.07.04.08]. Điều này góp phần thúc đẩy, tạo động lực học tập cho đội ngũ nhân viên, từ đó nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCD.

Song song với việc cử chuyên viên, nhân viên tham dự các CTĐT - bồi dưỡng tại các tổ chức bên ngoài, Nhà trường cũng tổ chức một số khóa bồi dưỡng về kỹ năng, nghề nghiệp đối với chuyên viên, nhân viên toàn Trường [H07.07.04.09]. Trường luôn tạo mọi điều kiện về thời gian, học phí cho viên chức có nhu cầu đi đào tạo, bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, cụ thể: Cử viên chức đi học các chương trình nâng cao kiến thức chuyên môn, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn [H07.07.04.10].

Trong 5 năm gần đây (tính đến 2022), Nhà trường đã cử 30 người đi học ThS; 6 người học nghiên cứu sinh; 167 người đi học lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên; 96 người đi học lớp bồi dưỡng chuyên viên chính; 20 người tham gia các lớp ngắn hạn bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; bên cạnh đó còn thường xuyên cử nhiều các cán bộ nhân viên hỗ trợ tham gia các đợt bồi dưỡng về sử dụng E-office, Nghiệp vụ và quản lý, ... [H07.07.04.11], [H07.07.04.12].

2) Điểm mạnh

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, từ đó cử các cá nhân tham gia các đợt bồi dưỡng tập huấn tại đơn vị hoặc bên ngoài đơn vị nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của Khoa và Nhà trường.

3) Tồn tại

Trong thời gian dịch bệnh covid nên các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, trao đổi chuyên môn cho đội ngũ nhân viên, chuyên viên của Khoa, Nhà trường chưa được đa dạng, phong phú.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phòng TCCBHC nên chủ động linh hoạt hơn trong các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng và đa dạng hoá hình thức trong các đợt dịch bệnh, sự cố bất thường trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1) Mô tả

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân sự nói chung, của viên chức hành chính nói riêng đóng vai trò rất quan trọng đối với chiến lược đào tạo và sự phát triển của Nhà trường. Nhà trường đã ban hành các văn bản trong đó quy định rõ nhiệm vụ của nhân viên phục vụ đào tạo cũng như quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên [H07.07.05.01], [H07.07.05.02], [H07.07.05.03]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm của Trường, bao gồm thống kê công việc theo chức năng nhiệm vụ, phân nhóm công việc, danh mục vị trí việc làm và mô tả công việc của từng vị trí việc làm, trong đó mô tả cụ thể rõ ràng công việc chính phải làm và sản phẩm đầu ra của từng nhân viên hỗ trợ phục vụ cho đào tạo [H07.07.05.04], [H07.07.05.05]. Hàng năm, căn cứ vào mức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên, Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể của từng cấp [H07.07.05.06], [H07.07.05.07], [H07.07.05.08]. Ngoài ra, Nhà trường còn có Quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh,... nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H07.07.05.09]. Trên cơ sở các quy định trên, Trưởng Khoa chịu trách nhiệm phân công, theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân

viên dựa trên khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công cho nhân viên theo kế hoạch công tác cũng như được quy định rõ trong đề án vị trí việc làm [H07.07.05.04], [H07.07.05.05]. Kết quả đánh giá hàng năm, đội ngũ nhân viên của Khoa Môi trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, có nhiều cá nhân được nhận danh hiệu thi đua, giấy khen, bằng khen của Hiệu trưởng, của Giám đốc ĐHQGHN, của công đoàn... [H07.07.05.10], [H07.07.05.11], [H07.07.05.12]. Gần đây, năm 2022, Khoa Môi trường có 100% nhân viên hỗ trợ đạt lao động xuất sắc, 1 Bằng khen cấp ĐHQGHN và 1 CSTĐ cấp cơ sở và 4 Giấy khen hiệu trưởng....

Bảng 7- 3. Thống kê chuyên viên, nhân viên đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở

Vị trí việc làm	Số lượng				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
P.TCNS	1	1	2	1	2
P.KHTC	2	2	2	2	1
P.QLĐT	3	3	2	3	4
P.KT&ĐBCLGD	3	3	3	3	3
P.HCTH	2	1	2	2	2
Phòng Thanh tra	1	1	1	2	1
P.QLKH	1	1	1	1	2
P.ĐN&TT	1	1	1	1	1
P.CTSV	2	3	2	2	2
P.QTC SVC	2	2	2	2	2
Tạp chí KHTM	1	1	1	1	1
Trung tâm CNTT	1	1	1	1	1
Thư viện	2	2	2	2	2
Khu nội trú	1	1	1	1	1
Trạm y tế	1	1	1	1	2
Khoa Môi trường	0	0	0	0	1
Tổng	24	27	30	33	36

Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng thì chuyên viên, nhân viên có kết quả làm việc tốt đáp ứng các tiêu chuẩn trong Quy định về nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với công chức, viên chức

trong trường ĐHKHTN sẽ được xét nâng lương trước hạn [H07.07.05.13]

Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. Các quy định về nhiệm vụ của nhân viên, cũng như các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi bằng văn bản hoặc thông qua các Hội nghị viên chức hàng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung [H07.07.05.14]. Quy trình trên đã giúp Nhà trường đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức về các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc. Tỷ lệ nhất trí cao trong các cuộc họp đánh giá, xếp loại viên chức và thi đua khen thưởng cho thấy sự hài lòng về việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên cũng như việc thi đua khen thưởng và công nhận của Khoa, Trường đối với nhân viên. Ngoài ra, thông qua các kỳ hội nghị công chức, viên chức cấp Khoa, đại biểu cấp Trường, viên chức và người lao động được tham gia phát biểu ý kiến và được giải đáp đầy đủ các thắc mắc về các chế độ, chính sách của Nhà trường.

2) Điểm mạnh

Nhà trường đã có quy định, cơ chế khen thưởng cụ thể, rõ ràng và công khai giúp cho việc đánh giá, động viên, khen thưởng đúng người đúng việc đã làm cho tinh thần chuyên viên, nhân viên ngày càng được nâng cao, từ đó tạo động lực và hỗ trợ tốt cho đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3) Tôn tại

Các nhân viên hỗ trợ tích cực trong triển khai các công việc song còn khiêm tốn trong công tác đăng ký sáng kiến làm nền tảng đề xuất các hình thức khen thưởng.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhân viên hỗ trợ cần tích cực, chủ động hơn trong công tác khen thưởng trong năm 2023 và trong năm 2023.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 7

Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường đã quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Công tác tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai đảm bảo đúng quy trình và hiệu quả. Năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được xác định rõ ràng, phù hợp với vị trí việc làm và có kinh nghiệm và được đánh giá, phân loại công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường. Nhà trường đã có quy định, cơ chế khen thưởng và công nhận cụ thể, rõ ràng và công khai giúp cho việc quản lý kết quả làm việc của chuyên viên, nhân viên được hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, cần nâng cao hơn nữa các chế độ, chính sách thu hút và đãi ngộ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ; cần phát hành sổ tay nhân viên theo mẫu nhất định; cần định lượng cụ thể hiệu suất công việc của nhân viên hỗ trợ việc tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn cho chuyên viên, nhân viên cần đa dạng, linh hoạt hơn trong các đợt sự cố bất thường như dịch bệnh; các nhân viên hỗ trợ cần chủ động hơn trong việc đăng ký sáng kiến làm nền tảng đề xuất các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác nhau.

Tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí, trong đó, 5 tiêu chí đều đạt mức 6/7 điểm.

TIÊU CHUẨN 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Trường ĐHKHTN có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng và trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài cung cấp cho xã hội. Trong những năm gần đây, nhà Trường xác định trọng tâm là NCKH, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức mang tính đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, đạt trình độ tiên tiến, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Trường ĐHKHTN luôn được ĐHQGHN quan tâm và đánh giá là một trong những đơn vị nòng cốt của ĐHQGHN trong đào tạo và NCKH. Ngược lại, Trường ĐHKHTN có nhiều thuận lợi hơn khi vị thế và uy tín của ĐHQGHN được khẳng định ở trong và ngoài nước. Phù hợp với xu hướng hội nhập, Trường được trao thêm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong các hoạt động của mình. Với vai trò, trách nhiệm cao, Trường ĐHKHTN

đã xây dựng được quy trình và phân công trách nhiệm hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập ngay từ giai đoạn tuyển sinh và trong suốt quá trình đào tạo. Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHKHTN được thể hiện là rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, được công bố công khai và có điều chỉnh, bổ sung, cập nhật kịp thời; đồng thời các tiêu chí tuyển sinh đã xác định các đối tượng ưu tiên và được rà soát hàng năm trên cơ sở ý kiến phản hồi của người học và nhà tuyển dụng. Để kiểm tra và hỗ trợ sinh viên, Trường ĐHKHTN đã xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ của người học cả về khối lượng lẫn chất lượng học tập; các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ khác cho người học đã được triển khai. Ngoài ra, môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường đã tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và thiết lập sự thoải mái cho cá nhân mỗi sinh viên.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1) Mô tả

Trường ĐHKHTN là thành viên của ĐHQGHN và hàng năm nhà trường đều xây dựng và ban hành chính sách tuyển sinh rõ ràng theo quy chế của Bộ GD&ĐT [H08.08.01.01] và của ĐHQGHN. Chính sách tuyển sinh được ghi rõ trong Đề án tuyển sinh của trường [H08.08.01.02].

Các thông tin tuyển sinh như chỉ tiêu tuyển sinh, hình thức tuyển sinh (xét tuyển, thi tuyển), tiêu chí xét tuyển, khối, hình thức thi tuyển, đối tượng xét tuyển, đối tượng ưu tiên... được công bố công khai trong đề án tuyển sinh [H08.08.01.02] trên trang thông tin điện tử của nhà trường, trong các tờ rơi [H08.08.01.03], các kênh truyền thông như youtube [H08.08.01.04] và qua các buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp. Cụ thể các thí sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế sẽ được xét tuyển thẳng. Ngoài ra thí sinh còn được ưu tiên xét tuyển, xét tuyển theo đề án tuyển sinh, xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp PTTH theo các tổ hợp A00, A01, B00 và D07 [H08.08.01.02].

Các thí sinh trúng tuyển vào ngành KHMT cần có điểm thi THPT Quốc gia thuộc một trong các tổ hợp 3 môn xét tuyển quy định bằng hoặc cao hơn điểm chuẩn xét tuyển [H08.08.01.02]. Bên cạnh đó, nhà trường, Khoa cũng tổ chức đội ngũ hỗ trợ, tư vấn tuyển sinh và định hướng ngành nghề đến các trường PTTH tư vấn cho

phụ huynh và các em học sinh, cũng như thành lập tổ quảng bá tư vấn tuyển sinh trực thường xuyên và liên tục [H08.08.01.05].

Chính sách tuyển sinh cũng được cập nhật thường xuyên, ví dụ như năm 2021, ngoài xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, xét tuyển theo đề án tuyển sinh, xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp PTTH, các thí sinh còn được xét tuyển theo kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQGHN [H08.08.01.02]. Năm 2022, hình thức tuyển sinh đa dạng, gồm 6 phương án (Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, xét tuyển theo đề án tuyển sinh, xét tuyển theo kết quả thi ĐGNL ĐHQGHN và xét tuyển theo kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, Xét tuyển theo phương thức khác qua chứng chỉ quốc tế SAT, A - level, IELTS, ACT...) bổ sung thêm 01 phương án so với 2021 giúp đa dạng hơn đầu vào và chọn được đúng hơn thí sinh có nguyện vọng đăng ký học chương trình. ĐHQGHN đảm bảo ngưỡng đảm bảo chất lượng. Chính sách tuyển sinh được công bố công khai trong đề án tuyển sinh [H08.08.01.02] trên trang thông tin điện tử của nhà trường, trong các tờ rơi [H08.08.01.03], các kênh truyền thông như youtube [H08.08.01.04] và qua các buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp.

ĐHQGHN vừa ban hành thông báo số 2495/TB-ĐHQGHN về Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2022 của ĐHQGHN đối với phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT là 20 điểm (đã bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng, chưa nhân hệ số).

Hàng năm, thông qua việc khảo sát chất lượng của CTĐT ngành KHMT, Nhà trường đã tham vấn ý kiến của các bên liên quan (sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng) trong việc triển khai chính sách tuyển sinh, qua đó cải tiến chất lượng tuyển sinh [H08.08.01.08].

Tuy nhiên, do tình hình dịch covid -19 diễn ra phức tạp kể từ năm 2020, đặc biệt năm 2021, Khoa đã chuyển hầu hết hoạt động tư vấn tuyển sinh sang hình thức trực tuyến, trên trang web, qua zoom và trang facebook với sự có mặt của đầy đủ đại diện Ban lãnh đạo Khoa, các cán bộ liên đến quảng bá tuyển sinh [H08.08.01.06]. Chính điều này đã tăng cường khả năng lan truyền thông tin rộng rãi hơn đến phụ huynh và các em học sinh cả nước, đặc biệt trong và sau mùa dịch. Với sự nỗ lực kịp thời, khẩn trương của Ban giám hiệu nhà trường và Ban Lãnh đạo và các cán bộ Khoa

Môi trường, các phòng ban liên quan, số lượng sinh viên nhập học ngành KHMT năm 2021 còn cao hơn số lượng sinh viên nhập học năm 2019, 2020 và điểm tuyển sinh cũng có kết quả cao hơn. Số liệu thống kê sơ bộ về Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển so với chỉ tiêu tuyển sinh, tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học và điểm chuẩn của ngành KHMT được trình bày trong Bảng 8-1 [H08.08.01.02; H08.08.01.07].

Bảng 8-1. Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển so với chỉ tiêu tuyển sinh, tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học và điểm chuẩn của ngành KHMT

Năm học	Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển so với chỉ tiêu tuyển sinh	Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học	Điểm trúng tuyển của ngành KHMT
2017-2018	92% (92/100)	68,5% (63/92)	17,5
2018-2019	133,3% (120/90)	70% (84/120)	16
2019-2020	75,7% (53/70)	84,9% (45/53)	17,0
2020-2021	86,25% (69/80)	73,9% (51/69)	17,0
2021-2022	145% (116/80)	80,2% (93/116)	21,25

2) Điểm mạnh

Trường ĐHKHTN là thành viên của ĐHQGHN và hàng năm nhà trường đều xây dựng và ban hành chính sách tuyển sinh rõ ràng theo quy chế của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN. Chính sách tuyển sinh được ghi rõ trong Đề án tuyển sinh của trường, ban hành ngưỡng đảm bảo chất lượng, được cập nhật hàng năm và công bố công khai cho các bên liên quan. Chính sách tuyển sinh hàng năm đều được Hội đồng tuyển sinh Nhà trường rà soát và thống nhất.

3) Tồn tại

Hoạt động tư vấn tuyển sinh chưa được thực hiện một cách thường xuyên mà thường chỉ tập trung vào đầu mùa tuyển sinh.

Nhà trường và Khoa Môi trường chưa xây dựng được đội ngũ cán bộ chuyên

nghiệp để làm công tác quảng bá tuyển sinh (các cán bộ đều là kiêm nhiệm), điều này phân nào cũng sẽ hạn chế công tác quảng bá tuyển sinh

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp làm công tác quảng bá tuyển sinh

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1) Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng trong các Đề án tuyển sinh đại học chính quy hàng năm của ĐHQGHN [H08.08.02.01] và Đề án/thông tin tuyển sinh đại học chính quy hàng năm của Trường ĐHKHTN [H08.08.02.02] với hai hình thức chính là thi tuyển và xét tuyển. Cụ thể là năm 2017, thí sinh được tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức theo tổ hợp các môn/bài thi tương ứng của ngành Khoa học Môi trường (A00, A01, B00 và D90) và kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức năm 2016 còn hạn sử dụng. Tương tự, năm 2018, thí sinh được tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức theo tổ hợp các môn/bài thi tương ứng của ngành Khoa học Môi trường (A00, A01, B00 và D07) và kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức năm 2016 còn hạn sử dụng. Tuy nhiên, năm 2019 và 2020, thí sinh được xét tuyển theo kết quả thi THPT Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức theo tổ hợp các môn/bài thi tương ứng (A00, A01, B00 và D07). Năm 2021, thí sinh được tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức theo tổ hợp các môn/bài thi tương ứng của ngành Khoa học Môi trường (A00, A01, B00 và D07) và kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức năm 2021. Việc xét tuyển (kể cả xét tuyển thẳng) các đối tượng khác (đối tượng ưu tiên) được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN. Đặc biệt năm 2022, hình thức tuyển sinh đa dạng, gồm 6 phương thức: (1) Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh; (2) Xét tuyển thẳng theo Đề án của Trường ĐHKHTN; (3) Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; (4) Thi ĐGNL; (5) Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển; và (6) Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển, giúp đa dạng hơn đầu vào và chọn được

đúng hơn thí sinh có nguyện vọng đăng ký học chương trình ngành KHMT [H08.08.02.02].

Hàng năm, ĐHQGHN cũng đã ban hành đầy đủ và kịp thời văn bản Hướng dẫn Công tác tuyển sinh đại học chính quy [H08.08.02.03] và HĐTS được Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN thành lập để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh [H08.08.02.04]. Hoạt động thanh tra tuyển sinh được thực hiện theo quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra các kỳ thi của Bộ GD&ĐT.

Để đảm bảo cho các thí sinh trúng tuyển vào CTĐT được nhập học đúng quy định [H08.08.02.03], Trường ĐHKHTN đã kịp thời ban hành các quyết định phê duyệt danh sách các thí sinh trúng tuyển đại học chính quy hàng năm [H08.08.02.05], thông báo kết quả trúng tuyển và hướng dẫn thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học [H08.08.02.06].

Bên cạnh đó, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cũng được đánh giá. Sau mỗi đợt tuyển sinh, ĐHQG Hà Nội và Trường ĐHKHTN đã tiến hành đánh giá về công tác tuyển sinh, chỉ ra những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, từ đó rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời trong phương hướng tuyển sinh năm học tiếp theo [H08.08.02.07]. Ngoài ra, thông qua việc khảo sát chất lượng của CTĐT ngành KHMT đã tham vấn ý kiến của các bên liên quan (sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng) trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H08.08.02.08].

Hàng năm, nhằm góp phần đảm bảo số lượng và chất lượng đầu vào, Khoa Môi trường và Trường ĐHKHTN đều lên kế hoạch quảng bá, truyền thông cho công tác tuyển sinh như thành lập Tổ tư vấn tuyển sinh và phối hợp thực hiện các chương trình tư vấn tuyển sinh của Nhà trường [H08.08.02.09]. Đồng thời, Khoa cũng đã chủ động triển khai các hoạt động tuyên truyền, quảng bá về CTĐT ngành KHMT cho học sinh tại các trường THPT; tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp cho hàng ngàn lượt học sinh, phụ huynh và các đối tượng quan tâm khác về thủ tục đăng ký dự tuyển, CTĐT, cơ hội việc làm [H08.08.02.10].

Bảng 8- 2. Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển so với chỉ tiêu tuyển sinh, tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học [H08.08.02.11] và điểm chuẩn của ngành KHMT [H08.08.02.12]

Năm học	Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển so với chỉ tiêu tuyển sinh	Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học	Điểm trúng tuyển của ngành KHMT
2017-2018	92% (92/100)	68,5% (63/92)	17,5
2018-2019	133,3% (120/90)	70% (84/120)	16
2019-2020	75,7% (53/70)	84,9% (45/53)	17,0
2020-2021	86,25% (69/80)	73,9% (51/69)	17,0
2021-2022	145% (116/80)	80,2% (93/116)	21,25

2) Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN. Đồng thời, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được thường xuyên đánh giá và cập nhật theo quy định của Bộ GD&ĐT.

3) Tồn tại

- Theo khuyến cáo của AUN, Khoa Môi trường đã cân nhắc xây dựng hệ thống đánh giá so sánh giữa kết quả thi đầu vào của sinh viên và quá trình theo học của sinh viên nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên từ năm 2018, tuy nhiên hiện vẫn đang thực hiện.

- Phương thức tuyển sinh cần linh hoạt hơn nữa nhằm tạo nhiều cơ hội hơn cho các đối tượng có nhu cầu, từ đó ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng đầu vào.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tiếp tục phát huy các điểm mạnh như (i) Tuyển sinh theo quy chế của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN với các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng; và (ii) Phân tích, đánh giá tình hình tuyển sinh và cập nhật các tiêu

chí và phương pháp tuyển chọn người học phù hợp.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá, so sánh kết quả thi đầu vào và quá trình theo học của sinh viên. Dự kiến hoàn thành trong năm 2025. Đồng thời, mở rộng phương thức tuyển sinh (bao gồm cả phỏng vấn và thư giới thiệu

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1) Mô tả

Giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học là một trong những nội dung quan trọng của “*công tác sinh viên*” tại các Trường Đại học; nó được xác định là “*một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ĐHQGHN, bao gồm tổng thể các hoạt động giáo dục đào tạo, tuyên truyền, quản lý, dịch vụ, tư vấn, hướng nghiệp, hỗ trợ, chăm sóc toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của sinh viên*” [H08.08.03.01]. Đối với chương trình đào tạo ngành KHMT, Trường ĐHKHTN đã xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống giám sát tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học [H08.08.03.01, HMC.08.03.02]. Sự đánh giá tiến bộ của người học được thực hiện theo Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy [H08.08.03.03]. Điều 9 của Quy định công tác học sinh sinh viên ở ĐHQGHN [H08.08.03.04] nêu rõ, hệ thống các đơn vị hỗ trợ đào tạo đối với người học bao gồm Trung tâm hỗ trợ sinh viên, Bệnh viện ĐHQGHN, Trung tâm thông tin thư viện, Trung tâm dự báo, phát triển nguồn nhân lực, và các đơn vị khác. Bên cạnh đó, giáo viên chủ nhiệm lớp là nhân tố không thể thiếu đối với hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học [H08.08.03.04]. Hàng năm giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập đều được nhận các thông báo, hướng dẫn công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập cho sinh viên [H08.08.03.05]. Để giám sát tốt hơn, Nhà trường cũng áp dụng hình thức khen thưởng, kỷ luật rõ ràng nhằm thúc đẩy sự tiến bộ, giám sát hoạt động và thành tích học tập của SV một cách khách quan, công bằng, vì sự tiến bộ của người học [H08.08.03.06].

CTĐT đại học ngành KHMT được thiết kế trong 4 năm học, bao gồm 8 học kỳ, mỗi học kỳ kéo dài 6 tháng [H08.08.03.07]. Trong đó 7 học kỳ đầu là các học phần trình độ cử nhân, học kỳ 8 là thời gian thực hiện KLTN. CTĐT ngành KHMT luôn luôn được cải tiến nhằm bổ sung, cập nhật những kiến thức hữu ích, hiện đại để cung cấp cho người học. Năm 2019, khung CTĐT ngành KHMT đã được điều chỉnh và mở rộng bao gồm có 8 chuyên ngành là Quản lý môi trường, Công nghệ môi trường, Sinh thái môi trường, Môi trường đất, Môi trường nước, Ô nhiễm không khí, Môi trường biển, Độc chất học môi trường và kiểm soát độc chất, Mô hình hóa môi trường và phát triển bền vững [H08.08.03.07]. Hoạt động đào tạo được thực hiện theo học chế tín chỉ, tạo ra cơ chế mềm dẻo, giúp người học chủ động lựa chọn phương án học tập phù hợp với điều kiện của từng cá nhân. Đăng ký các học phần từng học kỳ hoặc tra cứu kết quả học tập của mỗi SV được tập hợp, xếp loại và tính điểm tích lũy theo từng học kỳ và công bố trên Cổng thông tin đào tạo đại học (<https://daotao.vnu.edu.vn/dkmh/login.asp>); Chỉ có SV (có mã số truy cập) mới có thể truy cập và tra cứu được kết quả này. Tuy nhiên khi cần thông tin của sinh viên để tìm hiểu, quản lý, giám sát thì GVCN hoặc lãnh đạo KMT có thể liên hệ với các phòng ban chức năng để trích xuất thông tin học tập của người học.

Để nâng cao hiệu quả, có tính hệ thống vì sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học; Mỗi một khóa đào tạo, Khoa và nhà Trường đề cử cán bộ làm công tác giáo viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập nhằm hỗ trợ cho SV trong suốt thời gian đào tạo tại Trường [H08.08.03.02]. Thông thường khi SV có biểu hiện suy giảm về lực học, có kết quả học tập kém, hoặc tư cách đạo đức có vấn đề thì lớp trưởng lớp học phần hoặc giáo viên chủ nhiệm báo cáo với Lãnh đạo Khoa; Cố vấn học tập, GVCN và LDK sẽ trực tiếp liên hệ với SV để nắm bắt tình hình và tìm hiểu hoàn cảnh. Nếu không liên hệ được với SV, các bộ phận chức trách sẽ liên hệ với gia đình của SV để báo cáo sự việc và phối kết hợp tìm kiếm phương án giải quyết tốt nhất có thể. Bên cạnh đó, vai trò của các tổ chức như Hội sinh viên, Liên chi đoàn sinh viên KMT, các câu lạc bộ khác cũng đã góp phần giúp đỡ, giám sát sự tiến bộ của người học.

Bảng 8-3. Thống kê tình hình học tập của SV trong 5 năm gần đây theo khóa

Khóa đào tạo	Mã khóa	Số SV nhập học	Số SV tạm dừng/bảo lưu	Số SV gia hạn/thôi học	Số SV tốt nghiệp đúng thời hạn	Số xử lý học vụ
2014-2018	QH.2014	57	0	5	47	5
2015-2019	QH.2015	46	0	12	29	10
2016-2020	QH.2016	81	2	10	47	9
2017-2021	QH.2017	64	1	12	22	17
2018-2022	QH.2018	84	0	18	32	28
2019-2023	QH.2019	45	0	9	0	0
2020-2024	QH.2020	51	0	5	0	0
2021-2025	QH.2021	94	11	0	0	0

Việc xử lý học vụ được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, với thời gian học tập tối đa (*bao gồm thời gian gia hạn*) không vượt quá 2 năm so với thời gian đào tạo chính thức. Những SV thuộc diện bị xử lý học vụ bao gồm các sinh viên trong quá trình học vi phạm các quy chế đào tạo như quy chế thi, điểm trung bình học tập của kỳ chưa đáp ứng yêu cầu cũng bị cảnh báo học vụ. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn bình quân là 85%, tỷ lệ tạm ngưng học tập chưa đến 1% và tỷ lệ xử lý học vụ là khoảng 10% (Bảng 8-3). Khóa học gần nhất (2018-2022) có tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn (6/2022) là 56%. Lý do một số sinh viên làm thí nghiệm không có điều kiện thực hiện trong giai đoạn Covid-19 nên phải gia hạn bảo vệ vào tháng 9/2022. Hệ thống giám sát của Trường chủ yếu mới chỉ ghi nhận, thống kê tiến độ học tập của SV, chưa thể hiện rõ sự giám sát sự tiến bộ của người học [H08.08.03.08].

2) Điểm mạnh

CTĐT cử nhân KHMT có cấu trúc phù hợp, phân bổ hợp lý khối lượng học tập theo từng học kỳ, đảm bảo người có học lực bình thường hoàn toàn có khả năng hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Nhà trường có hệ thống các phòng ban chức năng, cán bộ chuyên trách được phân công đa tầng, sát sao và linh hoạt trong việc giám sát tiến

độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ. Quy trình giám sát được cấu trúc rõ ràng, khách quan và hiệu quả. Có cơ sở dữ liệu theo dõi tiến độ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp.

3) Tồn tại

Các cố vấn học tập, đồng thời là GVCN nên việc giám sát kết quả học tập của SV, thời gian sinh hoạt, tiếp xúc trực tiếp của GVCN với lớp học phần là chưa nhiều, chủ yếu phải hoạt động ngoài giờ hành chính để tránh ảnh hưởng đến sự tham gia của SV do phải tham gia học tập các học phần khác.

Việc tự đánh giá, xếp loại SV được tiến hành theo từng năm học (trong khoảng thời gian từ 15/6 đến 10/7) [H08.08.03.04] là chưa kịp thời.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì hoạt động xây dựng CTĐT và quy trình giám sát ngày càng hoàn thiện hơn. Tạo cơ chế phân cấp, phân quyền quản lý, giám sát cơ sở dữ liệu, tiến độ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ

Tăng thời lượng, tần suất sinh hoạt, trao đổi tiếp xúc trực tiếp của GVCN với lớp học phần. Tạo kênh liên hệ giữa nhà Trường/Khoa với phụ huynh/người giám sát SV chưa thực sự thông suốt, liên tục

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá 6/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1) Mô tả

Để hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập, mỗi lớp sinh viên Khoa Môi trường đều phân công một cán bộ làm công tác giáo viên chủ nhiệm đồng thời là cố vấn học tập để hỗ trợ cho SV trong quá trình học tập [H08.08.04.01]. Hàng năm giáo viên chủ nhiệm đều được nhận các thông báo, hướng dẫn công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập cho sinh viên [H08.08.04.02]. Theo đó, Cố vấn học tập có trách nhiệm tư vấn cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa học, hướng dẫn sinh viên đăng

ký học phần ở từng học kỳ để hoàn thành kế hoạch học tập; Thông qua kết quả rèn luyện, học tập của sinh viên, tư vấn cho sinh viên điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp với năng lực và hoàn cảnh cá nhân cụ thể; Hướng dẫn, khuyến khích tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động học thuật, NCKH, các hoạt động văn thể mỹ lành mạnh, bổ ích; Hỗ trợ lãnh đạo Khoa và các đơn vị liên quan trong công tác quản lý sinh viên. Theo dõi sát tình hình của sinh viên, kịp thời đề xuất với Khoa về cách xử lý đối với những tình huống phát sinh trong quá trình đào tạo.

Bên cạnh đó, mỗi lớp sinh viên đều có ban cán sự cho các lớp học (do tập thể lớp bầu ra) [H08.08.04.03]. Ban cán sự lớp là đầu mối kết nối giữa Trường, Khoa, giảng viên, giáo viên chủ nhiệm với sinh viên.

Hàng năm trường và khoa đều có tổ chức lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động để đánh giá nhu cầu đào tạo, năng lực của người học sau khóa học và cũng để cập nhật chương trình đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động [H08.08.04.04].

Sau mỗi học kỳ, Trường đều tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của sinh viên về chất lượng hỗ trợ, tư vấn người học [H08.08.04.05]. Nhìn chung sinh viên hài lòng với chất lượng hỗ trợ, tư vấn của Trường [H08.08.04.06].

Hàng năm trường đều tổ chức Tuần sinh hoạt công dân [H08.08.04.07], thông báo Kế hoạch khai giảng và học chính trị [H08.08.04.08], Hướng dẫn thực hiện chuẩn đầu ra ngoại ngữ dùng để xét tốt nghiệp đại học [H08.08.04.09], Hướng dẫn tổ chức các học phần đào tạo ngoại ngữ [H08.08.04.10], Tổ chức Hội thảo Kỹ năng và Phương pháp Nghiên cứu Khoa học cho sinh viên [H08.08.04.11].

Trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý toàn bộ công tác sinh viên, thi đua, khen thưởng của sinh viên do phòng CT&CTSV đảm nhận [H08.08.04.12].

Để giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập phòng Đào tạo và Khoa tổ chức các lớp học phần trong học kỳ hè [H08.08.04.13].

Bên cạnh đó, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên thường niên tổ chức các hoạt động thể thao, phong trào cho sinh viên, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa sinh viên các khóa, các ngành đào tạo và giữa sinh viên với giảng viên, viên chức Trường như tổ chức các hoạt động: Tuần lễ Tự nhiên khỏe [H08.08.04.14], các giải bóng đá, bóng

bàn, cầu lông [H08.08.04.15], [H08.08.04.16], tổ chức triển lãm [H08.08.04.17],...

Trường và Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm hỗ trợ sinh viên có việc làm như tổ chức Tọa đàm khởi nghiệp với sinh viên [H08.08.04.18], cho sinh viên đăng ký tham dự các chương trình trao đổi, thực tập trong và ngoài nước [H08.08.04.19], [H08.08.04.20], [H08.08.04.21], tổ chức các đợt thực tập thực tế; trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động; tăng cường kỹ năng mềm [H08.08.04.22].

2) Điểm mạnh

Có phân công cá nhân chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cho từng lớp, khóa đào tạo. Số lượng sinh viên được cấp học bổng khuyến khích học tập khá cao so với tổng số sinh viên của ngành. Sinh viên tốt nghiệp hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm.

3) Tôn tại

Chưa xây dựng được văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện triển khai hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên

Hoạt động tổ chức ngày hội việc làm để sinh viên có thể trực tiếp trao đổi với nhà tuyển dụng còn hạn chế

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tổ chức thường xuyên các cuộc gặp gỡ, trao đổi với sinh viên, khảo sát về mức độ hài lòng của người học đối với các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua..., từ đó cải tiến và nâng cao chất lượng các hoạt động này.

Xây dựng quy trình và hướng dẫn cụ thể để thực hiện triển khai hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên

Tăng cường kết nối với các nhà tuyển dụng tham gia ngày hội việc làm để sinh viên có thể trực tiếp trao đổi với nhà tuyển dụng còn hạn chế.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 8.5. Có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt

động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1) Mô tả

Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN luôn hướng tới việc nâng cao điều kiện cơ sở vật chất, cải thiện khuôn viên Nhà trường. Trường có môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học. Theo các yêu cầu về đảm bảo chất lượng của CTĐT, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đời sống học tập cho sinh viên bao gồm: ký túc xá, thư viện, phòng học, khuôn viên thoáng mát có nhiều cây xanh, diện tích sân tập thể thao,... được bố trí đầy đủ [H08.08.05.01].

Cơ sở đào tạo cử nhân ngành khoa học môi trường đặt tại 334 Nguyễn Trãi, trong nội thành Hà Nội, liền kề đường giao thông chính với mạng lưới xe buýt, xe điện trên cao thuận tiện cho việc đi lại [H08.08.05.01].

Khu ký túc xá sinh viên tại Lương Thế Vinh cũng được đầu tư khang trang, tiện nghi, đảm bảo chiếu sáng thường xuyên. Trong khuôn viên KTX có hệ thống thư viện, ngân hàng tự động, dịch vụ căng tin, nhiều cây xanh, thoáng mát, có sân thể thao rộng đảm bảo nhu cầu học tập và rèn luyện thể thao, tiện ích cho sinh viên. Giờ đóng mở cửa ký túc xá được qui định rõ ràng và thực hiện nghiêm túc, an ninh trật tự được đảm bảo 24/24. Môi trường an ninh, xã hội nơi đây giúp cho các sinh viên hoàn toàn yên tâm trong quá trình học tập [H08.08.05.02]. Ngoài ra, khu vực làng sinh viên Hacinco, Phùng Khoang nơi sinh viên thuê trọ an ninh được đảm bảo, chưa xảy ra vụ việc gì nghiêm trọng.

Hệ thống Wifi được lắp trong toàn bộ khuôn viên của nhà Trường và mỗi SV đều được cấp tài khoản để được truy cập internet miễn phí trong quá trình học tập tại Trường. Năm 2021-2022, trường đã cải tạo, nâng cấp mới nhiều khu giảng đường, khu hành chính, khuôn viên, căng tin có trang bị internet [H08.08.05.01]. Bên cạnh đó, Khoa Môi trường cũng có hệ thống trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học riêng [H08.08.05.03].

Trường ĐHKHTN luôn tạo môi trường tâm lý, xã hội thuận lợi, thoải mái cho sinh viên. Sinh viên được tự do lựa chọn ngành học, hướng nghiên cứu chuyên sâu phù hợp; tham gia hội nghị khoa học sinh viên hàng năm, được khuyến khích phát

huy năng lực sáng tạo trong chuyên môn; được phản ánh các ý kiến cá nhân thông qua nhiều hình thức khác nhau như hội thảo, đối thoại, trao đổi với giáo viên chủ nhiệm, thư góp ý, email, ... Sinh viên được tự do sinh hoạt văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí ở các khuôn viên chung của ĐHQGHN và của Trường ĐHKHTN tại các cơ sở 334 Nguyễn Trãi, 19 Lê Thánh Tông và Xuân Thủy, Hà Nội [H08.08.05.01].

Để giúp cho người học ổn định đời sống, tâm lý và các điều kiện khác để tập trung vào học tập và nghiên cứu, rèn luyện, cùng với Nhà trường, Khoa Môi trường đã rất quan tâm thực hiện quy định về chính sách xã hội đối với người học (trợ cấp, miễn giảm học phí cho sinh viên chính sách được thực hiện hàng kỳ). Những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nhưng vượt khó vươn lên trong học tập cũng rất được quan tâm và có các biện pháp hỗ trợ (học bổng dành cho sinh viên khó khăn học tập tốt) [H08.08.05.04]. Đặc biệt trong giai đoạn xảy ra đại dịch Covid- 19 vừa qua, khi Hà Nội thực hiện việc giãn cách xã hội, nhiều SV không kịp về quê, buộc phải ở lại Hà Nội và gặp nhiều khó khăn trong sinh hoạt. Nhà trường đã phối hợp với công đoàn trường có các hỗ trợ về tài chính với gần 70 sinh viên bị ảnh hưởng bởi covid trong thời gian cách ly tại trường, vượt qua khó khăn. Công đoàn khoa Môi trường cũng đã kêu gọi và quyên góp, có các suất học bổng để hỗ trợ và động viên các sinh viên nghèo vượt khó cũng như sinh viên bị ảnh hưởng bởi covid [H08.08.05.04].

Ngoài ra, các quy định về chăm sóc sức khỏe cho sinh viên cũng được triển khai thường xuyên thông qua hệ thống bảo hiểm y tế bắt buộc, các kỳ khám sức khỏe hàng năm, tại hệ thống phòng trực y tế, bệnh viện ĐHQGHN [H08.08.05.05].

Nhằm nâng cao đời sống văn hóa, thể chất, tinh thần của sinh viên, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao: giải bóng đá, chào tân sinh viên, câu lạc bộ tiếng anh môi trường... là những hoạt động được Khoa, Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức thường xuyên. Một số hoạt động khác như Hiến máu nhân đạo, mùa hè tình nguyện, Ngày Trái Đất cũng thường xuyên được tổ chức giúp nâng cao trách nhiệm của sinh viên với cộng đồng [H08.08.05.06].

Công tác an ninh, phòng cháy chữa cháy đảm bảo phục vụ hiệu quả các hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên. Nhà trường có tổ bảo vệ trực 24/24 giờ trong khu vực làm việc và khu vực giảng đường [H08.08.05.07]. Cho đến

nay chưa có vấn đề gì xảy ra.

Công tác vệ sinh trường học, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng nước được nhà trường luôn đảm bảo [H08.08.05.08]. Trong tình hình dịch bệnh Covid-19, Nhà trường kịp thời cập nhật thông tin, triển khai các kế hoạch đảm bảo an toàn cho sinh viên, học viên [H08.08.05.08]. Các biện pháp phòng dịch, chuẩn bị cơ sở vật chất cần thiết đảm bảo vệ sinh phòng chống dịch bệnh và giám sát, báo cáo thường xuyên tình hình phòng chống dịch được triển khai thực hiện. Tại cổng trường, hành lang phòng học, cầu thang máy, căng tin, nhà vệ sinh đều được bố trí cồn sát trùng đảm bảo vệ sinh. Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, Nhà trường đã triển khai đào tạo trực tuyến đảm bảo chương trình học và an toàn cho sinh viên.

Nhà trường luôn gửi phiếu đánh giá online khảo sát ý kiến của sinh viên và các bên liên quan về các điều kiện, tiện ích dành cho học tập, nghiên cứu và chăm sóc sức khỏe cũng như môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan [H08.08.05.09 , [H08.08.05.10]. Trên cơ sở, phân tích những ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan, Nhà Trường và Khoa tiếp thu và đề xuất phương án giải quyết phù hợp, kịp thời để góp phần tích cực giúp người học cũng như đội ngũ cán bộ giảng viên yên tâm công tác, tạo môi trường sư phạm tốt, đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng. Nhìn chung các hoạt động hỗ trợ người học được đánh giá là đáp ứng khá đầy đủ được nhu cầu của sinh viên.

2) Điểm mạnh

Sinh viên ngành KHMT được học tập trong môi trường làm việc thân thiện, an ninh, an toàn được đảm bảo nhờ sự phối hợp trách nhiệm của Nhà trường, Đoàn trường, Khoa Môi trường và các cơ quan chức năng trên địa bàn, với Trạm y tế, Trung tâm dịch vụ trường học. Cảnh quan sư phạm của cơ sở đào tạo sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh. Sinh viên có được tâm lý thoải mái trong hoạt động học tập và tích cực tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa.

3) Tồn tại

Do điều kiện về cơ sở hạ tầng nên hiện tại SV thiếu các điều kiện về sân chơi thể thao và không gian tổ chức các hoạt động tập thể cho sinh viên tại cơ sở chính
334 Nguyễn Trãi.

Hoạt động tư vấn học đường như tư vấn sức khỏe tâm lý còn hạn chế.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có cơ chế hỗ trợ kinh phí cho sinh viên thuê sân thể thao khi có các giải đấu của trường, đẩy mạnh công tác tư vấn tâm lý học đường trong thời gian tới.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7.

Kết luận tiêu chuẩn 8

Chất lượng người học và các hoạt hỗ trợ người học được Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường xác định là khâu then chốt trọng hoạt động đào tạo. Trong đó có các điểm nổi bật, cụ thể như: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; Tiêu chí tuyển sinh, đối tượng ưu tiên được xác định phù hợp quy định, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; Có hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ học tập và rèn luyện của sinh viên; Có các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ khác cho sinh viên; Trường có môi trường, cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

Với các kế hoạch cụ thể được đề ra trong từng tiêu chí, Khoa Môi trường đảm bảo rằng hoạt động học tập của sinh viên sẽ được cải thiện và xóa bỏ những điểm yếu còn tồn tại trong thời gian tới.

Tiêu chuẩn 8 có 5 tiêu chí, đều được đánh giá ở mức đạt, trong đó tiêu chí 8.1, 8.2, 8.3 và 8.5 được đánh giá ở mức điểm 6/7; tiêu chí 8.4 được đánh giá ở mức điểm 5/7.

TIÊU CHUẨN 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên là một trong những trường hàng đầu của cả nước đào tạo về nghiên cứu khoa học cơ bản nên cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường luôn luôn được đầu tư, nâng cấp đảm bảo điều kiện tốt nhất cho đào tạo và nghiên cứu khoa học. Khoa học môi trường là khoa học liên ngành có tính ứng dụng cao và có mối liên kết, liên quan đến nhiều ngành khác trong Trường; do đó, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như điều kiện thực hành thí nghiệm đóng vai trò vô cùng quan trọng. Vì vậy, các chủ trương, chính sách của ĐHKHTN và Khoa Môi trường luôn hướng đến việc xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị tốt hơn để đạt được các mục tiêu của chương trình. Cùng với

việc đầu tư các trang thiết bị thì Thư viện của Trường và Khoa được đầu tư hiện đại và luôn luôn phục vụ nhu cầu đọc của cán bộ và sinh viên với những đầu sách giáo trình và tài liệu tham khảo đầy đủ và rất phong phú.

Bên cạnh công tác đầu tư và cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị thì Nhà trường đã từng bước tăng cường công tác quản lý và khai thác, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị đã được đầu tư.

Tiêu chí: 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .

1) Mô tả

Tổng diện tích Trường ĐHKHTN đang quản lý sử dụng là 27.440 m², với tổng diện tích mặt sàn là xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học là 42.379,99 m², trong đó trụ sở chính là 28.560,81m², tại 19 Lê Thánh Tông là 6.303,96m² , tại 182 Lương Thế Vinh là 7.533,21m². Trường ĐHKHTN hàng năm tiếp nhận khoảng 1.500 sinh viên và có hơn 7.500 chỗ ngồi dành cho sinh viên, đạt tỷ lệ diện tích đất/ tổng số người học là 3,71m², tỷ lệ diện tích sàn/ tổng số người học là 5,74m² [H09.09.01.01]; diện tích sử dụng dành cho người học của Nhà trường đã đủ để đáp ứng theo yêu cầu. Trường ĐHKHTN có 149 giảng đường, lớp học, 02 phòng tự học với tổng diện tích giảng đường và phòng tự học là 7505 m². Các phòng học này có thể đáp ứng từ 30 đến 150 chỗ ngồi với công suất sử dụng của các giảng đường đạt 97% và diện tích trung bình giảng đường dành cho mỗi sinh viên là 0,4 m²/sinh viên [H09.09.01.01], đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo Quyết định số 64/2013/QĐ-TTg ký ngày 11 tháng 11 năm 2013. Nhà trường hiện đang quản lý và điều phối các giảng đường học chung cho các Khoa trong trường trong đó có ngành Khoa học Môi trường. Bên cạnh việc đảm bảo đầy đủ về diện tích và hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp thì các phòng học chuẩn đều được trang bị đầy đủ máy chiếu, phòng chiếu, bảng trắng (hoặc bảng đen), internet, điều hòa nhiệt độ và thiết bị âm thanh, ánh sáng góp phần hỗ trợ tốt nhất cho giảng dạy. Đặc biệt Nhà trường còn đầu tư các phòng học thông minh tại tầng 3 nhà T5 phục vụ các hoạt động đào tạo nâng cao chất lượng, tại đó được lắp đặt thêm bảng cảm ứng có thể hỗ trợ giảng viên rất nhiều trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua các hiệu ứng của bảng. Bên cạnh

đó Nhà trường còn có các phòng Hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính riêng để đáp ứng yêu cầu của các học phần liên quan đến tin học. Phòng hội thảo khoa học rất đa dạng và phong phú đáp ứng nhu cầu seminar theo nhóm nhỏ tại từng các bộ môn hay hội thảo lớn toàn trường tại tầng 7 nhà T5. Đặc biệt các phòng hội thảo P418T1, P301T1, P401T1 được trang bị hệ thống trang thiết bị đáp ứng được nhu cầu hội thảo và hội họp trực tuyến.

Khoa Môi trường hiện có 6 Bộ môn và 1 PTN Nghiên cứu Môi trường, mỗi Bộ môn và PTN được bố trí từ 01 đến 04 phòng làm việc trong đó có ít nhất 01 phòng thí nghiệm chuyên đề/ phòng chuyên đề để thuận lợi cho việc học chuyên đề chuyên sâu và lý thuyết phục vụ thực hành, thực tập. Các phòng làm việc này có diện tích từ 30 đến 60 m² (bình quân 4m²/người), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, tủ tài liệu, máy vi tính có kết nối internet, máy chiếu, máy in, mạng wifi toàn trường ... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của Nhà trường để đáp ứng cơ sở vật chất (CSVC) tốt nhất cho giảng viên, cán bộ công nhân viên (CBCNV) làm việc và giảng dạy. Bên cạnh đó Khoa còn có 01 phòng thực hành máy tính (P407T2) có diện tích 50m² được trang bị 30 máy tính kết nối internet, 01 phòng thư viện (P401T2) diện tích 25 m²; và 01 phòng Hội thảo có sức chứa khoảng 50 người (P405T2) được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại như âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, máy tính, internet, wifi, camera, tivi, loa, mic, thiết bị họp trực tuyến ... hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu tổ chức hội thảo khoa học trong và ngoài nước, phục vụ công tác giảng dạy chất lượng cao, trực tuyến, bảo vệ luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp [H09.09.01.02]. Bên cạnh đó, sinh viên ngành KHMT có thể sử dụng phòng học, các phòng thí nghiệm tại các đơn vị có ký kết phối hợp đào tạo với Khoa như: Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ - Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học Công nghệ Quân sự..

Để hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, Nhà trường có 9 phòng ban chức năng khác nhau bao gồm: Phòng Chính trị và Công tác sinh viên; Phòng Đào tạo; Phòng hợp tác và Phát triển; Phòng Khoa học - Công nghệ; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Quản trị - Bảo vệ; Phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính; Phòng Thanh tra pháp chế và Đảm bảo chất lượng; Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông [H09.09.01.03]. Các phòng chức năng này đều được trang

bị đầy đủ các trang thiết bị-như: máy tính, internet, wifi, điều hòa nhiệt độ, hệ thống ánh sáng và một số phần mềm chuyên dụng như: phần mềm e-office, phần mềm kế toán, phần mềm đăng ký học theo tín chỉ, phần mềm quản lý và tra cứu điểm, phần mềm thống kê các phiếu đánh giá, phản hồi của sinh viên về chương trình học, giảng viên, cơ sở vật chất và phòng ban phục vụ [H09.09.01.04].

Cùng với các Phòng ban chức năng hỗ trợ công tác đào tạo thì Nhà trường cũng có hệ thống các Trung tâm nghiên cứu để hỗ trợ các Cán bộ trong việc nghiên cứu khoa học, triển khai các đề tài trong và ngoài nước giúp nâng cao năng lực nghiên cứu và hỗ trợ đào tạo cho giảng viên. Các trung tâm này đều được trang bị các thiết bị hiện đại đáp ứng được các nhu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo của các ngành trong đó có ngành Khoa học môi trường [H09.09.01.05].

Để quản lý và phản hồi hiệu quả sử dụng của các trang thiết bị phục vụ đào tạo, tại các khu giảng đường được bố trí các phòng chờ giảng (Nhà T3, T4 và T5), ở đó có cán bộ trực, quản lý và ghi sổ sách tần suất sử dụng các trang thiết bị. Đó cũng là nơi để giảng viên đến nghỉ giải lao giữa các giờ dạy và có các ý kiến phản hồi về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ giảng dạy bị hỏng để Nhà trường kịp thời sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và mua sắm mới các thiết bị thay thế. Hàng năm Nhà trường đều lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của người học về cơ sở vật chất như số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị học tập và nghiên cứu có đáp ứng được yêu cầu của người học không; kết quả phản hồi đánh giá qua 5 năm gần đây có kết quả như sau: năm 2017, 2018, 2019 có điểm trung bình là 4,3/5; năm 2020 điểm trung bình 4,01/5; năm 2021 là 3,91/5 theo đánh giá của đơn vị kết quả là tốt. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã hỗ trợ kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị phục vụ thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học cho các đơn vị thành viên [H09.09.01.06]

2) Điểm mạnh

Phòng làm việc, phòng học, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính đủ đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên trong Khoa và Trường.

Các phòng ban chức năng và Trung tâm nghiên cứu đủ lớn, đủ mạnh để hỗ trợ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học trong Khoa và Trường.

Các trang thiết bị phục vụ đào tạo (máy chiếu, internet, wifi, hệ thống âm thanh, ánh sáng, điều hòa, hệ thống thông gió...) đáp ứng yêu cầu giảng dạy và đáp ứng đủ điều kiện làm việc của giảng viên và cán bộ trợ lý.

Khoa Môi trường đã có ký kết hợp tác đào tạo và nghiên cứu với các đơn vị phối hợp nên sinh viên ngành KHMT có thêm diện tích phòng học, phòng thí nghiệm thông qua việc được phép sử dụng các cơ sở vật chất của các đơn vị trên.

3) Tồn tại

Tuy nhiên, do điều kiện cơ sở vật chất hiện tại các phòng học tại nhà T5 bố trí đối diện nhau, các giảng đường đối diện nhau còn cách âm chưa tốt, gây ảnh hưởng đến việc giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên.

Năm 2020 và 2021 có chỉ số đánh giá thấp hơn so với các năm trước một trong những nguyên nhân chủ yếu là do tình hình dịch bệnh kéo dài dẫn đến suốt một thời gian dài các thiết bị không được sử dụng, khi quay trở lại học tập trực tiếp, nhiều thiết bị điện tử trên giảng đường như: máy chiếu, điều hoà có chất lượng không ổn định; dẫn đến mức độ hài lòng của người học giảm sút.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường ĐHKHTN cần có kế hoạch hàng năm sửa chữa cơ sở vật chất trên giảng đường như máy chiếu, điều hoà; và cải tạo hệ thống cách âm trên các giảng đường.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1) Mô tả

Trung tâm thư viện của ĐHQGHN có nguồn học liệu phong phú với trên 110.647 đầu sách; được cập nhật hàng năm và lưu trữ các bộ sưu tập đặc biệt thuộc các lĩnh vực về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội [H09.09.02.01]. Phòng đọc, phòng mượn cho CBGV và sinh viên với tổng diện tích là 6947 m² gồm: khu vực mượn - đọc, khu vực phục vụ sinh viên tra cứu tài liệu điện tử [H09.09.02.02]. Để tạo

điều kiện thuận lợi cho cả cán bộ thư viện và độc giả trong quá trình quản lý, vận hành, sử dụng thư viện, truy cập cơ sở dữ liệu, thư viện đã ban hành hệ thống hướng dẫn và quy định của thư viện [H09.09.02.03]. Các phòng phục vụ độc giả đều được trang bị hệ thống chiếu sáng phù hợp, hệ thống internet ổn định, tốc độ cao thời gian mở cửa phục vụ bạn đọc từ: 7h30 đến 16h30 các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần đối với thời gian học chính khóa và có thể điều chỉnh vào thời điểm ôn thi; số chỗ ngồi dành cho độc giả tại thư viện: khoảng 200 ghế trong cùng một thời điểm. Ngoài ra, sinh viên Trường ĐHKHTN còn có các phòng tự học được trang bị hệ thống chiếu sáng, internet phục vụ sinh viên các ngày trong tuần từ 7h30 đến 21h00 [H09.09.02.04].

Trung tâm Thông tin Thư viện, ĐHQGHN là một trong hệ thống thư viện số hóa của ngành thư viện tại Việt Nam luôn cung cấp dịch vụ thông tin hiện đại cho bạn đọc như: tài liệu, giáo trình dưới dạng Ebook; số hóa tài liệu, phòng đọc tự chọn, phòng đọc điện tử phục vụ khai thác thông tin trực tuyến qua cổng thông tin điện tử của thư viện, hệ thống quản lý học tập (LMS) để tổ chức các hoạt động dạy - học theo tiếp cận dạy học kết hợp. Đặc biệt, 6/2022, kho tài nguyên số nội sinh của ĐHQGHN tăng hạng xếp thứ 48 trong tổng số 3903 thư viện số đại học/học viện (tăng 1 bậc so với tháng 2/2022) và đồng thời tăng hạng xếp thứ 59 trong tổng số 4039 thư viện số toàn cầu (tăng 1 bậc so với tháng 2/2022) <https://lic.vnu.edu.vn/vi/content/tang-them-2000-tai-lieu-xam-trong-4-thang-thu-vien-so-tai-lieu-noi-sinh-dhqghn-dung-thu-48-0>), điều này đã phản ánh tốc độ chuyển đổi số rất nhanh của ĐHQGHN về lĩnh vực số hóa học liệu và chuyển đổi số thư viện VNU-LIC. Với mức độ số hóa tăng cao của kho tài nguyên số nội sinh ĐHQGHN, mức độ lan tỏa và độ mở về khoa học OPEN SCIENCE của ĐHQGHN với thế giới, mức độ nổi tiếng và tăng mức độ trích dẫn đến các tài nguyên học thuật của ĐHQGHN nên số lượng bạn đọc đến với thư viện ngày càng đông đáp ứng được nhu cầu mở rộng, phát triển các chuyên ngành đào tạo của Khoa và Trường và nhu cầu người học.

Cán bộ và sinh viên của ĐHQGHN hoàn toàn có thể mượn sách tại Trung tâm thông tin và thư viện, hoặc tìm kiếm và tham khảo các tài liệu trên CSDL (ScienceDirect, SpringerLink, MathScinet, Bookboon, Elsevier, Sage, WorldScientific) của Trung tâm qua địa chỉ [http:// ww.lic.vnu.edu.vn](http://ww.lic.vnu.edu.vn) [H09.09.02.05]

thông qua tài khoản điện tử do trường cấp [H09.09.02.06]. Các tài liệu trên đều được thư viện số hóa và dễ dàng tìm kiếm bằng các phần mềm trên máy tính. Đặc biệt, sinh viên ngành Khoa học môi trường có thể tra cứu đề cương chi tiết của các học phần thuộc ngành KHMT tại thư viện Khoa Môi trường để biết được tổng thể nội dung và chương trình đào tạo của ngành [H09.09.02.07.]. Số lượng giáo trình và tài liệu tham khảo thuộc lĩnh vực Khoa học môi trường bằng tiếng Việt là 1.182 bản [H09.09.02.08], giáo trình tiếng Anh trên 708 [H09.09.02.09]. Các loại sách và giáo trình được phần lớn các giảng viên trong Khoa biên soạn với 130 đầu mục sách tạo thuận lợi cho việc giảng dạy và học trên lớp đặc biệt đối với những cán bộ trẻ và được bổ sung hàng năm [H09.09.02.10]. Nhằm phục vụ thuận lợi nhất cho bạn đọc, hàng năm Trung tâm thông tin thư viện luôn được cập nhật bổ sung các nguồn học liệu [H09.09.02.11]. Thư viện thường xuyên có dữ liệu theo dõi các hoạt động và các nguồn học liệu để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên, học viên và sinh viên [H09.09.02.12].

Nhằm nâng cao chất lượng thư viện và đáp ứng nhu cầu của người đọc, hàng năm thư viện đã triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của người học, giảng viên về thư viện và các nguồn học liệu phục vụ đào tạo và nghiên cứu, mức độ đáp ứng nhu cầu mượn - đọc với mức độ hài lòng của bạn đọc trên 90% [H09.09.02.13].

2) Điểm mạnh

Thư viện của Trường và Khoa có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, được bổ sung cập nhật hàng năm rất thuận lợi cho việc học của sinh viên.

3) Tồn tại

Mặc dù, nguồn tài liệu của thư viện rất phong phú, cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của bạn đọc. Để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của bạn đọc, cần tăng thời gian mở cửa phục vụ bạn đọc vào buổi tối, buổi trưa, và ngày nghỉ tăng thêm thời gian mượn sách tham khảo.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trung tâm Thư viện và Tri thức số phối hợp với Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường cập nhật, rà soát tài liệu tham khảo, học liệu cho ngành KHMT

Trung tâm Thư viện và Tri thức số cần tăng thời gian mở cửa thư viện/ mượn sách tham khảo

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1) Mô tả

Khoa Môi trường có hệ thống các PTN đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực hành và trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu bao gồm 02 loại phòng thí nghiệm (PTN): là phòng thí nghiệm chung (để phục vụ thực hành cho các kiến thức cơ bản, là nơi đặt phần lớn các máy móc thiết bị Bảng A của Khoa); và phòng thí nghiệm chuyên đề dành cho các học phần chuyên ngành, tiến hành nghiên cứu khoa học, làm khóa luận tốt nghiệp nằm tại các bộ môn [H09.09.03.01]. Các phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị có 202 đầu mục máy và thiết bị đáp ứng nhu cầu về thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của ngành học [H09.09.03.02]. 100% các phòng thí nghiệm đều có nội quy phòng thí nghiệm, bảng thông số an toàn của vật liệu, chỉ dẫn về nguy cơ phòng thí nghiệm, kế hoạch khẩn cấp, ký hiệu hóa chất độc hại, an toàn phòng cháy chữa cháy và danh sách thông tin liên lạc khẩn cấp [H09.09.03.03]. 100% các phòng thí nghiệm hoạt động theo quy định về quản lý PTN và thiết bị của ĐHQGHN và quy chế hoạt động của từng phòng [H09.09.03.04]. Các hoạt động diễn ra trong PTN đều tuân thủ hướng dẫn tại Sổ tay an toàn PTN [H09.09.03.05] và nhật ký sử dụng thiết bị của PTN, 100% các thiết bị bảng A đều có sổ nhật ký sử dụng thiết bị [H09.09.03.06].

Cho đến nay, Khoa Môi trường hiện đang quản lý và vận hành một hệ thống máy móc hiện đại, đồng bộ và cập nhật cùng với hàng trăm các loại dụng cụ thí nghiệm để phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học [H09.09.03.02]. Các dụng cụ mau hỏng rẻ tiền này được các Bộ môn và PTN chủ động bổ sung từ kinh phí hỗ trợ đào tạo. Đối với các thiết bị thí nghiệm, Khoa luôn kiểm tra và đánh giá hiệu quả sử

dụng của các trang thiết bị được đầu tư [H09.09.03.07]. Khoa Môi trường đã trang bị đầy đủ cơ bản đáp ứng cho các bài thực tập thực hành của sinh viên ngành Khoa học Môi trường; ngoài ra Khoa cũng được trang bị các thiết bị hiện đại để nghiên cứu chuyên sâu như máy ICP-OES, GC, HPLC.... Ngoài ra, thiết bị của Khoa còn được bổ sung thông qua các dự án của các nhà khoa học trong Khoa như dự án: hợp tác với Nga “Design and Development of ASEAN – Russia Interactive Communication Network for the Exchange of Innovative Technologies on Sustainable Agricultural Development” đã bổ sung cho Khoa các thiết bị phục vụ cho hợp tác trực tuyến tại P405T2 như: camera, hệ thống loa, âm ly, mic...; và một số máy móc phục vụ quan trắc hiện trường [H09.09.03.08].

Không những vậy, Khoa còn liên kết với các trung tâm, phòng thí nghiệm hiện đại khác như Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ - Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học Công nghệ Quân sự, Viện Công nghệ môi trường - Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Trung tâm nghiên cứu công nghệ môi trường và phát triển bền vững, Phòng thí nghiệm Trọng điểm Vật liệu tiên tiến ứng dụng trong Phát triển xanh ... để tận dụng thế mạnh cơ sở vật chất cũng như đẩy mạnh việc nghiên cứu và trao đổi các thông tin khoa học trong các lĩnh vực liên quan đến Khoa học môi trường; nhiều sinh viên của Khoa tham gia nghiên cứu khoa học và làm khóa luận tốt nghiệp tại các Trung tâm và Viện nghiên cứu này. Hằng năm, Phòng Khoa học và công nghệ tiến hành kiểm tra tất cả hoạt động của các phòng thí nghiệm [H09.09.03.08] và đánh giá tình trạng của máy móc và điều kiện phòng thí nghiệm. Dựa trên bản báo cáo kết quả kiểm tra, Trường ĐHKHTN - ĐHQGHN sẽ cung cấp tài chính để bảo trì và tu sửa các dụng cụ bị hỏng hóc và đầu tư mua mới các thiết bị khác cũng như để sửa chữa cơ sở vật chất của các phòng thí nghiệm [H09.09.03.09].

Các PTN trực thuộc Khoa và PTN chuyên đề đều có người phụ trách phòng thí nghiệm, có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị [H09.09.03.10]. Với mục đích lấy người học làm trung tâm nên sau mỗi kỳ học Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị [H09.09.03.11]. Phản hồi của người học về tiêu chí có đủ phòng thí nghiệm hoặc phòng thực hành và trang thiết bị

phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong phạm vi học phần của Trường KHTN được đánh giá là 3,69/5. Các yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất hoặc trang thiết bị phục vụ học tập, nghiên cứu được đáp ứng được đánh giá là 3,41/5 [H09.09.03.11]. Danh mục các trang thiết bị được cập nhật hằng năm và được công khai trên website của Khoa [H09.09.03.02].

2) Điểm mạnh

Nhiều các trang thiết bị lớn, chuyên sâu được đầu tư phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các trang thiết bị được quản lý và đánh giá hiệu quả khai thác sử dụng thường xuyên.

3) Tồn tại

Khoa học môi trường là khoa học liên ngành có tính ứng dụng cao, dẫn đến nhu cầu sử dụng các thiết bị máy móc phòng thí nghiệm phục vụ cho thực hành, thực tập, thực hiện khoá luận tốt nghiệp hay nghiên cứu khoa học sinh viên cao, và làm gia tăng chi phí hoá chất, vật tư tiêu hao trong khi mức thu học phí còn hạn chế.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thông qua các đề tài dự án để gắn kết sử dụng hiệu quả các trang thiết bị và qua đó trích được nguồn kinh phí nhất định để duy tu, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị, bổ sung thêm các hoá chất, dụng cụ mau hỏng rẻ tiền nhiều hơn, ngoài kinh phí hỗ trợ đào tạo.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1) Mô tả

Cơ sở vật chất của Nhà trường về hạ tầng CNTT đã được đầu tư mạnh mẽ thông qua các dự án giáo dục đại học, có khả năng đáp ứng tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo nói chung của Khoa và Nhà trường. Nhà trường đã trang bị đầy đủ máy tính, máy in để phục vụ cho giảng viên giảng dạy và NCKH cũng như cho SV học tập. Về hệ thống máy tính, toàn trường có 2.199 máy tính, trong đó tính

riêng cho Khoa Môi trường là 49 máy, trường có 14 phòng tin học với tổng diện tích 700m², (96 máy xách tay+1040 máy bàn năm 2016, 350 máy năm 2015), trong đó có 5 phòng tin học với 227 máy tính để phục vụ việc thực hành tin học đại cương [H09.09.04.01]. Nhà trường trang bị đảm bảo 100% GV khi lên lớp được phục vụ máy chiếu. Cùng với sự phát triển của tin học, Khoa Môi trường cũng có phòng máy tính với 30 máy tính phục vụ riêng cho việc nghiên cứu phát triển các học phần-liên quan như tin học môi trường, GIS và viễn thám [H09.09.04.02]; đảm bảo chất lượng trong đào tạo thì các môn liên quan đến máy tính đều được sắp xếp và bố trí một cách hợp lý và khoa học như chia thành các nhóm thực hành nhằm đảm bảo tỷ lệ 1 sinh viên/1 máy tính thực hành.

Về hạ tầng mạng, trường hiện sử dụng đường FTTH cáp quang tốc độ cao để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng học thông minh, phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng wifi toàn trường; đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website và thư viện điện tử phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H09.09.04.03]. Ngoài ra, để thích ứng với tình hình dịch bệnh Covid-19, Nhà trường đã kịp thời nâng cấp một số phòng học trở thành phòng có đủ điều kiện phục vụ cho hoạt động giảng dạy trực tuyến, họp online như 418, 301, 401T1 và 405T2. Ngày 10/9/2020, Giám đốc ĐHQGHN đã ký quyết định số 2598/QĐ-ĐHQGHN ban hành Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trực tuyến ở ĐHQGHN. Một số giải pháp chính được sử dụng bao gồm MS-Team, Zoom, Google Class. ĐHQGHN cũng đã xây dựng hệ thống quản lý học tập (LMS) với mục tiêu tích hợp được dữ liệu giảng dạy, học tập với kho dữ liệu thống nhất của ĐHQGHN nhằm tổ chức các hoạt động dạy học trực tuyến theo hướng tiếp cận giáo dục kết hợp tại các đơn vị trong ĐHQGHN, góp phần nâng cao chất lượng và đổi mới hoạt động giảng dạy. Phần mềm LMS tích hợp được với hệ thống quản lý đào tạo của ĐHQGHN và các đơn vị để đảm bảo thông tin về chương trình đào tạo, học phần, lớp học phần, giảng viên, sinh viên được đồng bộ và thống nhất. Đồng thời, kết nối với Trung tâm Thông tin – Thư viện để sử dụng, bổ sung nguồn học liệu số do ĐHQGHN cung cấp. ĐHQGHN cũng chú trọng tăng cường năng lực cho giảng viên sử dụng, khai thác các phần mềm giảng dạy trực tuyến thông qua các khóa đào tạo, tập huấn ngắn hạn [H09.09.04.14]

Trong trang web của VNU <http://www.vnu.edu.vn>, có đầy đủ các thông tin cần thiết cho sinh viên như quy định đào tạo, các giấy tờ, biểu mẫu hành chính... [H09.09.04.04] Thêm vào đó, trang web còn được kết nối với các trang web của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN <http://hus.vnu.edu.vn>, trang web về thông tin đào tạo <http://daotao.vnu.edu.vn> và trang web của Khoa Môi trường <https://fes.hus.vnu.edu.vn> [H09.09.04.05]. Những quy định trong việc kết nối Internet trong hệ thống mạng nội bộ và hệ thống mạng không dây giúp đảm bảo bí mật thông tin [H09.09.04.06].

Trường ĐHKHTN thực hiện việc tin học hóa trong quản lý đào tạo và trong công tác sinh viên thông qua cổng thông tin điện tử. Việc tin học hóa và hệ thống hóa thông tin đã giúp ích rất nhiều cho các giảng viên và sinh viên trong việc dạy và học. Hiểu rõ vai trò to lớn của hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ trong đào tạo và nghiên cứu nên Trường ĐHKHTN đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông để giúp các CB và SV giải quyết các vướng mắc khi sử dụng cũng như triển khai mạnh mẽ tin học hóa các công đoạn trong quản lý và đào tạo [H09.09.04.07]. Toàn bộ phòng máy chủ, hệ thống mạng Lan, mạng wifi, hệ thống website trường và các đơn vị; hệ thống email cho cán bộ và sinh viên, xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử cho SV và cựu SV ... đều được cán bộ của Trung tâm CNTT và TT hỗ trợ kịp thời [H09.09.04.08].

Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của nhà trường cũng như Khoa [H09.09.04.09]. Toàn bộ các phòng máy đều được kiểm tra thường xuyên, ghi chép nhật ký sử dụng nhằm đảm bảo điều kiện học tập công nghệ thông tin cho SV [H09.09.04.10]. Các phần mềm quản lý như phần mềm e-office, phần mềm đăng ký học theo tín chỉ, phần mềm quản lý và tra cứu điểm, phần mềm thống kê các phiếu đánh giá đã được sử dụng hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và công tác sinh viên. Hệ thống máy tính dành cho việc quản lý số liệu được sử dụng thường xuyên và luôn luôn được cập nhật, hệ thống mạng internet cũng thường xuyên được nâng cấp [H09.09.04.11]. Bên cạnh đó để đáp ứng yêu cầu đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực khoa học môi trường, Khoa môi trường đã được đầu tư cung cấp các phần mềm là các mô hình có bản quyền

quốc tế như Mô hình CALPUFF, ISCAERMOD, CALRoads View Traffic Air Dispersion Model, MOBILE View Vehicle Emission Modeling Software, IMMI, Arc GIS, Aermol, Meti-lis, ENVI [H09.09.04.12].

Với mục đích lấy người học làm trung tâm nên sau mỗi kỳ học Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học NH và các bên liên quan về môi trường làm việc và học tập hàng năm trong đó phần trang thiết bị CNTT và internet được đánh giá đạt 4,3/5 [H09.09.04.13]. Khoa Môi trường thường xuyên tiếp thu ý kiến phản hồi của sinh viên thông qua trợ lý CTSV và ý kiến phản hồi của cán bộ thông qua các cuộc họp giao ban, đồng thời Khoa có riêng 01 Phó Trưởng Khoa phụ trách Khoa học và thiết bị để kịp thời xử lý hỗ trợ cho người học và cán bộ đảm bảo việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2) Điểm mạnh

Công nghệ thông tin được Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường ưu tiên đầu tư với chi phí lớn [H09.09.04.14]. Hệ thống mạng LAN internet và wifi phủ sóng toàn trường với 116 bộ phát wifi chỉ tính riêng cho cơ sở 334 Nguyễn Trãi, thuận lợi cho đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong công tác quản lý của Nhà trường đều được ứng dụng công nghệ thông tin với các phần mềm chuyên dụng như: phần mềm e-office, phần mềm đăng ký học theo tín chỉ, phần mềm quản lý và tra cứu điểm, phần mềm thống kê các phiếu đánh giá, phản hồi của sinh viên về chương trình học, giảng viên, cơ sở vật chất và phòng ban phục vụ ...[H09.09.04.15].

Khoa Môi trường đã trang bị nhiều phần mềm có bản quyền để đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên sâu về mô hình hoá áp dụng trong lĩnh vực khoa học môi trường

3) Tồn tại

Hệ thống mạng wifi chưa ổn định hoặc bị gián đoạn tại một số các giảng đường và phòng làm việc cách xa router wifi.

Trong giai đầu mỗi học kỳ, phần mềm đăng ký tín chỉ thường xuyên bị lỗi, nghẽn mạng do quá tải, gây khó khăn cho sinh viên khi đăng ký môn học.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường ĐHKHTN cần tiến hành nâng cấp hệ thống mạng wifi, tăng băng thông đường truyền internet, bổ sung số lượng các router wifi để đảm bảo sự ổn định của hệ thống mạng cho tất cả các phòng học và phòng làm việc.

Trường ĐHKHTN cần nâng cấp và bảo trì thường xuyên sever hệ thống và phần mềm đăng ký tín chỉ để cải thiện việc nghẽn mạng trong giai đoạn sinh viên đăng ký môn học.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1) Mô tả

Mọi hoạt động của Khoa Môi trường đều tuân theo An toàn về Sức khỏe tại nơi làm việc được quy định tại Quyết định số 982/QĐ-TCCB ngày 02/4/2013 của Giám đốc ĐHQGHN ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế trong các học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp [H09.09.05.01]. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn như: Chiếu sáng, độ ồn, vệ sinh, xử lý rác và nước thải; Các tiêu chuẩn về bàn, ghế, bảng học, phòng thí nghiệm, sân bãi thể dục, thể thao; Các quy định về cung cấp nước uống, nhà tiêu, hố tiêu, hố rác, hệ thống cống nước thải; Các yêu cầu về phòng y tế và công tác y tế trường học đều được đảm bảo theo quy định tại Thông tư số: 1221/2000/QĐ-BYT của Bộ Y tế quyết định về việc ban hành quy định về vệ sinh trường học và Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT, BGDĐT quy định về công tác y tế trường học. Nhà trường có quan tâm đến sức khỏe và an toàn cho người khuyết tật. Nhà ở, nhà ăn đều có nội quy về trật tự, vệ sinh môi trường đúng theo Thông tư số 04/1998/TT-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 23/3/1998 hướng dẫn thực hiện quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm trong kinh doanh, dịch vụ và phục vụ ăn uống [H09.09.05.02, H09.09.05.03, H09.09.05.04]. Đặc biệt khi bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nhà trường đã ra nhiều hướng dẫn, chỉ đạo nhằm đảm bảo về môi trường, sức khỏe, an toàn cho sinh viên và cán bộ công nhân viên [H09.09.05.05].

Trường thường xuyên xét nghiệm chất lượng nước và kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm và phun thuốc phòng dịch [H09.09.05.06, H09.09.05.07]. Môi trường giảng dạy, học tập và NCKH của CB, GV và SV luôn được đảm bảo an toàn xanh - sạch - đẹp, hàng ngày có đội ngũ dọn vệ sinh do Nhà trường ký hợp đồng với đơn vị chuyên nghiệp bên ngoài [H09.09.05.08]. Ban chủ nhiệm Khoa luôn tạo ra và duy trì một môi trường học tập, làm việc an toàn và lành mạnh cho các cán bộ và sinh viên; phương án xử lý và sơ tán khi có hỏa hoạn được giả định trước; cung cấp phương án xử lý khi có tai nạn xảy ra; giáo dục về an toàn như một phần trách nhiệm của sinh viên; đảm bảo sức khỏe tốt cho các cán bộ. Hàng năm các chất thải nguy hại trong Nhà trường được thu gom, quản lý riêng và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định [H09.09.05.9]. Đối với những cán bộ làm việc trong phòng thí nghiệm có tiếp xúc với các hóa chất thì được hỗ trợ thông qua phụ cấp độc hại [H09.09.05.10]. Để đảm bảo việc khai thác hiệu quả và an toàn phòng thí nghiệm trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, Ban chủ nhiệm Khoa Môi trường đã ban hành quy chế hoạt động của Phòng thí nghiệm trong đó nêu rõ quy định của Khoa về sử dụng phòng thí nghiệm và hướng dẫn về an toàn phòng thí nghiệm [H09.09.05.11, H09.09.05.12]. Các phòng thí nghiệm, phòng làm việc và khu giảng đường được bố trí tại các tòa nhà đảm bảo có sự liên thông qua lại thuận tiện với nhau nhưng tại các cửa ra vào của các tòa nhà đều có các cửa sắt và các chốt trực của bảo vệ nhằm đảm bảo trật tự an ninh, an toàn khu vực. Nhân viên bảo vệ có trách nhiệm đảm bảo trực 24/24 trong tất cả các ngày kể cả ngày lễ, tết. Nhà trường đầu tư hệ thống camera để giám sát tại các hành lang, các lối ra vào trong toàn trường. Tại các hành lang trước cửa phòng thí nghiệm, phòng làm việc và khu giảng đường đều được bố trí các bình phòng cháy, chữa cháy [H09.09.05.13]. Nhà trường luôn có phương án phối hợp chặt chẽ với công an thành phố Hà Nội để đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy. Hơn nữa, nhà trường còn tổ chức Khóa tập huấn về phòng cháy chữa cháy cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong trường [H09.09.05.14]. ĐHQGHN cũng yêu cầu 100% sinh viên có bảo hiểm y tế và được khám sức khỏe đầu khóa học tại bệnh viện ĐHQGHN, 182 Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội. Bệnh viện ĐHQGHN đặt tại Ký túc xá Mễ Trì hoạt động 24 giờ một ngày và 7 ngày trong tuần trong đó có bố trí 01 cán bộ y tế thường xuyên trực tại phòng y tế của Trường để làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe

ban đầu và khám chữa bệnh cho cán bộ, giảng viên, công nhân viên và sinh viên của Trường trong thời gian học tập và làm việc tại Trường [H09.09.05.15]. Trường cũng cung cấp cho các cán bộ bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể và hàng năm Trường và Khoa đều tổ chức và hỗ trợ kinh phí cho việc khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ [H09.09.05.16, H09.09.05.17]. Đối với những sinh viên khuyết tật được Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp trong chương trình đào tạo như được miễn các học phần giáo dục thể chất, an ninh quốc phòng, sinh viên khuyết tật được nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở ký túc xá tầng 1, được khám sức khỏe theo nhu cầu. Nhà trường sửa chữa, xây dựng đường đi riêng, phù hợp với các sinh viên khuyết tật [H09.09.05.18].

2) Điểm mạnh

Nhà trường rất quan tâm đến môi trường xanh - sạch - đẹp. Đội ngũ vệ sinh chuyên nghiệp, làm việc tích cực từ sớm đến muộn luôn thu gom rác tại các thùng chứa và lau giơn mọi chỗ, mọi nơi. Sức khỏe của CB, GV và sinh viên luôn được quan tâm, Công đoàn Nhà trường luôn lựa chọn những Bệnh viện uy tín nhất để hỗ trợ cán bộ khám bệnh định kỳ.

3) Tồn tại

- Điều kiện cho người khuyết tật còn hạn chế, mới đáp ứng được cho đối tượng khuyết tật nhẹ và đơn giản; không tiếp cận được với văn phòng Khoa Môi trường bằng hệ thống xe lăn

- Hệ thống tủ hút của các PTN còn ít

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường ĐHKHTN tiếp tục cải thiện điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn để đáp ứng tốt hơn nhu cầu đặc thù của các đối tượng người khuyết tật; ưu tiên đầu tư thêm các tủ hút khí độc cho các PTN

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

Kết luận tiêu chuẩn 9.

Khoa Môi trường được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành Khoa học Môi trường. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Các phòng thực hành tin học, phòng nghiệp vụ... với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động dạy học và rèn luyện nghiệp vụ của GV và sinh viên; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, GV và SV làm việc, học tập và nghiên cứu... Tuy nhiên, hệ thống wifi chưa đồng bộ, chất lượng wifi ở một số khu vực trong trường chưa được đảm bảo. Năm học 2021-2022, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên đang thực hiện việc nâng cấp hệ thống wifi để phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên trong toàn trường.

Tiêu chuẩn 09 có 05 tiêu chí, trong đó 03 tiêu chí đạt 5/7 điểm (tiêu chí 9.1, 9.3, 9.5) và 02 tiêu chí đạt 6/7 điểm (tiêu chí 9.2 và 9.4).

TIÊU CHUẨN 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Chất lượng đào tạo là nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng đào tạo với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu sáng tạo và chuyển giao tri thức thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, góp phần xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, Nhà trường cần phải nâng cao chất lượng đào tạo. Nâng cao chất lượng trong GDĐH gắn liền với việc cải tiến các yếu tố như: Kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học; Môi trường và các cơ hội học tập; Chất lượng của cơ sở giáo dục hoặc CTDH/CTĐT.

Trong những năm qua, Khoa Môi trường cùng với Trường ĐHKHTN đã có các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng chương trình đó là: Xây dựng CDR theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; CTĐT được định kỳ đánh giá và cải tiến chất lượng đáp ứng CDR; Thực hiện chặt chẽ và có hệ thống việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển CTDH; Phương pháp giảng dạy, quy định đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát, đánh giá thường xuyên đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR; CSVC, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ thường xuyên được đánh giá và cải tiến chất lượng; Các kết quả NCKH đều được sử dụng để cải tiến việc dạy và học; Duy trì cơ chế phản hồi từ người học cũng như các bên liên quan khác với CTĐT của Nhà trường, Khoa, để giúp thiết kế tốt chương trình cũng như đảm bảo tính cập nhật và phù hợp.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1) Mô tả

Quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học Khoa học Môi trường được thực hiện theo các quy định của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN về mở mới và điều chỉnh CTĐT như: quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN về việc ban hành, mở mới và điều chỉnh CTĐT ở ĐHQGHN năm 2012, công văn 1234/ĐHKHTN-ĐT về hướng dẫn cập nhật CTĐT năm 2015, quyết định số 1111/QĐ-ĐHQGHN về mở mới và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ở ĐHQGHN năm 2018 [H10.10.01.01]. Trên cơ sở các hướng dẫn, quyết định của ĐHQGHN, Trường ĐHKHTN hướng dẫn mở mới điều chỉnh, cập nhật các CTĐT đại học (1234/ĐHKHTN-ĐT) [H10.10.01.01]; Nhà trường thành lập nhóm và chỉ định trưởng nhóm chuyên gia xây dựng/điều chỉnh, cập nhật CTĐT trên cơ sở đề xuất của Trưởng Khoa và Trưởng phòng đào tạo qua quyết định thành lập nhóm chuyên gia và thực hiện theo các qui trình điều chỉnh CTDH/CTĐT [H10.01.02].

Trong các qui định trên đã nêu rõ: qui trình các bước mở mới/điều chỉnh phải tổ chức điều tra và khảo sát nhu cầu xã hội, sau đó tổ chức hội thảo lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan (bước 6, điều 8 trong quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN);

đồng thời nêu rõ yêu cầu khảo sát nhu cầu xã hội đối với ngành dự kiến mở và nhân sự cần kiến thức, kỹ năng trình độ như thế nào đối với từng vị trí tuyển dụng (quyết định số 1111/QĐ-ĐHQGHN). CTDH Khoa học Môi trường được điều chỉnh các năm 2015, 2019 và 2022 dựa trên căn cứ thông tin phản hồi các bên liên quan như chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, người học, doanh nghiệp sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp [H01.01.03.03; H 01.01.03.04]. Hệ thống thu thập thông tin của các bên liên quan về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH căn cứ theo hướng dẫn đánh giá chất lượng thông qua phản hồi từ các bên liên quan được thực hiện theo hướng dẫn số 5077/HD-ĐHQGHN, 2014 cho lần điều chỉnh năm 2015, 2019, và 581/HD-ĐHQGHN, 2020 [H10.10.01.03] cho lần điều chỉnh năm 2022. Cụ thể qui trình cách thức lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan (công văn 581/HD-ĐHQGHN) kèm theo mẫu phiếu được sử dụng cho từng đối tượng được khảo sát [H10.10.01.04]. Hàng năm trường ĐHKHTN đều có kế hoạch lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan sử dụng làm căn cứ để thiết kế, điều chỉnh CTDH với đầu mối là phòng TT&PCĐBCL, Khoa Môi trường phối hợp cụ thể như sau:

- Đối với các chuyên gia: CTDH/ CTĐT điều chỉnh được lấy ý kiến qua các cuộc họp Hội đồng Khoa học Khoa [H10.10.01.05], lấy ý kiến chuyên gia trực tiếp qua các buổi hội thảo, phỏng vấn trực tiếp, hoặc phiếu khảo sát trực tiếp/trực tuyến [H10.10.01.06]; thông qua hội nghị Khoa học- Đào tạo của Khoa Môi trường được tổ chức hàng năm [H10.10.01.07].

- Đối với giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên: thông tin phản hồi về các vấn đề cần điều chỉnh trong CTDH/CTĐT được thu thập trực tiếp thông qua các cuộc họp Bộ môn, cuộc họp giao ban giữa lãnh đạo Khoa và các trưởng đơn vị, hội nghị cán bộ viên chức và người lao động hàng năm, hội nghị Khoa học- Đào tạo của Khoa Môi trường được tổ chức hàng năm [H10.10.01.07].

- Đối với người học: khảo sát lấy ý kiến về nội dung của từng học phần sau khi kết thúc học kỳ, kết quả này được gửi trực tiếp đến từng giảng viên dạy học phần tương ứng, và được phòng TT&PCĐBCL tổng hợp làm căn cứ cho các lần điều chỉnh CTĐT tiếp theo [H10.10.01.08]. Ngoài ra, sinh viên phản hồi qua các buổi đối thoại trực tiếp thường niên với Ban giám hiệu có sự tham dự của Ban lãnh đạo Khoa [H10.10.01.09].

Sinh viên có thể gặp gỡ trao đổi trực tiếp và đề đạt mong muốn điều chỉnh với giáo viên chủ nhiệm – cố vấn học tập [H10.10.01.07]. Ngoài ra, góp ý về CTDH/CTĐT của người học chuẩn bị ra trường là nguồn thông tin khách quan và chính xác nhất do họ vừa hoàn thành xong chương trình học, từ năm 2020, Khoa Môi trường đã tổ chức khảo sát [H10.10.01.10] người học chuẩn bị tốt nghiệp sử dụng kết quả làm căn cứ điều chỉnh.

- Đối với các cán bộ quản lý và các doanh nghiệp doanh nghiệp sử dụng lao động: thông tin phản hồi về CTDH/CTĐT ngành KHMT cho thấy cần có thêm nhiều hình thức nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp cho người học đã được sử dụng làm căn cứ cho các lần điều chỉnh CTDH/ CTĐT tiếp theo [H10.10.01.11].

- Tương tự ý kiến phản hồi về CTDH/ CTĐT của người học đã tốt nghiệp thông qua bảng hỏi gửi qua email [H10.10.01.12], được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh CTDH/CTĐT [H10.10.01.13].

Các thông tin phản hồi các bên liên quan được xử lý và sử dụng để điều chỉnh, cải tiến CTDH/CTĐT; Nhìn chung CTĐT ngành KHMT năm 2019 so với năm 2015 giảm khối kiến thức chung 12 tín chỉ, Khối kiến thức chung của nhóm ngành tăng 2 TC bắt buộc, Khối kiến thức ngành tăng 4 TC theo hướng tăng cường tính ứng dụng, tính thực tiễn và thời đại và kiến thức, kỹ năng liên quan trực tiếp đến yêu cầu công việc của sinh viên sau khi ra trường được đưa vào như : Ngoại ngữ chuyên ngành, Thực tập sản xuất, Thực hành khởi, Thống kê ứng dụng trong môi trường; kết quả được trình bày cụ thể trong Tiêu chí 10.2.

2) Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, phân công nhiệm vụ rõ ràng. Khoa duy trì kênh liên lạc thường xuyên với các cơ quan, đơn vị, cơ sở thực tập trên cả nước và mạng lưới cựu SV. Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên kể cả trực tiếp và trực tuyến. CTĐT/CTDH ngành KHMT được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên nhu cầu qua các ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học ở các nước phát triển trên thế giới.

3) Tồn tại

Trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH còn hạn chế, do kế hoạch khảo sát thu thập thông tin của từng nhóm đối tượng chưa được phân loại trước khi khảo sát.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Khoa Môi trường tiếp tục duy trì và hoàn thiện các kênh liên lạc thường xuyên với các cơ quan, đơn vị và mạng lưới cựu sinh viên để thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Khoa Môi trường phối hợp với Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng thiết kế, tính toán như cầu, đánh giá thứ hạng thông tin đối với từng nhóm đối tượng trước khi thực hiện khảo sát làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1) Mô tả

Chương trình dạy học ngành Khoa học môi trường được thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. CTDH/CTĐT được thiết lập căn cứ vào CDR ngành Khoa học môi trường, định kỳ điều chỉnh, đánh giá tính hiệu quả thông qua những ý kiến khảo sát, phản hồi từ các bên liên quan.

Quy trình thiết lập CTDH/CTĐT được Bộ GDĐT xây dựng quy định tại Điều 6. Quy trình và tổ chức xây dựng chương trình đào tạo và Điều 8. Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá chương trình đào tạo của Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT [H10.10.02.01]. ĐHQGHN hướng dẫn các đơn vị thực hiện theo quy trình 4 bước tại Điều 13. Thiết kế chương trình đào tạo tại Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN [H10.10.02.02]; Quy trình điều chỉnh, cập nhật nhằm cải thiện và phát triển CTDH/CTĐT tại được quy định tại Hướng dẫn số 1110/HD-ĐHQGHN [H10.10.02.03]. CTDH/CTĐT sẽ được ĐHQGHN thẩm định và ban hành quy định tại Điều 10, Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN [H10.10.02.04].

Việc cập nhật và điều chỉnh chương trình là một trong những yêu cầu bắt buộc trong chiến lược phát triển của ĐHQGHN và Trường ĐHKHTN. Năm 2015, CTĐT ngành KHMT đã được đánh giá và kiểm định chất lượng đạt chuẩn theo AUN-QA [H10.10.02.12]. Trong giai đoạn 2017 – 2022 CTĐT ngành Khoa học môi trường đã trải qua 2 lần điều chỉnh lớn vào các năm 2019 [H10.10.02.05], và năm 2022 [H10.10.02.13].

Trong mỗi lần cập nhật, điều chỉnh, Khoa Môi trường đều xây dựng nhóm công tác phụ trách việc lập kế hoạch cập nhật, xây dựng kế hoạch lấy ý kiến của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động) để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT [H10.10.02.06]. Điều chỉnh CTDH/CTĐT ngành Khoa học môi trường năm 2019, 2022 Khoa Môi trường đã tiến hành khảo sát ý kiến của các bên liên quan bao gồm sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động [H10.10.02.07]. Kết quả khảo sát được tổ soạn thảo rà soát, tổng hợp ý kiến của các bên liên quan; báo cáo ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTDH/CTĐT được Hội đồng khoa học đánh giá và đưa ra các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng CTDH [H10.10.02.08]. Kết quả điều chỉnh, cải tiến CTDH/CTĐT được thể hiện trong bảng dưới đây:

Khối kiến thức	2019	2022
	Số tín chỉ	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy	137	137
Khối kiến thức chung (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN và kỹ năng bổ trợ)	16	16
Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	07	07
Khối kiến thức chung của khối ngành	30	27
Khối kiến thức chung của nhóm ngành	17	17
- Bắt buộc:	14	14
- Tự chọn:	03	03

Khối kiến thức ngành	67	70
- Bắt buộc:	48	51
- Tự chọn:	12	12
- Khoá luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp	07	07

Bên cạnh đó, mỗi học kỳ Khoa và Nhà trường định kỳ tổ chức các hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng hoạt động dạy học theo từng học phần về 3 nội dung: Hoạt động giảng dạy, nội dung học phần và kiểm tra, đánh giá [H10.10.02.09], đề thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của sinh viên.

Ngoài ra, trong các buổi Hội nghị, Hội thảo khoa học về đào tạo, Hội nghị công chức, viên chức, người lao động các ý kiến của các giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia có uy tín cũng được Khoa Môi trường quan tâm đưa vào thiết kế và phát triển CTĐT [H10.10.02.10]. Việc điều chỉnh, cập nhật chương trình dạy học cũng có sự có sự đối sánh, tham khảo từ các trường đại học có uy tín trên thế giới Indiana University Bloomington, School of Public and Environmental Affairs, Mỹ [H10.10.02.11].

2) Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT được thiết lập, được đánh giá và cải tiến thường xuyên theo đúng quy định của Bộ GDĐT và ĐHQGHN. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan được khảo sát (sinh viên, cựu sinh viên, chuyên gia, nhà khoa học, nhà tuyển dụng,...) được thực hiện một cách bài bản, đóng vai trò quan trọng trong quy trình rà soát, đánh giá, thiết lập và điều chỉnh CTDH/CTĐT. Từ đó, góp phần nâng cao hơn nữa ngành Khoa học môi trường, tiến tới đáp ứng đủ và tốt theo yêu cầu của xã hội.

3) Tồn tại

Quá trình điều tra lấy ý kiến của các bên liên quan liên quan, số lượng đơn vị doanh nghiệp, nhà tuyển dụng còn hạn chế.

Thông tin phản hồi từ doanh nghiệp, nhà tuyển dụng có chất lượng chưa tốt, do chưa nắm được đầy đủ mục tiêu, ý nghĩa của việc cải tiến chương trình đào tạo. Do đó, chất lượng phiếu điều tra còn chưa thực sự hiệu quả, nên mức độ đóng góp cho công tác thiết kế và phát triển CTDH còn hạn chế.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Rà soát, nâng cao số lượng và chất lượng ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với công tác điều chỉnh chương trình dạy học.

Hiệp hội nghề nghiệp về Môi trường chưa được thành lập ở Việt nam, nên khuyến nghị các nhà tuyển dụng sử dụng lao động ngành KHMT cần có mô tả về yêu cầu tuyển dụng lao động, đây là căn cứ quan trọng để thiết kế và phát triển CTDH

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp CDR

1) Mô tả

Để đảm bảo quá trình dạy, học và kiểm tra đánh giá sinh viên có sự phù hợp và tương thích với nhau thì trước tiên các quá trình này cần tuân thủ theo quy chế đào tạo của ĐHQGHN [H10.10.03.01], bám sát vào Khung chương trình và đề cương học phần, CDR của CTĐT ngành KHMT được ban hành năm 2015, rà soát và điều chỉnh năm 2019, 2022 thể hiện thông qua 4 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: Kiến thức; Về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng bổ trợ; Phẩm chất đạo đức và vị trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp; Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp [H10.10.03.02].

Quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học được thực hiện rà soát, đánh giá thường xuyên. Sau khi kết thúc giảng dạy mỗi học kỳ nhóm GV phụ trách môn học sẽ họp để thống nhất các hoạt động dạy học, đề thi, hình thức kiểm tra để đảm bảo sự tương thích và phù hợp CDR và nộp cho Trưởng Bộ môn phụ trách học phần để đánh giá trước khi nộp lên phòng đào tạo [H10.10.03.03].

Sau mỗi kỳ học của năm học Phòng TTPC & ĐBCL tiến hành khảo sát trên đối tượng SV về hoạt động dạy, học và đánh giá KQHT. Các câu hỏi trong phiếu khảo sát

được thiết kế để đánh giá được phương pháp giảng dạy, sự tương thích và phù hợp với CDR của các học phần về phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT người học. Kết quả khảo sát được gửi về Khoa và GV được đánh giá, dựa vào kết quả đánh giá đó để yêu cầu các GV có sự điều chỉnh kịp thời hoạt động giảng dạy cho phù hợp với thực tế cũng như phối hợp với các đơn vị liên quan để nâng cao, cải tiến chất lượng giảng dạy [H10.10.03.04].

Ngoài khảo sát quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học trên đối tượng SV đang học, Phòng TTPC&ĐBCL cũng đã khảo sát trên đối tượng cựu SV, nhà tuyển dụng để đánh giá KQHT của người học với sự tương thích và phù hợp với CDR, mức độ đáp ứng các công việc thực hiện tại cơ quan đơn vị tuyển dụng lao động [H10.10.03.05]. Tất cả những ý kiến phản hồi về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá KQHT của người học được Khoa tiếp thu trong những lần rà soát, điều chỉnh CTĐT [H10.10.03.06].

Bên cạnh đó, để triển khai các văn bản liên quan đến quá trình dạy và học, đánh giá KQHT đến SV trong toàn trường, nâng cao ý thức học tập và rèn luyện của SV trong trường, Nhà trường đã ban hành quy định về công tác CVHT, chủ nhiệm lớp [H.10.10.03.07]. KQHT và rèn luyện của SV được đánh giá định kỳ hàng tháng thông qua biên bản họp lớp [H.10.03.08]. Sau mỗi kỳ học của năm học, Nhà trường triển khai đánh giá điểm rèn luyện, xét khen thưởng học bổng cho SV [H10.10.03.09]. Việc này luôn được Nhà trường, khoa và Phòng CT&CTSV quan tâm, đánh giá theo từng học kỳ.

Bên cạnh việc xét khen thưởng học bổng cho SV, dựa vào quy chế SV, điểm đánh giá các học phần, điểm rèn luyện và ý thức chấp hành nội quy của Nhà trường, Nhà trường còn thường xuyên xét cảnh báo học tập [H10.10.03.10], xét kỷ luật SV [H10.10.03.11].

Bên cạnh đánh giá KQHT của SV, hàng kỳ của năm học, Nhà trường còn tổ chức đánh giá các GV làm công tác CVHT và công tác chủ nhiệm lớp [H10.10.03.12].

Kết quả của quá trình dạy và học, được đánh giá qua KQHT của người học. Hàng năm, sau mỗi năm học Nhà trường, Khoa triển khai Hội nghị tổng kết công tác đào tạo năm học, đánh giá các kết quả đạt được trong năm học, đánh giá mặt mạnh

và mặt yếu trong quá trình dạy và học, đưa ra các bài học kinh nghiệm và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo [H10.10.03.13].

2) Điểm mạnh

Quá trình dạy và học của khoa Môi trường được tổ chức và thực hiện tốt, chất lượng đào tạo ngày càng cao. Việc rà soát đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học đều có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhóm GV, Bộ môn phụ trách học phần, Khoa và các đơn vị trong trường. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Kết quả là vừa góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo dựa trên cơ sở đánh giá chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và NH.

3) Tồn tại

Bên cạnh những tính ưu điểm của quá trình dạy và học, mới chỉ tập trung vào đánh giá kết quả học tập của người học là chính. Việc xây dựng hệ thống đánh giá theo CDR cần bao gồm sự cần thiết của các bên liên quan, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp đánh giá sinh viên. Việc tiếp nhận các phản hồi của sinh viên cần có hệ thống hơn để đảm bảo chất lượng của quá trình giảng dạy và học tập. Bộ môn phụ trách học phần cần chủ động hơn thảo luận về nội dung dạy và học, đánh giá KQHT của người học trong các buổi sinh hoạt chuyên môn để thảo luận và rút kinh nghiệm thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp CDR của học phần.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cải thiện hệ thống đánh giá theo CDR cần bao gồm sự tham gia của các bên liên quan, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp đánh giá sinh viên.

Cải thiện công tác tiếp nhận các phản hồi của sinh viên nhanh hơn (tích hợp với công thông tin của sinh viên) để đảm bảo chất lượng của quá trình giảng dạy và học tập.

Bộ môn phụ trách học phần chủ động đưa nội dung dạy và học, đánh giá KQHT của người học trong các buổi sinh hoạt chuyên môn hàng tuần.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7 điểm.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1) Mô tả

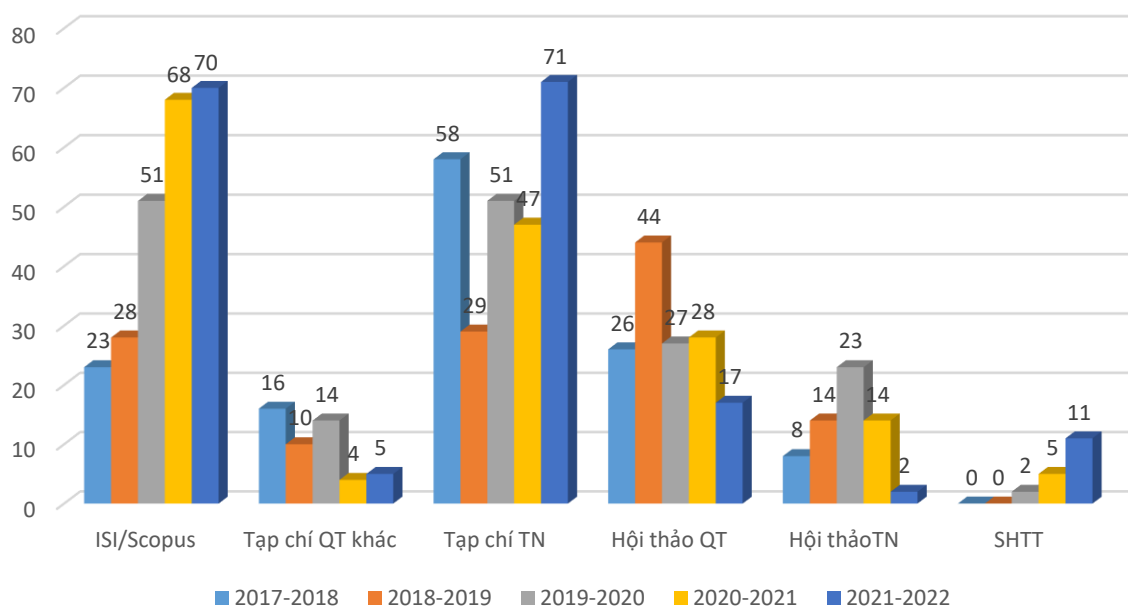
Ngoài công tác giảng dạy, NCKH cũng được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác giảng dạy của GV. Khoa Môi trường luôn xác định rõ NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà là trách nhiệm. NCKH giúp GV có nhiều kiến thức thực tế đưa vào giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo của Khoa và Nhà trường. Tính từ năm 2017 đến hết tháng 12/2021, cán bộ giảng viên của Khoa Môi trường đã thực hiện, cán bộ giảng viên của Khoa Môi trường đã và đang thực hiện tổng số 71 đề tài, trong đó: 7 đề tài cấp Nhà nước thuộc các chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp Quốc gia, 11 đề tài Nafosted, 10 đề tài Hợp tác quốc tế, 25 đề tài cấp Bộ và Tỉnh, 18 đề tài cấp cơ sở; đã công bố 631 bài báo, trong đó: 257 bài báo công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI và Scopus, 16 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế khác, 219 bài báo công bố trên tạp chí chuyên ngành trong nước; 83 bài báo công bố tại các hội thảo quốc tế và 56 bài báo công bố tại các hội thảo trong nước (chi tiết được trình bày ở Bảng 10-1, Hình 10-1 và [H.10.10.04.01]). So với năm 2015, số lượng đề tài cũng như các bài báo khoa học của Khoa đã tăng gấp 3 lần, đặc biệt là có sự gia tăng lớn về số lượng các đề tài cấp quốc gia và Nafosted, cũng như các bài báo trong danh mục ISI/ Scopus.

Bảng 10-1. Số lượng đề tài đã và đang thực hiện của các giảng viên ngành KHMT giai đoạn 2017-2022

TT	Cấp đề tài	Năm học
----	------------	---------

		2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1	Cơ sở	8(4/4)	7(3/5)	7(5/1)	8(2/4)	5(1/3)
2	ĐHQGHN	7(2/1)	8(2/1)	11(4/3)	11(3/2)	9(0/2)
3	Bộ, Tỉnh	1(0/1)	2(2/1)	5(4/3)	5(3/2)	4(3/0)
4	Quỹ Nafosted	5(1/0)	7(2/2)	6(1/2)	6(2/1)	5(0/1)
5	Quốc gia	3(1/0)	5(1/2)	3(0/1)	3(1/1)	2(0/0)
6	Hợp tác quốc tế	5(4/2)	3(0/2)	5(4/0)	6(1/2)	2(1/0)

Ghi chú: 3(2/0) là Số đề tài hiện có trong năm (số đề tài mở mới/số đề tài kết thúc)

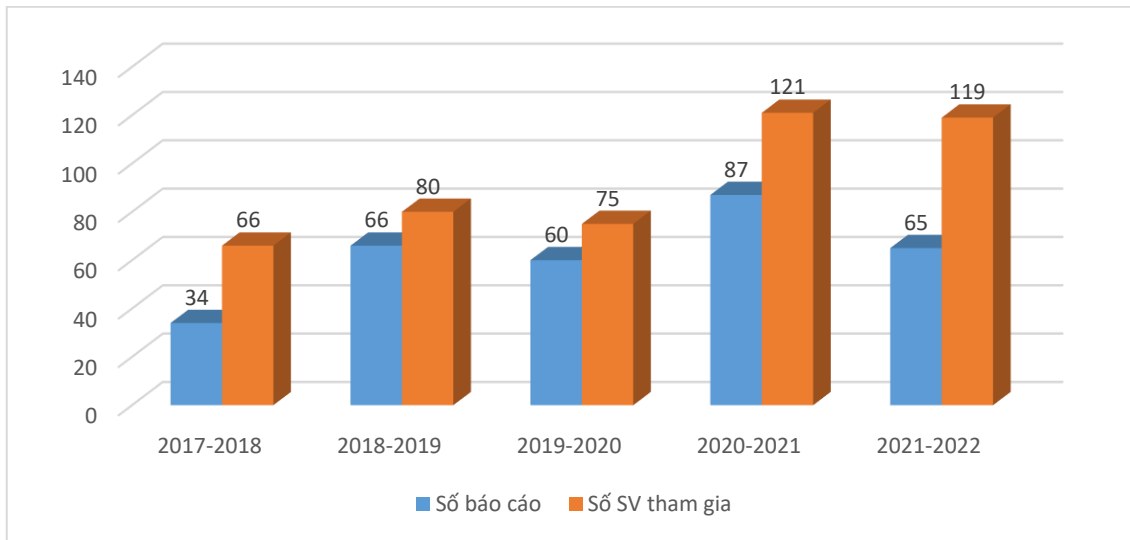


Hình 10-1. Số lượng bài báo công bố của các giảng viên ngành KHMT giai đoạn 2017-2022

Tại Khoa Môi trường, hoạt động NCKH đã giúp nâng cao trình độ cho giảng viên thông qua việc thực hiện đề tài và xuất bản các bài báo và đồng thời còn được áp dụng vào hoạt động dạy và học. Hàng năm, khoảng 5-10 khóa luận tốt nghiệp, báo cáo nghiên cứu khoa học của sinh viên là kết quả hỗ trợ và định hướng nghiên cứu của các đề tài, dự án do các giảng viên trong và ngoài Khoa làm chủ trì [H10.10.04.02]. Đồng thời, các kết quả nghiên cứu khoa học từ các đề tài như sách chuyên khảo, bài báo... được lấy làm tài liệu tham khảo và cập nhật vào bài giảng nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và là tài liệu tham khảo, bài tập cho sinh viên thực hành. Hai cuốn sách chuyên khảo: (i) Lưỡng cư Sơn La, (ii) Phytolith – Sự hình thành, đặc điểm và ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp là sản phẩm của đề tài, được đề tài xuất bản phục vụ cho giảng dạy [H10.10.04.03]. Các sản phẩm từ các đề tài nghiên cứu khoa học như mô hình xử lý nước nhiễm mặn nhiễm phèn, xử lý asen từ nước ngầm, mô hình phát triển bền vững... tại các khu vực Hà Nội, Đồng bằng Sông Cửu Long đã được trình bày tại các hội thảo khoa học, hội thảo giới thiệu kết quả áp dụng tại các địa phương [H10.10.04.04]. Đồng thời, các kết quả nghiên cứu này cũng góp phần vào việc cải tiến hoạt động học tập của sinh viên, như các mô hình được xây dựng trong phòng thí nghiệm được sử dụng làm ví dụ trực quan trong các bài giảng và mô hình thực hành mô phỏng của sinh viên như: mô hình đồng bộ xử lý nước nhiễm phèn, mô hình xử lý bằng phương pháp keo tụ tạo bông... [H10.10.04.05]; thông tin và kết quả nghiên cứu của các đề tài được cập nhật, là các ví dụ nghiên cứu cập nhật trong các bài giảng để làm phong phú và có liên hệ lý thuyết và thực tế trong quá trình giảng dạy.

Ngoài các kết quả NCKH của các cán bộ, Khoa Môi trường là một Khoa có phong trào nghiên cứu khoa học sinh viên rất sôi nổi, luôn đứng trong top 3 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQGHN. Các báo cáo NCKH sinh viên được tăng dần theo các năm (xem Hình 10- 2). Năm học 2020-2021, mặc dù trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch Covid-19, số báo cáo nghiên cứu khoa học của sinh viên nhìn chung vẫn ở mức cao so với các khoa khác trong trường (xếp thứ 2 về số lượng NCKH sinh viên trong toàn Trường). Số lượng sinh viên tham gia NCKH cũng tăng lên theo các năm cho thấy chất lượng học tập ngày càng được cải thiện (Hình 10- 2). Số lượng

bài báo khoa học đã được công bố có tên của các sinh viên tham gia nghiên cứu trung bình từ năm 2017-2022 là từ 3-8 bài tăng dần qua các năm [H10.10.04.06].



Hình 10- 2. Số lượng báo cáo và sinh viên tham gia NCKH giai đoạn 2017-2022

Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN thực hiện 02 đề tài cấp ĐHQGHN phục vụ đổi mới giảng dạy: (i) Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu và phát triển bộ công cụ trợ lý ảo phục vụ các hoạt động thực tập thực tế của sinh viên Khoa Môi trường; (ii) Nghiên cứu xây dựng mô hình mô phỏng lan truyền chất ô nhiễm từ bãi chôn lấp rác thải phục vụ công tác đổi mới giảng dạy trong lĩnh vực bảo vệ môi trường [H10.10.04.07]. Hai đề tài này được hình thành theo chỉ đạo xây dựng nhiệm vụ KH&CN năm 2020 về chủ đề giải pháp ứng dụng công nghệ nhằm đổi mới hoạt động giảng dạy, nâng cao chất lượng dạy học của giảng viên, đáp ứng nhu cầu của người học của Đại học Quốc gia (Công văn 1604/KHCN-KHTN ngày 29/5/2019). Sản phẩm của hai đề tài như ứng dụng "trợ lý ảo" hoạt động trên các thiết bị di động chạy trên hệ điều hành iOS/ android phục vụ cho việc giảng dạy một số môn học thực tập của Khoa; và mô hình mô phỏng chất lan truyền chất ô nhiễm từ bãi chôn lấp rác thải phục vụ cho việc giảng dạy các môn học như Đánh giá môi trường, Cơ sở môi trường đất nước không khí và Mô hình đánh giá chất lượng môi trường. Các sản phẩm này đã và đang hoàn thiện, hỗ trợ công tác dạy và học cho các môn học trong chương trình đào tạo ngành KHMT, nâng cao khả năng tương tác, thực hành của sinh viên. Đặc biệt sản phẩm của các đề tài phát huy hiệu quả trong bối cảnh dịch Covid 19 trong năm 2020, 2021 không thể tổ chức các đoàn thực tập tế trực tiếp, các giảng viên thông qua ứng dụng "trợ lý ảo" xây dựng các cấu trúc dữ liệu bao gồm bài giảng và bộ khung hỏi đáp

(Q&A) đối với hoạt động thực tập thực tế của Khoa Môi trường; từ đó, sinh viên có thể tìm hiểu và nắm được nội dung môn học cho dù không được đi thực tế, hoặc trước khi đến thực tế hiện trường. Kết quả của các đề tài này đã đổi mới phương pháp dạy học theo cách tiếp cận giảng dạy kết hợp (blended learning).

Các cán bộ Khoa Môi trường đã tích cực tham gia vào việc xây dựng các học liệu trực tuyến và tham gia nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy như áp dụng phần mềm LMS vào trong việc giảng dạy kết hợp trực tuyến và trực tiếp, tham gia vào các dự án về xây dựng học phần theo tiếp cận giáo dục kết hợp (blended learning). Từ các hoạt động nghiên cứu phương pháp giảng dạy, các cán bộ Khoa đã đạt các giải thưởng trong việc đổi mới hoạt động giảng dạy như “Nhà giáo dục đổi mới sáng tạo ĐHQGHN năm 2020, 2021” [H10.10.04.08].

2) Điểm mạnh

Nhiều đề tài NCKH mang tính ứng dụng cao trong lĩnh vực chuyên môn đáp ứng đào tạo ngành Khoa học Môi trường. Từ những kết quả NCKH đã giúp cho sinh viên (người học) có thêm những trải nghiệm thực tế, người học bổ sung nhiều kiến thức từ lý thuyết đến thực tập nghề nghiệp trong quá trình học phục vụ cho công tác sau này.

Khoa Môi trường rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV, do vậy trong tất cả các đề tài nghiên cứu khoa học nêu trên đều có sự tham gia tích cực của sinh viên. Số lượng công trình NCKH được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước khá lớn tính bình quân trên mỗi giảng viên.

Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo với ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học đều được ứng dụng vào việc giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của SV. Thông qua việc được tham gia nghiên cứu khoa học cùng các giảng viên, SV đã có kỹ năng NCKH tốt và có thêm trải nghiệm thực tế. Điều này giúp ích rất nhiều cho SV khi ra trường có thể hòa nhập ngay với thị trường lao động.

Khoa Môi trường đã thực hiện các đề tài nghiên cứu nhằm đổi mới hoạt động giảng dạy, nâng cao chất lượng dạy học của giảng viên và đã có kết quả ứng dụng trong việc nâng cao chất lượng dạy học, kịp thời thích ứng với xu hướng giảng dạy kết hợp (blended learning).

3) Tồn tại

Là một trường đại học định hướng nghiên cứu, do đó hoạt động nghiên cứu đóng vai trò rất quan trọng trong cải thiện khả năng nghiên cứu của cán bộ và sinh viên. Tuy nhiên, số lượng sinh viên tham gia trực tiếp vào các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp do các cán bộ chủ trì còn hạn chế, hơn nữa, sinh viên chỉ tập trung vào nghiên cứu trong một thời gian trong năm như phục vụ cho khóa luận tốt nghiệp, hoặc trước cuộc thi nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Khoa Môi trường cần tăng cường công tác khuyến khích sinh viên tham gia nhiều hơn vào các hoạt động nghiên cứu như làm thí nghiệm, viết báo cáo, công bố các bài báo tại hội thảo cũng như đăng trên các tạp chí khoa học

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 7/7 điểm

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1) Mô tả

Tại ĐHKHTN có 2 đơn vị phụ trách mảng cơ sở vật chất gồm: Phòng Quản trị-bảo vệ, Phòng KH-CN. Trong đó, Phòng Quản trị-bảo vệ phụ trách việc sửa chữa, cải tạo, xử lý các sự cố thông thường về điện, nước, trang thiết bị phòng học và phòng làm việc; Phòng KH-CN quản lý các thiết bị KH-CN[H10.10.05.10].

Các loại hình dịch vụ hỗ trợ gồm: Thư viện, bệnh viện, ký túc xá, các hoạt động đoàn - hội, trung tâm giới thiệu việc làm, các nguồn học bổng,...

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị thường xuyên được đánh giá thông qua các hình thức sau: Thanh tra [H10.10.05.01]; Phiếu phản hồi [H10.10.05.02, H10.10.05.03]; Hòm thư góp ý [H10.10.05.04]; Sổ góp ý tại các phòng chờ giảng [H10.10.05.05]; Đối thoại và các cuộc họp Khoa, Hội nghị cán bộ viên chức [H10.10.05.06].

Thông tin phản hồi về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và trang thiết bị được Phòng TTPC & ĐBCL của Trường xử lý [H10.10.05.07]. Trong giai đoạn 2018 – 2020, hoạt động dịch vụ và tiện ích phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học cho thấy:

+ Tỷ lệ bạn đọc hài lòng với chất lượng hoạt động phục vụ thư viện được cải thiện qua từng năm, cụ thể: năm 2018 chiếm tỷ lệ 90,1%, năm 2019 là 90,4% và 91,1% năm 2020 [H10.10.05.07]

+ Hệ thống thiết bị của Nhà trường đã được quản lý theo đúng quy định và cơ bản được sử dụng có hiệu quả, các máy móc thiết bị phục vụ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học [H10.10.05.01].

+ Sổ tay góp ý về trang thiết bị, bàn ghế, bục giảng, điện nước và các điều kiện cơ sở vật chất khác trong giảng đường, sau khi bị phản ánh sẽ được phòng Quản trị bảo vệ xử lý kịp thời nhằm đảm bảo chất lượng cho công tác đào tạo [H10.10.05.05]

Bên cạnh đó, số lượng và chất lượng trang thiết bị đào tạo được giảng viên và sinh viên đánh giá định kỳ [H10.10.05.08]. Phòng TTPC & ĐBCL phối hợp cùng Phòng KH-CN tổ chức các đợt kiểm tra định kỳ và đột xuất về hiệu quả sử dụng trang thiết bị, công tác đảm bảo an toàn của các PTN [H10.10.05.09].

Việc nâng cấp cơ sở vật chất của các phòng học, phòng thí nghiệm, hạ tầng công nghệ thông tin, sân chơi,... được thực hiện hàng năm theo kế hoạch và dựa trên các ý kiến phản hồi cũng như yêu cầu về công tác đào tạo và NCKH của Trường, của Khoa [H10.10.05.11]. Các sự cố thông thường về cơ sở vật chất như điện, nước, trang thiết bị phòng học và phòng làm việc được Phòng Quản trị bảo vệ tiếp nhận và xử lý kịp thời [H10.10.05.05]. Dựa trên báo cáo sử dụng thiết bị và định hướng nghiên cứu của Khoa dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, hàng năm Khoa Môi trường có đề xuất sửa chữa hoặc đầu tư trang thiết bị mới [H10.10.05.12]. Dựa trên bản báo cáo kết quả

kiểm tra trang thiết bị, cơ sở vật chất, Nhà trường và ĐHQGHN sẽ cung cấp tài chính để bảo trì và tu sửa các dụng cụ bị hỏng hóc hoặc đầu tư mua mới các thiết bị hoặc xây dựng PTN mới. Năm 2015-2022, Trường đã kịp thời sửa chữa, nâng tầng, nâng cấp phòng học, phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn phòng học thông minh [H10.10.05.11].

Hàng năm, các dịch vụ hỗ trợ sinh viên ngày càng được cải tiến. Phòng y tế có trạm sơ cứu ban đầu [H10.10.05.13]. Dịch vụ hỗ trợ sinh viên ngày càng đa dạng và hiệu quả như: tìm kiếm học bổng [H10.10.05.14], dịch vụ trang bị các kỹ năng mềm thông qua các câu lạc bộ [H10.10.05.15], dịch vụ tìm kiếm việc làm thêm [H10.10.05.16], các hoạt động đoàn, hội hỗ trợ sinh viên về tinh thần và vật chất [H10.10.05.17]. Các đơn vị chức năng luôn phản hồi kịp thời yêu cầu của sinh viên [H10.10.05.18].

Để nâng cao khả năng tìm việc của sinh viên khi tốt nghiệp, Trường và Khoa tổ chức các hội chợ việc làm, thành lập mạng lưới cựu sinh viên [H10.10.05.19], thiết lập cổng thông tin tìm cơ hội việc làm và hợp tác [H10.10.05.16].

Thư viện của Khoa và Trường hiện đang mở cửa trong giờ làm việc từ 8 giờ sáng đến 5 giờ chiều, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Các tài liệu và cơ sở dữ liệu của thư viện đã được cập nhật và mua bổ sung để hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. [H10.10.05.20].

2) Điểm mạnh

Hầu hết các giảng đường được trang bị những thiết bị cơ bản nhất phục vụ cho việc học tập như máy chiếu, ánh sáng, Hệ thống thư viện, hệ thống công nghệ thông tin được nhà trường chú trọng quan tâm, các dịch vụ hỗ trợ việc đọc, tra cứu tài liệu học tập, giảng dạy nhanh, đáp ứng nhu cầu của người học. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và NCKH. Các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ đào tạo ngành Khoa học môi trường đáp ứng việc học tập của sinh viên và giảng dạy của GV.

Trong quá trình dạy học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên nói chung và Khoa Môi trường nói riêng, thường xuyên lắng nghe phản ánh của GV và SV về cơ sở vật chất và có sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập.

3) Điểm tồn tại

Về giảng đường, đôi khi vẫn có sự cố liên quan đến máy chiếu, hệ thống đường truyền mạng internet gây khó khăn cho giảng viên và sinh viên trong quá trình học và nghiên cứu khoa học.

Khoảng thời gian hoạt động Thư viện của Khoa và Trường không đủ cho nhu cầu của sinh viên và cán bộ; mà nên mở cửa 7/7 ngày và từ 8 giờ sáng đến 10 giờ tối.

Ký túc xá quá nhỏ, không đáp ứng được sự phát triển nhanh chóng của Khoa và trường đại học.

Các trung tâm y tế nên đưa ra các hướng dẫn và bổ sung, cập nhật thêm kiến thức cho học sinh và cán bộ, nhân viên về cách bảo vệ sức khỏe, đặc biệt là trong các trường hợp nhiễm bệnh.

4) Kế hoạch hành động cải tiến chất lượng

- Cần duy tu, bảo dưỡng hằng năm nhằm cải thiện, khắc phục các sự cố liên quan đến máy chiếu, hệ thống đường truyền mạng internet gây khó khăn cho giảng viên và sinh viên trong quá trình học và nghiên cứu khoa học.

- Để khắc phục thời gian mở cửa của thư viện ngắn, mỗi cán bộ và sinh viên cần có một tài khoản để truy cập vào cơ sở dữ liệu và cập nhật thông tin, tìm kiếm tài liệu từ xa trước khi đến thư viện.

- Để khắc sự hạn chế về diện tích và cơ sở vật chất, Trường ĐHKHTN cần có kế hoạch chuyển đến địa điểm mới của ĐHQGHN tại Hoà Lạc trong thời gian phù hợp

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1) Mô tả

* Cơ chế thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện mang tính hệ thống được thực hiện xuyên suốt từ cấp ĐHQGHN (Viện Đảm bảo chất lượng), cấp Trường ĐHKHTN (Phòng Thanh tra Pháp chế và Đảm bảo chất lượng - TTPC&ĐBCL), đến cấp Khoa (tổ đảm bảo chất lượng cấp Khoa), [H10.10.06.01]:

+ Đơn vị chuyên trách Phòng TT&ĐBCL trực thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên được thành lập ngày 08/4/2009 theo Quyết định số 93/QĐ-TCCB. Ngày 30 tháng 7 năm 2014, Phòng được đổi tên thành Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng. Các chức năng, nhiệm vụ của Phòng được thực hiện theo Quy định 1967/QĐ-TCCB, Tổ đảm bảo chất lượng của Khoa Môi trường [H10.10.06.02] cũng được thành lập với 5 thành viên, đứng đầu là Phó trưởng Khoa phụ trách công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng cùng một số thành viên là các cán bộ trợ lý công tác sinh viên, trợ lý đào tạo và trợ lý Khoa học và thiết bị.

+ Có kế hoạch rõ ràng: Các bên liên quan được khảo sát dựa trên quy định của ĐHQGHN và hàng năm, Trường có kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm đều xây dựng lịch trình khảo sát cho từng bên liên quan [H10.10.06.03]. Ngoài ra, Hiệu trưởng có lịch trực tiếp công dân (thường diễn ra chiều thứ 5 cuối tháng) [H10.06.04] để lắng nghe và giải đáp các ý kiến phản hồi của công dân.

* Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được quản lý, theo dõi và giám sát và báo cáo bởi Phòng TTPC & ĐBCL trên qui mô toàn trường thông qua các mẫu phiếu đánh giá [H10.10.06.05] và báo cáo đánh giá phản hồi này [H10.10.06.06].

Để điều chỉnh chương trình đào tạo, sau mỗi lần tổ chức hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa Môi trường đều rà soát kết quả, đề xuất nhà trường điều chỉnh, cải tiến CTĐT [H10.10.06.07].

Kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường, các đơn vị phòng, ban chức năng và Khoa Môi trường có chương trình đào tạo được lấy ý kiến tổng hợp, phân tích và đánh giá nhằm rút ra những bài học để cải tiến, nâng cao

chất lượng chương trình đào tạo. Cụ thể chương trình năm 2019 và 2022 đã được Khoa Môi trường [H10.10.01.06] đề xuất các chỉnh sửa trên cơ sở phản hồi của các bên liên quan, chẳng hạn thêm các học phần tự chọn cho khối kiến thức theo lĩnh vực, hoặc khối kiến thức ngành năm 2019 thay đổi điều chuyển một số học phần để đưa học phần bắt buộc liên quan trực tiếp đến yêu cầu công việc của sinh viên sau khi ra trường.

* Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cải tiến

Giai đoạn từ 2017- nay việc triển khai lấy ý kiến đánh giá bằng hình thức trực tuyến đã được thực hiện thường xuyên hàng năm. Đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với từng học phần; giảng viên thực hiện công tác tự đánh giá hoạt động giảng dạy; Ban Giám hiệu, Lãnh đạo các khoa và các phòng, ban chức năng được lấy ý kiến đánh giá kết quả lãnh đạo, quản lý từ cán bộ, giảng viên, người học. Các ý kiến phản hồi được tổng hợp, phân tích và gửi tới các bên liên quan để góp phần cải tiến chất lượng trong công tác điều hành, quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ [H10.10.06.06].

Mẫu phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy giai đoạn 2018-2020 đã có những cải tiến so với giai đoạn trước đó 2015-2017 [H10.10.06.07], thể hiện ở những điểm sau: Mẫu phiếu gần đây ngắn gọn hơn tập trung vào 4 vấn đề với 20 câu hỏi so với 6 vấn đề và 26 câu hỏi của giai đoạn trước đó. Mẫu phiếu sau này mặc dù ngắn gọn nhưng lại bao quát, đầy đủ các thông tin cần thu thập với việc bổ sung thêm mục “Điều kiện vật chất khác” và các câu hỏi cũng bám sát vào chuẩn đầu ra của CTĐT. Mẫu phiếu sau này được thiết kế logic, khoa học hơn với mức độ đánh giá được chia thành 5 mức theo thang đo Likert so với 4 mức ở phiếu 2015. Đến năm 2020-2021, Nhà trường thực hiện cải tiến một lần nữa với mẫu phiếu tương tự như của giai đoạn 2018-2020, nhưng bổ sung thêm 02 câu hỏi và được chia ra làm 4 phần là (i) Nội dung học phần (ii) Hoạt động giảng dạy (iii) Hoạt động kiểm tra đánh giá và (iv) Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần. Các kết quả khảo sát sinh viên được Phòng TTPC & ĐBCL gửi trực tiếp đến từng giảng viên nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của kỳ tiếp theo [H10.10.06.08].

Các hình thức khảo sát cho lĩnh vực Khoa học Môi trường đã được đăng trực tuyến trên trang web của Trường ĐHKHTN.

2) Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi trực tuyến nên nhận được ý kiến phản hồi một cách thường xuyên. Từ đó, nhà trường có cơ chế điều chỉnh lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống hơn, được đánh giá và cải tiến thường xuyên, liên tục.

3) Tồn tại

Nên có một hệ thống theo dõi về quá trình và kết quả phản hồi của các bên liên quan và mối liên kết chặt chẽ hơn nữa giữa Phòng TTPC & ĐBCL và Phòng Chính trị và Công tác sinh viên với các Khoa để những phản hồi đó đóng góp nhiều hơn vào việc xây dựng chương trình đào tạo cũng như phát triển cơ sở vật chất.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phòng TTPC & ĐBCL, Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông và Khoa Môi trường tiếp tục hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát, đồng thời cố vấn học tập các lớp đơn độc sinh viên tham gia phản hồi ý kiến; tăng cường kết nối tốt hơn giữa các Phòng ban với Khoa chuyên môn trong khảo sát, phản hồi kết quả.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Khoa Môi trường đã thực hiện bài bản, thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đánh giá, điều chỉnh, cải tiến đáp ứng nhu cầu xã hội, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể: (1) CTĐT được thiết kế, xây dựng, rà soát, điều chỉnh dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trong nước; (2) CTDH thường xuyên được đánh giá bởi các bên liên quan và cải tiến định kỳ 2 năm/lần với quy trình chặt chẽ, thống nhất; (3) Quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo từng kỳ học, đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT; (4) Hoạt động NCKH của GV, SV Khoa đã gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng, ứng dụng vào việc cải tiến việc dạy và học; (5) Các dịch

vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá, cải tiến phục vụ cho các hoạt động chuyên ngành của giảng viên và sinh viên; (6) Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện có hệ thống, đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho sinh viên.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng của ngành, cần khắc phục một số tồn tại trong thời gian tới: (2) Tăng cường tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị với sự tham gia của nhiều chuyên gia, người sử dụng lao động, giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên nhằm đóng góp ý kiến phản biện để cải tiến CTDH; (3) Rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đến các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và cập nhật; (3) Rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đến các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và cập nhật; (4) Cải thiện và nâng cao chất lượng các đề tài NCKH, đặc biệt là đề tài phục vụ và ứng dụng cho việc dạy và học; (5) Rà soát chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường, thành lập bộ phận sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học, giảng đường có đường dây nóng nhằm kịp thời khắc phục các sự cố hỏng hóc trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập; (6) Hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát, nhắc nhở và đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi ý kiến đóng góp.

Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó 05 tiêu chí đạt 5/7 điểm (tiêu chí 10.1, 10.2, 10.3, 10.5, 10.6) và 01 tiêu chí đạt 7/7 điểm (tiêu chí 10.4).

TIÊU CHUẨN 11: KẾT QUẢ ĐÀU RA

Mở đầu

Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN là đơn vị đào tạo hàng đầu của cả nước, chất lượng đào tạo được khẳng định xuyên suốt lịch sử thành lập Trường và nền giáo dục quốc gia. Trường ĐHKHTN, Kết quả đầu ra của cơ sở giáo dục đại học có là cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo, đây là thông tin giúp Trường và Khoa cải tiến CTĐT, các hoạt động đảm bảo chất lượng và hệ thống đảm bảo chất lượng nhằm đào tạo sinh viên ngành KHMT có chất lượng tốt, có khả năng làm việc tại các viện nghiên cứu, các sở, ban ngành, các cơ sở kinh doanh... có liên quan đến lĩnh vực môi trường

Khoa Môi trường đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý tiến độ đào tạo chuyên ngành Khoa học môi trường ở trình độ cử nhân, với các chương trình đào tạo đa dạng như hệ chuẩn, chất lượng cao và tiên tiến. Trường đã xây dựng quy trình, phân công bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá tiến độ học tập, tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học; phân tích nguyên nhân và đề ra các giải pháp đảm bảo tiến độ học tập và nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp.

Trường và Khoa đã đặt ra yêu cầu khuyến khích tham gia NCKH trong quá trình học của sinh viên, thể hiện ở hệ thống quy định, các hình thức nghiên cứu, từng bước nâng cao chất lượng khóa luận tốt nghiệp (bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh), đáp ứng yêu cầu phát triển ngành và năng lực của sinh viên theo học. Xây dựng, quản lý CSDL về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, định kỳ tiến hành khảo sát người học tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp. Quy trình, phân công bộ phận tiếp nhận phản hồi từ các BLQ; định kỳ triển khai các hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi, làm cơ sở để không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo, CTĐT.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả

Hệ thống giám sát quá trình học tập, đánh giá kết quả học tập, quy định về thôi học, tốt nghiệp, cảnh báo học vụ được thực hiện theo quy chế và quy định về đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường.

Khoa Môi trường đã giao cho 1 Phó trưởng Khoa phụ trách công tác Đào tạo, HSSV và đảm bảo chất lượng; 1 trợ lý đào tạo đại học, 1 trợ lý HSSV và mỗi lớp 1 cố vấn học tập kiêm GVCN có nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn, tư vấn SV thực hiện tốt quy chế đào tạo; trực tiếp giải quyết các vấn đề liên quan đến việc học tập của SV; giám sát kết quả học tập và rèn luyện của SV

Sau mỗi học kỳ, Khoa đều thực hiện rà soát tình hình học tập của sinh viên và lập danh sách sinh viên thôi học. Theo kết quả thống kê của các khóa học: từ 2014 đến nay (**Bảng 11-1**) cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp ngành Khoa học Môi trường đạt 65,4%. Số sinh viên tốt nghiệp chậm hơn thời gian quy định (4 năm) phần lớn là do sinh viên thiếu các điều kiện như chưa tích lũy đủ khối kiến thức theo quy định hoặc chưa đạt

CDR về ngoại ngữ. Cụ thể thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn, chưa tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên thôi học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua bảng số liệu sau [H11.11.01.01; H11.11.01.02]:

Bảng 11-1. Số sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, quá hạn và thôi học được giám sát

TT	Khóa tuyển sinh	Số SV toàn khóa	Số SV tốt nghiệp		Số SV tạm dừng/ thôi học	Số SV chưa tốt nghiệp
			Đúng hạn (Chuẩn 4 năm)	Trên 4 năm		
1	2014-2018 (K59)	57	29	18	5	5
2	2015-2019 (K60)	46	11	20	12	3
3	2016-2020 (K61)	81	14	36	12	19
4	2017-2021 (K62)	54	5	22	13	14
5	2018-2022 (K63) (tạm tính đến 6/2022)	75	25	-	18	32

Trong quá trình thực hiện CTĐT, Khoa thường xuyên tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, xếp loại tốt nghiệp, thôi học của sinh viên giữa các khóa tuyển sinh, giữa các khoa trong trường để từ đó dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học tham gia CTĐT nhằm có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp (**Bảng 11- 2**) [H11.11.01.01, H11.11.01.02; H11.11.01. 03].

Bảng 11- 2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp/thôi học được đối sánh để cải tiến chất lượng

Khoá tuyển sinh	Tốt nghiệp / Thôi học	KHMT - Khoa Môi trường (HUS)	Quản lý tài nguyên và Môi trường - Khoa Địa chất (HUS)	Sinh học – Khoa Sinh học (HUS)
2014-2018 (K59)	Tốt nghiệp	82,5	80,0%	82,9%
	Thôi học	8,8%	20,0%	14,6%
2015-2019 (K60)	Tốt nghiệp	67,4%	89,8%	75,7%
	Thôi học	26,1%	10,3%	17,2%
2016-2020 (K61)	Tốt nghiệp	61,7%	76,7%	67,7%
	Thôi học	14,8%	23,3%	8,1%
2017-2021 (K62)	Tốt nghiệp	50,0%	86,5%	50,5%
	Thôi học	24,1%	13,5%	10,8%
2018-2022 (K63)	Tốt nghiệp	33,3%	52,9%	29,6%
	Thôi học	24,0%	5,9%	17,3%

2) Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai chuyển đổi số, với việc triển khai các ứng dụng công nghệ: Mỗi SV có một Mã định danh, email riêng giúp SV dễ dàng theo dõi các thông báo từ Trường/Khoa /GV để có những thay đổi, điều chỉnh kịp thời nhằm đáp ứng tiến độ học tập.

Lãnh đạo khoa, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp, báo cáo kịp thời lên Ban lãnh đạo Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp. GVCN/Cố vấn học tập và trợ lý sẽ hỗ trợ các sinh viên có nhu cầu tốt nghiệp sớm đồng thời giám sát chặt chẽ tình hình học tập, tư tưởng, rèn luyện của sinh viên để tư vấn, cảnh báo các sinh viên có nguy cơ thôi học.

Danh sách sinh viên tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Trường, điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình, kết quả học tập của sinh viên trong quá trình đào tạo.

3) Tồn tại

Trong năm 2020 và 2021, tỷ lệ sinh viên thôi học tăng cao hơn các năm trước do tình hình dịch Covid-19, sinh viên học trực tuyến. Nhiều SV không đi học được nước ngoài nên đăng ký học trong nước, khi dịch bệnh được kiểm soát, SV tiếp tục xin dừng học để đi học nước ngoài.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Khoa Môi trường tiếp tục phát huy các điểm mạnh như luôn cập nhật tình hình sinh viên thông qua những buổi sinh hoạt lớp (2 tuần /lần) để kịp thời báo cáo lên Ban lãnh đạo Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp. Trong các năm học tới, nếu có triển khai hình thức học trực tuyến, Khoa Môi trường sẽ xem xét cải tiến việc giám sát sinh viên trong quá trình học tập để khắc phục những điểm tồn tại hiện nay.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả

Trường ĐHKHTN đã xác lập, giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình cho hệ chuẩn ngành cử nhân KHMT. Nhà trường đã phê duyệt chương trình khung của ngành đào tạo trong đó xác lập rõ thời gian tốt nghiệp trung bình của người học là 4 năm [H11.11.02.01].

Theo kết quả thống kê của các khóa học: từ 2014 đến nay (**Bảng 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình đúng hạn, quá hạn được giám sát**)

TT	Khóa tuyển sinh	Số lượng sinh viên nhập học	Số lượng sinh viên thời gian tốt nghiệp trung bình là 4 năm	Số lượng sinh viên thời gian tốt nghiệp trung bình trên 4 năm
1	2014-2018 (K59)	57	47	5
2	2015-2019 (K60)	46	29	5
3	2016-2020 (K61)	81	47	24
4	2017-2021 (K62)	54	22	20
5	2018-2022 (K63)	75	25	

) cho thấy tỉ lệ sinh viên thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Khoa học Môi trường 4 năm là từ 41-82% [H11.11.02.02]. Cụ thể thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Khoa học Môi trường của 4 khóa gần đây được thể hiện qua bảng số liệu sau.

Bảng 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình đúng hạn, quá hạn được giám sát

TT	Khóa tuyển sinh	Số lượng sinh viên nhập học	Số lượng sinh viên thời gian tốt nghiệp trung bình là 4 năm	Số lượng sinh viên thời gian tốt nghiệp trung bình trên 4 năm
1	2014-2018 (K59)	57	47	5
2	2015-2019 (K60)	46	29	5
3	2016-2020 (K61)	81	47	24
4	2017-2021 (K62)	54	22	20
5	2018-2022 (K63)	75	25	

Tỉ lệ sinh viên có thời gian tốt nghiệp trung bình trên 4 năm của ngành Khoa học Môi trường vẫn thấp hơn so với Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường của Khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, có tỉ lệ sinh viên có thời gian tốt nghiệp trên 4 năm của K60 là 50% và K61 là 30% [H11.11.02.07].

Một số trường hợp SV kéo dài thời gian học trên 4 năm, nguyên nhân SV chưa hoàn thành CTĐT đúng thời hạn là do SV chưa hoàn thành các yêu cầu CĐR như kỹ năng mềm, chứng chỉ quốc phòng, giáo dục thể chất, CĐR về ngoại ngữ hoặc còn nợ môn. Trên thực tế, Nhà trường và Khoa đã có nhiều giải pháp để khắc phục vấn đề tốt nghiệp muộn của SV, có cơ chế giám sát, cảnh báo học tập SV như thành lập tổ đảm bảo chất lượng [H11.11.02.03], đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập [H11.11.02.04], mở các câu lạc bộ về tiếng Anh cho người học như Câu lạc bộ Tiếng Anh FEC do Liên Chi Đoàn – Liên chi Hội khoa Môi Trường quản lý [H11.11.02.05]. Ngoài ra để tạo điều kiện cho người học, Nhà trường đã tổ chức thêm học kỳ hè cho người học đăng ký học vượt để tích lũy đủ tín chỉ, hoàn thành chương trình học tập trước hạn hoặc đăng ký học lại các học phần chưa đạt [H11.11.02.06]. Kế hoạch tổ chức học kỳ hè cũng đã được đăng tải trên website của Nhà trường trong chuyên mục Công thông tin đào tạo (<http://daotao.hus.vnu.edu.vn>) để người học dễ dàng nắm bắt

và đăng ký học tập.

2) Điểm mạnh

Phần lớn người học ngành KHMT tốt nghiệp đúng thời gian khoá học theo quy định. Ngoài ra trong các năm vừa qua, thông qua Phòng Đào tạo, Nhà trường đã có nhiều biện pháp nhằm nâng cao tỷ lệ người học thi đạt và tỷ lệ người học khá giỏi.

Lãnh đạo Nhà trường đã bố trí các buổi làm việc với các khoa, bộ môn phụ trách các học phần có tỷ lệ thi đạt chưa cao để tìm ra nguyên nhân và biện pháp giải quyết để cải tiến chất lượng, giúp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

Tổ chức bộ máy quản lý ngày được hoàn thiện, cơ chế phối với giữa các đơn vị trong Nhà trường được cải tiến, linh hoạt và hiệu quả trong việc đáp ứng các nhu cầu của người học. Nhiều biện pháp giải quyết để cải tiến chất lượng, giúp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình cũng đã được thực hiện.

3) Tồn tại

Nguyên nhân: Vẫn còn một tỷ lệ nhất định SV chưa tốt nghiệp đúng hạn và thời gian tốt nghiệp trung bình là trên 4 năm đặc biệt trong quá trình học trực tuyến.

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xem xét cải tiến việc giám sát sinh viên trong quá trình học tập, đặc biệt học online.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7 điểm.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả

Tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp là một trong những thước đo về sự thành công và chất lượng của CTĐT. Với lịch sử là đơn vị đào tạo ngành KHMT đầu tiên của cả nước với gần 30 năm đào tạo; đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao; uy tín và chất lượng đào tạo của Khoa ngày càng nâng cao trong xã hội và

được bạn bè thế giới đánh giá cao [H11.11.03.01]. Do đặc thù về nguồn nhân lực cung cấp cho lĩnh vực môi trường, mục tiêu của CTĐT trình độ cử nhân ngành KHMT nói chung là hầu hết các SV tốt nghiệp ra trường đều có việc làm [H11.11.03.02]. Thông thường nhiệm vụ giám sát và đối sánh tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp do Phòng CT&CTSV thực hiện để cải tiến chất lượng trong các năm học sau. Theo kết quả khảo sát của Trường ĐHKHTN, tỷ lệ SV ngành KHMT có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp trong những năm gần đây luôn đạt con số trên 80% [H11.11.03.03]. Năm 2021, số liệu khảo sát cho thấy số SV có việc làm ngay sau khi ra trường có phần giảm xuống, đạt 65% [H11.11.03.04], có phần do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Con số này tăng lên nhanh chóng ở các năm về sau vì khi đó SV đã chọn lựa được việc làm theo đúng kỳ vọng cá nhân và gia đình. Kết quả khảo sát sau mỗi khóa học được sử dụng như là một cơ sở để điều chỉnh chính sách tuyển sinh hàng năm cho các khóa sau. Tuy vậy trong thời gian gần đây, nhiều Trường Đại học ngoài khối ĐHQGHN, và ngay cả những Khoa trong Trường ĐHKHTN cũng đã và đang mở ra các ngành đào tạo gần hoặc có liên quan đến lĩnh vực KHMT; Đây là một trong những nguyên nhân làm cho nguồn nhân lực được đào tạo tăng nhanh trong những năm qua. Với sự cải tiến về CTĐT, tăng thời lượng các học phần thực hành, bổ sung học phần thực tập thực tế và mối quan hệ tốt giữa Nhà trường, Khoa và các đơn vị trong lĩnh vực môi trường, đây là cơ hội tốt để nguồn nhân lực được đào tạo ở KMT được xã hội chấp nhận và sử dụng.

2) Điểm mạnh

Là cơ sở đào tạo có truyền thống và uy tín với xã hội, luôn đặt vấn đề chất lượng đào tạo lên hàng đầu. Do đó mặc dù hiện nay sinh viên sau khi tốt nghiệp các trường khác có tỷ lệ việc làm đang giảm sút rõ rệt. Tuy nhiên sinh viên tốt nghiệp ngành KHMT tại Trường ĐHKHTN có việc làm vẫn có tỷ lệ khá cao. Điều này khẳng định được chất lượng đào tạo, vị thế, uy tín của Trường trong công tác đào tạo đại học.

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc khảo sát tình hình sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp để có cơ sở đối sánh và có những chính sách để điều chỉnh tuyển sinh một cách phù hợp. KMT cũng đã tạo ra hệ thống mạng lưới kết nối giữa sinh viên với cựu sinh viên, giữa sinh viên và cán bộ KMT nhằm khai thác, hỗ trợ người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.

3) *Tồn tại*

Việc giám sát để đối sánh kết quả sinh viên tốt nghiệp còn gặp nhiều khó khăn do các cơ sở đào tạo khi có kết quả khảo sát thường ít công bố. Hơn nữa trong một số hoàn cảnh bất khả kháng như dịch bệnh Covid-19, sự kết nối giữa các bên liên quan không được thông suốt do đó sinh viên sau tốt nghiệp khó tìm kiếm được công việc liên quan đến lĩnh vực KHMT hơn.

4) *Kế hoạch cải tiến chất lượng*

Tăng cường tuyên truyền và kết nối với mạng lưới cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng để khảo sát việc làm SV sau khi tốt nghiệp, đồng thời cũng là mạng lưới để khảo sát về nhu cầu của xã hội đối với CDR của CTĐT.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) *Mô tả*

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập: Hiện nay, các loại hình nghiên cứu khoa học của người học được xác lập theo khung chương trình đào tạo có thể được tính đến là các nghiên cứu thực hiện khoá luận tốt nghiệp; các nghiên cứu thực nghiệm theo hướng dẫn của giáo viên trong một số học phần có phần bài tập và thực hành, hay tổng quan tài liệu về các vấn đề được học trong quá trình học các môn học phần, đặc biệt là môn học phần thực tập thực tế.

Kết quả thống kê 4 năm gần đây cho thấy, 100% sinh viên ngành KHMT đăng ký tham gia các nghiên cứu khoa học cùng cán bộ hướng dẫn để làm khoá luận tốt nghiệp, không có sinh viên nào lựa chọn học phần thay thế cho KLTN. Cụ thể, năm 2019, có 32 sinh viên bảo vệ KLTN, năm 2020 là 52 sinh viên và 2021 là 41 sinh viên.

Hàng năm Khoa Môi trường đều tổ chức Hội nghị Khoa học sinh viên, số lượng sinh viên đăng ký tham gia NCKH rất cao. Năm 2019, có 9 nghiên cứu khoa học của sinh viên thuộc ngành khoa học môi trường (12 sinh viên). Đến năm 2020, con số này là 10 (15 sinh viên). Năm 2021, tổng số nghiên cứu khoa học của sinh viên là 10 (13 sinh viên) và đến năm 2022 thì con số có chút sụt giảm là 8 (11 sinh viên)

[H11.11.04.01, H11.11.04.02, H11.11.04.03, H11.11.04.04]. Năm 2022, số lượng SV đăng ký NCKH giảm chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 dẫn đến việc các em sinh viên phải học online và không thể đến phòng thí nghiệm để thực hiện các nghiên cứu thực nghiệm.

Ngoài ra, hoạt động nghiên cứu khoa học của Sinh viên còn được thực hiện thông qua các học phần với các nội dung làm bài tiểu luận/bài tập lớn do giảng viên phụ trách giao cho SV. Thông thường mỗi học kỳ có khoảng 5-10% số học phần được tổ chức cho sinh viên làm tiểu luận/bài tập lớn.

Có nhiều đề tài dự án của các Thầy cô trong và ngoài Khoa, ngoài Trường đã có sự tham gia sôi nổi của nhiều sinh viên ngành Khoa học môi trường, công việc nghiên cứu khoa học của sinh viên không chỉ để thực hiện khoá luận tốt nghiệp, tham gia các hội nghị khoa học cho sinh viên, mà còn để học tập, trao đổi học thuật trong nhiều chương trình hợp tác trong nước và quốc tế. Đã có nhiều công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế và quốc gia uy tín được thực hiện có sự tham gia của nhiều sinh viên ngành khoa học môi trường.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát: Mặc dù các loại hình nghiên cứu khoa học cho sinh viên ngành khoa học môi trường đã được xác lập như trên, việc thực hiện và giám sát chúng lại còn được mở rộng thêm một số hoạt động khác nữa. Ví dụ như sinh viên tham gia một số nghiên cứu trao đổi hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước. Năm 2022, 01 nhóm sinh viên (04 sinh viên ngành khoa học môi trường K63KHMT) đã tham gia nghiên cứu khoa học thuộc dự án hợp tác với CHLB Nga với chủ đề “*Surface water pollution in Kim Xa commune, Vinh Thuong district, Vinh Phuc province*”[H11.11.04.05]. Bên cạnh đó, sinh viên nghiên cứu để tham gia các cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cũng đã được khuyến khích.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của học để đối sánh: So với các khung chương trình đào tạo tại Khoa môi trường và Trường ĐHKHTN ví dụ như Công nghệ kỹ thuật môi trường hay Khoa học công nghệ thực phẩm thì các loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học cho người học đã được thiết lập là tương đương, bao

gồm thực hiện khoá luận tốt nghiệp; các nghiên cứu thực nghiệm theo hướng dẫn của giáo viên trong một số môn có phần bài tập và thực hành, hay tổng quan tài liệu về các vấn đề được học trong quá trình học các môn học phần.

2) Điểm mạnh

Các loại hình hỗ trợ và thúc đẩy các nghiên cứu khoa học cho sinh viên đã được Khoa Môi trường và Trường ĐHKHTN đưa ra trong khung chương trình giảng dạy khá phong phú và có tính linh hoạt cao. Sinh viên được khuyến khích tham gia các cuộc thi để thử sức trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Số lượng đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng ngày càng tăng, tỷ lệ sinh viên làm nghiên cứu phục vụ KLTN luôn giữ ở mức 100%, nội dung nghiên cứu ngày càng đa dạng phù hợp với tính liên ngành của Khoa học môi trường.

Những năm gần đây, sinh viên Khoa môi trường nói chung và ngành khoa học môi trường đã được khuyến khích và tạo nhiều điều kiện để tham gia thực hiện nhiều nghiên cứu khoa học. Việc nghiên cứu này có thể xuất phát từ những đề tài dự án của thầy cô trong Khoa, đặc biệt có nhiều nghiên cứu xuất phát từ chính những ý tưởng của sinh viên, từ những gợi mở của thầy cô giáo, từ những tồn tại trong cuộc sống xã hội mà sinh viên đã tự nhìn nhận và đưa ra chủ đề rất thiết thực. Nhiều nghiên cứu đã được hợp tác để thực hiện với sự hỗ trợ và hợp tác với nhiều đơn vị cơ quan khác như Viện Công nghệ Môi trường, Viện Công nghệ mới, Viện Nông hoá Thổ nhưỡng..., thậm chí là hợp tác với nước ngoài, có sự hợp tác đồng hướng dẫn của nhiều chuyên gia có chuyên môn cao. Có thể nói, các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đã được thực hiện rất tốt, sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học đã có nhiều thành quả chính là các khoá luận tốt nghiệp, công bố khoa học quốc gia và quốc tế [H11.11.04.13], các giải thưởng ở các hội nghị nghiên cứu khoa học cấp Trường ĐHKHTN [H11.11.04.06, H11.11.04.07], cấp ĐHQGHN, cấp Bộ giáo dục và đào tạo [H11.11.04.08], thậm chí ở các hội nghị khác như Eureka, cuộc thi Hus xanh về bảo vệ môi trường thông điệp sáng tạo xanh [H11.11.04.09], cuộc thi sáng tạo các graphic cho chủ đề Nước và tài nguyên nước [H11.11.04.10]. Các thành tích trong

nghiên cứu khoa học đã được Khoa khuyến khích, và có điểm thưởng khi chấm điểm các môn học, khi chấm khoá luận tốt nghiệp.

3) Tồn tại

Mặc dù Khoa Môi trường đã có nhiều giải pháp để khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên từ năm thứ hai, tuy nhiên số lượng SV ngành KHMT đăng ký nghiên cứu khoa học trong Hội nghị Khoa học sinh viên vẫn chưa cao (chiếm 30-35% số sinh viên ngành KHMT) nếu so với ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường là 95%.

Khoa Môi trường đã nhìn nhận được vấn đề, đặc biệt là sau khuyến nghị của đánh giá AUN cho ngành khoa học môi trường năm 2015 cho nên năm 2019 Khoa Môi trường đã có những thay đổi, cải tiến để bổ sung một số học phần tăng hoạt động nghiên cứu khoa học, ví dụ như thực hành khởi nghiệp, thực tập sản xuất...

Nhiều hoạt động để khuyến khích sinh viên, khơi gợi niềm yêu thích khoa học cho sinh viên đã được chú trọng. Bên cạnh môn học phần nghiên cứu khoa học, một số các hoạt động của Khoa môi trường, của Liên chia đoàn Khoa đã tổ chức các câu lạc bộ, các buổi seminar để giới thiệu các phương pháp các kỹ năng trong nghiên cứu khoa học, để các bạn sinh viên chia sẻ với nhau kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học [H11.11.04.11, H11.11.04.12].

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có các phương thức tiếp cận sớm hơn để khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, có thể tìm thêm các nguồn học bổng, giải thưởng cho sinh viên khi làm nghiên cứu khoa học.

5) Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu và đạt mức: 7/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1) Mô tả

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển CTĐT trong đó có xác lập mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động đào tạo. Cụ thể, Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng từ người học, cán bộ GV, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động về mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc CTĐT, phương pháp dạy và học, khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của

CTĐT, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, cơ sở vật chất của Nhà trường, chất lượng đội ngũ GV trong đào tạo và NCKH, môi trường cảnh quan học tập, nơi làm việc của người học sau tốt nghiệp,... [H11.11.05.01]. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Kết quả khảo sát cho thấy, với đối tượng là sinh viên đang theo học và giảng viên: 70-80% số người được khảo sát đều đánh giá rất hài lòng với CTĐT của ngành KHMT hiện nay; Đối với người sử dụng lao động [H11.11.05.01], kết quả khảo sát cho thấy sự hài lòng về khả năng làm việc của sinh viên ngày càng tăng (tỉ lệ người học được đánh giá đáp ứng được yêu cầu công việc có thể sử dụng được ngay luôn được đánh giá cao và ngày càng tăng. Tỉ lệ này tăng từ 78,14% trong năm học 2014-2015 lên hơn 90% trong các năm học trong giai đoạn từ 2017-2020 ; từ 2020-2022 tỉ lệ này đạt 100%. Tỉ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc nhưng phải đào tạo thêm trong 2 năm trở lại đây (2020-2022) là 0%.

Đối tượng cựu sinh viên cho rằng họ đã được cung cấp kiến thức, kỹ năng mềm, khả năng sử dụng và kỹ năng thích ứng cao. Phản hồi về cải thiện chương trình đào tạo các cựu sinh viên cho rằng cần cải thiện kỹ năng thực hành cho sinh viên (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng mềm, năng lực ngôn ngữ, kỹ năng thực hành và thực hành sản xuất...). Các cựu sinh viên đã đề xuất một số giải pháp để nâng cao chất lượng kết quả học tập như tăng thời lượng giảng dạy tiếng Anh trong CTĐT Đại học, tăng thời lượng thực hành, nâng cấp cơ sở vật chất, kết nối doanh nghiệp trong và ngoài nước để nâng cao kỹ năng làm việc và thích ứng của sinh viên khi tốt nghiệp [H11.11.05.01].

Đối với cán bộ trong khoa, kết quả khảo sát cho thấy, các cán bộ đều hài lòng với chất lượng đào tạo. Các giảng viên thỉnh giảng của Khoa cũng đánh giá cao việc cập nhật chương trình đào tạo của Khoa Môi trường.

Các nhà tuyển dụng đều có những nhận xét tích cực về cựu sinh viên Khoa Môi trường. Dưới góc nhìn của họ, sinh viên tốt nghiệp từ Khoa có kiến thức sâu, kỹ năng giao tiếp tốt, khả năng áp dụng kiến thức có được vào thực tiễn một cách linh hoạt, khả năng tư duy tổng hợp và nghiên cứu tốt, có thể tổ chức, phát triển, thực hiện và tổng quát các vấn đề khoa học [H11.11.05.01]. Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đã

đảm nhận các vị trí quản lý chủ chốt trong các cơ quan. Năng lực làm việc của họ được đánh giá thông qua bảng câu hỏi về sự hài lòng của người sử dụng lao động về chất lượng của chương trình đào tạo do Trường ĐHKHTN cung cấp từ năm 2018 đến năm 2022 [H11.11.05.01]. Bên cạnh đó, Khoa thường xuyên thu thập ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng về chất lượng các chương trình đào tạo kỹ năng mềm do Khoa thực hiện. Các nhà tuyển dụng rất hài lòng với bản cập nhật và tính hiện đại của chương trình. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng khả năng tiếng Anh của sinh viên còn hạn chế trong triển khai các công việc chuyên môn [H11.11.05.01].

Thông qua các hoạt động hợp tác, các sinh viên của Khoa đã được tham gia vào các dự án nghiên cứu hợp tác trong và ngoài nước, như hợp tác với Hoa Kỳ, Nhật Bản, Thái Lan, Úc, Bỉ, Tây Ban Nha, Thụy Điển vv...[H11.11.05.02]. Khoa đã nhận được những phản hồi tích cực về sinh viên về năng lực làm việc, sự nhiệt tình, tính linh hoạt và thân thiện của sinh viên từ các đối tác.

Từ kết quả khảo sát các bên liên quan, Khoa Môi trường đã tích hợp các ý kiến phản hồi để làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm của Khoa [H11.11.05.03]. CTĐT được ban hành năm 2019 và 2022 đã bổ sung các học phần Tiếng Anh chuyên ngành, học phần giảng dạy bằng tiếng Anh nhằm nâng cao chất lượng tiếng anh của sinh viên ra trường đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng [H11.11.05.04]. Bên cạnh đó, Khoa khuyến khích các sinh viên tìm kiếm tài liệu, viết khóa luận, tiểu luận, báo cáo khoa học, seminar và trình bày bằng tiếng Anh. Câu lạc bộ tiếng Anh môi trường tiếp tục được duy trì với sự hỗ trợ của các giảng viên trong khoa giúp nâng cao khả năng giao tiếp và bổ sung các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh cho sinh viên [H11.11.05.05]. Ngoài ra, số lượng các học phần thực hành, thực tập được bổ sung đã tăng lên.

2) Điểm mạnh

Khoa Môi trường đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan theo đúng quy trình đã được Nhà trường quy định; có bộ phận chuyên trách, quy trình, công cụ và phương pháp tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan [H11.11.05.06]. Đối tượng khảo sát các bên liên quan đa dạng từ sinh viên, cựu sinh viên, cán bộ, giảng viên đến các nhà tuyển dụng, các chuyên gia, cơ quan trong lĩnh

vực Môi trường. Kết quả khảo sát được phân tích và tích hợp vào kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm của Khoa. Các phiếu khảo sát luôn được rà soát và đa dạng hóa kênh thu thập thông tin từ các bên liên quan.

3) Tồn tại

Quy trình, phương pháp/ công cụ giám sát khách quan việc thu thập phản hồi ý kiến từ các bên liên quan chưa được thực hiện thường xuyên, Số lượng đợt khảo sát và số người được khảo sát còn hạn chế. Cơ chế giải trình, phản hồi ý kiến chưa rõ ràng; kênh góp ý, phản hồi ý kiến qua đối thoại còn hạn chế...

4) Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, Nhà trường và Khoa cần tập trung khắc phục các điểm còn tồn tại, cụ thể như sau:

- Tăng số lượng khảo sát lên 10% so với hàng năm.
- Quy trình góp ý cần được cởi mở, đa dạng và tích cực hơn; Có cơ chế giải trình, phản hồi ý kiến rõ ràng đối với cán bộ, giảng viên và người học; Mở rộng kênh góp ý, phản hồi ý kiến qua đối thoại.

5) *Tự đánh giá*: Tiêu chí đạt yêu cầu và mức điểm tự đánh giá: 6/7 điểm.

Kết luận tiêu chuẩn 11.

Hệ thống quản lý đào tạo của Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường về cơ bản đã có đầy đủ các văn bản pháp lý cũng như cơ chế phù hợp với sự phân công, phân nhiệm rõ ràng trong việc theo dõi và giám sát các vấn đề liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình, hoạt động NCKH. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng đã có những quy định cụ thể và rõ ràng về việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (người học, cựu SV, GV và nhà tuyển dụng), đồng thời có sử dụng các thông tin phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, cần tăng cường giám sát đối với sinh viên trong quá trình học tập, đặc biệt trong bối cảnh bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, sinh viên phải học online; Cần thay đổi cơ chế và phương thức liên hệ với nhà tuyển dụng để SV ngành KHMT làm việc đúng nghề sau khi tốt nghiệp; Cần có phương pháp tốt để tổ chức thực hiện đối sánh tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong các cơ sở

giáo dục có cùng hình thức đào tạo, đối sánh cùng ngành/chuyên ngành đào tạo trong nước/quốc tế.

Qua bản báo cáo tự đánh giá lần này, Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN và các đơn vị chức năng sẽ rút ra được những điểm hạn chế để có chiến lược xây dựng kế hoạch hành động một cách hiệu quả, thiết thực hơn trong công tác quản lý, giám sát và nâng cao chất lượng đầu ra của chương trình học và sinh viên được đào tạo từ ngành Khoa học Môi trường, Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN.

Trong 5 tiêu chí của tiêu chuẩn 11 có 1 tiêu chí đạt mức 7/7 điểm (tiêu chí 11.4), 1 tiêu chí đạt 6/7 (tiêu chí 11.5), 3 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

PHẦN 3. KẾT LUẬN

Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo Đại học ngành KHMT, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT. Quá trình đánh giá được thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành.

Thông qua việc tự đánh giá này, Nhà trường và Khoa Môi trường đã nhận diện được đầy đủ điểm mạnh, điểm tồn tại trong từng hoạt động của ngành, từ đó làm cơ sở để lập kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, tiếp tục phát huy ưu điểm, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Khoa Môi trường, Trường ĐHKHTN đã tuyên bố với xã hội.

1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo đại học ngành Khoa học môi trường

1.1. Về mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc và chương trình đào tạo

Về cơ bản mục tiêu và CDR của CTĐT ngành KHMT được xây dựng đáp ứng được kỳ vọng về tầm nhìn, sứ mạng của ĐHQGHN/ĐHKHTN/KMT, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học; có tính bao quát nhưng vẫn đáp ứng được các mục tiêu chuyên biệt; thường xuyên được điều chỉnh và phản ánh được sự “chuyên biến” của CTĐT theo nhu cầu của xã hội.

Bản mô tả CTĐT đại học ngành KHMT hiện hành đã phản ánh một cách rõ nét và toàn diện chương trình và hoạt động đào tạo tại KMT, đã đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí chung theo quy định về các mốc chuẩn cần đảm bảo trong kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Bản mô tả CTĐT đảm bảo đầy đủ thông tin và cập nhật, được cấu trúc gồm 3 phần chính là giới thiệu chung, chuẩn đầu ra và nội dung của chương trình đào tạo. Đề cương các học phần đảm bảo đầy đủ thông tin theo quy định của ĐHQGHN/ĐHKHTN và được cập nhật, rà soát điều chỉnh thường xuyên trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần đã được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận bằng cả hình thức truy cập qua internet hoặc ở dạng bản in.

CTDH của ngành KHMT có cấu trúc, nội dung các học phần thực hiện đồng độ, thống nhất, tiêu chuẩn hóa các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV của tất cả các học phần trong CTDH nhằm góp phần thực hiện CĐR của chương trình. Các học phần trong chương trình được cấu trúc hợp lý, tuần tự, tỷ lệ giữa các khối kiến thức phù hợp, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở và chuyên ngành, tạo thành một khối thống nhất, có đối sánh với CTDH tiên tiến trên thế giới. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của ĐHQGHN với các minh chứng đầy đủ, rõ ràng.

1.2. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Phương pháp tiếp cận dạy và học của Khoa Môi trường có định hướng rõ ràng, được công bố rộng rãi và có sự tham gia, tư vấn của các bên liên quan, tuân thủ theo triết lý giáo dục của Khoa ***“Học để ứng dụng, Học từ thực tiễn”***. Khoa Môi trường đã xây dựng chiến lược dạy và học tiên tiến, sáng tạo, linh hoạt và cập nhật liên tục để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập; đáp ứng nhu cầu xã hội về đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao ngành KHMT, đóng góp cho công cuộc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

1.3. Về đánh giá kết quả học tập của người học và kết quả đầu ra của chương trình đào tạo

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành KHMT được thực hiện một cách chuyên nghiệp và khoa học, bám sát các quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN, của Nhà trường, đảm bảo tính rõ ràng, công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, mang tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng đáp ứng được các CĐR. Khoa Môi trường luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức của người học thông qua các kì thi, kiểm tra nhằm đo lường được mức độ đạt được CĐR, luôn đa dạng hóa các phương thức đánh giá cũng như phản hồi kết quả học đến người học kịp thời để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập. Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT.

1.4. Về đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên

Trong giai đoạn 2017-2022, Khoa Môi trường đã làm tương đối tốt công tác quy

hoạch và tuyển dụng giảng viên. Đội ngũ giảng viên của Khoa có sự trưởng thành về chất lượng. Các giảng viên có ý thức phấn đấu, tự bồi dưỡng kiến thức và rèn luyện đạo đức. Trong giảng dạy, đội ngũ giảng viên hoàn thành đạt và vượt mức số giờ giảng theo quy định và đa số giảng viên có kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy ở mức tương đối cao. Trong nghiên cứu khoa học, nhiều giảng viên đã có uy tín khoa học, được đảm nhiệm chủ trì các đề tài NCKH cấp Nhà nước, Bộ - Ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên luôn được đo lường, giám sát thường xuyên với mục đích làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đánh giá một cách chính xác và khách quan dựa trên những quy định, quy chế đã xây dựng với sự thống nhất cao. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ thông qua các chiến lược, văn bản và có nhiều hoạt động triển khai sâu rộng để đáp ứng nhu cầu đào tạo.

Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường đã quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Công tác tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai đảm bảo đúng quy trình và hiệu quả. Năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được xác định rõ ràng, phù hợp với vị trí việc làm và có kinh nghiệm và được đánh giá, phân loại công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường. Nhà trường đã có quy định, cơ chế khen thưởng và công nhận cụ thể, rõ ràng và công khai giúp cho việc quản lý kết quả làm việc của chuyên viên, nhân viên được hiệu quả hơn.

1.5. Về người học và các hoạt động hỗ trợ

Chất lượng người học và các hoạt động hỗ trợ người học được Trường ĐHKHTN và Khoa Môi trường xác định là khâu then chốt trọng hoạt động đào tạo. Trong đó có các điểm nổi bật, cụ thể như: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật, công bố công khai và có điều chỉnh, cập nhật; Tiêu chí tuyển sinh, đối tượng ưu tiên được xác định phù hợp quy định, có sự tham gia của các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; Có hệ thống giám sát, đánh giá tiến độ học tập và rèn

luyện của sinh viên; Có các hoạt động tư vấn, ngoại khóa và các hoạt động hỗ trợ khác cho sinh viên; Trường có môi trường, cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1.6. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khoa Môi trường được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành Khoa học môi trường. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Các phòng thực hành tin học, phòng nghiệp vụ... với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động dạy học và rèn luyện nghiệp vụ của GV và sinh viên; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, GV và SV làm việc, học tập và nghiên cứu...

1.7. Về nâng cao chất lượng

Khoa Môi trường đã thực hiện bài bản, thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đánh giá, điều chỉnh, cải tiến đáp ứng nhu cầu xã hội, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Cụ thể: (1) Chương trình đào tạo đã được kiểm định và cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của AUN-QA, 2015 (2) CTĐT được thiết kế, xây dựng, rà soát, điều chỉnh dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trong nước; (3) CTDH thường xuyên được đánh giá bởi các bên liên quan và cải tiến định kỳ 2 năm/lần với quy trình chặt chẽ, thống nhất; (4) Quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên theo từng kỳ học, đảm bảo thực hiện mục tiêu của CTĐT; (5) Hoạt động NCKH của GV, SV Khoa đã gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và phục vụ cộng đồng, ứng dụng vào việc cải tiến việc dạy và học; (6) Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá, cải tiến phục vụ cho các hoạt động chuyên ngành của giảng viên và sinh viên; (7) Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện có hệ thống, đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho sinh viên.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

- Cơ chế và quy trình thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan chưa được thuận tiện cho việc tổng hợp và hỗ trợ cho công tác cải tiến chất lượng.

- Việc định kỳ, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh trong thời gian qua. Công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa được hoàn thiện và chuyên nghiệp.

- Bản mô CTDH và đề cương chi tiết các học phần hầu hết chưa được chuyển tải sang ngôn ngữ Anh làm hạn chế khả năng quốc tế hóa chương trình.

- Đánh giá kết quả người học đã được triển thực hiện đa dạng, phong phú đảm bảo đánh giá công bằng, khách quan. Tuy vậy, rubic trong đánh giá tiểu luận, quá trình thực hành còn cần được quan tâm, cải tiến.

- Việc cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, chuyển đổi hình thức sang giảng dạy trực tuyến chưa thuận lợi; Công tác đổi mới phương pháp đánh giá sinh viên cần tiếp tục được cải thiện.

- Phương thức tuyển sinh hiện nay vẫn nặng về xét tuyển theo kết quả của kỳ thi THPT nên chưa chủ động cao trong việc thu hút người học.

- Cơ sở vật chất, hệ thống wifi của Nhà trường mặc dù đang được nâng cấp nhưng vẫn còn một số vấn đề về tốc độ và hạn chế về diện tích.

3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa Môi trường và Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2020 – 2021 đến năm 2025 - 2026 trở đi như sau:

- Cơ chế và quy trình thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được nghiên cứu và cải tiến nhằm thuận tiện cho việc thu thập và tổng hợp, hỗ trợ tốt cho các hoạt động nâng cao chất lượng.

- Tiếp tục định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, nhất là theo đối tượng sử dụng lao động và dự đoán diễn biến của nhu cầu xã hội.

- Bản mô CTDH và đề cương chi tiết các học phần sẽ được chuyển tải sang ngôn ngữ Anh làm hạn chế khả năng quốc tế hóa chương trình. Trong thời gian tới, Khoa sẽ hoàn thiện phiên bản song ngữ và trình bày ở các dạng tài liệu phổ thông, tiện ích để tăng tính phổ quát của của chương trình.

- Tiếp tục sáng tạo, cập nhật các phương pháp giảng dạy mới, đổi mới giáo dục, chuyển đổi hình thức sang giảng dạy trực tuyến cần linh hoạt, phù hợp với quy định, bổ sung kịp thời vào đề cương chi tiết các học phần; Công tác đổi mới phương pháp đánh giá sinh viên cần tiếp tục được cải thiện.

- Đổi mới công tác đánh giá kết quả người học; tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi thi giữa kỳ và cuối kỳ, đánh giá sát thực kết quả người học, đảm bảo công bằng, khách quan. Rubric, công cụ hỗ trợ cho đánh giá tiểu luận, quá trình thực hành tiếp tục được hoàn thiện trong thời gian tới.

- Cải tiến phương thức tuyển sinh để tiếp tục thu hút được người học có chất lượng, yêu ngành, yêu nghề (bao gồm cả hình thức thư giới thiệu, phỏng vấn, đánh giá năng lực tổng hợp...).

- Nâng cấp cơ sở vật chất, hệ thống wifi của Nhà trường nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên trong toàn trường.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Căn cứ vào bộ Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT, tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy cả 50 tiêu chí đều đạt.

**Phụ lục 7a: Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo đánh giá
theo Thông tư 04/2016**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Khoa học Tự nhiên

Mã:

Tên CTĐT: Khoa học môi trường

Mã CTĐT: 7440301

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>					1	2		5.67	3/3	100
Tiêu chí 1.1						x				
Tiêu chí 1.2						x				
Tiêu chí 1.3					x					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>					2	1		5.33	3/3	100
Tiêu chí 2.1					x					
Tiêu chí 2.2					x					
Tiêu chí 2.3						x				
<i>Tiêu chuẩn 3</i>						3		6.00	3/3	100
Tiêu chí 3.1						x				
Tiêu chí 3.2						x				
Tiêu chí 3.3						x				
<i>Tiêu chuẩn 4</i>						3		6.00	3/3	100
Tiêu chí 4.1						x				
Tiêu chí 4.2						x				
Tiêu chí 4.3						x				
<i>Tiêu chuẩn 5</i>						6		6.00	5/5	100
Tiêu chí 5.1						x				
Tiêu chí 5.2						x				
Tiêu chí 5.3						x				
Tiêu chí 5.4						x				
Tiêu chí 5.5						x				
<i>Tiêu chuẩn 6</i>						7		6.00	7/7	100
Tiêu chí 6.1						x				
Tiêu chí 6.2						x				

Tiêu chí 6.3						x				
Tiêu chí 6.4						x				
Tiêu chí 6.5						x				
Tiêu chí 6.6						x				
Tiêu chí 6.7						x				
Tiêu chuẩn 7						5				
Tiêu chí 7.1						x				
Tiêu chí 7.2						x				
Tiêu chí 7.3						x				
Tiêu chí 7.4						x				
Tiêu chí 7.5						x				
Tiêu chuẩn 8					1	4				
Tiêu chí 8.1						x				
Tiêu chí 8.2						x				
Tiêu chí 8.3						x				
Tiêu chí 8.4					x					
Tiêu chí 8.5						x				
Tiêu chuẩn 9					3	2				
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2						x				
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4						x				
Tiêu chí 9.5					x					
Tiêu chuẩn 10					5		1			
Tiêu chí 10.1					x					
Tiêu chí 10.2					x					
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4							x			
Tiêu chí 10.5					x					
Tiêu chí 10.6					x					
Tiêu chuẩn 11					3	1	1			
Tiêu chí 11.1					x					
Tiêu chí 11.2					x					
Tiêu chí 11.3					x					
Tiêu chí 11.4							x			
								6.00	5/5	100
								5.80	5/5	100
								5.40	5/5	100
								5.33	6/6	100
								5.60	5/5	100

Tiêu chí 11.5						x				
Đánh giá chung CTĐT								5.74	50/50	100

Với những kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí, Nhà trường và Hội đồng tự đánh giá Trường ĐHKHTN trân trọng đề nghị Bộ GD&ĐT cùng các cơ quan chức năng cho phép tiến hành các bước tiếp theo để CTĐT ngành KHMT được công nhận là đạt tiêu chuẩn chất lượng tốt, xứng đáng là CTĐT có vị thế trong sự phát triển của Nhà trường và xã hội.

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG

P.HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP VÀ DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1107/QĐ-ĐHKHTN

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH **Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá** **Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học Môi trường**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Quy chế về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 2068/QĐ-KHTN ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên;

Căn cứ công văn số 822/ĐHKHTN-TTPCĐBCL ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên về đăng ký kế hoạch đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trường Khoa Môi trường và Trường Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học Môi trường gồm các Ông/Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các Ông/Bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá Chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học Môi trường theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng Khoa Môi trường, Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các Ông (Bà) có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu VT, TTPCĐBCL, H.(20)

HIỆU TRƯỞNG



Ký bởi: TRƯỜNG
ĐẠI HỌC KHOA
HỌC TỰ NHIÊN
Email:
hus@hus.edu.vn
Cơ quan: ĐẠI HỌC
QUỐC GIA HÀ

PGS.TSKH. Vũ Hoàng Linh

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 1107/QĐ-ĐHKHTN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	PGS.TSKH. Vũ Hoàng Linh	Hiệu trưởng, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Chủ tịch
2.	PGS.TS. Trần Quốc Bình	Phó Hiệu trưởng, Ủy viên thư ký Hội đồng KH&ĐT	Phó Chủ tịch
3.	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải	Trưởng Khoa Môi trường, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Phó Chủ tịch
4.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên	Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thư ký
5.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6.	TS. Nguyễn Thanh Bình	Trưởng Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Thành viên
7.	TS. Trần Mạnh Cường	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ - Hành chính, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
8.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng Phòng Đào tạo, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
9.	PGS.TS. Hoàng Thị Minh Thảo	Trưởng Phòng Khoa học - Công nghệ, Thành viên Hội đồng KH&ĐT	Thành viên
10.	TS. Trương Thanh Tú	Trưởng Phòng Hợp tác và Phát triển	Thành viên
11.	ThS. Trần Tùng	Trưởng Phòng Quản trị - Bảo vệ	Thành viên
12.	ThS. Lê Thị Vân	Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính	Thành viên
13.	PGS.TS. Lê Trọng Vĩnh	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Thành viên
14.	TS. Trần Thiện Cường	Phó Trưởng Khoa Môi trường	Thành viên
15.	PGS.TS. Phạm Thị Thúy	Phó Trưởng Khoa Môi trường	Thành viên
16.	PGS.TS. Hoàng Anh Lê	Trưởng Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường	Thành viên
17.	PGS.TS. Nguyễn Kiều Băng Tâm	Trưởng Bộ môn Sinh thái Môi trường, Khoa Môi trường	Thành viên

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

*(Kèm theo Quyết định số 1107/QĐ-ĐHKHTN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên	Trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Trưởng ban
2.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
3.	ThS. Đinh Thị Hương	Chuyên viên chính, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
4.	ThS. Bùi Minh Đức	Chuyên viên, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
5.	ThS. Vũ Hải Uyên	Chuyên viên, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
6.	ThS. Lê Thị Kim Dung	Trợ lý đào tạo, Khoa Môi trường	Thành viên

(Danh sách gồm có 6 người)

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo Quyết định số 1107/QĐ-ĐHKHTN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Thực hiện tiêu chuẩn 1		
1.	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Minh	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Tài nguyên và Môi trường đất, Khoa Môi trường	Trưởng nhóm
2.	TS Nguyễn Ngân Hà	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thư ký
3.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng phòng, Phòng Đào tạo	Thành viên
4.	TS. Trần Thị Tuyết Thu	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
5.	PGS.TS. Lê Văn Thiện	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
6.	ThS. Nguyễn Quốc Việt	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
Nhóm 2	Thực hiện tiêu chuẩn 2		
7.	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Minh	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Tài nguyên và Môi trường đất, Khoa Môi trường	Trưởng nhóm
8.	ThS. Phạm Văn Quang	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thư ký
9.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng phòng, Phòng Đào tạo	Thành viên
10.	TS. Trần Thị Tuyết Thu	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
11.	PGS.TS. Lê Văn Thiện	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
12.	ThS. Nguyễn Quốc Việt	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
Nhóm 3	Thực hiện tiêu chuẩn 3		
13.	TS. Trần Văn Sơn	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Công nghệ Môi trường, Khoa Môi trường	Trưởng nhóm
14.	TS. Nguyễn Minh Phương	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thư ký

15.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng phòng, Phòng Đào tạo	Thành viên
16.	Phan Thị Hà Anh	Sinh viên K64 Khoa học Môi trường	Thành viên
17.	PGS.TS. Trần Thị Hồng	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
18.	TS. Hoàng Minh Trang	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
19.	TS. Cái Anh Tú	Nghiên cứu viên, Khoa Môi trường	Thành viên
Nhóm 4	Thực hiện tiêu chuẩn 4		
20.	TS. Trần Văn Sơn	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Công nghệ Môi trường, Khoa Môi trường	Trưởng nhóm
21.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hà	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thư ký
22.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng phòng, Phòng Đào tạo	Thành viên
23.	ThS. Phạm Hoàng Giang	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
24.	TS. Nguyễn Minh Phương	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
25.	Lê Xuân Tùng	Sinh viên K64 Khoa học môi trường	Thành viên
26.	TS. Lê Thị Hoàng Oanh	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
Nhóm 5	Thực hiện tiêu chuẩn 5		
27.	TS. Phạm Thị Thu Hà	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Môi trường và Phát triển bền vững, Khoa Môi trường	Trưởng nhóm
28.	TS. Trần Thị Minh Hằng	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thư ký
29.	TS. Nguyễn Thanh Bình	Trưởng phòng, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Thành viên
30.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng phòng, Phòng Đào tạo	Thành viên
31.	Phạm Việt Trinh	Sinh viên K64 Khoa học môi trường	Thành viên
32.	TS. Vũ Đình Tuấn	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên

33.	TS. Phạm Anh Hùng	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
Nhóm 6	Thực hiện tiêu chuẩn 6		
34.	PGS.TS. Nguyễn Kiều Băng Tâm	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Sinh thái Môi trường, Khoa Môi trường	Trưởng nhóm
35.	ThS. Nguyễn Tuấn Anh	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thư ký
36.	TS. Trần Mạnh Cường	Trưởng phòng, Phòng Tổ chức Cán bộ - Hành chính	Thành viên
37.	TS. Phạm Thị Thu Hà (1185)	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
38.	PGS.TS. Lê Đức Minh	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
39.	PGS.TS. Phạm Văn Anh	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
Nhóm 7	Thực hiện tiêu chuẩn 7		
40.	PGS.TS. Nguyễn Kiều Băng Tâm	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Sinh thái Môi trường, Khoa Môi trường	Trưởng nhóm
41.	ThS. Đặng Thị Hải Linh	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thư ký
42.	TS. Trần Mạnh Cường	Trưởng phòng, Phòng Tổ chức Cán bộ - Hành chính	Thành viên
43.	TS. Phạm Thị Thu Hà (1185)	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
44.	PGS.TS. Phạm Văn Anh	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
45.	PGS.TS. Trần Văn Thụy	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
Nhóm 8	Thực hiện tiêu chuẩn 8		
46.	PGS.TS. Hoàng Anh Lê	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường	Trưởng nhóm
47.	PGS.TS Ngô Thị Tường Châu	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thư ký
48.	TS. Nguyễn Thanh Bình	Trưởng phòng, Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Thành viên

49.	PGS.TS. Hoàng Thị Minh Thảo	Trưởng phòng, Phòng Khoa học - Công nghệ	Thành viên
50.	TS. Trương Thanh Tú	Trưởng phòng, Phòng Hợp tác và Phát triển	Thành viên
51.	ThS. Trần Tùng	Trưởng phòng, Phòng Quản trị - Bảo vệ	Thành viên
52.	ThS. Lê Thị Vân	Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch - Tài chính	Thành viên
53.	PGS.TS. Lê Trọng Vĩnh	Giám đốc, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Thành viên
54.	PGS.TS. Vũ Văn Mạnh	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
55.	TS. Đào Văn Hiền	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
56.	TS. Phạm Thị Việt Anh	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
57.	Phan Thị Hà Anh	Sinh viên K64 Khoa học Môi trường	Thành viên
Nhóm 9	Thực hiện tiêu chuẩn 9		
58.	PGS.TS. Phạm Thị Thúy	Phó Trưởng khoa, Khoa Môi trường	Trưởng nhóm
59.	TS. Nguyễn Xuân Huân	Nghiên cứu viên, Khoa Môi trường	Thư ký
60.	PGS.TS. Hoàng Thị Minh Thảo	Trưởng phòng, Phòng Khoa học - Công nghệ	Thành viên
61.	ThS. Trần Tùng	Trưởng phòng, Phòng Quản trị - Bảo vệ	Thành viên
62.	ThS. Lê Thị Vân	Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch - Tài chính	Thành viên
63.	PGS.TS. Lê Trọng Vĩnh	Giám đốc, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Thành viên
64.	TS. Lê Anh Tuấn	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
65.	TS. Nguyễn Hữu Huân	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
66.	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
67.	TS. Nguyễn Thị Hạnh	Nghiên cứu viên, Khoa Môi trường	Thành viên

Nhóm 10	Thực hiện tiêu chuẩn 10		
68.	PGS.TS. Phạm Thị Thúy	Phó Trưởng khoa, Khoa Môi trường	Trưởng nhóm
69.	ThS. Phạm Hùng Sơn	Nghiên cứu viên, Khoa Môi trường	Thư ký
70.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
71.	TS. Phạm Anh Hùng	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
72.	TS. Vũ Đình Tuấn	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
Nhóm 11	Thực hiện tiêu chuẩn 11		
73.	PGS.TS. Hoàng Anh Lê	Trưởng Bộ môn, Bộ môn Quản lý môi trường, Khoa Môi trường	Trưởng nhóm
74.	TS. Lương Thị Mai Ly	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thư ký
75.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Minh	Trưởng phòng, Phòng Đào tạo	Thành viên
76.	TS. Bùi Thanh Tú	Phó Trưởng phòng, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng	Thành viên
77.	TS. Đào Văn Hiền	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
78.	TS. Phạm Thị Việt Anh	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
79.	TS. Trần Thị Huyền Nga	Giảng viên, Khoa Môi trường	Thành viên
80.	Phan Thị Hà Anh	Sinh viên K64, Khoa học môi trường	Thành viên

PHỤ LỤC 2. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1344 /KH-ĐHKHTN

Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG THEO TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) và đề đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD).

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn:

Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH,

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng,

Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo,

Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng về điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ..

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT cử nhân ngành Khoa học Môi trường được thành lập theo Quyết định số 1107/QĐ-ĐHKHTN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Hội đồng gồm có 21 thành viên (có danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 1107/QĐ-ĐHKHTN ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (có danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Ban thư ký:

Tư vấn và giúp Hội đồng tự đánh giá triển khai các công việc theo kế hoạch tự đánh giá.

b) Các nhóm công tác, cá nhân:

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1.	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Nhóm 1 (PGS.TS. Nguyễn Ngọc Minh - Trưởng nhóm)	Tháng 4 - 7/2022	
2.	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	Nhóm 2 (PGS.TS. Nguyễn Ngọc Minh - Trưởng nhóm)		
3.	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Nhóm 3 (TS. Trần Văn Sơn - Trưởng nhóm)		
4.	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Nhóm 4 (TS. Trần Văn Sơn - Trưởng nhóm)		
5.	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 5 (TS. Phạm Thị Thu Hà - Trưởng nhóm)		
6.	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm 6 (PGS.TS. Nguyễn Kiều Băng Tâm - Trưởng nhóm)		
7.	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	Nhóm 7 (PGS.TS. Nguyễn Kiều Băng Tâm - Trưởng nhóm)		
8.	Tiêu chuẩn 8: Người học và	Nhóm 8 (PGS.TS.		

	hoạt động hỗ trợ người học	Hoàng Anh Lê - Trưởng nhóm)		
9.	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Nhóm 9 (PGS.TS. Phạm Thị Thúy - Trưởng nhóm)		
10.	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	Nhóm 10 (PGS.TS. Phạm Thị Thúy - Trưởng nhóm)		
11.	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	Nhóm 11 (PGS.TS. Hoàng Anh Lê - Trưởng nhóm)		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá

1. Thời gian: từ ngày 04 tháng 5 năm 2022 đến ngày 06 ngày 5 năm 2022

2. Thành phần:

- Hội đồng tự đánh giá,
- Ban thư ký,
- Các nhóm công tác chuyên trách.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Hướng dẫn tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá; hướng dẫn thu thập thông tin minh chứng; chia sẻ kinh nghiệm KDCL CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Từ tiêu chuẩn 1 đến tiêu chuẩn 11	Thu thập minh chứng và viết báo cáo TĐG theo sự phân công	* Về nhân lực: - Các nhóm công tác thu thập minh chứng từ các đơn vị trong và ngoài Trường ĐHKHTN và viết báo cáo TĐG. - Các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Trường ĐHKHTN cung cấp minh chứng liên quan cấp Trường. - Các đơn vị thuộc ĐHQGHN cung cấp minh chứng liên quan cấp ĐHQGHN.	Tháng 4 - 7/2022	

			<p>* Về Cơ sở vật chất: Tận dụng cơ sở vật chất sẵn có của Nhà trường trong trường hợp cần thiết các đơn vị có thể bổ sung thêm để đảm bảo đủ phục vụ công tác.</p> <p>* Về tài chính: Kinh phí dành cho các hoạt động này được lấy từ kinh phí KĐCL CTĐT của Trường ĐHKHTN</p>		
2	Từ tiêu chuẩn 1 đến tiêu chuẩn 11	Chỉnh sửa báo cáo TĐG theo góp ý của chuyên gia và theo kết quả rà soát báo cáo của TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)	Các nhóm công tác tiếp tục thu thập thông tin, minh chứng và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá CTĐT	Tháng 9/2022	

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Các đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội hỗ trợ phối hợp cung cấp các thông tin, minh chứng cần thu thập để hoàn thiện báo cáo tự đánh giá.

Các đơn vị ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội hỗ trợ cung cấp thông tin, minh chứng để thực hiện đối sánh chất lượng.

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG

Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHQGHN cử chuyên gia tư vấn, hỗ trợ các CTĐT:

1. Tập huấn tự đánh giá, viết Báo cáo TĐG và thu thập thông tin minh chứng; chia sẻ kinh nghiệm KĐCL CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT: 2 chuyên gia x 3 ngày
2. Góp ý Báo cáo tự TĐG: 2 chuyên gia

Kinh phí bồi dưỡng lấy từ kinh phí KĐCL CTĐT của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động	Đơn vị thực hiện
12-28/4/2022	- Thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng và xây dựng kế hoạch TĐG CTĐT.	Hội đồng TĐG CTĐT
12-29/4/2022	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai TĐG cho đội ngũ chủ chốt liên quan.	Khoa Môi trường
04-06/5/2022	Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.	Viện ĐBCLGD (ĐHQGHN), Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng (Trường ĐHKHTN)
28/4 - 24/6/2022	1. Các nhóm công tác chuyên trách: - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích thông tin và minh chứng thu được. - Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. - Viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).	Các nhóm công tác chuyên trách
	Tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.	Khoa Môi trường

Thời gian	Nội dung hoạt động	Đơn vị thực hiện
25/6 - 03/7/2022	Hội đồng TĐG CTĐT: - Xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần) về các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG. - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được. - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung.	Hội đồng TĐG CTĐT
	Xin ý kiến góp ý của các chuyên gia KĐCL.	Ban thư ký
	Xin ý kiến góp ý của các bộ môn về báo cáo TĐG.	Khoa Môi trường
04-10/7/2022	Công bố bản báo cáo TĐG (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng,...) trong Trường và Khoa Môi trường.	Khoa Môi trường
11-17/7/2022	Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo TĐG cho lãnh đạo Khoa Môi trường và Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN để xem xét.	Hội đồng TĐG CTĐT
	Hoàn thiện báo cáo TĐG.	Khoa Môi trường
18-22/7/2022	- Gửi báo cáo TĐG và công văn cho Đại học Quốc gia Hà Nội, Cục Quản lý chất lượng - Bộ GDĐT - Gửi công văn đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị thẩm định báo cáo TĐG	Ban thư ký
8/2022	Thẩm định báo cáo TĐG	TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)
05-19/9/2022	Chỉnh sửa báo cáo TĐG theo góp ý của chuyên gia	Các nhóm công tác chuyên trách
	Gửi lại báo cáo TĐG cho TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)	Ban thư ký
20-23/9/2022	TT KĐCLGD (ĐHQGHCM) rà soát báo cáo TĐG và gửi lại kết quả cho Trường	TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)
24-28/9/2022	Tiếp tục chỉnh sửa theo kết quả rà soát báo cáo của TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)	Các nhóm công tác chuyên trách
	Gửi báo cáo hoàn chỉnh cho TT KĐCLGD (ĐHQGHCM)	Ban thư ký

Thời gian	Nội dung hoạt động	Đơn vị thực hiện
29-30/9/2022	Gửi báo cáo TĐG và công văn thông báo đã đăng ký đánh giá ngoài cho Cục Quản lý chất lượng - Bộ GDĐT	Ban thư ký
	Lưu giữ báo cáo TĐG, các thông tin minh chứng	Khoa Môi trường, Phòng Thanh tra, Pháp chế và Đảm bảo chất lượng

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (đề b/c);
- Ban Giám hiệu (đề b/c);
- Hội đồng TĐG (đề th/h);
- Khoa Môi trường, các phòng chức năng, TT CNTT&TT (đề th/h);
- Lưu VT, TTPCĐBCL, H.(20)



Ký bởi: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA
HỌC TỰ NHIÊN
Ngày ký: 23-05-2022 15:26:33 +07:00

PGS.TS. Trần Quốc Bình

**PHỤ LỤC 7A: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÁNH GIÁ THEO THÔNG TƯ 04/2016**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Mã:

Tên CTĐT: Khoa học môi trường

Mã CTĐT: 7440301

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>					1	2		5.67	3/3	100
Tiêu chí 1.1						x				
Tiêu chí 1.2						x				
Tiêu chí 1.3					x			5.33	3/3	100
<i>Tiêu chuẩn 2</i>					2	1				
Tiêu chí 2.1					x					
Tiêu chí 2.2					x			6.00	3/3	100
Tiêu chí 2.3						x				
<i>Tiêu chuẩn 3</i>						3				
Tiêu chí 3.1						x		6.00	3/3	100
Tiêu chí 3.2						x				
Tiêu chí 3.3						x				
<i>Tiêu chuẩn 4</i>						3		6.00	3/3	100
Tiêu chí 4.1						x				
Tiêu chí 4.2						x				
Tiêu chí 4.3						x		6.00	5/5	100
<i>Tiêu chuẩn 5</i>						6				
Tiêu chí 5.1						x				
Tiêu chí 5.2						x				
Tiêu chí 5.3						x				
Tiêu chí 5.4						x				
Tiêu chí 5.5						x		6.00	7/7	100
<i>Tiêu chuẩn 6</i>						7				
Tiêu chí 6.1						x				
Tiêu chí 6.2						x				

Tiêu chí 6.3						x				
Tiêu chí 6.4						x				
Tiêu chí 6.5						x				
Tiêu chí 6.6						x				
Tiêu chí 6.7						x				
Tiêu chuẩn 7						5				
Tiêu chí 7.1						x				
Tiêu chí 7.2						x				
Tiêu chí 7.3						x				
Tiêu chí 7.4						x				
Tiêu chí 7.5						x				
Tiêu chuẩn 8					1	4				
Tiêu chí 8.1						x				
Tiêu chí 8.2						x				
Tiêu chí 8.3						x				
Tiêu chí 8.4					x					
Tiêu chí 8.5						x				
Tiêu chuẩn 9					3	2				
Tiêu chí 9.1					x					
Tiêu chí 9.2						x				
Tiêu chí 9.3					x					
Tiêu chí 9.4						x				
Tiêu chí 9.5					x					
Tiêu chuẩn 10					5		1			
Tiêu chí 10.1					x					
Tiêu chí 10.2					x					
Tiêu chí 10.3					x					
Tiêu chí 10.4							x			
Tiêu chí 10.5					x					
Tiêu chí 10.6					x					
Tiêu chuẩn 11					3	1	1			
Tiêu chí 11.1					x					
Tiêu chí 11.2					x					
Tiêu chí 11.3					x					
Tiêu chí 11.4							x			
								6.00	5/5	100
								5.80	5/5	100
								5.40	5/5	100
								5.33	6/6	100
								5.60	5/5	100

Tiêu chí 11.5						x				
Đánh giá chung CTĐT								5.74	50/50	100

*** Ghi chú:**

- Ghi bằng số nguyên mức đánh giá cho từng tiêu chí.
- Mức đánh giá chung của tiêu chuẩn và CTĐT là trung bình số học mức đánh giá của các tiêu chí, tính đến 2 số thập phân sau dấu phẩy.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

PHỤ LỤC 8. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/06/2022

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
 - Tiếng Anh: VNU University of Science
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: VNU-HUS
 - Tiếng Anh: VNU-HUS
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Đại học Quốc gia Hà Nội
5. Địa chỉ: 334 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (84)0243-8584615/8581419; Số fax: (84)0243-8583061
7. E-mail: hus@vnu.edu.vn Website: <http://hus.vnu.edu.vn>
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 15/10/1956
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 15/10/1956
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1958-1959
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
 - Công lập Bán công Dân lập Tư thực

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Môi trường
 - Tiếng Anh: Faculty of Environmental Sciences
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: Khoa Môi trường
 - Tiếng Anh: FES
14. Tên trước đây (nếu có):

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Khoa học môi trường

- Tiếng Anh: Environmental Sciences

16. Mã CTĐT: 7440301

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Khoa Môi trường, Tầng 2 nhà T2, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 334 đường Nguyễn Trãi, Hà Nội

19. Số điện thoại liên hệ: (84)02438584995 Số fax:

20. E-mail: fes@hus.edu.vn; Website: <http://fes.hus.vnu.edu.vn>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 21/10/1995

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1993

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1997

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa Môi trường được thành lập năm 1995, là đơn vị đào tạo cấp Khoa chính thức đầu tiên trong cả nước và khu vực đào tạo bậc đại học và sau đại học về khoa học môi trường. Qua 27 năm xây dựng và phát triển, Khoa Môi trường đã trở thành đơn vị cấp Khoa hàng đầu trong cả nước về đào tạo cán bộ từ trình độ đại học, thạc sĩ đến tiến sĩ cũng như về nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực khoa học môi trường, công nghệ môi trường, khoa học và công nghệ thực phẩm, môi trường và an toàn lao động... Khi mới thành lập, Khoa chỉ có 18 cán bộ (trong đó có 1 giáo sư, 3 phó giáo sư, 8 tiến sĩ), đến nay Khoa Môi trường có 57 cán bộ cơ hữu, phân bổ trong 6 bộ môn, 1 phòng thí nghiệm và 5 phòng thí nghiệm chuyên đề. Trong số 57 cán bộ cơ hữu hiện tại, Khoa có 15 Phó giáo sư, 25 Tiến sĩ, 15 thạc sĩ và 02 cử nhân.

Từ khi thành lập đến nay, Khoa đã đào tạo cho xã hội một nguồn nhân lực lớn với chất lượng cao gồm: hơn 3500 cử nhân, 1300 thạc sĩ, gần 100 tiến sĩ. Trong những năm gần đây, quy mô đào tạo 600-1000 sinh viên, 50-100 học viên cao học và 30-50 nghiên cứu sinh.

Năm 2001, chương trình đào tạo cử nhân khoa học tài năng ngành Khoa học

Môi trường (nay là CTĐT chất lượng cao) được bắt đầu đào tạo. Từ năm 2005, các chương trình đào tạo tiên sỹ chuyên ngành bắt đầu được đào tạo, gồm: Môi trường không khí, Môi trường đất và nước, Khoa học môi trường. Năm 2010, chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế trình độ đại học (CTĐT Tiên tiến) ngành Khoa học môi trường xây dựng và đào tạo.

Các hướng chuyên sâu trong CTĐT đại học ngành KHMT bao gồm: quản lý môi trường, môi trường đất, độc chất học môi trường và kiểm soát độc chất, môi trường nước, mô hình hoá môi trường và phát triển bền vững, môi trường biển, ô nhiễm không khí.

Với tiềm lực mạnh về đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất nên trong nhiều năm qua cán bộ Khoa Môi trường được Nhà nước, các cấp, các ngành giao cho chủ trì triển khai nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Chỉ tính từ năm 2010 đến nay, Khoa Môi trường đã và đang chủ trì thực hiện rất nhiều đề tài các cấp từ cơ sở đến cấp Nhà nước, với tổng kinh phí mỗi năm khoảng từ 10-15 tỷ đồng (năm 2021 tổng kinh phí từ các hoạt động nghiên cứu đề tài các cấp, HĐ tư vấn, chuyển giao NCKH,... đạt trên 25 tỷ đồng). Hàng năm, Khoa Môi trường công bố trên dưới 70 bài báo trên các tạp chí quốc tế, 30-70 báo cáo khoa học trong nước và nhiều bài đăng tại các hội nghị khoa học quốc tế và trong nước, 5-10 sở hữu trí tuệ/giải pháp hữu ích. Khoa Môi trường đã thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ với nhiều Trường Đại học và Viện nghiên cứu trong nước và quốc tế (Hoa Kỳ, Thụy Điển, Đức, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Phần Lan, Hungary, Bỉ, Nga, Úc, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Indonesia, Thái Lan...).

Trong quá trình phát triển, các cán bộ trong Khoa Môi trường đã được nhiều khen thưởng, bao gồm:

- Về tập thể: Huân chương Lao động hạng Nhất (2020), Nhì (2015), Ba (2010), Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Bộ KH&CN; Bộ TN&MT; Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN; Cờ thi đua của Chính phủ/ĐHQGHN/Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giải thưởng môi trường quốc gia... và liên tục là tập thể lao động xuất sắc. Nhiều bộ môn, đơn vị trong Khoa được công nhận là tập thể Lao động xuất sắc, được tặng Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN.

- Cá nhân: 1 Giáo sư nguyên là cán bộ của Khoa được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân và 5 cán bộ ở Khoa được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú. Nhiều cán bộ trong Khoa được tặng thưởng Huân chương lao động, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN, ĐHQGHN.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

Cơ cấu tổ chức của Khoa Môi trường được mô tả ở hình sau:

- Trưởng Khoa: PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải; Các phó trưởng Khoa: TS. Trần Thiện Cường, PGS.TS. Phạm Thị Thúy.

- Các đơn vị Bộ môn gồm: Bộ môn Quản lý môi trường: 5 cán bộ, Bộ môn Tài nguyên và Môi trường đất: 9 cán bộ, Bộ môn Sinh thái môi trường: 9 cán bộ, Bộ môn Công nghệ môi trường: 12 cán bộ, Bộ môn Môi trường và Phát triển bền vững: 6 cán bộ, Bộ môn Khoa học và Công nghệ thực phẩm: 7 cán bộ, Văn phòng Khoa: 3 cán bộ và Phòng thí nghiệm Nghiên cứu môi trường: 5 cán bộ.



Sơ đồ tổ chức của Khoa Môi trường

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục					
1		Vũ Hoàng Linh	1968	PGS. TSKH, Hiệu trưởng	091306 2989	linhvh@vnu.edu.vn
2		Ngọc An Bang		PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	091244 5352	ngacانبang@hus.edu.vn
3		Lê Thanh Sơn		GS.TS, Phó Hiệu trưởng	090323 6282	lethanhson@hus.edu.vn
4		Trần Quốc Bình		PGS. TS, Phó Hiệu trưởng	091285 6926	tranquocbinh@hus.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I.	Lãnh đạo Khoa					
		Nguyễn Mạnh Khải	1975	PGS.TS, Trưởng khoa	091336 9778	nguyenmanhkhai@hus.edu.vn
		Phạm Thị Thúy	1980	PGS.TS, Phó Trưởng khoa	098288 8499	phanthithuy@hus.edu.vn
		Trần Thiện Cường	1976	TS, Phó Trưởng khoa	093518 8666	tranthiencuong@hus.edu.vn
II.	Các tổ chức					

	Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Chi bộ					
		Nguyễn Mạnh Khải	1975	PGS.TS, Bí thư chi bộ	091336 9778	nguyenmanhkhai@hus.edu.vn
		Nguyễn Ngọc Minh	1979	PGS.TS, Phó bí thư chi bộ	097996 5353	minhnn@hus.edu.vn
		Phạm Thị Thúy	1980	PGS.TS, Chi ủy viên	098288 8499	phamthithuy@hus.edu.vn
2.	Liên chi đoàn Khoa					
		Đặng Thị Hải Linh	1993	ThS, Bí thư liên chi	096863 5699	linhdth@hus.edu.vn
		Nguyễn Đình Nghĩa	2001	Sinh viên, Liên chi Hội trưởng LCH Sinh viên khoa	033941 4893	nguyendinhnghia_t64@hus.edu.vn
		Nguyễn Minh Khánh	2002	Sinh viên, Phó bí thư Liên chi	098806 0500	nguyenminhkhanh_t65@hus.edu.vn
3.	Công đoàn Khoa					
		Nguyễn Xuân Huân	1980	TS, Chủ tịch công đoàn	098366 5756	huannx@hus.edu.vn

		Lê Hương Giang	1974	ThS, Phó chủ tịch công đoàn	039938 4299	lehuonggiang@hus.edu.vn
		Lê Thị Hoàng Oanh	1982	TS, Ủy viên công đoàn	094845 3495	hoangoanh.le@hus.edu.vn
		Phạm Thị Thu Hà	1977	TS, Ủy viên công đoàn	094881 3688	thuhaee@hus.edu.vn
4.	Hội					
III.	Các phòng, ban					
1.	Phòng Chính trị và Công tác sinh viên	Nguyễn Thanh Bình		TS, Trưởng phòng	024.355 81226	binhnt@hus.edu.vn
2	Phòng Đào tạo	Nguyễn Thị Hồng Minh		PGS.TS, Trưởng phòng	090410 1065	
		Đỗ Hữu Tuấn	1982	TS, Phó trưởng phòng	096275 4566	tuandh@vnu.edu.vn
		Phạm Tiến Đức		TS, Phó trưởng phòng	098305 6784	tienduchphn@gmail.com
3	Hợp tác và phát triển	Trương Thanh Tú		TS, Trưởng phòng	091664 0200	hcdn@hus.edu.vn
4	Khoa học – Công nghệ	Hoàng Thị Minh Thảo		PGS.TS, Trưởng phòng	024.385 88579	hoangminhthao@gmail.com
		Đinh Nho Thái		TS, Phó trưởng phòng	024.385 88579	dinhnhothai@vnu.edu.vn

5	Kế hoạch – Tài chính	Lê Thị Vân		ThS, Trưởng phòng		
		Vũ Thị Minh Hào		Phó Trưởng phòng		
6	Quản trị - Bảo vệ	Trần Tùng		ThS, Trưởng phòng	043.858 1421	tungt@vnu.edu.vn
		Phạm Hoàng Long		ThS, Phó trưởng phòng	043.858 1421	phamhoanglong@hus.edu.vn
		Việt???		ThS, Phó trưởng phòng		
7	Tổ chức cán bộ - Hành chính	Trần Mạnh Cường		TS, Trưởng phòng		
		Nguyễn Thị Hồng Doan		TS, Phó trưởng phòng		
		Lê Hữu Tuyên		TS, Phó trưởng phòng		
8	Thanh tra pháp chế và đảm bảo chất lượng	Nguyễn Thị Hoàng Liên		PGS.TS, Trưởng phòng	093623 4533	nguyenthihoanglien@hus.edu.vn
		Bùi Thanh Tú		TS, Phó trưởng phòng	096811 0113	buithanhtu@hus.edu.vn
9	Trung tâm công	Lê Trọng Vĩnh		PGS.TS, Trưởng phòng		vinhlt@gmail.com

	nghệ thông tin và truyền thông					
		Nguyễn Tuấn Anh		ThS, Phó trưởng phòng		nguyentuananh@hus. edu.vn
IV.	Các bộ môn trong Khoa					
1.	Bộ môn Quản lý môi trường					
		Hoàng Anh Lê	1977	PGS.TS, Trưởng bộ môn	091357 0406	leha@hus.edu.vn
		Phạm Thị Việt Anh	1971	TS, Phó trưởng bộ môn	091308 9909	phamthivietanh@hus. edu.vn
2.	Bộ môn Sinh thái môi trường					
		Nguyễn Kiều Băng Tâm	1972	PGS.TS, Trưởng bộ môn	090418 8999	tamkb@hus.edu.vn
3.	Bộ môn Công nghệ môi trường					
		Trần Văn Sơn	1986	TS, Trưởng bộ môn	098748 3211	transon_mt@hus.edu. vn

		Nguyễn Minh Phương	1986	TS, Phó Trưởng bộ môn	0966123284	nmpuong.hn@hus.edu.vn
4.	Bộ môn Môi trường và Phát triển bền vững					
		Phạm Thị Thu Hà	1977	TS, Trưởng bộ môn	0912234242	phamthithuha@hus.edu.vn
5.	Bộ môn Tài nguyên và môi trường đất					
		Nguyễn Ngọc Minh	1979	PGS.TS, Trưởng bộ môn	0979965353	minhnn@hus.edu.vn
		Trần Thị Tuyết Thu	1978	TS, Phó Trưởng bộ môn	0912733285	tranthituyetthu@hus.edu.vn
6.	Bộ môn Khoa học và công nghệ thực phẩm					
		Nguyễn Mạnh Khải	1975	PGS.TS, Phụ trách bộ môn	0913369778	nguyenmanhkhai@hus.edu.vn
7.	Phòng thí nghiệm Nghiên cứu môi trường					

		Nguyễn Xuân Huân	1980	TS, Phó phòng	098366 5756	huannx@hus.edu.vn
--	--	------------------	------	---------------	-------------	--

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: ...04.....

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ:05.....

Số lượng ngành đào tạo đại học:04.....

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng:0.....

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):0.....

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

29. Tổng số các ngành đào tạo: 04

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

30.1. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	16	23	39

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	9	10	19
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	12	05	17
	Tổng số	37	38	75

30.2. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu của CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu³ <i>Trong đó:</i>			
I.1	Cán bộ trong biên chế	6	10	16
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	3	6	9
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ⁴)	7	0	7
	Tổng số	16	16	32

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

31. Thống kê, phân loại giảng viên

31.1. Thống kê, phân loại giảng viên của đơn vị

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

⁴Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ⁵ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	02				02	
2	Phó Giáo sư	22	15		01	06	
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	31	17	06	01	07	
5	Thạc sĩ	13	02	09		02	
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	68	36	15	02	17	0

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 51 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 87,9%

31.2. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu của CTĐT

⁵Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ⁶ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	02				02	
2	Phó Giáo sư	9	05		01	03	
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	11	06	02	01	02	
5	Thạc sĩ	04		04			
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	26	11	06	02	7	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) =19..... người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:.....19/26=
73,08%.....

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng

⁶Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với trường đại học, học viện).

32.1. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5	2	0	0	0	2	0	2
2	Phó Giáo sư	3	22	15	0	1	6	0	49,5
3	Tiến sĩ khoa học	3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0
4	Tiến sĩ	2	31	17	6	1	7	0	49,4
5	Thạc sĩ	1	13	2	9	0	2	0	11,4
6	Đại học	0.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0
	Tổng		68	34	15	2	17	0	112,3

32.2. Quy đổi số lượng giảng viên cơ hữu của CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	02				02		2
2	Phó Giáo sư	3,0	9	05		01	03		17,7
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							0
4	Tiến sĩ	2	11	06	02	01	02		17,4
5	Thạc sĩ	1	04		04				4
6	Đại học	0,5							0
	Tổng		26	11	6	2	7	0	41,1

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

33.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu đơn vị theo trình độ, giới tính và độ tuổi

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	16	1,4	11	05		01	10	03	02
3	Tiến sĩ khoa học									

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
4	Tiến sĩ	24	7,0	10	14		14	09	01	
5	Thạc sĩ	11	1,6	06	05	02	06	02	01	
6	Đại học									
	Tổng	51	100	27	24	2	21	21	5	2

33.2 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu CTĐT theo trình độ, giới tính và độ tuổi

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	06	31,6	04	02	0	0	05	0	01
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	9	47,4	04	05	0	03	05	01	
5	Thạc sĩ	04	21,0	01	03	02	01	01		
6	Đại học									
	Tổng	19	100	09	10	02	04	11	01	01

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: ≈ 42tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:78,9%.....

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:21,1%.....

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	9,8%	87,8%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	7,3%	4,9%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	36,6%	7,3%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	39%	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	7,3%	0
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2017-2018		92		64	17,5		05
2018-2019		120		84	16		0
2019-2020		53		45	17		0
2020-2021		69		51	17	22,1	0

2021-2022		116		94	21,25	23,1	01
-----------	--	-----	--	----	-------	------	----

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh	74	70	59	48	49
2. Học viên cao học	116	109	97	49	53
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	199	204	206	175	216
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	05	0	0	0	01
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	2,5%				0,46%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)					
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	02	01	02	0	10
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)					

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
Số lượng (người)	9	13	9	24	23
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	9/34= 26,47%	13/71= 18,31%	9/42= 21,43%	24/57= 42,11%	23/36 = 63,89%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	15	4	5	7	4
2. Học viên tốt nghiệp cao học	14	37	41	19	17
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	49	25	35	31	68
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	49	25	35	31	68
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	49/57= 85,96	25/46= 54,35	35/81= 43,21	31/64= 48,44	68/84= 80,95
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	83,33	85,71	87,5	88,1	94,44
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	16,67	14,29	12,5	11,9	5,56
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.	70	74,29	75	78,57	83,33
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	83,33	82,86	85	85,71	91,67
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%) (sau 12 tháng tốt nghiệp)	16,67	17,14	15	14,29	8,33
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	6-10 triệu đồng	6-10 triệu đồng	6-10 triệu đồng	6-10 triệu đồng	6-10 triệu đồng
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	92,9	92,3	90,9	100	100
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	7,1	7,7	9,1	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0	0	0

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	2	6	3	4	1	32
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	2	2	6	4	2	16
3	Đề tài cấp trường	0,5	4	5	1	4	3	8,5
4	Tổng		8	13	10	12	6	56,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 56,5.

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) được nghiệm thu trong 5 năm gần đây trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 1,01

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	18.100	91,67	333,3
2	2018	20.350	93,3	376,8
3	2019	25.150	95,2	465,7
4	2020	28.000	96,11	518,5
5	2021	25.387	96,57	470,1

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	16	19	11	
Từ 4 đến 6 đề tài	2	4	-	
Trên 6 đề tài	-	1	-	
Tổng số cán bộ tham gia	18	24	11	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số* *	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0				1	2	6
2	Sách giáo trình	1,5	3		3	2	1	13,5
3	Sách tham khảo	1,0	1	1		1	1	4
4	Sách hướng dẫn	0,5	1	1				1
5	Tổng		5	2	3	4	4	24,5

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 24,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,94

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	2	8	3	2
Từ 4 đến 6 cuốn sách	-	2	-	-
Trên 6 cuốn sách	-	-	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	2	10	3	2

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	20	19	26	44	53	243
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	28	21	23	23	27	122
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	-	-	-	-	-	
	Tổng		48	40	49	67	80	365

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 365

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 14,04

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	13	15	-

Từ 6 đến 10 bài báo	5	7	-
Từ 11 đến 15 bài báo	1	3	-
Trên 15 bài báo	1	-	-
Tổng số cán bộ tham gia	20	25	

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	4	8	14	13	11	50
2	Hội thảo trong nước	0,5	3	7	8	5	7	15
3	Hội thảo cấp trường	0,25	-	-	-	-	-	
4	Tổng		7	15	22	18	18	65

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 65

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,5

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	10	14	
Từ 6 đến 10 báo cáo	-	-	
Từ 11 đến 15 báo cáo	2	-	
Trên 15 báo cáo		-	
Tổng số cán bộ tham gia	12	14	

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017-2018	0
2018-2019	- Giải pháp hữu ích, Số: 115790/QĐ-SHTT ngày 23/12/2019, Nguyễn Mạnh Khải, Phạm Thị Thúy
2019-2020	- Độc quyền sáng chế, số 1-2020-00835 ngày 17/02/2020, Nguyễn Mạnh Khải/ Nguyễn Mạnh Khải, Phạm Thị Thúy, Phạm Đức Thắng, Nguyễn Trung Kiên, Ngô Huy Khoa, Lê Hồng Duyên
2020-2021	- Giải pháp hữu ích, Số 5618w/QĐ-SHTT ngày 20/5/2020, Nguyễn Văn Huồng, Nguyễn Văn Hoàng, Tô Văn Thiệp, Nguyễn Mạnh Khải - Độc quyền sáng chế, Số 14139w/QĐ-SHTT, ngày 22/9/2020, Nguyễn Mạnh Khải
2021-2022	- Bằng độc quyền sáng chế số 31676, cấp theo Quyết định số 4305w/QĐ-SHTT ngày 16/3/2022, Nguyễn Văn Lợi - Bằng độc quyền sáng chế số 32469, cấp theo Quyết định số 4487w/QĐ-SHTT ngày 09/6/2022, Nguyễn Văn Lợi - Bằng độc quyền sáng chế- Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 15316w/QĐ-SHTT ngày 29/9/2021, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Mạnh Khải - Bằng độc quyền sáng chế- Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 4537w/QĐ-SHTT ngày 21/03/2022, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Mạnh Khải - Bằng độc quyền sáng chế - Công văn 7670w/SHTT-SC ngày 13/4/2022, Nguyễn Mạnh Khải, Phạm Thị Thúy, Nguyễn Xuân Huân, Nguyễn Thị Hà.

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	53	70	14	
Từ 4 đến 6 đề tài				

Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia				

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017-2018	2018.-2019	2019.-2020	2020-2021	2021-2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	9	13	12	11	10
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	3	5	5	8	6

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 27.440

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 27.440

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 13.610 Nơi học: 7555 Nơi vui chơi giải trí: 710

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 7555

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 6,43

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 110.647

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 5

- Dùng cho người học học tập: 30

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 1:8

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 51 (tính cả đơn vị); 19 (tính cán bộ thực hiện CTĐT)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): $51/58=87,9$ (tính cả đơn vị); $19/26=73,08\%$ (tính cán bộ thực hiện CTĐT)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $15/19=78,95\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): $4/19=21,05\%$

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 216 sinh viên (năm học 2021-2022)

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: $216/19=11,4$ (tính cán bộ cơ hữu thực hiện CTĐT)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): $68/84=80,95\%$ (năm học 2021-2022)

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): $83,33-94,44\%$

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): $5,56-16,67$

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): $82,86-91,67$

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): $8,33-17,14$

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 6-10

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): $90,9-100$

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): $0-7,1$

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,01

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: $0,45$ tỷ/1 cán bộ

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,94

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 14,04

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,5

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 1:8

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 6,43.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy:.....

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền)